BAN DỊCH THUẬT HÁN TẠNG PHÁP ÂM

KINH
KIM QUANG MINH

NGHI THỨC TỤNG NIỆM

(Tái bản lần thứ hai)

Biên dịch và chú thích: Tì-kheo Thích Nguyên Chơn

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Xin hồi hướng tất cả công đức dịch thuật, in ấn lưu thông bộ kinh này cho tất cả hữu tình cùng chung hưởng, cũng nguyện cầu cho đất nước Việt Nam trường tồn, thái bình, an lạc.

Nguyên Chơn

CHỨNG MINH

HÒA THƯỢNG THÍCH MINH THÔNG

Viện chủ Giới Đàn Viện Huệ Nghiêm

MỤC LỤC

Thay lời tựa 7
Kinh Kim quang minh - Nghi thức tụng niệm..... 13
Quyển 1 23
Phẩm 1: Tựa 25
Phẩm 2: Thọ lượng của Như Lai 36
Quyển 2 63
Phẩm 3: Phân biệt ba thân 65
Phẩm 4: Mộng thấy trống vàng phát tâm sám hối 84
Quyển 3 107
Phẩm 5: Diệt trừ nghiệp chướng 109
Quyển 4 139
Phẩm 6: Tịnh địa đà-la-ni 141
Quyển 5 167
Phẩm 7: Bài tán Liên hoa dụ 169
Phẩm 8: Đà-la-ni Kim Thắng 178
Phẩm 9: Giảng lại tính không 184
Phẩm 10: Nương không đạt nguyện 192
Phẩm 11: Tứ thiên vương quán sát trời người 206
Quyển 6 211
Phẩm 12: Tứ thiên vương hộ quốc 213
Quyển 7 247
Phẩm 13: Đà-la-ni không nhiễm trước 249
Phẩm 14: Như ý bảo châu 253

Phẩm 15: Thiên nữ Đại Biện Tài (1) 260
Quyển 8 281
Phẩm 15: Thiên nữ Đại Biện Tài (2) 283
Phẩm 16: Thiên nữ Đại Cát Tường 293
Phẩm 17: Thiên nữ Đại Cát Tường tăng trưởng tài vật ... 296
Phẩm 18: Địa thần Kiên Lao 302
Phẩm 19: Đại tướng dạ-xoa Chính Liễu Tri 309
Phẩm 20: Vương pháp chính luận 314
Quyển 9 331
Phẩm21: Thiện Sinh vương 333
Phẩm 22: Chư thiên và dạ-xoa hộ trì 340
Phẩm 23: Thọ kí 357
Phẩm 24: Trừ bệnh 361
Phẩm 25: Trưởng giả tử Lưu Thủy..... 372
Quyển 10 385
Phẩm 26: Xả thân 387
Phẩm 27: Bồ-tát mười phương ca ngợi 416
Phẩm 28: Bồ-tát Diệu Tràng ca ngợi 419
Phẩm 29: Thần cây bồ-đề ca ngợi 422
Phẩm 30: Thiên nữ Đại Biện Tài ca ngợi..... 425
Phẩm 31: Phó chúc..... 427
Phụ lục..... 445
Chú thích (endnotes) 462

Thay lời tựa

Kính lễ Đức Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni!

Kính lễ các vị Đại Bồ-tát, các Hiền thánh tăng trong mười phương!

Kính lễ các vị Thiện tri thức!

Đối với yếu chỉ trong kinh điển Đại thừa, thật không có chỗ cho con mở miệng hay đặt bút, bởi kinh nói như thế mà ý chẳng phải thế, lời như vậy mà nghĩa chẳng phải như vậy, chỉ có thể dùng tám chữ *chẳng thể nghĩ suy, chẳng thể luận bàn* để tỏ bày và cúi đầu đảnh lễ, tuân phụng hành trì mà thôi! Nhưng muốn cho người đọc nhận biết đúng nghĩa kinh, ý Phật nên con mượn ngôn từ chư Tổ để thay cho lời TỰA.

Trong bộ *Kim quang minh huyền nghĩa*, đại sư Thiên Thai Trí Giả[1] ghi:

"Kinh Kim quang minh sâu xa vô lượng, hư không còn chẳng cao rộng bằng, thì dùng trọng lượng của Tu-di và số lượng giọt nước biển lớn có thể sánh biết giới hạn sao? Như ánh sáng mặt trời chói rực, trẻ con không thể nhìn vào; đài cao trên thuyền lớn, người mẹ vừa sinh con đâu đủ sức đảm

1. **Thiên Thai Trí Giả** (538-597): Khai tổ tông Thiên Thai (có thuyết nói là tổ thứ ba), người ở Hoa Dung, Kinh Châu, Trung Quốc, họ Trần, tự Đức An, tăng tục tôn xưng là Trí Giả Đại Sư, Thiên Thai Đại Sư.

đương. Hành xứ[1] của chư Phật thanh tịnh hơn cả hạnh tu của Bồ-tát, thì tâm khẩu của Nhị thừa đâu thể nào nghĩ suy, diễn đạt! Còn hàng phàm phu, nếu muốn nói thì sẽ làm tổn thương chân tính; muốn im lặng thì phạm sai lầm. Nói hay im lặng đều không thể. Vì muốn dùng lời để diễn đạt cũng không được, muốn dùng im lặng để tỏ bày cũng không được, cho nên trong kinh Đại Niết-bàn, Phạm chí nói: 'Vì không thể nội quán cho nên chứng Bồ-đề, vì không thể ngoại quán cho nên chứng Bồ-đề, vì chẳng thể nội ngoại quán cho nên chứng Bồ-đề'. Kinh cho rằng đối với bồ-đề thì chẳng thể dùng tâm suy nghĩ, dùng lời luận bàn. Lại nói: 'Sinh mà sinh chẳng thể nghĩ bàn, sinh mà bất sinh chẳng thể nghĩ bàn, bất sinh mà sinh chẳng thể nghĩ bàn, bất sinh mà bất sinh chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vì có nhân duyên, nên cũng có thể nghĩ bàn'.

Nay kinh này lấy Kim (vàng) làm tên gọi, thì tên gọi đứng đầu trong các kinh; lấy pháp tính làm thể, thì sở nhập của Phật trang nghiêm; lấy công đức sâu mầu của Bồ-tát làm tông; lấy việc chiếu soi chư thiên khiến sinh tâm hoan hỉ làm dụng; đã gọi là Kinh vương, thì giáo gồm thâu các kinh khác. Có thể biết, kinh này lấy vật báu làm tên, lấy quả cùng tột làm thể, lấy công đức sâu xa làm tông, lấy đại làm dụng, lấy vương làm giáo, từ thể Bất nhị mà chia bốn phần. Kinh này được Phật Thế Tôn bảo vệ, chư Phật trong mười phương ba đời cũng thế; tất cả các Bồ-tát khắp nơi kính lễ, thọ thần thiện nữ tuôn lệ mà tán dương; chư thiên dùng uy trời che chở, địa kì dùng chất màu mỡ để tưới nhuần; lại thêm Đại Biện giúp cho tài

1. **Hành xứ:** Đối tượng của quán tâm, ở đây chỉ cho tất cả các cảnh giới mà trí tuệ Phật chiếu soi.

biện, Công Đức ban cho tài bảo, khiến các cõi hết khô cằn, ba đường tiêu nóng bức.

Tóm lại, tất cả những việc xưa nay chưa từng xuất hiện ở thế gian, thì nay đã xuất hiện. Vì thế người giảng nói kinh này, Kim Long tôn chủ ba đời ca ngợi, Địa thần phát nguyện hộ trì. Thánh chúa đã như thế, huống gì thứ dân mà muốn bỏ đạo này sao? Thật muốn nương vào nghĩa này để luận thuật ý kinh, mong vài giọt sương rơi vào biển cả, đồng thành vị mặn; tất cả chim chóc trở về rừng sâu, đều biến một sắc màu".

Lại nữa, Từ Giác Đại Sư[1] luận về kinh này như sau:

"Linh tâm bặt đối đãi, dứt sạch muôn vật mà độc tồn; diệu hạnh khó nghĩ bàn, luôn tùy duyên mà hiện khắp. Đó chính là: chân như pháp tính chẳng dính mảy trần, trong sự tướng môn không bỏ một pháp. Cho nên, Như Lai xuất thế thuyết kinh Kim quang minh, dạy nương tâm thanh tịnh để lập hạnh giải thoát. Ngài bày ra kinh điển xuất trần, muốn vĩnh viễn quét sạch mê tình; chỉ cho kho tàng bảo vương, mong chóng thành tựu trọn vẹn đại dụng.

Phàm định Bồ-tát Tín Tướng làm người khởi giáo, tức nêu Bồ-tát chẳng kẹt nơi hạnh Không; nơi Kiên Lao địa thần có bài tụng Tán không, thì hiển pháp thân chẳng thể cầu nơi hữu tướng. Tính tướng dung thông, hữu vô đồng lập, đó là yếu nghĩa của kinh này vậy. Đến như nói về bản nguyên pháp tính chư Phật, là để định nguồn thọ lượng của Như Lai; ánh

1. **Từ Giác Đại Sư:** Hành giả Thiền Tịnh song tu, sống vào đời Tống, Trung Quốc, họ Tôn, người Tương Dương (Hồ Bắc). Thuở nhỏ, sư theo Nho nghiệp, bác thông kinh sử. Đến năm 29 tuổi, sư đến chùa Trường Lô, Chân Châu (Nghi Chân, Giang Tô) lễ ngài Viên Thông Pháp Tú cầu xuất gia và thụ giới cụ túc. Sư có các tác phẩm: *Thiền xã thanh quy, Vi Giang tập, Toạ thiền châm, Niệm Phật tham thiền cầu tông chỉ thuyết, Liên hoa thắng hội lục văn, Niệm Phật hồi hướng phát nguyện văn.*

sáng chiếu khắp tam thiên, tức phát dương môn Nhất thiết trí; trống vàng xuất âm, là hiển thị vô biên diệu dụng; đây chính là gốc khởi hạnh của Bồ-tát.

Sám trừ tội chướng vốn là pháp môn như mộng, ca ngợi Như Lai là nêu diệu quả tu hành. Ma-ha Tát-đỏa thí thân cho hổ đói, thật là khéo xả khéo tu; trưởng giả Lưu Thủy cứu đàn cá, thật có chung có thỉ, đây tức là hạnh nương chân tính của Bồ-tát vậy. Thí như mặt trăng treo trên hư không, bóng trăng chìm trong vô số dòng nước; vàng ròng tạo thành vật dụng, thể chỉ một mà tướng trạng có muôn nghìn. Thật là chủ bạn[1] viên dung, nhất đa[2] tự tại. Nếu có thể nơi một pháp mà thụ nhận tất cả pháp, thì mới tin bí tạng của Như Lai thật là xe báu cho ba cõi, là môn trang nghiêm tính hải[3], là nền tảng hướng đến Giác vương[4]. Vì thế mười nghìn vị trời nghe kinh này, liền đốn chứng Bồ-đề; chúng sinh nào thể nhập đều đồng được một vị cam lộ. Thế thì, thấy nghe tùy hỉ, đọc tụng, thụ trì, nơi một niệm thấu suốt được pháp môn Vô thượng, mà cho là duyên nhỏ sao? Kính xin pháp lữ tư duy kĩ ý Phật".

Trong bộ *Kim quang minh kinh sớ*, ngài Cát Tạng cũng đã nói:

---

1. **Chủ bạn:** Gọi đủ là Chủ bạn viên minh cụ đức môn, một trong mười Huyền môn của giáo nghĩa Hoa nghiêm. Tức nói về hiện tượng duyên khởi, khi nêu một hiện tượng làm chủ thì tất cả các hiện tượng khác là bạn tập họp nơi chủ; làm chủ bạn lẫn nhau, tròn sáng đầy đủ các tính đức.
2. **Nhất đa:** Gọi đủ Nhất đa tương dung bất đồng môn, một trong mười Huyền môn của giáo nghĩa Hoa nghiêm. Tức tất cả hiện tượng duyên khởi, trong nhất có đa, trong đa có nhất; đa nhất sai biệt mà dung nhập nhau.
3. **Tính hải:** Biển tính, tức chân như thể tính rộng sâu như biển; cũng chính là cảnh giới Pháp thân Như Lai.
4. **Giác vương:** Đức hiệu của Phật. Ở đây chỉ cho Niết-bàn Phật.

"Pháp thân rỗng lặng mà thọ mạng có ngắn dài, bậc Chí nhân bặt nghĩ suy nhưng có cảm liền ứng. Bởi đấng Đại Giác lập phương tiện tùy cơ duyên thuyết pháp, nên có việc bốn Phật hiện nơi thất, luận yếu chỉ thường trụ, Bồ-tát cảm mộng lành chỉ bày pháp sám hối. Nhân chỉ có hai thiện mà tổng gom muôn hạnh, quả đạt đến bồ-đề mà thọ lượng sánh hư không. Vì thế hàng Bồ-tát Thập địa tu theo lí này, bốn vị thiên vương đồng ca ngợi và bảo vệ. Lại nữa, y kinh giảng thuyết chướng nạn tiêu trừ, nương pháp nguyện cầu phúc lạc tùy tâm. Cho nên kinh này lấy chính pháp trung đạo làm thể, ba điểm[1]-bốn đức[2] làm tông vậy.

Nếu phiên đầy đủ theo âm tiếng Phạn, thì tên bộ kinh này là Phật-đà bàn-già tu-bạt-na-bà-la-bà-tu tu-đa-la. Trong đó, Phật-đà, Trung quốc dịch là Giác, bàn-già là thuyết, tu-bạt-na-bà-la-bà-tu là Kim quang minh, tu-đa-la gồm năm nghĩa, nhưng ở đây chọn lấy nghĩa Kinh. Kinh nghĩa là pháp, là thường, là do; vì thế nên gọi là kinh Giác thuyết kim quang minh, hay kinh Kim quang minh.

Kinh này xếp vào tạng Đại thừa Bồ-tát, thuộc về Đốn giáo. Nếu nói đến chỗ cùng tột, thì kinh này trình bày ba loại ba pháp: 1, ba thân quả Phật; 2, ba đức niết-bàn; 3, ba loại Phật tính. Trong đó thể của vàng (Kim) là chân thật dụ cho Pháp thân, dụng của ánh sáng (quang) là chiếu soi dụ cho Ứng thân, sự sáng (minh) làm lợi ích cùng khắp dụ cho Hóa thân.

Bốn đặc tính từ thể của vàng (Kim) dụ cho bốn đức của Pháp thân: 1, màu sắc không biến đổi tức là thường; 2, không

---

1. **Ba điểm**: Ba điểm của chữ Y tất-đàm dụ cho ba đức của Niết-bàn: Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát.
2. **Bốn đức**: Tức bốn đặc tính của Pháp thân: Thường, lạc, ngã, tịnh.

nhiễm ô tức là tịnh; 3, tùy ý chuyển đổi, tạo các vật dụng một cách vô ngại tức là ngã; 4, làm cho người trở nên giàu có tức là lạc. Hai đặc tính của ánh sáng (quang) là năng chiếu và năng trừ dụ cho bát-nhã; hai đặc tính của sự sáng (minh) là không tối tăm và rộng xa dụ cho giải thoát, không còn các nỗi lo sợ.

Thể của vàng (Kim) vốn có dụ cho Chính nhân trước khi ngộ đạo; dụng ánh sáng (quang) mới có dụ cho Liễu nhân trong lúc chứng đạo; sáng (minh) thì không tối dụ cho cực quả sau khi chứng đạo.

Vì dùng ba đặc tính của vàng dụ cho ba loại ba pháp, nên gọi là Kim quang minh".

Trên đây là ba đoạn Huyền nghĩa của ba Đại sư đại biểu cho ba tông: Thiên Thai, Thiền Tịnh, Tam Luận, nội dung bàn về chỗ cùng tột của kinh *Kim quang minh*. Kinh xin các hành giả để tâm xem đọc.

Mùa An cư năm Kỉ Sửu
Nguyên Chơn kính thuật

KINH KIM QUANG MINH

NGHI THỨC TỤNG NIỆM

(Tắm gội và thay y phục sạch sẽ, đến trước Tam bảo, đứng trang nghiêm chắp tay, lắng lòng, mắt chiêm ngưỡng oai dung Thế Tôn và thầm niệm hai câu chơn ngôn)

Chơn ngôn thanh tịnh pháp giới: *Án lam tóa ha (7 lần)*

Chơn ngôn thanh tịnh ba nghiệp*: Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám (3 lần)*

(Chủ lễ quì xuống cầm ba nén nhang và niệm lớn)

Hương trầm xông thơm ngát

Kết thành áng mây lành

Đệ tử với lòng thành

Cúng dường Phật, Pháp, Tăng

Tín nguyện lòng kiên cố

Niệm Phật mãi tinh cần
Chính trợ nghiệp song hành
Bốn tu, ba phúc trọn
Hiện đời không bệnh khổ
Lâm chung chính niệm an
Tam Thánh thương đến rước
Tây phương cảnh hiện tiền

Nam-mô Hương Cúng Dường Bồ-tát (3 lần)

Đệ tử chúng con hôm nay quỳ trước các Đức Phật Thế Tôn, chí thành dâng hương kính bày tâm nguyện. Từ nhiều kiếp lâu xa, chúng con mãi trôi lăn trong các đường dữ, bao lần đánh mất thân người. May thay kiếp này mới gặp lại, được nghe chính pháp, được biết năng lực mầu nhiệm của kinh Kim quang minh, chúng con nhóm họp nơi đây lập đàn, y pháp trì tụng.

Chúng con một lòng khẩn thỉnh Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, các Đại Bồ-tát, các Hiền thánh tăng và các vị thiện thần trong hội Kim quang minh rủ lòng xót thương phóng ánh

sáng lành, hoặc âm thầm gia hộ, khiến cho quốc gia thái bình, nhân dân an lạc, mùa màng bội thu, không còn thiên tai dịch bệnh, địch hoạ chiến tranh, người người chí thành kính tin Tam bảo, gắng sức tu trì, ngõ hầu hiện tại bình an, mai sau con và tất cả chúng sinh đồng được sinh về cõi An Dưỡng.

Nam-mô Chứng Minh Sư Bồ-tát ma-ha-tát (3 lần)

(Đứng dậy cắm nhang vào lư rồi đọc bài tán Phật và xướng lễ)

TÁN DƯƠNG PHẬT

Sắc thân Như Lai đẹp
Trong đời không ai bằng
Không sánh, chẳng nghĩ bàn
Nên nay con đảnh lễ
Sắc thân Phật vô tận
Trí tuệ Ngài cũng thế
Tất cả pháp thường trú
Cho nên con về nương

Sức đại trí, đại nguyện
Độ tất cả quần sinh
Khiến bỏ thân nóng khổ
Sinh cõi Tịnh mát vui
Con nay sạch ba nghiệp
Quay về và đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ: Chư Phật, Tôn pháp, Hiền thánh tăng thường trụ khắp cõi hư không trong mười phương ba đời.

- Nhất tâm đảnh lễ: Đức Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni giáo chủ cõi Ta-bà, Đức Phật Di-lặc giáo chủ hội Long Hoa, Bồ-tát Đại Trí Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Đại Hạnh Phổ Hiền, các vị Bồ-tát hộ pháp và tất cả các Đức Phật, Bồ-tát trong hội Linh Sơn.

- Nhất tâm đảnh lễ: Đức Phật A-di-đà giáo chủ cõi Cực Lạc ở phương tây, Bồ-tát Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Hùng Đại Lực Đại Thế Chí, Bồ-tát Đại Nguyện Địa Tạng Vương cùng chư Phật, Bồ-tát trong hải hội Liên Trì.

(Đảnh lễ xong, đại chúng đồng quì, xướng tụng bài văn sám hối)

Chí tâm sám hối

Đệ tử chúng con và chúng sinh trong pháp giới, từ đời vô thỉ cho đến ngày nay bị vô minh che đậy, nên điên đảo mê lầm; lại do sáu căn, ba nghiệp quen theo pháp chẳng lành, phạm hết mười điều dữ, cùng năm tội Vô gián và tất cả những tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các Đức Phật thường trụ nơi đời, pháp âm không dứt, hương mầu đầy lấp, pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch trong chiếu soi tất cả, lí nhiệm mầu thường trụ khắp cõi hư không.

Thế mà chúng con từ bao kiếp đến nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay chẳng biết. Vì nhân duyên đó, trôi mãi trong dòng sinh tử, trải qua các đường ác trăm nghìn kiếp, không có lúc nào ra khỏi.

Kinh ghi rằng: "Phật Tì-lô-giá-na Biến Nhất Thiết Xứ trụ cõi Thường Tịch Quang".

Cho nên biết, tất cả pháp đều là Phật pháp mà con không hiểu lại trôi theo dòng vô minh. Vì thế, trong trí Bồ-đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sinh lòng ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ, nay mới sửa đổi ăn năn, thành kính đối diện Thế Tôn mà tỏ bày sám hối, khiến cho tất cả những tội nặng do ba nghiệp, sáu căn của chúng con và chúng sinh gây tạo từ quá khứ, hoặc hiện tại, hay vị lai, hoặc do chính mình gây tạo, hoặc bảo người gây tạo, hay là thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu hoặc chẳng che giấu, thảy đều rốt ráo thanh tịnh.

Chúng con sám hối rồi, sáu căn ba nghiệp hoàn toàn trong sạch, không mảy may lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh. Tất cả đều hồi hướng để trang nghiêm cõi Tịnh, cùng chúng sinh đồng sinh nước An Dưỡng.

Nguyện Đức A-di-đà Phật thường đến hộ trì, khiến cho căn lành chúng con hiện tiền

tăng trưởng, chẳng mất nhân lành Tịnh độ. Đến giờ lâm chung thân an niệm chính, xem nghe rõ ràng, tận mắt thấy Đức A-di-đà Phật và các Thánh chúng tay cầm đài sen tiếp dẫn đệ tử, trong khoảng nháy mắt sinh đến trước Phật, đủ đạo hạnh Bồ-tát, độ tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Chúng đệ tử sám hối phát nguyện rồi, xin chí thành đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ: Tây phương Cực Lạc thế giới Đại từ Đại bi A-di-đà Như Lai, biến pháp giới Tam bảo. *(Đứng dậy lạy 3 lạy; lạy xong, đồng ngồi, khai chuông mõ tụng kinh*)

TÁN HƯƠNG

Hương trầm quyện tỏa lư vàng
Xông cùng pháp giới đạo tràng gần xa
Kết thành mây báu sáng lòa
Kính dâng hương nguyện thiết tha chí thành
Chư Phật thấu biết lòng lành
Pháp thân ứng hiện rõ rành chứng minh

Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát ma-ha-tát (3 lần)

THẦN CHÚ ĐẠI BI

Nam-mô Đại bi hội thượng Phật, Bồ-tát (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni. Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô kiết đế thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. An tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông, a rị da bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì, hê rị ma ha bàn đà sa mế. Tát bà a tha đậu thâu bằng a thệ dựng, tát ba tát đa, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát điệt tha. Án a bà lô hê lô ca đế, ca ra đế, di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đà dựng. Câu lô câu lô kiết mông. Độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha phạt xa da đế. Đà ra đà ra địa ri ni, thất phật ra da. Giá ra giá ra. Mạ

mạ phạt ma ra, mục đế lệ. Y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm. Phật ra xá da. Hô lô hô lô, ma ra hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô. Bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cẩn trì địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha, Ma ha tất đà dạ ta bà ha, Tất đà du nghệ thất bàn ra da, ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha. Tất ra tăng a mục khư da ta bà ha, ta bà ma ha, a tất đà dạ ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng kiết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ ta bà ha.

Án tất điện đô mạn đa ra bạt đà dạ, ta bà ha.

Kính lạy Tam Giới Tôn

Nương tựa mười phương Phật

Con nay phát nguyện lớn

Trì kinh *Kim quang minh*
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu giúp ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ-đề
Hết một báo thân này
Sinh về cõi An Lạc

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (3 lần)

KỆ KHAI KINH

Pháp Phật cao vời, lại thẳm sâu
Trăm nghìn vạn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy xin trì tụng
Nguyện thấu Như Lai nghĩa nhiệm mầu

Nam-mô Linh Sơn Kim quang minh hội thượng Phật Bồ-tát (3 lần)

KINH KIM QUANG MINH

Hán dịch: Đời Đường, Trung Quốc, Tam tạng sa-môn Nghĩa Tịnh
Việt dịch: Tì-kheo Thích Nguyên Chơn

Quyển 1

PHẨM 1
TỰA

Đúng thật như thế, chính tôi được nghe: Một thời Đức Phật trú tại Linh Thứu[1], nơi thành Vương Xá[2]. Ngài nhập pháp giới[3] thanh tịnh sâu xa, là cảnh giới Phật cũng là trụ xứ của các Như Lai[4].

Bấy giờ trong hội có chín mươi tám nghìn đại bí-sô[5], tất cả đều là bậc A-la-hán[6], tâm đã điều phục như voi thuần tính, các lậu[7] đã hết, không còn phiền não, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, công việc đã trọn, buông bỏ gánh nặng, lợi mình đã xong, không còn kết sử[8], an lạc tự tại, trụ nơi tịnh giới, có phương tiện khéo, trí tuệ trang nghiêm, chứng tám giải thoát[9], đã đến bờ kia. Trong đó có các cụ thụ[10] A-nhã Kiều-trần-như[11], A-thuyết-thị-đa, Bà-thấp-ba, Ma-ha-na-ma, Bà-đế-lợi-ca, Đại Ca-diếp-ba[12], Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp[13],

Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Xá-lợi-phất[14], Mục-kiền-liên[15]..., chỉ còn A-nan[16] ở vị Hữu học[17]. Vào khoảng xế chiều, các Đại Thanh văn[18] đồng thời xuất định, đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Có trăm nghìn vạn ức Đại Bồ-tát[19], oai đức cực lớn như loài vua rồng, nổi tiếng khắp nơi, người đều quen biết, luôn thích thực hành thí giới[20] thanh tịnh, siêng tu hạnh nhẫn trải vô lượng kiếp, vượt các thiền định[21], chính niệm hiện tiền, mở cửa trí tuệ thực hành phương tiện, tự tại vận dụng thần thông vi diệu, đạt được tổng trì[22], luận biện thông suốt, đoạn dứt phiền não, vắng bặt nhiễm ô. Không bao lâu nữa, các vị này sẽ thành tựu trọn vẹn Nhất thiết chủng trí[23], hàng phục ma quân[24], gióng trống Đại pháp, chế ngự ngoại đạo, khiến cho tất cả phát tâm thanh tịnh. Các Đại Bồ-tát chuyển bánh xe pháp độ cả trời người, khiến các cõi Phật trong khắp mười phương thanh tịnh trang nghiêm, chúng sinh sáu đường[25] đều được lợi ích. Các Đại Bồ-tát thành tựu đại

trí[26], trọn vẹn đại nhẫn[27], an trụ nơi tâm đại từ đại bi, thành tựu trọn vẹn sức đại kiên cố, phụng sự vô lượng các đức Như Lai mà không Niết-bàn[28]. Các Đại Bồ-tát phát thệ nguyện lớn: 'Đến tận vị lai trồng sâu tịnh nhân nơi các Đức Phật, từ pháp ba đời ngộ Vô sinh nhẫn[29], vượt trên trình độ tu tập Nhị thừa[30]. Các Đại Bồ-tát dùng phương tiện khéo dẫn dắt thế gian, có thể diễn giảng pháp môn bí mật của đấng Đạo sư, thấu suốt pháp tính vô cùng sâu xa, không mảy nghi ngờ. Trong số đó có các Đại Bồ-tát: Vô Chướng Ngại Chuyển Pháp Luân, Thường Phát Tâm Chuyển Pháp Luân, Thường Tinh tiến, Bất Hưu Tức, Từ Thị, Diệu Cát Tường, Quán Tự Tại, Tổng Trì Tự Tại Vương, Đại Biện Trang Nghiêm Vương, Diệu Cao Sơn Vương, Đại Hải Thâm Vương, Bảo Tràng, Đại Bảo Tràng, Địa Tạng, Hư Không Tạng, Bảo Thủ Tự Tại, Kim Cang Thủ, Hoan Hỉ Lực, Đại Pháp Lực, Đại Trang Nghiêm Quang, Đại Kim Quang Trang Nghiêm, Tịnh Giới, Thường Định, Cực Thanh Tịnh Tuệ, Kiên Cố Tinh tiến, Tâm Như Hư Không, Bất Đoạn Đại

Nguyện, Thí Dược, Liệu Chư Phiền Não Bệnh, Y Vương, Hoan Hỉ Cao Vương, Đắc Danh Xưng Hỉ Lạc, Đại Vân Hiện Vô Biên Xưng, Đại Vân Sư Tử Hống, Đại Vân Ngưu Vương Hống, Đại Vân Cát Tường, Đại Vân Bảo Đức, Đại Vân Nhật Tạng, Đại Vân Nguyệt Tạng, Đại Vân Tinh Quang, Đại Vân Hỏa Quang, Đại Vân Điển Quang, Đại Vân Lôi Âm, Đại Vân Tuệ Vũ Sung Biến, Đại Vân Thanh Tịnh Vũ Vương, Đại Vân Hoa Thụ Vũ Vương, Đại Vân Thanh Liên Hoa Hương, Đại Vân Bảo Chiên-đàn Hương Thanh Lương Thân, Đại Vân Trừ Ám, Đại Vân Phá Ế. Vào khoảng xế chiều, vô lượng Bồ-tát như thế xuất định, đến trụ xứ Phật đảnh lễ chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Lại có năm ức tám nghìn đồng tử[31] dòng Lê-xa-tì[32]. Trong đó có các đồng tử bậc nhất: Sư Tử Quang, Sư Tử Tuệ, Pháp Thụ, Nhân-đà-la, Đại Quang, Đại Mãnh, Phật Hộ, Pháp Hộ, Tăng Hộ, Kim Cang Hộ, Hư Không Hộ, Hư Không Hống, Bảo Tạng, Cát Tường Diệu Tạng. Tất cả đều trụ Vô thượng bồ-đề[33], vui vẻ tin sâu pháp môn Đại thừa[34]. Vào khoảng

xế chiều, các đồng tử này đều đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Lại có bốn vạn hai nghìn vị trời với những vị trời xuất sắc bậc nhất, luôn luôn phát nguyện hộ trì Đại thừa, nối tiếp phát triển tuyên dương chính pháp, không để gián đoạn. Đó là: Thiện Kiến, Hỉ Duyệt, Nhật Quang, Nguyệt Kế, Minh Tuệ, Hư Không Tịnh Tuệ, Trừ Phiền Não, Cát Tường. Vào khoảng xế chiều, các vị trời này đều đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Lại có hai vạn tám nghìn long vương[35]. Trong đó có các long vương bậc nhất: Liên Hoa, Y-la-diệp, Đại Lực, Đại Hống, Tiểu Ba, Trì Khoái Thủy, Kim Diện, Như Ý. Các long vương này có lòng tin sâu và luôn ưa thích thụ trì khen ngợi, bảo vệ Đại thừa; vào khoảng xế chiều, tất cả đều đến trụ xứ của Phật, đảnh lễ chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Lại có ba vạn sáu nghìn Dược-xoa[36], đứng đầu là Tì-sa-môn thiên vương. Trong đó có vị: Yêm-bà dược-xoa, Trì Yêm-bà, Liên Hoa Quang Tạng, Liên Hoa Diện, Tần Mi, Hiện Đại Bố, Động Địa, Thôn Thực. Các vị này đều ưa thích chính pháp của đức Như Lai, một lòng bảo vệ, chưa từng biếng trễ; vào khoảng xế chiều, tất cả đều đến trụ xứ của Phật, đảnh lễ chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Bốn vạn chín nghìn Yết-lộ-trà[37] vương, đứng đầu là Hương Tượng Thế Lực vương; các càn-thát-bà[38], thần a-tu-la[39], thần khẩn-na-la[40], ma-hô-lạc-già[41], thần tiên ở các núi rừng sông biển, vua các nước lớn cùng với hoàng hậu, hoàng phi của họ và chúng trời người đều nguyện ủng hộ, đọc tụng thụ trì, biên chép truyền bá giáo pháp Đại thừa; vào khoảng xế chiều, tất cả đều đến trụ xứ của Phật, đảnh lễ nơi chân Ngài, nhiễu ba vòng rồi ngồi sang một bên.

Vào lúc xế chiều, các vị thanh văn, các Đại Bồ-tát, tám bộ[42] trời, người… nhóm họp đầy đủ, Đức Phật xuất định quan sát đại chúng rồi thuyết kệ rằng:

Pháp mầu Kim quang minh
Tối thắng, vua các kinh
Sâu xa rất khó gặp
Là cảnh giới Như Lai
Ta sẽ vì tất cả
Giảng nói rõ kinh này.
Bốn Phật trụ bốn phương
Phương đông Phật A-súc
Phật Thật Tướng phương nam
Phương tây Vô Lượng Thọ
Thiên Cổ Âm phương bắc
Dùng oai thần gia hộ.
Ta cũng sẽ nói pháp
Sám Cát tường thù thắng
Diệt được tất cả tội
Dứt sạch các nghiệp chướng

Tiêu trừ những nạn khổ
Ban phát nhiều niềm vui
Căn bản Nhất thiết trí
Các công đức trang nghiêm.
Những người thân khiếm khuyết
Tuổi thọ sắp tổn giảm
Tướng xấu đã hiện ra
Thiên thần đều xa lánh
Bạn bè sinh sân hận
Quyến thuộc thảy phân li
Đây kia đều trái nghịch
Của cải tiêu tan hết
Sao xấu hiện bất tường
Hoặc bị trùng độc xâm
Hoặc lòng nhiều lo buồn
Khổ đau lại bức bách
Nằm ngủ thấy ác mộng
Do vậy phiền não sinh.
Những người này cần phải
Tắm gội thay y phục

Tâm chuyên nhất, không loạn
Đọc tụng, nghe, thụ trì
Kinh vương thật sâu mầu
Mà Phật đã khen ngợi.
Do oai lực của kinh
Tránh khỏi được tai ách
Và các khổ nạn khác
Tất cả đều không còn.
Tứ thiên vương[43] hộ thế
Cùng đại thần quyến thuộc
Vô lượng các dược-xoa
Đều một lòng bảo vệ.
Thiên nữ Đại Biện Tài
Thần sông Ni-liên-thiền[44]
Thần Ha-lợi-để mẫu[45]
Cùng địa thần Kiên Lao[46]
Phạm vương[47], Đế Thích[48] chủ
Long vương, khẩn-na-la
Các vua kim sí điểu
Thiên chúng a-tu-la

Đều dẫn quyến thuộc mình
Đến bảo vệ người ấy
Ngày đêm luôn không rời.
Ta thuyết kinh mầu này
Là hành xứ của Phật
Giáo bí mật Như Lai
Nghìn vạn kiếp khó gặp.
Nếu ai nghe kinh này
Diễn nói cho người khác
Hoặc lòng sinh vui mừng
Sắm lễ vật cúng dường
Thì những người như thế
Thường trong vô lượng kiếp
Được tất cả trời người
Cùng long thần cung kính
Phúc ấy nhiều vô lượng
Hơn số cát sông Hằng.
Người đọc tụng kinh này
Được công đức như thế
Cũng được Phật mười phương

Các Bồ-tát bậc nhất
Giúp đỡ và bảo vệ
Tránh được các nạn khổ.
Người cúng dường kinh này
Tắm rửa thay y phục
Hằng khởi lòng từ bi
Dâng hương hoa, ẩm thực.
Nếu muốn nghe kinh này
Tâm phải thật thanh tịnh
Lòng phải luôn vui vẻ
Thì công đức tăng trưởng.
Người với tâm tôn trọng
Lắng nghe kinh mầu này
Nếu sinh về cõi người
Xa lìa các khổ nạn.
Người căn lành thuần thục
Được chư Phật ngợi khen
Mới được nghe kinh này
Và pháp sám Cát tường.

PHẨM 2
THỌ LƯỢNG CỦA NHƯ LAI

Ở thành Vương Xá có Đại Bồ-tát tên là Diệu Tràng đã từng phụng sự, cung kính cúng dường, trồng các cội lành từ nơi vô lượng câu-chi[49] do-tha[50] trăm nghìn Đức Phật. Bồ-tát an trú một mình nơi vắng và suy nghĩ rằng: "Vì sao thọ mạng của đức Thích-ca ngắn ngủi như thế, chỉ tám mươi năm? Ngài đã nói rằng: có hai nguyên nhân mà được trường thọ là không sát sinh và thường bố thí thức ăn thức uống, mà đức Thích-ca từ trong vô lượng trăm nghìn vạn ức vô số đại kiếp[51] ở đời quá khứ không hại sinh mạng, thực hành mười thiện[52], ban phát thức ăn thức uống cho các chúng sinh đói khát. Thậm chí ban cho chúng sinh máu thịt, xương tủy của mình, mong họ no đủ".

Khi Bồ-tát nghĩ về Phật như thế, nhờ oai lực Phật, ngôi thất bỗng nhiên rộng rãi thoáng mát, sạch sẽ trang nghiêm; lưu li Đế thanh[53], các báu vật khác, tơ lụa nhiều màu trang hoàng rực rỡ, giống như Tịnh độ của các Đức Phật. Lại có hương thơm tuyệt diệu hơn cả hương thơm cõi trời lan tỏa khắp thất. Bốn phía đều có tòa sư tử[54] quí do bốn vật báu kết hợp tạo thành, lại được phủ bằng vải báu thanh tịnh, có hoa sen đẹp, trân bảo trang trí, tương xứng với thân Đức Phật Như Lai tự nhiên xuất hiện. Trên hoa sen có bốn Đức Phật là Bất Động Như Lai ngự ở phương đông, Bảo Tướng Như Lai ngự tại phương nam, Vô Lượng Thọ Phật ngự ở phương tây, Thiên Cổ Âm Phật ngự ở phương bắc. Bốn đức Như Lai đều ngồi kết-già trên tòa của mình, phóng luồng ánh sáng rực rỡ chiếu soi khắp thành Xá-vệ, đến cả tam thiên đại thiên thế giới[55] và Hằng hà sa cõi Phật mười phương; lại có hoa trời tươi đẹp tuôn khắp, nhạc trời reo vang.

Bấy giờ chúng sinh ở cõi Diêm-phù[56] và cả tam thiên đại thiên thế giới, nhờ oai lực

Phật, nên đều nhận được niềm vui tuyệt diệu, không còn ai phải chịu sự thiếu thốn. Trong đó những ai thiếu khuyết chi phần thì lại đầy đủ, người mù được sáng, người điếc tai thông, người câm nói được, người ngu trí tỏ, người điên tâm an, người thiếu áo quần thì có áo quần, người kém hèn lại được kính trọng, thân thể hôi dơ trở lại sạch sẽ. Những việc lợi ích chưa từng có được ở thế gian này lần lượt xuất hiện đầy đủ không thiếu.

Bồ-tát Diệu Tràng thấy bốn Đức Phật và việc hiếm có, vô cùng vui vẻ chiêm ngưỡng tôn dung tuyệt mĩ của Phật. Bồ-tát lại nghĩ Thích-ca Như Lai vô lượng công đức, không phải nghi ngờ, chỉ vì thọ mạng của Ngài quá ngắn nên lòng nghi rằng: "Tại sao công đức của Phật vô lượng, mà thọ mạng Ngài lại quá ngắn ngủi, chỉ tám mươi năm?".

Bốn đức Như Lai bảo Diệu Tràng rằng: "Hiền giả[57] Diệu Tràng! Ông chẳng nên nghĩ và cho thọ mạng Như Lai ngắn ngủi. Vì sao như thế? Vì chẳng một ai trong cõi trời người,

Phạm thiên-ma vương[58], sa-môn[59], Phạm chí[60], phi nhân[61] vân vân mà tính biết được thọ mạng Như Lai, chỉ trừ bậc Vô Thượng Chính Biến Tri[62]".

Bốn đức Như Lai sắp nói thọ lượng của Phật Thích-ca. Do oai lực Phật, nên các vị trời cõi Dục, cõi Sắc, các vị long vương, thần càn-thát-bà, thần a-tu-la, loài yết-lộ-trà, loài khẩn-na-la, ma-hô-lạc-già, cùng với vô lượng trăm nghìn vạn ức do-tha Bồ-tát đều nhóm họp tại ngôi thất tịnh diệu của ngài Diệu Tràng. Bấy giờ bốn đức Như Lai ở trước đại chúng dùng kệ trình bày thọ lượng của đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai.

Có thể tính biết được
Số giọt nước biển lớn
Nhưng sẽ không thể nào
Biết thọ lượng Thích-ca.
Dù biết số hạt cát
Từ Diệu Cao[63] phân ra
Nhưng không thể tính biết

Thọ lượng của Thích-ca.
Có thể tính biết được
Số hạt bụi đại địa
Nhưng không thể tính biết
Thọ lượng của Thích-ca.
Giả sử lường biết được
Giới hạn của hư không
Nhưng không thể tính biết
Thọ lượng của Thích-ca.
Nếu người sống ức kiếp
Dốc sức hằng tính toán
Cũng không thể biết được
Thọ lượng của Thế Tôn[64]*.*
Do không hại sinh mạng
Và bố thí ẩm thực
Cho nên đức Thích-ca
Được thọ mạng dài lâu.
Do đó khó tính biết
Thọ mạng bậc Đại Giác[65]
Thọ lượng của Như Lai

Như kiếp số vô biên.
Diệu Tràng, ông nên biết!
Chớ khởi tâm nghi hoặc
Như Lai thọ vô lượng
Không ai tính biết được.

Bồ-tát Diệu Tràng nghe bốn Đức Phật nói về thọ lượng của đức Thích-ca, liền bạch Phật rằng: "Như thế tại sao Như Lai thị hiện thọ mạng ngắn ngủi?". Bốn Đức Phật dạy: "Này thiện nam tử[66]! Thích-ca Mâu-ni xuất hiện thế gian vào thời năm trược, thọ mạng con người chỉ được trăm năm, thiên tư kém cỏi, căn lành nhẹ mỏng, không có lòng tin, khởi kiến chấp ngã[67], kiến chấp về nhân[68], kiến chấp chúng sinh[69], kiến chấp thụ giả[70]; nuôi dưỡng tà kiến[71], ngã-ngã sở kiến[72], đoạn kiến[73] thường kiến[74]...Vì muốn giúp cho những chúng sinh này và các ngoại đạo phát sinh chính kiến[75], mau chóng thành tựu Vô thượng bồ-đề, cho nên Thích-ca Như Lai thị hiện thọ mạng ngắn ngủi. Này Thiện nam tử! Nhưng đức Như Lai muốn các chúng sinh thấy Phật niết-bàn, sinh

khởi ý niệm khó được gặp Phật xuất hiện thế gian, ý niệm buồn khổ..., phải chóng thụ trì, đọc tụng thông thạo, giảng nói cho người những kinh giáo mà Như Lai đã dạy, không sinh hủy báng. Vì thế Như Lai thị hiện thọ mạng ngắn ngủi như thế. Còn nếu chúng sinh thấy đức Như Lai không vào niết-bàn, thì chẳng cung kính, chẳng có ý niệm khó gặp được Phật xuất hiện thế gian, không chịu thụ trì, đọc tụng thông thạo, giảng nói cho người nghe những kinh điển Như Lai đã dạy. Vì mãi gặp Phật thì không khởi tâm cung kính tôn trọng.

Này Thiện nam tử! Như có người thấy cha mẹ giàu sang, của cải vô số, thì sẽ không có ý nghĩ khó được số tài sản này, mà xem là thường. Các chúng sinh kia cũng lại như vậy, thấy đức Như Lai không vào niết-bàn, thì sẽ không sinh ý tưởng khó gặp, vì thường thấy vậy! Như có người thấy cha mẹ nghèo khổ, không có tài sản, người ấy đến nhà vương gia quan lớn, thấy những kho tàng chứa đầy trân bảo, liền sinh ý tưởng cho là khó được. Bấy giờ người ấy tìm mọi phương cách, siêng

năng cần mẫn, tìm cầu cho được của cải như thế, hầu thoát đói nghèo, cuộc sống an vui. Các chúng sinh kia cũng lại như vậy, nếu thấy Như Lai vào niết-bàn rồi, sẽ sinh ý tưởng cho là khó gặp, cho đến buồn khổ mà suy nghĩ rằng: "Trải vô lượng kiếp, Như Lai mới hiện ở thế gian này, như hoa ưu-đàm đúng lúc mới hiện". Các chúng sinh kia, đã sinh ý niệm khó gặp Như Lai, nên khi gặp được, tâm liền kính tin, nghe thuyết chính pháp liền cho thật ngữ, thụ trì tất cả mà không hủy báng. Vì nhân duyên ấy, cho nên Thế Tôn không thể trụ lâu, mà chóng niết-bàn. Các đức Như Lai dùng các phương tiện khéo léo như thế để giúp chúng sinh thành tựu bồ-đề".

Bốn Phật nói xong, bỗng nhiên biến mất. Bấy giờ Diệu Tràng cùng với vô lượng trăm nghìn Bồ-tát, vô lượng vạn ức do-tha trăm nghìn chúng sinh tụ tập tại non Linh Thứu, trụ xứ của đức Thích-ca Như Lai, lễ chân Ngài rồi đứng về một phía; Bồ-tát Diệu Tràng trình bày cho Phật biết những việc trên. Lúc ấy bốn đức Như Lai cũng vừa đến ngọn Linh

Thứu, mỗi vị tùy theo phương vị của mình mà ngồi vào tòa. Mỗi vị đều bảo Bồ-tát thị giả: "Các ông hãy đến trước Phật Thích-ca Mâu-ni chuyển lời của ta thăm hỏi: 'Ngài hẳn không bệnh, không có nhọc mệt, đi đứng nhẹ nhàng, thật an lạc chứ?'. Lại nói: 'Quí thay, quí thay! Thích-ca Như Lai! Nay Ngài giảng nói kinh *Kim quang minh*, pháp yếu sâu xa của các Như Lai, để làm lợi ích cho khắp chúng sinh, dứt trừ đói khát, khiến được an lạc. Chúng tôi cũng sẽ tùy hỉ việc này' ".

Các vị Bồ-tát thị giả đến trước Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ chân Ngài, đứng về một phía. Tất cả đồng thưa: "Đấng Thiên Nhân Sư[76]! Thầy của chúng con thăm hỏi Như Lai rất nhiều, hỏi Ngài không bệnh, hẳn không nhọc mệt, đi đứng nhẹ nhàng, được an lạc chứ?". Các Ngài lại nói: "Quí thay, quí thay! Thích-ca Như Lai! Nay Ngài giảng nói kinh *Kim quang minh*, pháp yếu sâu xa của các Như Lai, để làm lợi ích cho khắp chúng sinh, dứt trừ đói khát, khiến họ an lạc". Thích-ca Mâu-ni Ứng Chính Đẳng Giác[77] bảo các Bồ-tát: "Hay thay, hay

thay! Bốn đức Như Lai vì sự lợi ích và niềm an lạc của các chúng sinh mà lại thỉnh ta tuyên dương chính pháp". Thế là Thích-ca Như Lai nói kệ:

Ta thường tại Linh Sơn
Giảng thuyết kinh báu này
Vì thành tựu chúng sinh
Nên thị hiện niết-bàn.
Phàm phu khởi tà kiến
Không tin lời Ta nói
Vì giúp họ thành tựu
Nên thị hiện niết-bàn.

Bấy giờ trong hội có Bà-la-môn[78] họ Kiều-trần-như, tên là Pháp Sư Thụ Kí cùng với vô lượng trăm nghìn Phạm chí, sau khi cúng dường Đức Phật Thế Tôn, nghe Ngài nói rằng sẽ vào niết-bàn, thì đều khóc than. Tất cả đồng lễ chân Phật rồi thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật Như Lai có lòng từ bi, làm điều lợi ích cho mọi chúng sinh, giúp họ an lạc giống như cha mẹ, làm

nơi nương tựa cho cả thế gian, như trăng tròn sáng, dùng đại trí tuệ chiếu soi cùng khắp, như mặt trời mọc, bình đẳng thương yêu tất cả chúng sinh như La-hầu-la[79], thì cúi xin Ngài cho con ước nguyện!

Đức Phật Thế Tôn im lặng chờ đợi. Do oai lực Phật, nên trong chúng hội có một đồng tử thuộc giòng Lê-xa[80], tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến nói với Bà-la-môn Kiều-trần-như:

Đại Bà-la-môn! Ông muốn xin Phật một ước nguyện gì, tôi đây sẽ cho!

Bà-la-môn đáp: Kính thưa nhân giả[81]! Tôi muốn cúng dường Thế Tôn vô thượng và cũng muốn thỉnh một viên xá-lợi[82] chỉ bằng hạt cải của đức Như Lai. Vì sao như thế? Vì tôi từng nghe nếu ai có được xá-lợi Như lai, dù bằng hạt cải, cung kính cúng dường thì sẽ sinh lên cõi trời Đao-lợi[83] làm Đế Thích thiên.

Đồng tử liền nói: Nếu muốn sinh lên cõi Ba Mươi Ba, hưởng phúc báo tốt thì nên lắng nghe kinh *Kim quang minh*. Kinh này bậc nhất

trong các bộ kinh, rất khó thấu hiểu, rất khó thâm nhập, Thanh văn-Độc giác[84] không thể biết được. Kinh này thật có năng lực sinh ra vô lượng vô biên quả báo phúc đức, cho đến thành tựu Vô thượng bồ-đề. Tôi sẽ lược nói để ngài hiểu rõ.

Bà-la-môn thưa: Quí thay, quí thay! Kính thưa nhân giả! Kinh *Kim quang minh* vô cùng sâu xa, cao siêu khó hiểu, rất khó thể nhập, Thanh văn-Độc giác còn không thể biết, huống gì chúng tôi là hạng phàm phu, trí tuệ kém cỏi. Cho nên hôm nay chúng tôi nguyện được một viên xá-lợi chỉ bằng hạt cải, thỉnh về quê hương, đặt vào hộp quí, chí thành cúng dường. Sau khi mạng chung, được làm Đế Thích, luôn được an vui. Ước nguyện chúng tôi chỉ có như thế, vì sao hôm nay, ngài không thể xin Như Lai ban cho.

Đồng tử Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến nói kệ:

Trên sông Hằng chảy xiết
Có thể sinh hoa sen,

Chim vàng biến thành trắng
Chim đỏ trở thành đen
Giả sử cây chiêm-bặc[85]
Sinh ra quả đa-la[86]
Trên cành khát-thụ-ra[87]
Lá am-la[88] *xanh tốt*
Những việc này thật hiếm
Cũng có thể xảy ra
Nhưng xá-lợi Thế Tôn
Chẳng thể nào có được.
Giả sử dùng lông rùa
Dệt thành chiếc áo đẹp
Để lúc lạnh ấm thân
Thì mới được xá-lợi.
Giả sử chân loài muỗi
Biến thành tòa lâu đài
Vững chắc không lay động
Mới cầu được xá-lợi.
Ví như loài đỉa kia
Trong miệng sinh răng trắng

Dài lớn, bén như gươm
Mới cầu được xá-lợi.
Giả sử dùng sừng thỏ
Làm thành chiếc thang dài
Bắc lên tận cung trời
Mới cầu được xá-lợi.
Ví chuột leo thang này
Đánh đuổi a-tu-la
Hay ngăn che vầng nguyệt
Mới cầu được xá-lợi.
Nếu ruồi uống rượu say
Bay khắp các xóm thôn
Xây dựng nhiều nhà lớn
Mới cầu được xá-lợi.
Nếu sắc môi của lừa
Đỏ như quả tần-bà[89]
Diễn ca múa thật hay
Mới cầu được xá-lợi.
Nếu quạ và hưu lưu[90]
Cùng ở chung một tổ

Cả hai đều thuận thảo
Mới cầu được xá-lợi.
Giả sử lá ba-la
Có thể thành tàn lọng
Ngăn che cơn mưa lớn
Mới cầu được xá-lợi.
Nếu một chiếc thuyền lớn
Chở đầy các báu vật
Nhẹ nhàng lướt trên đất
Mới cầu được xá-lợi.
Giả sử chim hồng tước
Dùng mỏ ngậm Hương sơn[91]
Bay đi khắp mọi nơi
Mới cầu được xá-lợi.

Nghe bài kệ này, Pháp Sư Thụ Kí cũng dùng kệ đáp:

Hay thay, Đại nhân giả!
Bậc tài giỏi trong chúng
Có phương tiện tuyệt vời
Được Thế Tôn thụ kí.

Như Lai oai đức lớn
Hay cứu giúp thế gian
Nhân giả lắng lòng nghe
Tôi xin thứ tự nói!
Cảnh giới Phật khó lường
Thế gian chẳng thể sánh
Tính Pháp thân[92] *thường trụ*
Tu không làm sai khác
Thể chư Phật đều đồng
Pháp nói ra cũng thế.
Chư Phật không do tạo
Lại cũng vốn không sinh
Thế Tôn thân kim cương
Tạm hiện hóa thân này.
Cho nên xá-lợi Phật
Không phải như hạt cải
Thân Phật chẳng máu thịt
Làm sao có xá-lợi.
Phương tiện lưu cốt thân
Vì lợi ích hữu tình

Pháp thân là chính giác
Pháp giới tức Như Lai
Đây là chân thân Phật
Cũng gọi là "như thị pháp"[93].

Bấy giờ ba vạn hai nghìn vị trời trong hội nghe nói thọ mạng Như Lai vô cùng dài lâu, đều rất vui mừng, tất cả biết được điều chưa từng có, liền cùng phát tâm Vô thượng bồ-đề và cùng nói kệ :

Phật chẳng vào niết-bàn
Chính pháp cũng không diệt
Vì lợi ích chúng sinh
Mà thị hiện có diệt độ.
Thế Tôn chẳng nghĩ bàn
Diệu thân không dị tướng
Vì lợi ích chúng sinh
Hiện các tướng trang nghiêm.

Bồ-tát Diệu Tràng đối trước đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bốn đức Như Lai, hai vị đại sĩ[94] và các vị trời nghe nói thọ lượng của đức

Thích-ca Mâu-ni vô lượng, liền từ tòa ngồi đứng dậy chắp tay cung kính bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật như thế, các đức Như Lai không vào niết-bàn, không có xá-lợi, vì sao trong kinh nói có niết-bàn và xá-lợi Phật, để rồi hôm nay tất cả trời người cung kính cúng dường? Chư Phật quá khứ lưu lại cốt thân, phân khắp thế gian, trời người cúng dường được phúc vô lượng. Hôm nay nói không, khiến cho con và chúng hội nghi ngờ. Cúi xin Thế Tôn thương xót giảng nói cho chúng con hiểu!

Đức Phật dạy rằng:

- Các ông nên biết, nói vào niết-bàn và có xá-lợi, là căn cứ theo ý nghĩa bí mật. Các ông lắng nghe, Ta nói nghĩa này! Các Đại Bồ-tát phải nên biết rõ, có mười nguyên nhân giải thích thật nghĩa Như Lai nói có Đại niết-bàn viên mãn rốt ráo:

- Chư Phật Như Lai hoàn toàn đoạn sạch các phiền não chướng[95], và sở tri chướng[96], nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai hiểu rõ tất cả hữu tình vô tính[97] và pháp vô tính, nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai có đủ năng lực chuyển được thân y[98] và cả pháp y[99], nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai tự tại chấm dứt nhân duyên giáo hóa các loài hữu tình, nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai đã chứng Pháp thân chân thật bình đẳng, lìa tướng sai biệt, nên gọi niết-bàn

- Chư Phật Như Lai thấu rõ thể tính sinh tử niết-bàn không hai không khác, nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai thấu suốt nguồn gốc của tất cả pháp, chứng trí thanh tịnh, nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai tu tập rốt ráo tất cả các pháp vô sinh vô diệt, nên gọi niết-bàn.

- Như Lai đã đạt chính trí đối với chân như pháp giới[100], thật tế bình đẳng[101], nên gọi niết-bàn.

- Chư Phật Như Lai thấu suốt thể tính niết-bàn và pháp vốn không sai biệt, nên gọi niết-bàn.

Này thiện nam tử! Các Đại Bồ-tát phải nên biết rõ, có mười nguyên nhân giải thích thật nghĩa Như Lai nói có Đại niết-bàn viên mãn rốt ráo:

- Tất cả phiền não từ lạc dục sinh, lạc dục là gốc, các đức Như Lai đã đoạn lạc dục, nên gọi niết-bàn.

- Các đức Như Lai đã đoạn lạc dục, không chấp một pháp; vì không chấp thủ, cho nên không đến không đi; vì không chấp thủ, nên gọi niết-bàn.

- Vì không đến đi và không chấp thủ, cho nên Pháp thân chẳng sinh chẳng diệt, vì không sinh diệt, nên gọi niết-bàn.

- Lí không sinh diệt, ngôn từ không thể diễn đạt rốt ráo, vì bặt ngôn từ, nên gọi niết-bàn.

- Vì không nhân ngã, chỉ có pháp sinh diệt được chuyển y[102], nên gọi niết-bàn.

- Các đức Như Lai thấu suốt phiền não, các tùy phiền não[103] đều là khách trần[104], pháp tính[105] là chủ, không đến không đi, nên gọi niết-bàn.

- Chân như là thật, còn tất cả pháp đều là hư vọng, thể của thật tính tức là chân như, tính của chân như tức là Như Lai, nên gọi niết-bàn.

- Tính của thật tế thì không hí luận, chỉ có Như Lai mới chứng thật tế, vĩnh viễn đoạn trừ những pháp hí luận[106], nên gọi niết-bàn.

- Vô sinh là thật, sinh là hư vọng, kẻ ngu si chìm sâu trong sinh tử, Như Lai thể hội vô sinh chân thật này, không còn hư vọng, nên gọi niết-bàn.

- Pháp hư vọng đều từ nhân duyên sinh, pháp chân thật không từ nhân duyên khởi, pháp thân Như Lai là pháp chân thật, nên gọi niết-bàn.

Các Đại Bồ-tát phải nên biết rõ, có mười nguyên nhân giải thích thật nghĩa Như Lai nói có Đại niết-bàn viên mãn rốt ráo:

- Các đức Như Lai biết rõ bố thí-quả của bố thí vô ngã-ngã sở, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai lầm về việc bố thí và quả bố thí, nên gọi niết-bàn.

- Các đức Như Lai biết rõ về giới và các quả báo của việc trì giới vô ngã-ngã sở, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai lầm về việc trì giới và quả của trì giới, nên gọi niết-bàn

- Các đức Như Lai biết rõ về nhẫn và quả của nhẫn vô ngã-ngã sở, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai lầm về việc hành nhẫn và quả của nhẫn, nên gọi niết-bàn

- Các đức Như Lai biết rõ tinh tiến và quả tinh tiến vô ngã-ngã sở, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai lầm về hạnh tinh tiến và quả của nó, nên gọi niết-bàn.

- Các đức Như Lai biết rõ thiền định và quả của định vô ngã-ngã sở, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai lầm cả về thiền định và quả của định, nên gọi niết-bàn.

- Các đức Như Lai biết rõ trí tuệ và quả của trí tuệ, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai

lầm cả về trí tuệ và quả trí tuệ, nên gọi là niết-bàn.

- Các đức Như Lai biết rõ tất cả hữu tình-vô tình và tất cả pháp đều là vô tính, vĩnh viễn đoạn trừ phân biệt sai lầm, nên gọi niết-bàn.

- Nếu có ưa thích thì có truy cầu, do tâm truy cầu phải chịu khổ não, các đức Như Lai trừ tâm ưa thích, diệt ý mong cầu, nên gọi niết-bàn.

- Các pháp hữu vi đều có số lượng, các pháp vô vi vượt ngoài số lượng, Như Lai xa lìa các pháp hữu vi, chứng pháp vô vi không thuộc số lượng, nên gọi niết-bàn.

- Các đức Như Lai thấu suốt thể tính của loài hữu tình và tất cả pháp đều là không tịch, lìa tính không thì chẳng có tất cả, tính không tức là pháp thân chân thật, nên gọi niết-bàn.

Này thiện nam tử! Đâu chỉ Như Lai không vào niết-bàn mới là hiếm có, mà còn những mười trường hợp hiếm khác, đó là công hạnh của các Như Lai:

- Sinh tử loạn động, niết-bàn vắng lặng. Do sinh tử và niết-bàn bình đẳng, nên các Như Lai không ở lưu chuyển, không trụ niết-bàn, cũng không khởi tâm nhàm chán hữu tình.

- Như Lai không nghĩ tất cả chúng sinh là hạng ngu si, kiến chấp sai lầm, bị các phiền não trói buộc bức ép, ta phải khai ngộ giúp họ giải thoát. Bởi sức căn lành từ bi đời trước, Như Lai thuận theo căn tính ý thích, khả năng hiểu biết của các chúng sinh, không tâm phân biệt, tự nhiên hóa độ, thị giáo lợi hỉ[107] mãi đến vị lai, không bao giờ dứt.

- Như Lai không nghĩ, nay Ta giảng thuyết mười hai thể loại[108], làm lợi ích lớn cho mọi chúng sinh, nhưng do oai lực căn lành đại từ đại bi đời trước, Như Lai giảng nói cho họ nghe biết, mãi đến vị lai, không bao giờ dứt.

- Như Lai không nghĩ, nay Ta nên vào xóm làng thành ấp, vào cung vua quan, nhà Bà-la-môn, cung sát-đế-lợi[109], nhà của phệ-xá[110] và thủ-đà-la[111] để hành khất thực, nhưng do năng lực thói quen của thân miệng ý nhiều

đời, nên tự nhiên đến; cũng vì lợi ích tất cả chúng sinh mà Ta khất thực.

- Thân Như Lai không bao giờ đói khát, cũng không có các việc đại tiểu tiện, yếu gầy nhọc mệt. Tuy hành khất thực, mà không thụ thực cũng không phân biệt. Nhưng vì tùy thuận lợi ích hữu tình, nên Phật thị hiện có tướng thụ thực.

- Như Lai không nghĩ, chúng sinh có ba bậc thượng trung hạ, Ta tùy căn tính mà thuyết pháp yếu. Bởi Phật Thế Tôn không tâm phân biệt, tùy thuận căn khí, giỏi ứng cơ duyên để thuyết mà thôi.

- Như Lai không nghĩ các hữu tình này không cung kính Ta, thường mắng chửi Ta, Ta không thể cùng với họ luận bàn; các hữu tình kia tâm cung kính Ta, luôn ca ngợi Ta, Ta nên cùng họ vui vẻ đàm luận. Bởi tâm từ bi của các Như Lai bình đẳng không hai.

- Tâm các Như Lai không còn yêu ghét-kiêu mạn, tham lam bỏn xẻn, nhưng các Như

Lai ưa thích vắng lặng, ca ngợi thiểu dục[112], xa lánh nơi ồn náo.

- Như Lai thấu suốt tất cả các pháp, không một pháp nào mà không hiểu biết, không một pháp nào mà không thông đạt; tất cả cảnh trí, thảy đều hiện tiền mà không khởi tâm suy nghĩ phân biệt. Nhưng thấy hữu tình tạo tác các nghiệp, Như Lai tùy thuận ý thích của họ mà khéo dẫn dụ, giúp họ thoát khổ.

- Khi thấy một số hữu tình giàu có, Như Lai không khởi tâm ý vui mừng, thấy họ suy tổn, Như Lai cũng không khởi ý lo buồn. Nhưng nếu Như Lai thấy các hữu tình tu tập chính hạnh[113], với tâm đại bi vô ngại tự nhiên, Ngài đến cứu giúp; nếu thấy hữu tình tu tập tà hạnh[114], thì cũng với lòng đại bi vô ngại tự nhiên Ngài đến cứu giúp kẻ ấy.

Này thiện nam tử! Ông nên biết rằng, Như Lai Chính Giác giảng thuyết vô biên chính hạnh như vậy, đó chính là tướng niết-bàn chân thật. Nếu lúc nhìn thấy Như Lai niết-bàn, thì biết đó là Như Lai lập bày phương tiện tạm thời, cũng như lưu lại xá-lợi là để tất

cả hữu tình cung kính cúng dường. Đó đều là do sức "thiện căn từ" của các Như Lai. Nếu có người nào cúng dường xá-lợi, thì vị lai sẽ xa lìa tám nạn[115], gặp được chư Phật và thiện tri thức[116], không mất thiện tâm, được vô lượng phúc, mau chóng thoát khổ, không còn bị dây sinh tử trói buộc. Những hạnh tu tập kì diệu như thế, mong các ông nên siêng năng tu tập, không được buông lung!

Bồ-tát Diệu Tràng nghe chính Đức Phật nói về ý nghĩa không vào niết-bàn và dạy các hạnh sâu mầu như thế, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng:

Nay con mới biết Như Lai Đại sư không vào niết-bàn, việc lưu xá-lợi làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, con thật vui mừng, như nhận được điều chưa bao giờ có.

Khi Phật thuyết phẩm *Như Lai thọ lượng*, vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng bồ-đề; bốn đức Như Lai bỗng nhiên biến mất. Bồ-tát Diệu Tràng rời tòa đảnh lễ nơi chân Đức Phật, rồi liền trở về trụ xứ của mình.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 2

PHẨM 3
PHÂN BIỆT BA THÂN

Bấy giờ trong hội, có Đại Bồ-tát hiệu Hư Không Tạng từ tòa đứng dậy, y lộ vai phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính, đảnh lễ chân Phật, dâng cúng hoa báu, tràng phan lọng báu vô cùng tuyệt diệu rồi bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Đối với ý nghĩa sâu xa bí mật của các Như Lai, các Đại Bồ-tát làm thế nào để tu hành đúng pháp?

Đức Phật dạy: Này thiện nam tử! Ông hãy lắng nghe và ghi nhớ kĩ, ta sẽ nói rõ cho ông được biết! Tất cả Như Lai đều có ba thân: Hóa thân, Ứng thân, Pháp thân[117]. Ba thân gồm thâu Vô thượng bồ-đề. Nếu thấy biết đúng, chóng thoát sinh tử. Thế nào gọi là thấy đúng Hóa thân? Này thiện nam tử! Vào thời quá khứ, khi Như Lai còn ở vị tu hành, đã vì chúng sinh tu tập các pháp, cho đến cuối cùng, hoàn

toàn thành tựu. Do sức tu hành, cho nên thân này được đại tự tại; do đại tự tại, nên có năng lực tùy thuận phân biệt tâm ý, hành nghiệp, tính giới của các chúng sinh; lại không đợi thời, không để lỡ thời; xứ đã thích hợp, thời cũng thích hợp, hành cũng thích hợp, thuyết pháp thích hợp, thị hiện các thân, đó là Hóa thân.

Thế nào gọi là bậc Đại Bồ-tát thấy biết đúng Ứng thân? Là thân Như Lai vì muốn tất cả Bồ-tát thông đạt, mà thuyết chân đế[118]; là thân giúp các Bồ-tát hiểu rõ sinh tử niết-bàn chỉ là một vị; là thân thị hiện diệt tâm sợ hãi, hoặc tâm vui mừng của những chúng sinh chấp trước tự thân; là thân nền tảng vô biên Phật pháp. Vì sức bản nguyện tương ưng như thật với Trí như như như như[119], nên thân này hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, hào quang toàn thân. Đó là Ứng thân.

Thế nào gọi là bậc Đại Bồ-tát biết đúng Pháp thân? Đó chính là thân sạch phiền não

chướng, đầy đủ pháp thiện, chỉ duy nhất Trí như như như như, nên gọi Pháp thân.

Hai loại thân trước là giả danh hữu[120], chỉ thân thứ ba là chân thật hữu[121], làm nền tảng cho hai thân Hóa-Ứng. Vì sao như vậy? Lìa Pháp như như[122], lìa Trí như như[123], thì các Đức Phật sẽ không có riêng một pháp nào khác. Tất cả chư Phật đầy đủ trí tuệ, tất cả phiền não hoàn toàn diệt tận, cõi Phật thanh tịnh. Nên Pháp như như và Trí như như, gồm thâu tất cả công đức Phật pháp.

Lại nữa hai hạnh tự lợi-lợi tha của các Đức Phật đạt đã đến chỗ cùng tận rốt ráo. Lợi ích chính mình là Pháp như như, lợi ích cho người là Trí như như. Đức Phật từ việc tự lợi-lợi tha, tự nhiên thành tựu vô biên tác dụng. Cho nên phân biệt tất cả pháp Phật cũng có vô lượng vô biên sai biệt. Thí như y nơi vọng tưởng suy nghĩ, mà nói phiền não, các loại nghiệp dụng, các loại quả báo. Như vậy y cứ nơi Pháp như như, và Trí như như mà nói pháp Phật, các pháp Độc giác, các pháp Thanh

văn. Nếu khéo y cứ nơi Pháp như như và Trí như như, thì các pháp Phật tự nhiên thành tựu. Đây là bậc nhất chẳng thể nghĩ bàn. Như vẽ hư không làm vật trang trí, thật khó nghĩ bàn. Cũng giống như vậy, y Pháp như như và Trí như như, thành tựu pháp Phật cũng khó nghĩ bàn. Sao Pháp như như và Trí như như đã vô phân biệt mà tự nhiên lại thành tựu sự nghiệp? Này thiện nam tử! Ví như Như Lai đã vào niết-bàn, nhưng do nguyện lực, tự nhiên thành tựu tất cả sự nghiệp. Pháp như như và Trí như như đã vô phân biệt, tự nhiên thành tựu tất cả sự nghiệp cũng lại như thế.

Khi Đại Bồ-tát nhập định Vô tâm[124], nương nguyện lực xưa, xuất định thực hiện tất cả sự nghiệp. Pháp-trí như như, thật vô phân biệt mà tự nhiên thành tất cả sự nghiệp. Mặt trời mặt trăng không có phân biệt, mặt nước phẳng lặng cũng không phân biệt, ánh sáng cũng không có tính phân biệt, nhưng nếu hòa hợp thì sinh ảnh tượng. Vậy Pháp như như và Trí như như cũng vô phân biệt, nhưng do nguyện lực, tự nhiên chúng sinh cảm chư Phật

hiện Ứng thân-Hóa thân, giống như mặt trời, mặt trăng-mặt nước, ba món hòa hợp, ảnh tượng xuất hiện.

Thí như mặt nước rộng lớn vô biên, nhờ có ánh sáng mà ảnh hư không hiện lên trên đó vô số hình tướng, mà hư không ấy chính là vô tướng. Như vậy nên biết, đệ tử tiếp nhận giáo hóa chính là ảnh của Pháp thân. Vì nguyện lực xưa, nên từ hai thân, hiện các hình tướng, nhưng Pháp thân thì không có tướng khác. Y hai thân này mà nói chư Phật niết-bàn hữu dư[125], y nơi Pháp thân mà nói chư Phật niết-bàn vô dư[126], vì các pháp khác hoàn toàn diệt tận. Lại y ba thân, mà Đức Phật có niết-bàn vô trụ[127]; vì hai thân nên không trụ niết-bàn, lìa Pháp thân không có Phật nào khác. Sở dĩ hai thân không trụ niết-bàn, vì hai thân là giả danh không thật; niệm niệm sinh diệt, vì không dừng trụ; luôn luôn xuất hiện, vì không cố định, còn Pháp thân thì không phải như thế. Cho nên hai thân không trụ niết-bàn, Pháp thân bất nhị, nên cũng như vậy, không

trụ niết-bàn. Vì thế nên biết, nếu theo ba thân, thì các Đức Phật không trụ niết-bàn.

Tất cả phàm phu đều do ba tướng mà bị trói buộc, mà bị chướng ngại, khiến lìa ba thân, không được ba thân, đó là các tướng Biến kế sở chấp[128], tướng Y tha khởi[129] và tướng Thành tựu[130]. Không ngộ ba tướng, không diệt ba tướng, không làm thanh tịnh cả ba tướng này, thì không thể đạt rốt ráo ba thân. Các đức Như Lai, đã ngộ đã diệt, đã làm thanh tịnh trọn ba tướng này, nên đủ ba thân. Phàm phu chưa thể trừ diệt ba tâm là tâm Khởi sự[131], tâm Y căn bản[132], và tâm Căn bản[133], nên lìa ba thân, không được ba thân. Nương Phục đạo[134] thì diệt tâm Khởi sự, nương Đoạn pháp đạo[135] trừ diệt tâm Y căn bản, nương Tối thắng đạo[136] diệt tâm Căn bản. Tâm Khởi sự diệt thì Hóa thân hiện, tâm Y căn bản diệt Ứng thân hiện, tâm Căn bản diệt thì Pháp thân hiện. Cho nên biết rằng tất cả Như Lai đều có ba thân.

Tất cả Như Lai đồng nhất về SỰ với thân thứ nhất, đồng nhất về Ý với thân thứ hai,

đồng nhất về THỂ[137] với thân thứ ba. Vì thân thứ nhất thuận tâm chúng sinh, mới có nhiều hình, hiện ra nhiều tướng, nên nói có nhiều; vì thân thứ hai thuận tâm đệ tử nên hiện một tướng, vì thế nói một; vì thân thứ ba vượt qua các tướng, chẳng phải thuộc về cảnh giới chấp tướng, nên nói chẳng phải một chẳng phải khác.

Hóa thân thì nương Ứng thân mà hiện, Ứng thân thì nương Pháp thân mà hiện; còn Pháp thân chính là thân chân thật, không chỗ nương gá. Ba thân như thế, bởi vì có nghĩa nên nói là thường, cũng vì có nghĩa nên nói vô thường. Hóa thân thường hằng chuyển đại pháp luân, nơi nơi tùy duyên, liên tục hiển bày các pháp phương tiện, nên nói là thường; vì chẳng phải bản, nên đủ đại dụng; vì không hiển hiện, nên nói vô thường. Ứng thân từ đời vô thỉ đến nay, liên tục gom giữ các pháp Bất cộng[138] của các Như Lai; vì chúng sinh vô tận, đại dụng cũng vô tận, nên nói là thường, vì chẳng phải bản nên đủ đại dụng, vì không hiển hiện nên nói vô thường. Pháp thân chẳng

phải là pháp hữu vi[139], không có dị tướng, là thân căn bản, giống như hư không, nên gọi là thường. Lìa trí vô phân biệt sẽ không có trí tuệ siêu việt; lìa pháp như như thì cũng không có cảnh giới thù thắng. Pháp như như và trí như như này, chẳng phải là một cũng chẳng phải khác. Vì tuệ thanh tịnh, vì diệt thanh tịnh[140], cho nên Pháp thân có đủ thanh tịnh.

Về ba thân này, có thể phân biệt thành bốn trường hợp: một là Hóa thân chẳng phải Ứng thân; là thân sau khi Như Lai niết-bàn, vì nguyện tự tại, nên tùy duyên làm lợi ích chúng sinh, đó là Hóa thân. Hai là Ứng thân chẳng phải Hóa thân, là thân Bồ-tát trước vị Thập địa[141]. Ba là Hóa thân cũng là Ứng thân, đây là thân trụ hữu dư niết-bàn. Bốn chẳng phải Hóa cũng chẳng phải Ứng, tức là Pháp thân. Pháp thân hiện rõ hai Vô sở hữu[142]. Vì sao gọi là hai Vô sở hữu? Vì nơi Pháp thân không có hai loại tướng và tướng xứ[143], chẳng có chẳng không, chẳng một chẳng khác, chẳng phải số lượng-chẳng phải không có số lượng, chẳng tối chẳng sáng. Trí như như này không

thấy tướng và tướng xứ, không thấy chẳng có chẳng không, không thấy chẳng một chẳng khác, không thấy chẳng phải số lượng chẳng phải chẳng có số lượng, không thấy chẳng tối chẳng sáng. Vì thế đây là cảnh giới thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh, không thể phân biệt, không có khoảng giữa, gốc của đạo đế[144] và của diệt đế[145]. Pháp thân như vậy hiển hiện tất cả sự nghiệp Như Lai.

Nhân duyên-cảnh giới, nơi chốn và quả của Pháp thân này đều nương căn bản, thật khó nghĩ bàn. Nếu hiểu nghĩa này, thì biết thân này chính là Đại thừa, là tính Như Lai. Nương nơi Pháp thân, mà phát sơ tâm và tâm tu hành, từ đó hiển hiện tâm Bất thoái địa[146], tâm Nhất sinh bổ xứ[147], tâm Kim cang[148], tâm Như Lai, đồng thời cũng hiện vô lượng vô biên diệu pháp của Phật. Nương nơi Pháp thân mà đại tam-muội[149] chẳng thể nghĩ bàn cũng đều hiển hiện; nương nơi Pháp thân mà đại trí hiện. Cho nên hai thân nương nơi tam-muội, nương nơi đại trí mà được hiển hiện; từ thể Pháp thân mà nói thường-ngã; từ nơi

tam-muội mà nói về lạc; từ nơi đại trí mà nói thanh tịnh. Cho nên Như Lai thường trụ-tự tại, an lạc-thanh tịnh. Nương đại tam-muội mà các Phật pháp: bốn thiền-bốn định[150], Thủ-lăng-nghiêm định[151]..., tất cả niệm xứ[152], các đại pháp niệm[153], đại từ đại bi, các đà-la-ni[154], tất cả thần thông, tất cả tự tại, tất cả các pháp bình đẳng nhiếp thụ thảy đều xuất hiện. Nương nơi đại trí, các pháp: mười lực[155], bốn vô sở úy[156], bốn vô ngại biện[157], mười tám bất cộng[158], tất cả pháp hi hữu bất khả tư nghị đều hiển hiện. Ví như nương nơi bảo châu như ý, vô lượng vô biên báu vật xuất hiện. Cũng thế, nương đại tam-muội, nương đại trí tuệ, vô lượng vô biên pháp Phật xuất hiện. Pháp thân như vậy, tam-muội trí tuệ vượt tất cả tướng, không dính mắc tất cả tướng, không thể phân biệt, chẳng thường chẳng đoạn, gọi là trung đạo[159]. Tuy có phân biệt, nhưng về tự thể thì vô phân biệt; tuy có ba nhưng không có ba thể, chẳng thêm chẳng bớt, giống như mộng huyễn, không có sở thủ[160], không có năng thủ, pháp thể như như. Nơi giải thoát này là trụ xứ

của Phật và Bồ-tát, vượt cảnh tử vương, thoát li sinh tử, tất cả chúng sinh không thể tu hành mà đạt đến được .

Này thiện nam tử! Ví như những người muốn có được vàng, bèn đi khắp nơi han hỏi tìm cầu. Khi tìm được quặng, liền đem nghiền nát, đãi hết đất cát, lấy tinh chất vàng, rồi cho vào lò nấu nung luyện lọc. Được vàng ròng rồi, tùy ý sử dụng, tạo vật trang sức, như vòng xuyến nhẫn ... Tuy có các tướng công dụng như thế, nhưng tính của vàng vẫn không thay đổi. Lại nữa nên biết, có chúng sinh cầu giải thoát thù thắng, thực hành tất cả việc thiện thế gian, thân cận Như Lai cùng đệ tử của Ngài, sau đó hỏi rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là thiện, gì là bất thiện, thế nào là hạnh chính tu thanh tịnh?

Các đức Như Lai và các đệ tử nghe hỏi như thế, thì suy nghĩ rằng: "Những thiện nam và thiện nữ này muốn cầu thanh tịnh, muốn nghe chính pháp". Thế là các Ngài vì họ giảng thuyết, giúp cho khai ngộ. Những

chúng sinh ấy, sau khi nghe xong, chính niệm ghi nhớ, phát tâm tu hành, được sức tinh tiến, trừ chướng biếng nhác, diệt tất cả tội, tôn trọng học xứ[161], bặt tâm trạo hối[162], tiến vào Sơ địa[163]. Nương tâm Sơ địa, dẹp chướng lợi tha, bước vào Nhị địa. Khi vào địa này, diệt những chướng ngại của tâm an tĩnh, để vào Tam địa. Khi vào địa này, diệt trừ chướng ngại của tâm nhu hòa thanh tịnh, để vào Tứ địa. Khi vào địa này trừ những chướng ngại cho thiện phương tiện[164], tiến vào Ngũ địa. Nương nơi Ngũ địa, trừ những chướng ngại còn thấy chân tục[165], để vào Lục địa. Từ lục địa này, trừ những chướng ngại thấy có hành tướng[166], mà vào Thất địa. Từ nơi Thất địa, trừ diệt chướng ngại không thấy tướng diệt[167], để vào Bát địa. Từ nơi Bát địa, diệt trừ chướng ngại không thấy tướng sinh[168], để vào Cửu địa. Từ Cửu địa này, trừ những chướng ngại cho pháp lục thông[169], bước vào Thập địa. Từ nơi Thập địa, trừ chướng sở tri, trừ tâm căn bản, vào Như Lai địa. Nơi Như Lai địa có đủ ba tịnh là phiền não tịnh, khổ tịnh-tướng tịnh, nên được gọi là

Cực thanh tịnh địa. Ví như vàng thật, đã luyện lọc xong, không thể trở lại thành quặng được nữa; đây là biểu thị tính vàng vốn tịnh, chứ không phải nói là không có vàng. Lại như nước đục, khi đã lắng trong thì không còn cặn, đó là biểu thị tính nước trong sạch, chứ không phải nói là không có nước.

Như vậy Pháp thân xen lẫn phiền não, nếu trừ khổ tập[170], thì sẽ không còn tất cả tập khí[171], đó là biểu thị Phật tính vốn tịnh, chứ chẳng phải nói không có thể tính. Ví như hư không bị mây khói che, nếu trừ hết thì hư không trong sạch, chứ chẳng phải cho không có hư không. Pháp thân cũng vậy, trừ sạch khổ não, nên nói thanh tịnh, chứ chẳng phải nói không có thể tính. Như người nằm mộng, thấy mình đang trôi trên con sông lớn, vận động tay chân cắt dòng mà qua, đến được bờ kia; đó là do thân tâm đều nỗ lực vậy. Nhưng khi tỉnh giấc, không thấy có sông, bờ này bờ kia, chứ chẳng thể cho là không có tâm. Vọng tưởng sinh tử đã trừ diệt hết, giác tính thanh tịnh sẽ tự hiển bày, chứ không thể cho là

không có giác. Pháp giới cũng vậy, vọng tưởng không sinh thì nói thanh tịnh, chứ không phải Phật không có thật thể.

Này thiện nam tử! Hoặc chướng[172] thanh tịnh thì hiện Ứng thân, nghiệp chướng[173] thanh tịnh thì hiện Hóa thân, trí chướng[174] thanh tịnh thì hiện Pháp thân. Ví như nương hư không mà có chớp, từ chớp phát ra ánh sáng. Cũng giống như vậy, nương nơi Pháp thân mà hiện Ứng thân, nương nơi Ứng thân mà hiện Hóa thân. Do tính thanh tịnh nên hiện Pháp thân, trí tuệ thanh tịnh nên hiện Ứng thân, tam-muội thanh tịnh nên hiện Hóa thân. Ba pháp tịnh này là pháp như như, bất dị như như[175], nhất vị như như[176], giải thoát như như, cứu cánh như như. Cho nên thể của chư Phật không khác. Nếu có người nói Như Lai là bậc Đại sư của mình, và có lòng tin quyết định như thế, người này hiểu rõ Pháp thân Như Lai không có sai biệt.

Vì thế nên khi đoạn trừ tất cả suy nghĩ không đúng về tất cả pháp, liền biết pháp ấy

không có hai tướng, cũng không phân biệt; đó là pháp tu hành của bậc thánh. Trừ hết chướng ngại, đối với các pháp không thấy hai tướng; chân chính tu hành như vậy như vậy, thì tất cả chướng thảy đều trừ diệt; đoạn tất cả chướng như vậy như vậy, thì Pháp như như và Trí như như vô cùng thanh tịnh; pháp giới thanh tịnh, chính trí thanh tịnh như vậy như vậy, sẽ được tự tại, hoàn toàn đầy đủ, nhiếp thụ tất cả. Vì tất cả chướng đều đã trừ diệt, vì tất cả chướng đều đã thanh tịnh, cho nên gọi là tướng chân thật của chân như chính trí. Thấy biết như vậy, là sự thấy biết của các bậc thánh, cũng được gọi là chân thật thấy Phật. Vì sao như thế? Vì như thật thấy được Pháp như như, và cũng từ đó, các đức Như Lai có năng lực thấy tất cả Như Lai. Còn các Thanh văn và hàng Duyên giác, tuy vượt ba cõi[177], nhưng không thể thấy cảnh giới chân thật. Các bậc thánh này mà còn không biết, thì hàng phàm phu hẳn phải nghi ngờ, phân biệt sai lầm, không thể giải thoát. Như thỏ không thể tự vượt biển khơi, vì sức quá yếu. Phàm phu cũng vậy, không thể thông

hiểu được Pháp như như. Nhưng tâm Như Lai vốn vô phân biệt, hoàn toàn tự tại với tất cả pháp, đầy đủ trí tuệ thanh tịnh sâu xa. Đó là phạm vi riêng của các Ngài, người khác không có. Cho nên biết rằng, các đức Như Lai đã từ vô lượng a-tăng-kì[178] kiếp, không tiếc thân mạng, tu các hạnh khổ vô cùng khó làm, mới được Pháp thân tối diệu tối thượng, không gì sánh bằng, vượt ngoài ngôn ngữ, vắng lặng nhiệm mầu, không còn lo sợ.

Biết Pháp như như thì không còn các việc sinh già bệnh, thọ mạng vô lượng, không cần ngủ nghỉ, cũng không đói khát, tâm luôn an định, không có loạn động. Đối với Như Lai mà tranh luận thì không thấy Như Lai. Vì giáo pháp mà Như Lai nói ra đều làm lợi ích tất cả chúng sinh; những ai nghe thấy đều được giải thoát, không gặp ác thú, ác quỉ-ác nhân. Do sức nghe pháp, nên phúc vô tận. Nhưng các Như Lai không tâm vô kí, không có tâm muốn biết tất cả pháp, không có tất cả ý niệm phân biệt sinh tử niết-bàn ; những điều Như Lai nói đều quyết định. Tất cả hành động, đi

đứng nằm ngồi của các Như Lai đều từ trí tuệ; tất cả việc làm đều xuất phát từ tâm đại từ bi. Tất cả đều vì lợi ích an lạc cho các chúng sinh.

Này thiện nam tử! Nếu người nào nghe và tin hiểu *kinh Kim quang minh* này, sẽ không rơi vào địa ngục ngạ quỉ, súc sinh tu-la, thường được sinh vào những nơi cao quí trong cõi trời người, gần gũi phụng sự các đức Như Lai, nghe nhận chính pháp, sau khi mạng chung, sinh vào cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Vì sao như thế? Vì đã nghe được kinh sâu xa này. Những người như thế Như Lai đã biết, và đã thụ kí[179] không lui sụt đạo Vô thượng bồ-đề. Nếu những người nào tai vừa nghe qua kinh nhiệm mầu này, người ấy sẽ không phỉ báng Như Lai, không phá chính pháp, không xem thường Tăng. Nếu người ấy chưa gieo trồng thiện căn, thì sẽ được gieo; đã gieo thì giúp tăng trưởng cho đến hoàn toàn thành thục, lại khuyên chúng sinh trong khắp thế giới tu tập sáu độ.

Bấy giờ Bồ-tát Hư Không Tạng, Phạm vương-Đế Thích, và Tứ thiên vương… từ tòa đứng dậy, y lộ vai phải, cung kính chắp tay, đảnh lễ chân Phật, rồi đồng thưa rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu nơi nào giảng kinh *Kim quang minh* thật vi diệu này, thì toàn cõi ấy có bốn lợi ích:

- Quân đội hùng mạnh, không có kẻ giặc, không bị bệnh tật, tuổi thọ kéo dài.

- Hoàng hậu thứ phi, vương tử đại thần, luôn luôn vui hòa, không còn tranh cãi, tâm không dua nịnh, thường được quốc vương yêu thương quí trọng.

- Sa-môn Phạm chí, nhân dân trong nước đều tu tập theo chính pháp của Phật, không bệnh-an ổn, không bị chết oan, luôn gieo trồng vào ruộng phúc.

- Bốn đại điều hòa, chư thiên bảo vệ, có lòng từ bi bình đẳng, không khởi tâm làm tổn hại chúng sinh, lại khuyên chúng sinh kính tin Tam bảo, tu đạo Bồ-đề.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng con hôm nay cũng vì hoằng truyền bộ kinh vua này, nên luôn theo sát người thụ trì kinh để bảo vệ họ, đồng thời cũng giúp cho trụ xứ ấy được mãi an lạc

Đức Phật khen rằng: Quí thay, quí thay! Đúng thế, đúng thế! Các ông phải nên một lòng truyền bá kinh vi diệu này, giúp cho chính pháp trụ lâu ở thế gian.

PHẨM 4
MỘNG THẤY TRỐNG VÀNG PHÁT TÂM SÁM HỐI

Bồ-tát Diệu Tràng, sau khi đích thân nghe Phật nói pháp, lòng rất vui mừng, một lòng suy nghĩ nghĩa lí sâu xa, rồi về trụ xứ. Đêm đó Bồ-tát nằm mộng thấy một chiếc trống bằng vàng, phát ra ánh sáng vô cùng rực rỡ giống như mặt trời. Trong vầng ánh sáng có vô lượng Phật ngồi tòa lưu li nơi cội cây báu, đang thuyết pháp cho vô lượng trăm nghìn đại chúng vây quanh. Lúc ấy có một vị Bà-la-môn đánh vào trống vàng, phát ra âm thanh chuyển tải rất nhiều bài kệ nhiệm mầu. Bài kệ này nói về pháp sám hối. Diệu Tràng nghe xong, liền ghi nhớ kĩ, định tâm an trụ. Đến sáng hôm sau, Bồ-tát cùng với vô lượng trăm nghìn đại chúng vây quanh, mang các vật cúng, rời thành Vương Xá đến núi Linh Thứu.

Khi đến trước Phật, tất cả đều lễ nơi chân Như Lai, bày biện hoa thơm, nhiễu quanh ba vòng, rồi ngồi một bên, chắp tay chiêm ngưỡng tôn dung Đức Phật, rồi đồng bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Đêm qua trong mộng, con thấy một vị Bà-la-môn kia đánh chiếc trống vàng, từ trống phát ra âm thanh chuyển tải lời kệ nhiệm mầu về pháp sám hối, bây giờ con vẫn còn ghi nhớ rõ. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng từ bi cho phép con được nói lại bài kệ. Thế Tôn chấp nhận, Bồ-tát Diệu Tràng, ở trước Đức Phật lặp lại bài kệ:

Đêm trước con nằm mộng
Thấy một chiếc trống vàng
Thật vô cùng đẹp lạ
Toàn chiếc trống phát sáng
Như mặt trời giữa trưa
Ánh sáng thật rực rỡ
Chiếu soi khắp mười phương.
Khắp nơi đều có Phật
Ngồi trên tòa lưu li

Nơi cội cây trân bảo
Vô lượng trăm nghìn chúng
Đang cung kính vây quanh.
Lại có Bà-la-môn
Cầm dùi đánh trống ấy
Phát ra các âm thanh
Diễn nói kệ nhiệm mầu.
Trống Kim quang minh phát diệu âm
Vang đến khắp cùng cõi tam thiên[180]
Diệt trừ tội nặng trong ba cõi
Và các khổ nạn chốn nhân gian.
Do sức oai thần tiếng trống vàng
Các phiền não chướng thật đã tan
Sợ hãi cũng trừ, luôn an lạc
Tâm được tự tại, giống Năng Nhân..
Trong biển tử sinh chuyên tu tập
Nhất thiết trí[181] *thành, chứa hạnh lành*
Lại giúp chúng sinh tròn giác đạo
Biển công đức ấy, trọn đưa về.
Do trống vàng này phát tiếng mầu

Khiến người nghe rõ được Phạm âm
Chứng đắc Bồ-đề, quả tối thượng
Chuyển đại pháp luân thật tịnh thanh.
Số kiếp thọ mạng chẳng nghĩ bàn
Tùy cơ thuyết pháp lợi chúng sinh
Đoạn trừ phiền não, lìa các khổ
Tham sân si độc cũng không còn.
Nếu có chúng sinh trong cõi ác
Lửa lớn đốt cháy khắp thân hình
Mà nghe âm thanh của trống ấy
Lập tức lìa khổ nương Phật-đà.
Sau đó chứng đắc trí Túc mạng[182]
Nhớ lại quá khứ kiếp trăm nghìn
Lòng luôn nhớ nghĩ Mâu-ni Phật
Nghe Ngài thuyết pháp thật sâu mầu.
Do nghe âm thanh tiếng trống này
Thường được gần gũi Phật Thế Tôn
Nên luôn xa lìa các nghiệp ác
Chỉ thanh tịnh tu các việc lành.
Tất cả trời người, chúng hữu tình

Những ai tha thiết, nguyện chí thành
Được nghe diệu âm của trống ấy
Tất cả mong ước trọn đủ đầy.
Những kẻ rơi vào ngục Vô gián[183]
Nổi khổ lửa dữ đốt cháy thân
Chẳng ai cứu thoát luân hồi khổ
Nếu nghe tiếng trống khổ nạn tan.
Trời người, ngạ quỉ và bàng sinh
Những kẻ hiện đời gặp khổ nguy
Nếu được nghe qua tiếng trống ấy
Xa lìa khổ nạn được an lành
Các bậc Lưỡng Túc Tôn[184]
Thường trụ trong mười phương
Xin dùng tâm đại bi
Nhớ nghĩ thương xót con.
Chúng sinh không chốn nương
Cũng không ai cứu giúp
Xin vì những kẻ này
Làm nơi nương tựa vững.
Tội con tạo đời trước

Các nghiệp ác cực nặng
Nay quì trước các Ngài
Chí thành xin sám hối.
Tội không tin chư Phật
Cũng không kính mẹ cha
Không chịu tu pháp thiện
Thường tạo các việc ác.
Hoặc tự cậy tôn quí
Giòng họ, tiền, địa vị
Tuổi trẻ, quen buông lung
Mà tạo các nghiệp ác.
Tâm hằng khởi tà kiến
Miệng luôn nói lời dữ
Không nhận ra lỗi lầm
Mà tạo các nghiệp ác.
Quen theo thói phàm phu
Vô minh che lấp tâm
Kết bạn với kẻ xấu
Mà tạo các nghiệp ác.
Hoặc do quá vui đùa

Hoặc do lòng sầu não
Bị tham sân si buộc
Cho nên con tạo ác.
Gần gũi kẻ bất thiện
Hoặc do tâm bỏn xẻn
Bần cùng và dua nịnh
Cho nên con tạo ác.
Tuy không thích tội lỗi
Nhưng do tâm sợ hãi
Và chẳng làm chủ mình
Cho nên con tạo ác.
Do ăn uống và mặc
Và yêu thích người nữ
Bị lửa phiền não thiêu
Cho nên con tạo ác.
Đối với Phật pháp tăng
Tâm con không cung kính
Gây các tội như thế
Nay con xin sám hối.
Ngu si chê chính pháp

Bất hiếu với mẹ cha
Tạo tội lỗi như thế
Nay con xin sám hối.
Do ngu si kiêu mạn
Và sức ép tham sân
Con tạo tội như thế
Nay đều xin sám hối.
Con nay xin cúng dường
Vô số Phật mười phương
Xin các Ngài giúp con
Nhổ trừ các khổ nạn.
Cầu cho mọi hữu tình
Đều trụ nơi Thập địa
Đầy đủ phúc trí rồi
Thành Phật độ quần mê.
Con vì các chúng sinh
Khổ hạnh trăm nghìn kiếp
Dùng sức đại trí tuệ
Giúp họ vượt biển mê.
Con vì các chúng sinh

Giảng nói kinh sâu mầu
Tối thắng Kim quang minh
Có sức trừ nghiệp ác.
Nếu người trăm nghìn kiếp
Tạo các tội cực nặng
Tạm thời thật sám hối
Các ác liền tiêu trừ.
Y kinh Kim quang minh
Thực hành pháp sám hối
Thì tất cả nghiệp khổ
Sẽ chóng được tiêu trừ.
Trăm nghìn loại thiền định
Tổng trì chẳng nghĩ bàn
Căn, lực, đạo, giác chi[185]
Tu tập không mỏi mệt.
Con sẽ chứng Thập địa
Đến nơi nhiều báu vật
Tròn đầy công đức Phật
Vượt qua dòng tử sinh.
Đối với biển chư Phật

Tạng công đức sâu xa
Diệu trí chẳng nghĩ bàn
Con đều đã đầy đủ.
Xin chư Phật mười phương
Soi xét giúp đỡ con
Rũ lòng đại từ bi
Thương nhận con sám hối.
Do từ trong nhiều kiếp
Con tạo nhiều nghiệp ác
Vì thế sinh khổ não
Xin Phật thương giúp trừ.
Do con tạo nghiệp ác
Trong lòng luôn lo sợ
Mọi cử chỉ, hành động
Chẳng bao giờ an vui.
Chư Phật đại từ bi
Giúp chúng sinh hết sợ
Xin nhận con sám hối
Khiến lìa được sợ lo.
Con có phiền não chướng

Và cả những nghiệp báo
Xin dùng nước đại bi
Rửa thân tâm con sạch.
Quá khứ và hiện tại
Con tạo bao nghiệp ác
Nay trước Phật tỏ bày
Cầu mong được trừ sạch.
Con cũng nguyện giữ gìn
Vị lai không khởi ác
Dẫu nay lỡ gây tạo
Trọn không dám che dấu.
Thân nghiệp ba, miệng bốn
Nơi ý cũng có ba
Trói buộc các hữu tình
Xưa nay chưa đoạn dứt.
Do thân miệng và ý
Tạo ra mười nghiệp ác
Nay con xin sám hối
Những tội lỗi như thế.
Con tạo các nghiệp ác

Phải tự nhận khổ báo
Hôm nay quì trước Phật
Xin chí thành sám hối.
Tại cõi Diêm-phù này
Và các thế giới khác
Được bao nhiêu nghiệp thiện
Con xin vui thuận theo.
Nguyện lìa mười nghiệp ác
Tu tập mười nghiệp thiện[186]
An trú trong Thập địa
Hằng thấy Phật mười phương.
Những phúc trí có được
Do tu tập ba nghiệp
Con xin nương vào đó
Mong chóng thành Phật tuệ.
Nay con đối trước đấng Thập Lực[187]
Bao nhiêu nạn khổ con tỏ bày:
Nạn phàm ngu mê nơi ba cõi
Nạn gây tạo biết bao trọng ác
Nạn chứa nhóm dục tình, tà kiến

Nạn thường khởi tham ái lưu chuyển
Nạn luôn đắm trước cõi thế gian
Nạn tất cả phàm phu phiền não
Nạn tâm cuồng, tán loạn, đảo điên
Cùng nạn thân gần những bạn ác
Nạn tham nhiễm trong chốn tử sinh
Nạn giận ngu, tối tăm tạo tội
Nạn sinh vào tám chỗ không an[188]
Nạn chưa từng chứa nhóm công đức
Nay con đối trước đấng Tối Thắng
Sám hối vô biên tội nghiệp này.
Thiện Thệ[189] *tôn kính, con về nương*
Lễ bậc biển đức thật vô thượng
Như núi vàng lớn chiếu khắp nơi
Xin Ngài từ bi thương nghĩ tưởng.
Thân màu vàng ròng luôn sáng sạch
Mắt như lưu li đẹp trong xanh
Uy đức cát tường[190] *thật lừng lẫy*
Đại bi, trí tuệ diệt tối tăm.
Mặt trời Phật sáng, chiếu muôn nơi

Thuần tịnh, sáng soi, chẳng bụi nhơ
Vầng nguyệt Mâu-ni hằng mát dịu
Dứt trừ phiền não, trọn thanh lương.
Thân ba hai tướng thật đoan nghiêm
Tám mươi tùy hình thật vẹn tuyền
Phúc đức vô biên không gì sánh
Như mặt trời kia chiếu muôn nghìn.
Thân như lưu li không tì vết
Giống như mặt nguyệt giữa hư không
Lưới pha lê hồng, ánh thân vàng
Tạo vô số sắc màu rực rỡ.
Trong dòng thác tử sinh đau khổ
Già bệnh, sầu lo cuốn chúng sinh
Biển khổ như thế, thật khó kham
Mặt trời Phật chiếu cho khô cạn.
Nay con đảnh lễ Nhất thiết trí
Đấng hi hữu trong cõi ba nghìn[191]
Thân sắc vàng ròng, soi rực rỡ
Với bao tướng quí đẹp trang nghiêm.
Giống nước biển lớn thật khó lường

Hạt bụi trên đất cũng khó biết
Như núi Diệu Cao[192] không thể lượng
Như cõi hư không thật vô bờ.
Công đức chư Phật cũng như thế
Tất cả hữu tình chẳng thể hay
Dù vô lượng kiếp suy nghĩ kĩ
Không sao biết được công đức này.
Tất cả núi non trên mặt đất
Nghiền nát thành bụi còn tính được
Lại cũng tính xong bao nước biển
Mà công đức Phật chẳng thể lường.
Tất cả chúng sinh đồng ca ngợi
Uy danh, công đức của Như Lai
Tướng quí, vẻ đẹp tự nghiêm thân
Chẳng thể tính lường, biết giới hạn.
Tất cả nghiệp thiện con có được
Hồi hướng mau chứng Vô thượng tôn
Nguyện thuyết chính pháp lợi chúng sinh
Khiến họ thoát khỏi bao đau khổ.
Hàng phục ma vương và quân chúng

Chuyển bánh xe pháp thật vô cùng
Thường trụ thế gian vô số kiếp
Ban phát chúng sinh vị cam lồ.
Giống như chư Phật thời quá khứ
Đầy đủ sáu pháp ba-la-mật[193]
Diệt trừ tham dục và sân si
Hàng phục phiền não, trừ các khổ.
Con luôn nguyện được trí túc mạng
Nhớ lại quá khứ kiếp trăm nghìn
Cũng hằng nhớ nghĩ Mâu-ni Phật
Được nghe diệu pháp của Như Lai.
Con xin đem hết nghiệp thiện này
Phụng sự vô biên đấng tối tôn
Lại lìa tất cả nhân bất thiện
Luôn được tu hành pháp sâu mầu.
Nguyện cả chúng sinh các thế gian
Xa lìa nạn khổ được bình an
Những người các căn không đầy đủ
Giúp họ thân tướng được vẹn toàn.
Nếu có chúng sinh gặp bệnh khổ

Thân thể ốm gầy, chẳng chốn nương
Con nguyện giúp họ trừ diệt hết
Toàn thân sắc lực được tràn đầy.
Người phạm quốc pháp, sắp hành hình
Khổ lo bức ép, lòng buồn đau
Trong lúc đớn đau và buồn ấy
Không người cứu giúp và tựa nương.
Người bị gông cùm và đánh đập
Các loại hình cụ bức ép thân
Lúc chịu muôn nghìn đau khổ ấy
Bức ép thân tâm chẳng mảy vui.
Con nguyện giúp họ thoát tất cả
Nỗi khổ gông cùm và đánh đập
Người sắp hành hình, được toàn mạng
Xa lìa vĩnh viễn những khổ đau.
Nếu có chúng sinh bị đói khát
Con giúp họ được thức ăn ngon
Giúp mù được sáng, điếc được nghe
Người què vững bước, câm trọn lời.
Chúng sinh bần cùng được kho báu

Của cải đầy nhiều, hết thiếu nghèo
Tất cả đều giúp cho thuốc tốt
Không còn một ai chịu khổ đau.
Trời người khắp nơi đều muốn thấy
Dung nghi hòa nhã, lại đoan nghiêm
Hiện đời thân tâm vui vô lượng
Thụ dụng trọn vẹn, phúc đức đầy.
Nếu những chúng sinh thích âm nhạc
Âm thanh tuyệt diệu liền hiện tiền
Những người đang khát, nước trong hiện
Sen vàng trải khắp mặt hồ ao.
Tùy thuận chúng sinh lòng nghĩ đến
Nào là y phục cùng uống ăn
Giường nằm, lưu li và vàng bạc
Anh lạc trang nghiêm tự hiện đầy.
Không để chúng sinh nghe lời ác
Cũng không để thấy điều trái lòng
Thân tướng đoan nghiêm và xinh đẹp
Luôn khởi lòng từ thương yêu nhau.
Vật dụng và nhạc cụ thế gian

Tùy tâm nghĩ đến liền có đủ
Tiền của có được, con không tiếc
Phân phát hết cả cho chúng sinh.
Hương đốt, hương bột và hương xoa
Và các tạp hương nhiều màu sắc
Mỗi ngày ba thời nhặt từ cây
Tùy tâm thụ dụng lòng vui vẻ.
Nguyện khắp chúng sinh đều cúng dường
Tất cả Như Lai trong mười phương
Pháp môn tịnh diệu chính ba thừa[194]
Bồ-tát, Độc giác cùng Thanh văn.
Thường nguyện không sinh nơi hèn kém
Và nơi tám nạn cũng chẳng vào
Sinh trong loài người nơi tôn quí
Hằng được phụng sự Phật mười phương.
Nguyện luôn sinh vào nhà sang giàu
Của tiền, báu vật thảy đầy kho
Dung mạo, tiếng tăm không ai sánh
Thọ mạng kéo dài chẳng tính lường.
Nguyện cho người nữ biến thành nam

Thông minh trí tuệ lẫn oai hùng
Tất cả luôn hành Bồ-tát đạo
Siêng tu sáu độ đến bờ kia.
Thường gặp vô lượng Phật mười phương
Đồng ngự nơi cội cây Bảo vương[195]
Tại tòa sư tử lưu li đẹp
Chính thân nghe Phật chuyển pháp luân.
Nếu từ quá khứ đến hôm nay
Luân hồi ba cõi tạo nghiệp nhân
Chiêu cảm đường ác thật nhàm chán
Nguyện được tiêu trừ chẳng còn chi.
Tất cả chúng sinh nơi biển hữu[196]
Vướng lưới sinh tử thoát chẳng ra
Nguyện dùng kiếm trí mà rạch nát
Giúp chóng lìa khổ chứng bồ-đề.
Chúng sinh trong cõi Diêm-phù này
Hoặc tại bất kì thế giới nào
Tất cả phúc điền họ đã tạo
Hôm nay con nguyện được vui theo[197].
Tất cả phúc đức vui theo này

Cùng các pháp thiện ba nghiệp tạo
Nguyện cho ngày đêm luôn tăng trưởng
Để con mau chóng chứng bồ-đề.
Tất cả công đức khen ngợi Phật
Với lòng thanh tịnh, không bợn nhơ
Hồi hướng phát nguyện phúc vô biên
Vượt qua đường ác mười sáu kiếp.
Nếu có người nam và người nữ
Dòng họ tôn quí Bà-la-môn...
Chắp tay một lòng khen ngợi Phật
Đời đời nhớ được việc đã qua.
Các căn thanh tịnh, thân hoàn hảo
Công đức to đẹp đều trọn thành
Nguyện rằng bất cứ nơi sinh đến
Cũng được trời người cùng ngưỡng chiêm
Chẳng phải nơi một, hay mười Phật
Phải từ trăm nghìn đức Như Lai
Gieo trồng vô số những căn lành
Mới nghe được pháp sám hối này.

Thế Tôn nghe nói đoạn kệ này xong, liền khen Diệu Tràng: "Hay thay, hay thay! Âm thanh trống vàng khen ngợi công đức chân thật của các Như Lai Thế Tôn, và pháp sám hối mà ông mộng thấy, nếu ai nghe được, phúc đức rất nhiều, còn làm lợi ích cho các hữu tình, diệt trừ tội chướng. Ông nên biết rằng, sự nghiệp quí này đều do nhân duyên phát nguyện khen ngợi ở đời quá khứ, và do uy lực của Phật gia hộ. Về nhân duyên này, Ta sẽ giảng nói cho ông biết sau".

Nghe pháp này rồi, tất cả đại chúng vui mừng tin nhận, cung kính hành trì.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 3

PHẨM 5
DIỆT TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG

Bấy giờ Thế Tôn an trụ nơi trí phân biệt chính xác, nhập vào thiền định vi diệu sâu xa. Từ lỗ chân lông trên toàn thân Ngài phóng những tia sáng, đầy đủ vô lượng trăm nghìn màu sắc; rất nhiều cõi Phật, đến nỗi không thể dùng cát sông Hằng trong khắp mười phương so sánh thí dụ đều hiện trong đó. Thế gian năm trược[198] cũng được ánh sáng ấy chiếu soi đến. Những chúng sinh tạo mười nghiệp bất thiện, các tội Vô gián, khinh chê Tam bảo, bất hiếu cha mẹ, xem thường thầy tổ và Bà-la-môn, lẽ ra rơi vào địa ngục-ngạ quỉ và loài bàng sinh, nhưng khi xúc chạm luồng ánh sáng này liền được an lạc, dung mạo đoan chính, xinh đẹp đáng nhìn, thân tướng đầy đủ, phúc trí trang nghiêm, lại được gặp Phật.

Bấy giờ Đế Thích cùng các vị trời, nữ thần sông Hằng cùng với quyến thuộc nhận được ánh sáng thật hiếm có này, liền đến chỗ Phật, nhiễu Ngài ba vòng rồi ngồi một phía. Lúc ấy Đế Thích nương oai thần Phật, từ tòa đứng dậy, y lộ vai phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính, bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam thiện nữ làm sao cầu được Vô thượng bồ-đề, tu tập Đại thừa, nhiếp phục hữu tình tà kiến điên đảo? Người đã tạo tội, sám hối thế nào để được trừ diệt?".

Đức Phật dạy rằng: "Hay thay, hay thay! Này Đế Thích thiên, nay ông đã vì việc mình tu hành, lại muốn vô lượng vô biên chúng sinh đều được thanh tịnh, giải thoát an lạc mà thưa hỏi Ta. Ông có lòng từ, muốn làm lợi ích cho cả thế gian. Đế Thích hãy nghe! Nếu có chúng sinh, vì nghiệp chướng mà tạo các tội lỗi, thì nên siêng năng, ngày đêm sáu thời, đắp y đúng pháp, quì gối chắp tay, chí thành cung kính, nhất tâm nhất niệm, miệng tụng đọc rằng:

- Nhất tâm đảnh lễ chư Phật hiện tại, trong khắp mười phương, là những bậc đã đạt đến Vô thượng chính đẳng chính giác. Các Ngài hằng chuyển bánh xe diệu pháp[199], trì bánh xe diệu pháp[200], chiếu bánh xe diệu pháp[201], tuôn mưa Đại pháp, gióng trống Đại pháp, thổi loa Đại pháp, dựng cờ Đại pháp, cầm đuốc Đại pháp. Vì muốn lợi ích an lạc chúng sinh, cho nên các Ngài luôn ban giáo pháp, dạy dỗ dẫn dắt những kẻ mê mờ, khiến cho họ chứng quả vị rốt ráo, đạt đến thường lạc. Chư Phật như vậy, con xin chí thành vận hết ba nghiệp cúi đầu đảnh lễ. Các Đức Như Lai dùng tuệ chân thật, đôi mắt chân thật, chứng minh chân thật, bình đẳng chân thật thấy biết rõ ràng nghiệp thiện nghiệp ác của các chúng sinh. Từ đời vô thỉ sinh tử đến nay, chúng con mãi trôi theo dòng xấu ác, cùng với chúng sinh tạo các nghiệp chướng, ba độc trói buộc. Lúc chưa biết Phật, chưa biết chính pháp, chưa biết chúng tăng, chưa biết thiện ác thì ba nghiệp thân miệng ý của con tạo nghiệp Vô gián, khởi ác tâm làm thân Phật chảy máu, khinh chê chính pháp, phá hòa hợp

tăng, giết hại La-hán và cả cha mẹ. Thân tạo ba nghiệp, miệng gây bốn nghiệp, ý khởi ba nghiệp, cộng thành mười ác, hoặc chính mình tạo, hoặc thấy người tạo mà lòng vui theo. Đối với người thiện, thì con ngang ngược khinh khi phỉ báng, cân lường gian dối, cho giả là thật; bố thí cho người thức ăn thức uống không được tinh sạch. Từng gây nguy hại cho cha và mẹ trong khắp sáu đường[202]; trộm vật của tháp, của tăng bốn phương, của tăng hiện tiền, tự do sử dụng. Con lại không thích vâng học giáo pháp và giới luật Phật; cũng không vâng theo lời thầy chỉ dạy. Khi gặp các vị tu hạnh Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát, con lại nhục mạ, khiến họ phải sinh tâm ý phiền não, thấy ai hơn mình, ganh ghét đố kị; bỏn xẻn tài thí cho đến pháp thí[203]. Con bị vô minh che lấp, tà kiến làm mê, không tu nhân thiện, để cho pháp ác ngày càng tăng trưởng, phỉ báng chư Phật, lại điên đảo cho pháp là phi pháp, phi pháp là pháp.

Đức Thế Tôn với trí tuệ chân thật, cặp mắt chân thật, chứng minh chân thật, bình đẳng chân thật, nên thấy biết rõ tất cả tội nặng của

con như thế. Hôm nay con quì trước các Đức Phật chân thật tỏ bày, không dám che giấu, từ nay không dám tạo thêm tội mới, đồng thời sám hối những tội đã làm. Những nghiệp đã tạo đưa đến quả báo địa ngục-ngạ quỉ, bàng sinh-tám nạn và tất cả những nghiệp chướng đời này, con mong trừ hết, không còn phải chịu những quả báo xấu ở đời vị lai. Các Đại Bồ-tát ở đời quá khứ tu đạo bồ-đề, đã từng sám hối tất cả nghiệp chướng, hôm nay con cũng tỏ bày sám hối, không dám che giấu. Nguyện diệt trừ hết những tội đã làm, và không dám tạo thêm các nghiệp các. Các Đại Bồ-tát ở đời hiện tại trong khắp mười phương tu đạo bồ-đề, cũng đã sám hối tất cả nghiệp chướng, hôm nay con cũng tỏ bày sám hối tất cả nghiệp chướng, không dám che giấu, nguyện diệt trừ hết các tội đã làm, không dám tạo thêm các tội khác nữa.

Này thiện nam tử! Vì nguyên nhân này, nếu có tạo tội, không được che giấu, dù trong sát-na[204], nói gì lâu đến một ngày một đêm và lâu hơn nữa. Nếu có phạm lỗi, vì muốn

thanh tịnh, tâm phải hổ thẹn, tin chắc vị lai sẽ bị báo xấu, vô cùng sợ hãi, nên cần sám hối. Như người đang bị lửa đốt cháy đầu, cháy đến y phục, muốn dập tắt gấp, nếu lửa chưa tắt thì lòng chưa an; người đã phạm tội cũng giống như vậy, lập tức sám hối để chóng trừ diệt. Nếu có ước nguyện sinh vào những nơi giàu sang nhiều của, và muốn phát tâm tu tập Đại thừa, cũng nên sám hối diệt trừ nghiệp chướng. Nếu muốn sinh vào dòng Bà-la-môn, dòng Sát-đế-lợi, Chuyển luân thánh vương[205] đầy đủ bảy báu, thì cũng phải nên sám hối diệt trừ tất cả tội chướng. Nếu muốn sinh vào cõi Tứ Thiên Vương[206], Tam Thập Tam thiên, Dạ-ma[207], Đâu-suất[208], Lạc Biến Hóa thiên[209], Tha Hóa Tự Tại[210] cũng nên sám hối diệt trừ tội chướng. Nếu muốn sinh vào cõi trời Phạm Chúng[211], Phạm Phụ[212], Đại Phạm[213], cõi trời Thiểu Quang[214], trời Vô Lượng Quang[215], Cực Quang Tịnh thiên[216], cõi trời Thiểu Tịnh[217], trời Vô Lượng Tịnh[218], Biến Tịnh[219] Vô Vân[220], Phúc Sinh[221] Quảng Quả[222], Vô Phiền[223] Vô Nhiệt[224], Thiện Kiến[225] Thiện Hiện[226] và Sắc

Cứu Cánh[227], cũng nên sám hối diệt trừ tội chướng. Nếu muốn cầu được quả vị Dự lưu, Nhất lai-Bất hoàn và A-la-hán[228], cũng nên sám hối diệt trừ tội chướng. Nếu muốn cầu được ba minh-sáu thông, bồ-đề tự tại của Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, cho đến cầu đạt được Cứu cánh địa, cầu trí Nhất thiết trí[229], cầu được tịnh trí, bất tư nghị trí, cầu bất động trí, tam-miệu tam-bồ-đề chính biến trí, cũng nên sám hối diệt trừ tội chướng. Vì sao như thế? Vì tất cả pháp từ nhân duyên sinh, Như Lai đã nói: "Tướng dị này sinh, tướng dị kia diệt, vì nhân duyên dị". Như vậy nên biết, các pháp quá khứ đều đã diệt tận, tất cả nghiệp chướng đều đã không còn; tất cả các pháp nhân duyên chưa sinh thì nay được sinh, nghiệp chướng vị lai không thể sinh nữa. Vì sao như thế? Vì tất cả pháp rốt ráo đều không; Như Lai đã dạy: "Không có nhân-ngã, chúng sinh-thọ giả, cũng không sinh diệt, không có các pháp để hành trì." Tất cả các pháp đều nương bản thể, cũng không thể nói, vì vượt ra ngoài tất cả các tướng. Nếu có thiện nam và thiện nữ nào thể

nhập chân lí, khởi tâm kính tin, thì đó được gọi là vô chúng sinh mà hữu bản thể. Vì vậy nên nói sám hối diệt trừ hết nghiệp chướng vậy. Này thiện nam tử! Nếu người thành tựu bốn pháp sau đây, sẽ trừ nghiệp chướng, vĩnh viễn thanh tịnh:

- Chẳng khởi tâm tà, luôn luôn chính niệm.

- Không bài xích và khinh thường nghĩa lí sâu xa vi diệu.

- Lúc mới phát tâm tu hạnh Bồ-tát, nên khởi tâm Nhất thiết trí.

- Từ bi vô lượng đối với chúng sinh.

Thế Tôn nói kệ trùng tuyên nghĩa trên:

Một lòng giữ ba nghiệp
Không chê pháp sâu xa
Khởi tâm Nhất thiết trí
Tâm từ, sạch nghiệp chướng.

Này thiện nam tử! Có bốn nghiệp chướng rất khó trừ diệt:

- Phạm tội cực ác trong giới Bồ-tát[230].

- Phỉ báng Đại thừa.

- Căn lành của mình không thể tăng trưởng.

- Tham đắm ba cõi, không muốn xa lìa.

Lại có bốn pháp đối trị nghiệp chướng:

Gần gũi tất cả các đức Như Lai, tỏ bày tội lỗi.

Vì các chúng sinh thỉnh cầu chư Phật thuyết pháp sâu mầu.

Tùy hỉ công đức của các chúng sinh.

Hồi hướng tất cả công đức căn lành về Vô thượng giác.

Bấy giờ Đế Thích bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả nam nữ trong cả thế gian, có người tu tập, có người không thể tu tập Đại thừa, làm sao vui theo công đức thiện căn của cả chúng sinh?".

Đức Phật dạy rằng: "Nếu có chúng sinh, tuy không thể tu theo pháp Đại thừa, nhưng nếu ngày đêm siêng năng đắp y như pháp, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính, nhất tâm

vui theo thì cũng sẽ được vô lượng phúc đức. Đồng thời người ấy cũng nên bày tỏ:

- Tất cả chúng sinh trong các thế giới ở khắp mười phương, hiện tại tu hành bố thí trì giới, thiền định trí tuệ, con đều tùy hỉ. Do phúc tùy hỉ, nhất định sẽ được quả vị cao quí không gì sánh bằng. Như vậy con cũng tùy hỉ tất cả những căn lành mà chúng sinh quá khứ, vị lai đạt được. Lại nữa con cũng nhất tâm khen ngợi, tùy thuận vui theo tất cả công đức của các vị mới hành đạo Bồ-tát, phát tâm bồ-đề, công đức của những vị đã trải qua trăm nghìn đại kiếp tu hạnh Bồ-tát được Vô sinh nhẫn, cho đến công đức của những Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ[231], được bất thoái chuyển. Con cũng tùy hỉ, khen ngợi công đức của tất cả các Bồ-tát quá khứ; vị lai cũng như thế.

Lại nữa hiện tại chư Phật Như Lai, Ứng Chính Biến Tri ở khắp mười phương chứng Diệu bồ-đề, vì độ chúng sinh, nên đồng vận chuyển pháp luân vô thượng, thực hiện pháp thí tự tại vô ngại, gióng trống Đại pháp, thổi

loa Đại pháp, dựng cờ Đại pháp, tuôn mưa Đại pháp, xót thương dạy dỗ. Tất cả chúng sinh một lòng tin nhận, đều nhờ pháp thí, mà hưởng trọn niềm an lạc vô biên; tất cả Bồ-tát, độc giác-thanh văn đầy đủ công đức, tích tụ căn lành; những chúng sinh nào chưa đủ công đức, thì giúp đầy đủ; những việc làm này, con đều tùy hỉ. Con cũng một lòng tùy thuận vui theo tất cả công đức của các Đức Phật, Bồ-tát-độc giác và hàng thanh văn quá khứ vị lai.

Tùy hỉ như thế, sẽ được vô lượng tụ công đức. Nếu có người nam và những người nữ lòng tin thanh tịnh, trọn đời dâng cúng y phục quí giá, thức uống thức ăn, đồ nằm thuốc men cho cả chúng sinh trong Hằng hà sa tam thiên đại thiên đã đoạn phiền não, thành A-la-hán, thì công đức ấy, cũng không bằng một phần nghìn công đức của người tùy hỉ. Vì sao như thế? Bởi vì tất cả công đức cúng dường thì có hạn lượng, không bao trùm hết những công đức khác; còn tất cả các công đức tùy hỉ thì vô hạn lượng, gồm thâu tất cả công đức ba đời. Cho nên người nào muốn cầu tăng trưởng căn

lành thù thắng, thì nên tu tập công đức tùy hỉ. Nếu người nữ nào muốn chuyển thành nam mà tu hạnh này, thì nhất định sẽ hiện thành thân nam.

Bấy giờ Đế Thích bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Chúng con đã biết công đức tùy hỉ, bây giờ cúi xin Thế Tôn nói về công đức khuyến thỉnh, để các Bồ-tát ở đời hiện tại chân thật tu hành, các vị Bồ-tát ở đời vị lai chuyển đại pháp luân!".

Đức Phật dạy rằng:

- Nếu những nam nữ lòng tin thanh tịnh, muốn cầu Vô thượng chính đẳng chính giác mà tu các pháp Thanh văn-Độc giác và pháp Đại thừa, thì người này nên suốt ngày trọn đêm, đầy đủ oai nghi như đã nói trước, chuyên tâm nhất niệm thành kính nói rằng:

- Con xin quay về nương tựa chư Phật trong khắp mười phương, các Ngài đã chứng Vô thượng bồ-đề, nhưng chưa vận chuyển pháp luân vô thượng, mà muốn bỏ thân để vào niết-bàn. Nay con chí thành đảnh lễ

khuyến thỉnh các Ngài chuyển pháp, tuôn mưa Đại pháp, đốt đèn Đại pháp, soi sáng ý thú, ban pháp vô ngại. Cúi xin các Ngài không vào niết-bàn, mà an trụ mãi nơi thế gian này, cứu độ chúng sinh, giúp họ an lạc, cho đến đạt được vô tận an lạc. Con xin hồi hướng tất cả công đức khuyến thỉnh này về Vô thượng bồ-đề. Như các vị Đại Bồ-tát quá khứ, hiện tại-vị lai, hồi hướng công đức khuyến thỉnh về đạo Vô thượng bồ-đề, con cũng cúi xin hồi hướng như vậy.

Này thiện nam tử! Công đức của người khuyến thỉnh Như Lai chuyển đại pháp luân, hơn cả công đức của người đã dùng bảy báu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường các đức Như Lai. Vì sao như thế? Vì đó chỉ là cúng dường tài vật, còn đây chính là ban cho diệu pháp. Đừng nói bảy báu đầy cả tam thiên, dù dùng bảy báu đầy cả Hằng sa đại thiên thế giới dâng cúng đi nữa, cũng không thể bằng công đức khuyến thỉnh. Vì ban diệu pháp có năm điều hơn: một là ban pháp thì lợi ích cho cả mình và người, còn giúp tiền tài

thì không như thế; hai là ban pháp thì giúp chúng sinh ra khỏi ba cõi, còn phúc giúp tiền vẫn trong cõi Dục[232]; ba là ban pháp thì sẽ đạt được thanh tịnh Pháp thân, giúp tiền tài chỉ tăng trưởng sắc thân; bốn là ban pháp thì thật vô cùng, còn giúp tiền tài thì thật hữu hạn; năm là ban pháp thì có năng lực đoạn trừ vô minh, giúp tài chỉ có thể chế phục tham ái.

Cho nên biết rằng, công đức khuyến thỉnh chuyển đại pháp luân vô lượng vô biên, không thể ví dụ. Như vào quá khứ, lúc Ta còn tu tập đạo Bồ-tát, đã từng khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân, do căn lành này, cho nên hôm nay Đế Thích-Phạm vương… lại khuyến thỉnh ta chuyển đại pháp luân. Thỉnh chuyển pháp luân là vì muốn độ tất cả chúng sinh, giúp họ an lạc. Như Ta ngày xưa, lúc còn tu đạo Vô thượng bồ-đề, đã thỉnh Như Lai trụ mãi thế gian, không vào niết-bàn; do căn lành này, cho nên hôm nay Ta được mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại biện, đại từ đại bi, các pháp bất cộng. Ta sẽ vào cõi Vô dư niết-bàn, chính pháp của Ta trụ lâu thế gian. Pháp thân Như

Lai vô cùng thanh tịnh, không gì sánh bằng, đầy đủ diệu tướng, vô lượng trí tuệ, vô lượng tự tại, vô lượng công đức, chẳng thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh đều được lợi ích, trăm nghìn vạn kiếp không thể nói hết.

Pháp thân thâu giữ tất cả các pháp, nhưng tất cả pháp không thể thâu giữ Pháp thân vi diệu. Pháp thân thường trụ mà không rơi vào kiến chấp thường còn, Pháp thân đoạn diệt nhưng chẳng phải rơi vào kiến chấp đoạn diệt, lại có năng lực phá dẹp dị kiến, giúp cho chúng sinh phát khởi chân kiến. Pháp thân mở được những trói buộc của tất cả chúng sinh, nhưng không thấy có trói buộc để mở, đồng thời cũng trồng cội lành cho họ. Người chưa hoàn thiện, Pháp thân khiến cho họ được hoàn thiện, người đã hoàn thiện giúp được giải thoát. Pháp thân vô tác, không có lay động, xa lìa ồn náo, vắng lặng vô vi, tự tại an lạc, không thuộc ba đời mà hiện trụ nơi ba đời, siêu việt cảnh giới Thanh văn-Độc giác, là pháp tu hành của Đại Bồ-tát; các đức Như Lai cũng đồng chứng Pháp thân này. Các thành

quả ấy đều từ thiện căn công đức khuyến thỉnh. Như Lai đã đạt được Pháp thân này. Muốn chứng Vô thượng chính đẳng chính giác, mà giảng cho người nghe một câu kinh, hay một bài kệ, thiện căn công đức cũng đã vô hạn, huống gì khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân, trụ mãi ở đời, không vào niết-bàn!

Thiên đế lại thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu những nam nữ vì cầu Vô thượng chính đẳng chính giác mà tu Tam thừa, nên làm thế nào hồi hướng tất cả căn lành có được về Nhất thiết trí?"

Đức Phật dạy rằng: "Nếu có chúng sinh muốn cầu Vô thượng chính đẳng chính giác mà tu Tam thừa, hồi hướng tất cả căn lành có được về Nhất thiết trí, thì người ấy phải ngày đêm tha thiết, chí thành thưa rằng:

- *Con từ vô thỉ sinh tử đến nay, tất cả căn lành do nương Tam bảo tu tập thành tựu, cho đến tất cả căn lành có được do ban cho loài bàng sinh nắm cơm, hoặc dùng ngôn từ hòa giải đấu tranh, hoặc thụ tam qui và các học xứ,*

hoặc là sám hối, khuyến thỉnh tùy hỉ, nay con khởi tâm gom lấy tất cả, ban cho chúng sinh, không mảy tham tiếc. Vì đây là những căn lành thuộc phần giải thoát. Như chỗ thấy biết của các Đức Phật, thật vô hạn lượng, vô ngại thanh tịnh, tất cả thiện căn có được như thế, ban cho chúng sinh mà không trụ tướng cũng không lìa tướng; con cũng như vậy, ban hết tất cả công đức thiện căn cho các chúng sinh; với ước nguyện được đôi tay như ý, nắm bắt hư không liền được vật báu, hầu làm thỏa mãn tất cả mong cầu, khiến cho chúng sinh giàu có vô tận, trí tuệ vô cùng, luận biện diệu pháp không hề ngăn trệ, rồi cùng chúng sinh chứng đạo Vô thượng chính đẳng chính giác, đủ Nhất thiết trí. Vô lượng pháp thiện, do căn lành này sinh ra cũng đều hồi hướng Vô thượng bồ-đề. Các Đại Bồ-tát ở trong quá khứ, hiện tại-vị lai, trong khi tu hành, có được bao nhiêu công đức thiện căn, đều hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Con cũng như vậy, hồi hướng tất cả công đức thiện căn mà con có được, về đạo Vô thượng chính đẳng chính giác. Nguyện dùng

tất cả các thiện căn này, cùng với chúng sinh đồng thành Chính giác. Như các Đức Phật, ngồi nơi cội Giác tại Bồ-đề tràng, thanh tịnh vô ngại chẳng thể nghĩ bàn, trụ trong Vô tận pháp tạng tam-muội, định Thủ-lăng-nghiêm, phá dẹp Ba-tuần và nhiều quân chúng. Tất cả những pháp cần phải thấy biết và cần thông đạt, trong một sát-na thảy đều thấu suốt. Vào khoảng cuối đêm, Ngài hoàn toàn chứng được nghĩa cam lộ. Con và chúng sinh cũng nguyện đồng chứng Diệu giác như vậy. Như các Đức Phật: Vô Lượng Thọ, Thắng Quang, Diệu Quang, A-súc, Công Đức Thiện Quang, Sư Tử Quang Minh, Bách Quang Minh, Võng Quang Minh, Bảo Tướng, Bảo Diễm, Diễm Minh, Diễm Thạnh Quang Minh, Cát Tường Thượng Vương, Vi Diệu Thanh, Diệu Trang Nghiêm, Pháp Tràng, Thượng Thắng Thân, Khả Ái Sắc Thân, Quang Minh Biến Chiếu, Phạm Tịnh Vương, Thượng Tính trong suốt ba thời quá khứ-vi lai cho đến hiện tại, thị hiện ứng hóa, được đạo Vô thượng chính đẳng chính giác, chuyển pháp luân vô

thượng độ chúng sinh, con cũng thệ nguyện đạt được như vậy.

Này thiện nam tử! Nếu có người nam cùng với người nữ thụ trì đọc tụng, ghi nhớ không quên, giảng cho người nghe phẩm Trừ nghiệp chướng, kinh *Kim quang minh*, sẽ được vô lượng vô biên công đức. Ví như tất cả chúng sinh trong cõi tam thiên đại thiên đồng được thân người, đồng thành Độc giác, rồi có người nam hoặc là người nữ, suốt đời cung kính dâng cúng tứ sự cho đến bảy báu, chất cao như núi Tu-di[233] cho các vị Độc giác ấy, sau khi các vị Độc giác niết-bàn, lại dùng báu vật xây tháp cúng dường, tháp cao mười hai du-thiện-na[234], trang hoàng hương hoa, cờ xí lọng báu. Ông nghĩ thế nào, công đức người này có nhiều hay không?".

Đế Thích thưa rằng:

- Bạch đứcThế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật lại dạy:

- Nếu người thụ trì, đọc tụng ghi nhớ, rồi giảng nói phẩm *Diệt trừ nghiệp chướng* kinh

Kim quang minh, vua trong các kinh, sẽ được công đức nhiều gấp trăm nghìn, vạn ức lần của người cúng dường kia, cho đến không thể so sánh thí dụ. Vì sao như vậy? Vì người này đã trụ trong chính hạnh, thỉnh các Đức Phật chuyển đại pháp luân, được các Đức Phật hoan hỉ khen ngợi. Như Ta đã nói, bố thí giáo pháp là bậc nhất trong các pháp bố thí. Cho nên ta nói, phúc cúng Tam bảo cũng không sánh bằng; phúc khuyên mọi người lãnh thụ Tam qui, giữ tất cả giới mà không hủy phạm, ba nghiệp chẳng uổng, cũng không sánh bằng; phúc khuyên chúng sinh trong mọi thế giới, tùy theo năng lực, tùy thuận ước nguyện đối với ba thừa phát tâm bồ-đề, cũng không sánh bằng; phúc giúp chúng sinh trong cả ba đời, khắp mọi thế giới, mau chóng thành tựu tất cả công đức, cũng không sánh bằng; phúc giúp chúng sinh trong cả ba đời, ở mọi thế giới không còn chướng ngại, chứng đắc bồ-đề, cũng không sánh bằng; phúc khuyên chúng sinh trong mọi thế giới, ở cả ba đời mau chóng ra khỏi nỗi khổ cõi ác, cũng không sánh bằng;

phúc khuyên chúng sinh trong mọi thế giới, ở cả ba đời diệt trừ ác nghiệp cực nặng, cũng không sánh bằng; phúc giúp chúng sinh giải thoát khổ não, cũng không sánh bằng; phúc giúp chúng sinh giải thoát tất cả những nỗi sợ hãi, khổ não bức bách, cũng không sánh bằng; phúc khuyên chúng sinh có bao công đức, nên ở trước các Đức Phật ba đời, tùy hỉ phát nguyện bồ-đề, cũng không sánh bằng; phúc khuyên chúng sinh diệt trừ các nghiệp mạ nhục xấu ác, phát nguyện thành tựu tất cả công đức, sinh ở nơi nào cũng khuyên cúng dường, tôn trọng khen ngợi tất cả Tam bảo, khuyên mọi chúng sinh tu tập phúc nghiệp, thành tựu bồ-đề, cũng không sánh bằng. Vì thế nên biết, khuyến thỉnh Tam bảo trong cả ba đời, ở mọi thế giới, khuyên hành trọn vẹn sáu ba-la-mật[235], khuyến thỉnh chư Phật Thế Tôn vận chuyển pháp luân vô thượng, khuyến thỉnh chư Phật trụ thế vô lượng kiếp, thuyết giảng vô lượng diệu pháp sâu xa, thì đạt được công đức không gì sánh bằng.

Bấy giờ Đế Thích, nữ thần sông Hằng, vô lượng Phạm thiên, Tứ Đại Thiên vương cùng lúc đứng dậy, áo lộ vai phải, chân phải quì gối, chắp tay đảnh lễ, bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay chúng con đều đã nghe được *kinh Kim quang minh*, nguyện xin nhận lãnh, giữ gìn đọc tụng, giảng cho người nghe, suốt đời an trụ nơi pháp. Vì sao như thế? Vì chúng con muốn cầu đạo Vô thượng chính đẳng chính giác, tùy thuận đặc tính cao quí hi hữu của nghĩa kinh này, theo đó tu hành".

Nói xong các vị Phạm vương-Đế Thích… tung hoa mạn-đà-la[236] lên Đức Phật; tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động mạnh, tất cả trống trời và các nhạc khí, không trổi tự vang, phát ra âm thanh tuyệt diệu, ánh sáng màu vàng ròng chiếu khắp thế gian. Đế Thích lại thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đó là sức thần của *Kim quang minh* từ bi độ khắp, tạo nhiều lợi ích, nhiều cách tăng trưởng căn lành bồ-đề, diệt trừ nghiệp chướng".

Đức Phật dạy rằng: "Đúng thế, đúng thế! Đúng như ông nói. Vì ta nhớ lại, vào thời quá khứ, cách đây vô lượng trăm nghìn kì kiếp, có Đức Phật Bảo Vương Đại Quang Chiếu Như Lai, Ứng Chính Biến Tri xuất hiện ở đời, trụ thế sáu trăm tám mươi ức kiếp. Vì muốn hóa độ tất cả chúng sinh: loài người, chư thiên, Đế Thích, sa-môn và Bà-la-môn, khiến họ an lạc, nên hội thứ nhất, thuyết pháp độ trăm nghìn ức ức vạn được quả A-la-hán, dứt sạch phiền não, đầy đủ ba minh, sáu món thần thông, tự tại vô ngại; hội thứ hai thuyết pháp, độ chín mươi nghìn ức ức vạn đắc quả A-la-hán, dứt sạch phiền não, đầy đủ ba minh, sáu món thần thông, tự tại vô ngại; hội thứ ba thuyết pháp, độ chín mươi tám nghìn ức ức vạn được quả A-la-hán, dứt sạch phiền não, đầy đủ ba minh, sáu món thần thông, tự tại vô ngại. Bấy giờ Ta là một người nữ tên Phúc Bảo Quang Minh. Trong hội thứ ba, Ta được gần Phật, thụ trì đọc tụng kinh *Kim quang minh*, rồi giảng cho người để cầu Vô thượng chính đẳng chính giác. Bấy giờ Thế Tôn thụ kí cho Ta: 'Thiện nữ

Phúc Bảo Quang Minh, vị lai thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn'. Cho nên từ khi bỏ thân người nữ, mãi đến về sau, Ta đã vượt qua các nẻo xấu ác, sinh vào cõi trời cõi người, hưởng trọn niềm vui. Kế đó Ta làm Chuyển luân thánh vương trong suốt tám mươi bốn trăm nghìn đời, cho đến hôm nay thành bậc Chính giác, danh tiếng vang khắp tất cả thế gian.

Bây giờ bỗng nhiên đại chúng thấy một đức Phật Như Lai đang chuyển pháp luân, giảng thuyết pháp mầu. Này các thiện nam! Đức Phật mà các ông đang thấy đó, là đức Bảo Vương Quang Chiếu Như Lai, trú tại thế giới Bảo Trang Nghiêm ở phương đông, cách đây hơn Hằng hà sa cõi Phật. Đức Phật này chưa vào niết-bàn, đang thuyết pháp mầu giáo hóa chúng sinh.

Nếu những người nam và những người nữ, lòng tin thanh tịnh nghe được danh hiệu của đức Bảo Vương Quang Chiếu Như Lai, thì không lui sụt giai vị Bồ-tát cho đến đạt được cảnh Đại niết-bàn. Nếu những người nữ nghe được danh hiệu của Đức Phật này, vào lúc lâm chung sẽ thấy Ngài đến nơi ở của mình, từ đó về sau sẽ không còn mang thân tướng người nữ. Kinh *Kim quang minh* sâu xa nhiệm mầu, tạo nhiều lợi ích, có nhiều cách giúp tăng trưởng bồ-đề, diệt trừ nghiệp chướng.

Này những thiện nam! Nếu có bí-sô, cùng bí-sô-ni, ô-ba-sách-ca[237], ô-ba-tư-ca[238] giảng cho người nghe kinh *Kim quang minh* bất cứ nơi nào, thì ở nơi ấy và quốc gia ấy được bốn phúc lợi:

- Quốc vương không bệnh, không có tai họa.

- Quốc vương sống lâu, không bị chướng ngại.

- Không có thù địch, quân đội hùng mạnh.

- Thái bình thịnh vượng, Phật pháp mãi được truyền bá rộng khắp.

Vì vua này được Đế Thích-Phạm vương, Tứ Thiên Vương thiên cho đến Dạ-xoa giúp đỡ bảo vệ.

Thế Tôn hỏi rằng:

- Tất cả các vị! Có đúng vậy chăng?

Tức thời vô lượng Đế Thích-Phạm vương, Tứ Thiên Vương thiên và các Dạ-xoa đồng thanh đáp rằng: Bạch đức Thế Tôn! Dạ đúng, dạ đúng! Nếu quốc gia nào có người đọc tụng, tuyên giảng bộ kinh vô cùng nhiệm mầu, vua của các kinh, thì chúng con sẽ luôn theo bảo vệ quốc vương nước ấy mọi lúc mọi nơi; nếu có tai ương, quân địch xâm lấn, sẽ giúp tiêu trừ. Đồng thời chúng con cũng trừ khử hết tất cả lo buồn, tai ương dịch bệnh, khiến tăng thọ mạng, cảm hiện điềm lành, thỏa mãn tâm nguyện, luôn luôn an vui. Chúng con cũng giúp quân đội nước ấy trở nên hùng mạnh.

Đức Phật khen rằng:

- Hay thay, hay thay! Này thiện nam tử! Các vị cần nên thực hành như thế! Vì khi quốc vương tu theo pháp Phật, thì cả nhân dân, cũng cùng học theo, tu tập Phật pháp. Bấy giờ các vị cũng sẽ được lợi, tăng thêm sức mạnh, thân tướng đoan nghiêm, cung điện rực rỡ, quyến thuộc cường thịnh.

Đế Thích-Phạm vương, bốn trời Hộ Thế và các Dạ-xoa, đồng bạch Phật rằng: "Dạ đúng như thế, thưa đức Thế Tôn!".

Đức Phật lại dạy: Nếu quốc gia nào, có người đọc tụng, giảng nói truyền bá bộ kinh vua này, thì các quan lớn quan nhỏ nước ấy được bốn lợi ích:

- Thân gần hòa thuận, cung kính tôn trọng, thương yêu lẫn nhau.

- Luôn được nhà vua mến mộ xem trọng, cũng được sa-môn, các Bà-la-môn và các quốc gia lớn nhỏ tôn kính.

- Xem thường tài vật, tôn trọng Phật pháp, không tâm mong cầu lợi ích thế gian, danh tiếng vang xa, mọi người kính ngưỡng.

- Tuổi thọ kéo dài, an ổn sung sướng.

Các vị sa-môn và Bà-la-môn trong quốc gia này được bốn lợi ích:

- Đầy đủ y phục, thức ăn thức uống, vật dụng ngủ nghỉ, thuốc men trị bệnh.

- An tâm tư duy, đọc tụng kinh điển.

- An vui ẩn tu nơi chốn núi rừng.

- Thỏa mãn ước mong.

Ngoài ra nhân dân giàu có hạnh phúc, không bị dịch bệnh; còn các thương gia qua lại bán buôn, thu được nhiều hàng hóa và báu vật, đầy đủ phúc lợi. Đó là những lợi ích do kinh *Kim quang minh* đưa đến.

Bấy giờ các vị Phạm vương-Đế Thích, bốn trời Hộ Thế, tất cả đại chúng đồng bạch Đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nghĩa lí kinh này thật là sâu xa, nếu còn lưu truyền mãi tại thế gian, thì ba bảy phẩm bồ-đề cũng còn, nếu kinh này diệt, chính pháp cũng diệt".

Đức Phật lại bảo: Đúng vậy, đúng vậy! Cho nên phải nhớ, đối với kinh này, dù chỉ một câu,

một kệ một phẩm cho đến một bộ, các ông cần phải nhất tâm đọc tụng cho thật chính xác, nghe nhận chính xác, suy nghĩ chính xác, hành trì chính xác, rồi vì chúng sinh mà truyền bá rộng đến khắp mọi nơi.

Nghe Đức Phật dạy, tất cả chúng hội được lợi ích lớn, nên đều vui vẻ, nhận lãnh hành trì.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 4

PHẨM 6
TỊNH ĐỊA ĐÀ-LA-NI

Bấy giờ trong hội, Bồ-tát Sư Tử Tướng Vô Ngại Quang Diễm cùng với vô lượng quyến thuộc từ tòa đứng dậy, y lộ vai phải, chân phải quì gối, cung kính chắp tay, đảnh lễ chân Phật, dâng cúng hoa đẹp, hương thơm cờ phướn, lọng tàn quí báu, rồi bạch Đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Có mấy nhân duyên được tâm bồ-đề? Tâm bồ-đề là gì? Đối với bồ-đề, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, tâm quá khứ bất khả đắc; lìa bồ-đề không có tâm bồ-đề. Bồ-đề không thể diễn đạt bằng lời; tâm cũng không có tất cả sắc tướng, chẳng phải sự nghiệp[239], chẳng thể tạo tác; tất cả chúng sinh cũng bất khả đắc, cũng không thể biết. Bạch đức Thế Tôn! Làm sao biết được nghĩa lí sâu xa của tất cả pháp?

Phật dạy: Đúng thế, đúng thế! Bồ-đề nhiệm mầu, sự nghiệp hay tạo tác đều chẳng phải. Nếu lìa bồ-đề, không thể có tâm bồ-đề, bồ-đề không thể diễn đạt bằng lời, tâm cũng không thể diễn đạt bằng lời, không thuộc sắc tướng, chẳng phải sự nghiệp; tất cả chúng sinh cũng bất khả đắc. Vì sao như thế? Vì bồ-đề và tâm đồng chân như, tâm năng chứng và bồ-đề sở chứng thảy đều bình đẳng, nhưng chẳng phải không có các pháp để chúng ta nhận biết. Bậc Đại Bồ-tát thấu suốt như thế, mới gọi là bậc thông hiểu các pháp, có thể luận bàn đúng về bồ-đề và tâm bồ-đề. Tâm bồ-đề này chẳng thuộc quá khứ, hiện tại-vị lai, tâm cũng như vậy, chúng sinh cũng vậy, ở nơi đây thật không có hai tướng. Vì tất cả pháp thảy đều vô sinh, không chỉ bồ-đề này bất khả đắc, danh từ bồ-đề cũng bất khả đắc, chúng sinh cũng như danh từ chúng sinh cũng bất khả đắc, thanh văn và cả danh từ thanh văn cũng bất khả đắc, Độc giác và cả danh từ độc giác cũng bất khả đắc, Bồ-tát cho đến danh từ Bồ-tát cũng bất khả đắc, Phật-danh từ Phật cũng bất khả đắc,

tu hành cho đến chẳng phải tu hành cũng bất khả đắc, danh từ tu hành-chẳng phải tu hành cũng bất khả đắc. Vì bất khả đắc, nên an trú trong các pháp vắng lặng. Tất cả đều nhờ công đức thiện căn mà được sinh khởi.

Này các thiện nam! Tâm bồ-đề này làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, giống như núi báu Tu-di làm lợi ích cho tất cả, đó là nhân của thí ba-la-mật; tâm bồ-đề này giống như mặt đất giữ gìn muôn vật, là nhân của trì giới ba-la-mật; tâm bồ-đề này giống như sư tử có uy lực lớn, đi đứng một mình mà không sợ hãi, là nhân của nhẫn nhục ba-la-mật; tâm bồ-đề này giống như phong luân, như Na-la-diên, dõng mãnh-nhanh chóng, không hề lui sụt, đó là nhân của cần ba-la-mật; tâm bồ-đề như lâu đài bảy báu, chung quanh có bốn con đường bậc thềm, những luồng gió mát thổi vào bốn cửa, giúp người mát mẻ, sảng khoái an vui, kho tàng tĩnh lự cũng lại như thế, hay làm thỏa mãn mọi sự mong cầu, là nhân của tĩnh lự ba-la-mật; tâm bồ-đề như mặt trời sáng chói, chóng phá màn đêm vô minh sinh

tử, là nhân của trí tuệ ba-la-mật. Tâm bồ-đề có năng lực vượt thoát đường hiểm sinh tử, thâu hoạch được nhiều báu vật công đức, như các thương gia có thể thỏa mãn tất cả ước nguyện, là nhân của phương tiện ba-la-mật; tâm bồ-đề này hoàn toàn thanh tịnh đối với mọi cảnh, như trăng tròn sáng, không bị mây che, đó là nhân của nguyện ba-la-mật; tâm bồ-đề có năng lực trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, cũng có vô lượng công đức lợi ích tất cả chúng sinh, như vị đại thần nắm giữ quân đội của Chuyển luân vương, tự do tùy ý, đó là nhân của lực ba-la-mật; tâm bồ-đề này không chướng ngại với tất cả cảnh giới, giống như hư không tự tại đối với tất cả vị trí, như Quán đảnh vương tự tại với địa vị Quán đảnh, đó là nhân của trí ba-la-mật. Đó là mười nhân về tâm bồ-đề của Đại Bồ-tát, ông nên tu tập.

Này thiện nam tử!

- Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh bố thí ba-la-mật: một là lòng tin; hai là từ bi; ba không tham cầu; bốn là giúp đỡ,

bảo vệ chúng sinh; năm là nguyện đạt được Nhất thiết trí.

- Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh trì giới ba-la-mật: một, ba nghiệp thân miệng ý trong sạch; hai là chẳng gây những nguyên nhân khiến chúng sinh phiền não; ba, đóng nẻo ác, mở con đường thiện; bốn là vượt giới hạn Thanh văn-Độc giác; năm là đầy đủ tất cả công đức.

Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh nhẫn nhục ba-la-mật: một là diệt ba độc tham sân si; hai là không hề quí tiếc thân mạng, không có ý niệm mong cầu ngủ nghỉ an ổn; ba là suy nghĩ đến nghiệp ngày xưa, gặp khổ nhẫn chịu; bốn là từ bi cứu giúp chúng sinh thành tựu căn lành; năm là mong được Vô sinh pháp nhẫn.

-Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh cần sách ba-la-mật[240]: một là không thích sống với phiền não; hai là khi chưa đầy đủ phúc đức, chưa hưởng an lạc; ba là không chán hạnh khổ khó tu; bốn là khởi tâm đại

từ đại bi giúp đỡ bảo vệ, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, lại dùng phương tiện giúp họ thành thục; năm là mong cầu đạt được vị Bất thoái chuyển.

-Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh tĩnh lự ba-la-mật[241]: một là gom giữ tất cả pháp thiện, không để tán lạc; hai là luôn có tâm nguyện giải thoát, không mắc nhị biên[242]; ba là luôn nguyện đạt được thần thông, để giúp chúng sinh thành tựu căn lành; bốn là dứt trừ tất cả tâm cấu, trong sạch pháp giới; năm là đoạn trừ căn bản phiền não cho các chúng sinh.

-Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh trí tuệ ba-la-mật: một là gần gũi cúng dường chư Phật, các vị Bồ-tát và bậc trí sáng mà không bao giờ có tâm chán bỏ; hai là luôn luôn thích nghe giáo pháp sâu xa của Phật, không bao giờ lòng cảm thấy nhàm chán; ba là ưa thích phân biệt thấu suốt thắng trí chân đế, thắng trí tục đế; bốn là đoạn trừ phiền não kiến hoặc[243], phiền não tu hoặc[244];

năm là thông đạt năm minh[245], gồm kĩ thuật và nghệ thuật thế gian.

-Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh phương tiện ba-la-mật: một là biết rõ tất cả ý thích, phiền não cùng với tâm hành[246] sai biệt của các chúng sinh; hai là thấu suốt các môn đối trị; ba là tự tại xuất nhập định đại từ bi; bốn là phát nguyện tu tập thành tựu các ba-la-mật; năm là nguyện hiểu tất cả Phật pháp.

-Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu hạnh nguyện ba-la-mật: một là quán biết các pháp xưa nay chẳng sinh chẳng diệt, chẳng có chẳng không mà tâm an trụ; hai là quán lí sâu xa nhiệm mầu của tất cả các pháp là trong sạch, xa lìa cấu bẩn mà tâm an trụ; ba là quán biết vượt qua ý niệm là đạt chân như, không thuộc tạo tác, không sinh không diệt, chẳng khác-chẳng động mà tâm an trụ; bốn là vì muốn lợi ích chúng sinh mà tâm an trụ nơi pháp tục đế; năm là tâm được an trụ

khi xa-ma-tha[247] và tì-bát-xá-na[248] đồng thời vận hành.

- Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu lực ba-la-mật: một là dùng sức chính trí thấu suốt tâm hành thiện ác của các chúng sinh; hai là giúp cho chúng sinh chứng pháp sâu xa vi diệu; ba là thấy biết đúng các chúng sinh tùy theo duyên nghiệp mà luân hồi sinh tử; bốn là dùng sức chính trí phân biệt rõ ràng ba hạng căn tính chúng sinh; năm là dùng sức trí tuệ như lí giảng thuyết, khiến cho chúng sinh trồng sâu cội lành, rồi thành thục mà đạt đến giải thoát.

- Do năm điều kiện mà Đại Bồ-tát thành tựu trí ba-la-mật: một là phân biệt các pháp thiện ác; hai là xa lìa pháp ác, thâu nhận pháp lành; ba là không chán sinh tử cũng không ưa thích niết-bàn; bốn là đầy đủ phúc trí, đạt đến rốt ráo; năm là được vị Quán đảnh[249] tối thắng, đầy đủ tất cả các pháp bất cộng của chư Phật và trí Nhất thiết trí.

Này thiện nam tử! Ba-la-mật gồm có các nghĩa: Tu tập đạt được lợi ích tối thượng; trọn vẹn vô lượng trí tuệ sâu rộng; tâm không chấp trước pháp tu hành hay pháp không tu hành; nhận biết chính xác và quán xét đúng lỗi của sinh tử và công đức của niết-bàn; giúp đỡ bảo vệ tất cả kẻ ngu cũng như người trí; hiện rõ pháp bảo; trí tuệ vô ngại giải thoát viên mãn; phân biệt chính xác, biết rõ chúng sinh giới[250] và pháp giới; không lui sụt hạnh bố thí cho đến trí ba-la-mật; làm cho trọn vẹn Vô sinh pháp nhẫn; giúp cho căn lành của các chúng sinh đều được thành thục; thành tựu tất cả các pháp mười lực, bốn vô sở úy, các pháp bất cộng của Phật bồ-đề; sinh tử niết-bàn không phải hai tướng; cứu độ chúng sinh; khéo léo giải thích những lời gạn hỏi của các ngoại đạo khiến họ qui phục; có năng lực chuyển, đủ mười hai hành pháp luân tứ đế[251]; tâm không nhiễm trước, tâm không ngăn ngại, tâm không khổ lụy.

Này thiện nam tử! Bồ-tát Sơ địa thấy biết rõ ràng vô lượng vô biên kho tàng bảo vật

trong cõi tam thiên đại thiên hiện ra; Bồ-tát Nhị địa thấy biết rõ ràng mặt đất nơi cõi tam thiên đại thiên bằng phẳng như lòng bàn tay, vô lượng vô biên trân bảo thanh tịnh màu sắc rực rỡ, các vật trang trí hiện ra đầy đủ; Bồ-tát Tam địa thấy biết rõ ràng tự thân dũng mãnh, thân mang giáp trụ, vũ khí uy nghiêm, có thể phá dẹp tất cả oán địch; Bồ-tát Tứ địa thấy biết rõ ràng gió từ bốn phương thổi hoa đẹp đến, trải khắp mặt đất; Bồ-tát Ngũ địa thấy biết rõ ràng người nữ xinh đẹp tự nhiên hiện ra, thân được trang sức nhiều xâu chuỗi báu, đầu đội mũ hoa; Bồ-tát Lục địa thấy rõ các cảnh ao bảy báu hiện, quanh ao có bốn con đường bậc thềm, đáy ao toàn bằng cát vàng, chứa đầy loại nước đủ tám đặc tính[252], trong sạch không cặn, hoa ưu-bát-la[253], hoa câu-vật-đầu[254], hoa phân-đà-lợi[255] nở khắp mặt ao, được bơi trong ao thì thật vui thú, mát mẻ vô cùng; Bồ-tát Thất địa thấy trước mặt mình có các chúng sinh, đáng lẽ rơi vào địa ngục chịu khổ, nhưng nhờ uy lực của các Bồ-tát mà được thoát khỏi, không bị tổn thương cũng không sợ hãi; Bồ-

tát Bát địa thấy hai bên mình có sư tử chúa luôn theo bảo vệ, khiến các loài thú khác đều sợ hãi; Bồ-tát Cửu địa thấy mình được làm Chuyển luân thánh vương, vô lượng quyến thuộc vây quanh cúng dường, trên đảnh đầu có lọng trắng được kết vô lượng bảo vật trang nghiêm che mát; Bồ-tát Thập địa thấy thân Như Lai sắc vàng rực rỡ, phát ra vô lượng tia sáng trong sạch, vô cùng hoàn hảo, lại có vô lượng ức Phạm vương vây quanh cung kính cúng dường, đang chuyển pháp luân nhiệm mầu siêu tuyệt.

Đức Phật lại dạy: Sao gọi Sơ địa là Hoan hỉ địa? Bởi vì hôm nay mới vừa chứng được tâm xuất thế gian mà từ xưa nay chưa từng chứng được, tùy nguyện thành tựu tất cả đại dụng, vô cùng vui mừng, nên gọi Sơ địa là Hoan hỉ địa. Vì những cấu nhiễm vô cùng vi tế, những lỗi phạm giới đều đã thanh tịnh, nên gọi Nhị địa là Vô cấu địa. Vô lượng trí tuệ, tam-muội, ánh sáng đều không lay động, không thể phá hoại, văn trì đà-la-ni làm căn bản, cho nên Tam địa gọi là Minh địa. Vì lửa trí tuệ đốt cháy

phiền não, tăng trưởng ánh sáng, tu bồ-đề phần, cho nên Tứ địa gọi là Diễm địa. Tu hành rất khó đạt được Thắng trí phương tiện tự tại, nhưng chế phục được hai loại phiền não rất khó điều phục: kiến hoặc-tu hoặc, nên gọi Ngũ địa là Nan thắng địa. Hành pháp[256] liên tục hiển hiện rõ ràng, vô tướng tư duy cũng được hiện tiền, nên gọi Lục địa là Hiện tiền địa. Vô tướng tư duy đã được liên tục và đạt vô lậu, đồng thời tu hành cũng vào sâu trong giải thoát tam-muội, hơn nữa địa này hoàn toàn thanh tịnh, không còn chướng ngại, nên gọi Thất địa là Viễn hành địa. Vô tướng tư duy đã được tự tại, các hành phiền não không thể khuynh động, nên gọi Bát địa là Bất động địa. Tự tại giảng thuyết về những sai biệt của tất cả pháp, không còn lo sợ, không có lỗi lầm, trí tuệ tăng trưởng, linh hoạt không ngại, nên gọi Cửu địa là Thiện tuệ địa. Pháp thân như hư không, trí tuệ như đám mây lớn, cả hai đều có năng lực che phủ, nên gọi Thập địa là Pháp vân địa.

Này thiện nam tử! Hai loại vô minh: vô minh chấp trước ngã pháp hữu tướng, vô minh sợ hãi đường ác sinh tử chướng ngại Sơ địa; vô minh trái phạm các giới nhỏ nhiệm, vô minh phát khởi các loại hành nghiệp chướng ngại Nhị địa; vô minh đắm trước vào điều chưa được đã mà nay được, vô minh ngăn che tổng trì thù thắng chướng ngại Tam địa; vô minh vui thích đắm trước Đẳng chí, vô minh thích pháp thanh tịnh nhiệm mầu chướng ngại Tứ địa; vô minh muốn lìa sinh tử, vô minh mong cầu đạt được niết-bàn chướng ngại Ngũ địa; vô minh quán các hành tướng lưu chuyển và vô minh về tướng thô hiện tiền chướng ngại Lục địa; vô minh về tướng vi tế hiện hành, vô minh khởi tâm ưa thích vô tướng chướng ngại Thất địa; vô minh về dụng công quán vô tướng và vô minh chấp trước tướng tự tại chướng ngại Bát địa; vô minh chưa đạt đến chỗ thiện xảo về nghĩa và danh cú văn[257] nói ra, vô minh chưa được tự tại đối với ngôn từ luận biện chướng ngại Cửu địa; vô minh chưa được tự tại biến hiện các món thần thông, vô

minh chưa thể thấu triệt những chỗ sâu kín nhỏ nhiệm chướng ngại Thập địa; vô minh về sở tri vi tế chướng ngại tất cả cảnh, vô minh chủng tử phiền não vi tế chướng ngại Phật địa.

Các Đại Bồ-tát: Sơ địa tu tập thí ba-la-mật, Nhị địa tu tập giới ba-la-mật, Tam địa tu tập nhẫn ba-la-mật, Tứ địa tu tập cần ba-la-mật, Ngũ địa tu tập định ba-la-mật; Lục địa tu tập tuệ ba-la-mật, Thất địa tu phương tiện ba-la-mật, Bát địa tu tập nguyện ba-la-mật, Cửu địa tu tập lực ba-la-mật, Thập địa tu tập trí ba-la-mật.

Bồ-tát Sơ địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra bảo vật; Bồ-tát Nhị địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra các việc rất đáng ưa thích; Bồ-tát Tam địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra các việc rất khó lay động; Bồ-tát Tứ địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra các việc không thể lui sụt; Bồ-tát Ngũ địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra hoa báu; Bồ-tát Lục địa phát

tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra ánh sáng mặt trời rực rỡ, Bồ-tát Thất địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh tất cả nguyện như ý thành tựu; Bồ-tát Bát địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa hiện tiền chứng ngộ; Bồ-tát Cửu địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra kho tàng trí tuệ; Bồ-tát Thập địa phát tâm tu hành môn tam-ma-địa sinh ra năng lực dõng mãnh tinh tiến. Đó là mười loại phát tâm tu hành của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam tử! Bồ-tát Sơ địa có bài thần chú Y công đức lực: *ta đa tha, pu ru ni, man tra tê, tu hu, tu hu, tu hu, da va, su ru ya, a va ba sa ti, da va, can đa ra, chu ku ti, ta va ta, ra cơ sa, man chan đa, pa ri ha ram, ku ru, sa ha*[258]. Thần chú này do Hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để bảo vệ các Bồ-tát Sơ địa, nếu ai tụng trì, sẽ không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, các loài ác quỉ, nhân và phi nhân, oán địch-tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng[259], luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Sơ địa.

Này thiện nam tử! Bồ-tát Nhị địa có bài thần chú Thiện an lạc trụ: *Ta đa tha, ôn ta li, si ri, si ri, ôn ta li, tan nam, jan tu, jan tu, ôn ta li, hu ru, hu ru, sa ha.* Thần chú này do hơn hai Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Nhị địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Nhị địa.

Bồ-tát Tam địa có bài thần chú là Nan thắng lực: *Ta đa tha, tan ta ki, pao ta ki, ka ra ti, kao ra ti, kê yu ri, tan ti li, sa ha*. Thần chú này do hơn ba Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Tam địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Tam địa.

Bồ-tát Tứ địa có bài thần chú là Đại lợi ích: *Ta đa tha, si ri, si ri, đa mi ni, đa mi ni, đa*

ri i, si đa ri ni ri, si ri ni, vi ca ra, pa chi, pa chi na, pan đa mi tê, sa ha. Thần chú này do hơn bốn Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Tứ địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Tứ địa.

Bồ-tát Ngũ địa có bài thần chú Công đức trang nghiêm: *Ta đa tha, ha ri, ha ri ni, ca ri, ca ri ni, ka ra ma ni, sam ca ra ma ni, sam bơ, su ni, cam ba ni, sa tao va ni, mô ha ni, si ja bu hê, sa ha*. Thần chú này do hơn năm Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Ngũ địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Ngũ địa.

Bồ-tát Lục địa có bài thần chú là Viên mãn trí: *Ta đa tha, vi tô ri, vi tô rim, a ri ni, ma ri ni, ki ri, ki ri, vit tô han ti, ru ru, ru ru, cu ru, cu*

ru, đơ ru va, đô ru va, đô ru va, sa sa, sách cha, va ri sa, sa vát ti, sát va sát tơ va nam, si đờ hi yan tu, ma ya, man tra, pan đa ni, sa ha. Thần chú này do hơn sáu Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát địa thứ sáu. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Lục địa.

Bồ-tát Thất địa có bài thần chú tên Pháp thắng hành: *Ta đa tha, ja ha, ja ha ru, ja ha, ja ha ru, vi dô kê, vi dô kê, am rơ ta, kha ni, vơ rơ sa ni, vai ru, ca ni, vai ru ci kê, va ru vát ti, vi đơ hi bi kê, bơ han đin, va ri ni, am rơ ti kê, ba bu ja ja, ba bu ja ja, sa ha*. Thần chú này do hơn bảy Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Thất địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Thất địa.

Bồ-tát Bát địa có bài thần chú tên Vô tận tạng: *Ta đa tha, si si, si ri ni, mi tê, mi tê, ka ri, ka ri, hê ru, hê ru, hê ru, cu ru, cu ru, van đa ni, sa ha*. Thần chú này do hơn tám Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Bát địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Bát địa.

Bồ-tát Cửu địa có bài thần chú là Vô lượng môn: *Ta đa tha, ha ri, can đa ri kê, ku lam bờ ha tê, tô ri si, ba ta, ba ta si, si ri, si ri, ka si ri, ka pi si ri, sơ vát ti, sa rơ va, sát tơ va nam, sa ha*. Thần chú này do hơn chín Hằng sa Đức Phật nói ra, để bảo vệ Đại Bồ-tát Cửu địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Cửu địa.

Bồ-tát Thập địa có bài thần chú Phá Kim Cang sơn: *Ta đa tha, si đờ hi, su si đờ hê, mô ca ni, mô kờ sa ni, vi mu kờ ti, a ma lê, vi ma lê, nia ma lê, mo ga lê, hi ran ya ga rờ bờ hê, rát na ga rờ bờ hê, sa man ta bờ ha đờ rê, sa rờ van tê, sa than ni, man na si, am bu ti, an ti bu ti, a ca rê, vi ra rê, an nờ ti, am rờ ta, a ra sê, vi ra sê, bờ ra hờ mê, bờ ra hờ ma nê, pu rờ ni, pu ra na, nao tra tê, sa ha*. Thần chú này do hơn mười Hằng sa Đức Phật nói ra để bảo vệ Đại Bồ-tát Thập địa. Nếu ai tụng đọc bài thần chú này, thì không sợ hãi các nạn thú dữ cọp sói sư tử, ác quỉ ác thần, nhân và phi nhân, oán địch tai họa, các khổ não khác, thoát khỏi năm chướng, luôn nghĩ nhớ đến Bồ-tát Thập địa.

Bồ-tát Sư Tử Tướng Vô Ngại Quang Diễm nghe Đức Phật nói các bài thần chú vô cùng vi diệu chẳng nghĩ bàn này, thì liền đứng dậy, y lộ vai phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính, đảnh lễ chân Phật, dùng kệ ca ngợi:

Đảnh lễ đấng vô thượng
Pháp vô tướng sâu xa
Chúng sinh mất chính kiến
Chỉ Phật mới độ được.
Như Lai mắt tuệ sáng
Chẳng thấy tướng một pháp
Lại dùng mắt chính pháp
Chiếu khắp chẳng nghĩ bàn.
Chẳng sinh khởi một pháp
Cũng chẳng diệt một pháp
Do thấy biết bình đẳng
Mà đến nơi vô thượng.
Chẳng chán nhàm sinh tử
Cũng chẳng trụ niết-bàn
Chẳng chấp cả hai bên
Cho nên chứng Viên tịch.
Thanh tịnh cùng bất tịnh
Thế Tôn xem một vị
Do chẳng khởi phân biệt
Nên được tối thanh tịnh.

Thân Thế Tôn vô biên
Không hề thuyết một chữ
Mà tất cả đệ tử
Thấm ướt mưa chính pháp.
Phật quán tướng chúng sinh
Không có các chủng loại
Nhưng Ngài thường cứu độ
Những kẻ bị khổ đau.
Khổ-vui, thường-vô thường
Hữu ngã và vô ngã
Chẳng một cũng chẳng khác
Chẳng sinh cũng chẳng diệt.
Ý nghĩa nhiều như thế
Tùy thuận nói sai biệt
Như tiếng vọng hang sâu
Chỉ Phật mới biết được.
Pháp giới vô phân biệt
Nên không có thừa khác
Vì độ các chúng sinh
Phân biệt nói ba thừa.

Bấy giờ Phạm thiên vương Đại Tự Tại trong chúng đứng dậy, đắp y đúng pháp, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính, đảnh lễ chân Phật rồi bạch Ngài rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh *Kim quang minh* vô cùng hiếm có, đoạn đầu đoạn giữa và đoạn sau cùng đều rất tuyệt diệu, văn nghĩa rốt ráo, có đủ năng lực giúp cho thành tựu tất cả Phật pháp. Nếu ai thụ trì, thì người ấy đã báo được ân Phật".

Đức Phật dạy rằng: "Đúng như ông nói! Nếu người nào nghe được bộ kinh này, sẽ không lui sụt Vô thượng bồ-đề. Vì người ấy sẽ thành thục căn lành thù thắng của Bồ-tát Bất thoái chuyển. Kinh này chính là đệ nhất pháp ấn, là vua các kinh; chưa trồng hoặc chưa thành thục căn lành, chưa gần chư Phật thì không thể nghe kinh nhiệm mầu này. Nếu những người nam hoặc người nữ nào lắng nghe ghi nhớ, thì tội chướng diệt, thân tâm thanh tịnh, luôn được gặp Phật, luôn gần gũi Phật, các thiện tri thức, bậc có thắng hạnh, luôn nghe diệu pháp, trụ giai vị Bất thoái chuyển, đồng thời đạt được các đà-la-ni thù thắng vô tận

vô giảm: Đà-la-ni Hải ấn xuất diệu công đức, đà-la-ni Thông đạt chúng sinh ý hành ngôn ngữ, đà-la-ni Nhật viên vô cấu tướng quang, đà-la-ni Mãn nguyệt tướng quang, đà-la-ni Năng phục chư hoặc diễn công đức lưu, đà-la-ni Phá kim cang sơn, đà-la-ni Thuyết bất khả thuyết nghĩa nhân duyên tạng, đà-la-ni Thông đạt thật ngữ pháp tắc âm thanh, đà-la-ni Hư không vô cấu tâm hành ấn, đà-la-ni Vô biên Phật thân giai năng hiển hiện. Các đà-la-ni thù thắng vô tận vô giảm như thế đều đã thành tựu. Các Bồ-tát này có đủ năng lực hóa hiện thân Phật ở các cõi Phật trong khắp mười phương, giảng cho chúng sinh chính pháp vô thượng. Đối với chân như của tất cả pháp, tâm các Bồ-tát không động không trụ, không đến không đi, ngay nơi sinh diệt chứng vô sinh diệt. Nói các hành pháp không đến không đi, là vì thể các pháp không sai biệt.

Khi Đức Phật giảng thuyết giáo pháp này, có ba vạn ức Đại Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn, vô lượng Bồ-tát không lui sụt tâm bồ-đề, vô lượng tì-kheo và tì-kheo-ni đắc Pháp

nhãn tịnh[260], vô lượng chúng sinh phát tâm bồ-đề. Thế Tôn thuyết kệ :

Diệu pháp hay ngược dòng tử sinh
Mầu nhiệm, sâu xa, gặp thật nan
Hữu tình ngu si, tham dục lấp
Nên không thấy được, khổ muôn nghìn

Thế là toàn thể đại chúng đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, rồi bạch Ngài rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bất cứ nơi nào có người giảng nói đọc tụng kinh *Kim quang minh*, tất cả chúng con sẽ đến đó làm thính chúng cúng dường pháp sư, đồng thời giúp cho lợi ích an vui, không bị chướng ngại, thân tâm thư thái. Chúng con cũng giúp thính chúng luôn được an ổn khoái lạc. Cõi nước ấy sẽ không có oán thù, giặc giã sợ hãi, tai nạn đói khát; nhân dân đông đúc, đời sống sung túc. Nơi thuyết kinh này chính là đạo tràng, tất cả chúng sinh: chư thiên loài người, các loài phi nhân… không được giẫm đạp, cho đến làm bẩn tại những nơi ấy. Vì nơi thuyết pháp chính là bảo tháp, phải dùng hương hoa, phan lọng quí đẹp trang trí

cúng dường; chúng con cũng luôn bảo vệ nơi ấy, không để hư hoại".

Đức Phật lại dạy: "Các ông siêng năng tu tập kinh này, thì chính pháp trụ mãi ở thế gian".

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 5

PHẨM 7
BÀI TÁN LIÊN HOA DỤ

Đức Phật lại bảo thần cây bồ-đề: "Này Thiện nữ thiên! Diệu Tràng nằm mộng thấy chiếc trống vàng, đồng thời nghe trống phát ra âm thanh ca ngợi công đức của Phật Thế Tôn và pháp sám hối. Do nhân duyên này, Ta nói một việc, thiên nữ hãy lắng nghe và nhớ kĩ. Thuở xưa có vua tên Kim Long Chủ thường dùng bài tụng *Liên hoa dụ tán* ca ngợi tất cả các đức Như Lai mười phương ba đời, bài tụng như sau:

Tất cả các Phật trong ba đời
An trụ cõi nước khắp mười phương
Nay con chí thành xin đảnh lễ
Nhất tâm ca ngợi đấng Tối tôn.
Mâu-ni Thế Tôn cực thanh tịnh
Thân sắc rực rỡ như vàng ròng

Âm giọng bậc nhất trong các âm
Như sấm vang rền, như Đại Phạm.
Tóc Ngài óng, màu như ong chúa
Từng lọn xoáy tròn, sắc tía xanh
Răng trắng, khít đều như châu ngọc
Thẳng ngay, bóng loáng và sáng ngời.
Mắt Ngài trong sáng, lại đoan nghiêm
Như cánh sen xanh đẹp vô cùng
Lưỡi lại rộng dài và mềm mại
Như cánh sen hồng nở trong ao.
Thêm sợi lông trắng giữa hai mày
Xoáy về bên phải, sắc pha lê
Mày nhỏ, thon dài như trăng khuyết
Sắc đen óng ánh, tựa màu ong.
Mũi cao, dài thẳng như thỏi vàng
Sáng sạch, không khuyết thật hoàn toàn
Những hương tuyệt diệu nơi cõi thế
Vừa nghe liền biết chốn tỏa lan.
Thân Phật tuyệt diệu sắc vàng ròng
Mỗi mỗi sợi lông cũng thật đồng

Tía xanh, mềm mại, xoay về phải
Kì diệu, sáng sạch, chẳng nghĩ bàn.
Lúc mới sinh ra đã phóng quang
Chiếu soi các cõi khắp mười phương
Giúp cho mọi loài trong ba cõi
Diệt hết đau khổ, được lạc an.
Địa ngục, ngạ quỉ và bàng sinh
Chư thiên, nhân loại và tu-la
Khiến sáu nơi này trừ các khổ
Được niềm an lạc thật vô cùng.
Ánh sáng sắc thân soi chiếu khắp
Như vàng rực rỡ, chẳng gì bằng
Khuôn mặt tròn đầy như trăng sáng
Đôi môi thắm đẹp như tần-bà[261].
Bước đi oai vệ như sư tử
Toàn thân chiếu sáng tựa triêu dương
Cánh tay thon dài, vượt quá gối
Như cành sa-la[262] *rũ từ trên.*
Viên quang một tầm, sáng rực rỡ
Như nghìn mặt trời chiếu vô biên

Đến cả khắp cùng các cõi Phật
Tùy duyên cứu độ hết quần sinh.
Lưới ánh sáng sạch trong, khó sánh
Chiếu soi cõi nước đến trăm nghìn
Mười phương cùng khắp không ngăn ngại
Tất cả tăm tối thảy lui tan.
Ánh sáng lòng từ ban an lạc
Thân sắc rực rỡ như núi vàng
Chiếu đến trăm nghìn các cõi nước
Chúng sinh thấy được, khổ không còn.
Thân Phật thành tựu vô lượng phúc
Tất cả công đức cùng trang nghiêm
Độc tôn, vượt thoát ngoài ba cõi
Bậc nhất, thế gian không ai bằng.
Tất cả chư Phật thời quá khứ
Các Phật vị lai cùng hiện tại
Trong khắp cõi nước ở mười phương
Nhiều như hạt bụi trên đại địa
Nay con chí thành vận ba nghiệp
Đảnh lễ, về nương Phật ba đời.

Ca ngợi đấng công đức như biển
Kính dâng hương hoa đẹp cúng dường
Dẫu cho miệng con sinh nghìn lưỡi
Qua vô lượng kiếp dùng ngôn từ
Cũng không nói hết công đức Phật
Vì quá rộng sâu, chẳng nghĩ bàn.
Dẫu cho miệng con sinh nghìn lưỡi
Cũng không thể nào ca ngợi hết
Một phần công đức, một Thế Tôn
Huống gì vô biên Phật và đức.
Dẫu cho nước biển dâng tràn khắp
Ngập đến Hữu Đảnh[263], Sắc giới thiên
Cũng tính biết được số lượng giọt
Nhưng không thể lượng công đức Ngài.
Nay con chí thành vận ba nghiệp
Đảnh lễ chư Phật, đức vô biên
Được bao thắng phúc khó nghĩ bàn
Hồi hướng chúng sinh chóng thành Phật.
Vua kia ca ngợi Như Lai xong
Lòng càng tin sâu, phát nguyện rộng

Nguyện rằng vô số kiếp vị lai
Trong mộng thường thấy chiếc trống vàng
Được nghe âm thanh pháp sám hối
Khen công đức Phật, dụ hoa sen
Nguyện chứng vô sinh thành chính giác.
Phật hiện ở đời thật hi hữu
Trăm nghìn vạn kiếp, khó tương phùng
Đêm mộng thường nghe tiếng trống ấy
Ngày thì theo đó lễ sám trừ.
Sáu ba-la-mật, con nguyện tu
Cứu thoát chúng sinh rời biển khổ
Sau đó chứng thành Vô thượng giác
Cõi Phật thanh tịnh chẳng nghĩ bàn.
Dâng hiến Như Lai chiếc trống vàng
Ngợi ca công đức của Như Lai
Nhân đây con gặp Thích-ca Phật
Thụ kí kế vị đấng Trung Tôn.
Kim Long, Kim Quang là con trai
Khi xưa từng là thiện tri thức
Đời đời nguyện sinh vào nhà con

Cùng được thụ kí ngôi Chính giác.
Nếu chúng sinh nào không ai cứu
Mãi mãi luân hồi biển khổ đau
Mai sau con làm nơi tựa nương
Khiến cho tất cả được an vui.
Nỗi khổ ba cõi, con nguyện trừ
Tùy tâm sinh về miền an lạc
Vị lai con quyết tu đạo giác
Như quá khứ Phật đã viên thành.
Nguyện phúc tu pháp sám Kim quang
Làm khô biển khổ, tội tiêu tan
Não phiền nghiệp chướng đều diệt hết
Bồ-đề thanh tịnh, chóng vẹn toàn.
Biển lớn phúc trí rộng vô biên
Trong sạch không dơ, sâu không đáy
Con nguyện đạt được biển đức này
Chóng thành bồ-đề Vô thượng giác.
Năng lực pháp sám Kim quang minh
Giúp con ánh sáng được tịnh thanh
Ánh sáng phúc này khi thành tựu

Thường dùng trí tuệ chiếu khắp cùng.
Ánh sáng thân con giống Như Lai
Phúc đức trí tuệ lại cũng đồng
Tôn quí bậc nhất trên thế giới
Oai lực tự tại chẳng ai bằng.
Biển khổ hữu lậu[264], con nguyện qua
Vô lậu[265] biển vui, con nhàn du
Biển phúc hiện đời mong đầy ắp
Biển trí mai sau nguyện trọn thành.
Nguyện cõi nước con ngoài ba cõi
Công đức thù thắng thật vô biên
Những người có duyên đồng sinh đến
Trí tuệ thanh tịnh chóng mãn viên.
Diệu Tràng ông nên biết!
Quốc vương Kim Long Chủ
Từng phát nguyện như thế
Chính là ta hôm nay.
Hai người con ngày xưa
Kim Long và Kim Quang
Chính Ngân Tướng, Quang Tướng

Sẽ được ta thụ kí.
Đại chúng nghe Phật dạy
Đều phát tâm bồ-đề
Nguyện ngày nay, mai sau
Tu theo pháp sám này.

PHẨM 8
ĐÀ-LA-NI KIM THẮNG

Bấy giờ Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Thiện Trụ đang ở trong chúng hội rằng:

Này thiện nam tử! Nếu những người nam và người nữ nào muốn đích thân thấy chư Phật quá khứ, hiện tại vị lai, cung kính cúng dường thì nên niệm bài thần chú Kim thắng. Vì thần chú này là mẹ của các Đức Phật ba đời; ai trì chú này, không những đã được phúc đức to lớn, mà còn nhận được tất cả căn lành trồng từ vô lượng Đức Phật quá khứ, không hủy tịnh giới, không khuyết tịnh giới, nhất định người này vào sâu pháp tính.

Đức Phật lại dạy phương pháp trì niệm: trước tiên nên niệm danh hiệu chư Phật và các Bồ-tát, đồng thời một lòng kính lễ các ngài, sau đó mới trì tụng bài thần chú .

- Nhất tâm đảnh lễ các Đức Phật trong mười phương

- Nhất tâm đảnh lễ các bậc Đại Bồ-tát ma-ha-tát

- Nhất tâm đảnh lễ Thanh văn, Duyên giác và tất cả hiền thánh tăng

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giáo chủ cõi Ta-bà

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bất Động giáo chủ phương đông

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bảo Tràng giáo chủ phương nam

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật A-di-đà giáo chủ phương tây

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Thiên Cổ Âm Vương giáo chủ phương bắc

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Quảng Chúng Đức giáo chủ phương trên

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Minh Đức giáo chủ phương dưới

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bảo Tạng

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Phổ Quang
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Phổ Minh
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Hương Tích
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Liên Hoa Thắng
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bình Đẳng Kiến
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bảo Kế
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bảo Thượng
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Bảo Quang
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Vô Cấu Quang Minh
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Biện Tài Trang Nghiêm Tư Duy
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Tịnh Nguyệt Quang Xưng Tướng Vương
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Hoa Nghiêm Quang
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Quang Minh Vương
- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Thiện Quang Vô Cấu Xưng Vương

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Quán Sát Vô Úy Tự Tại Vương

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Vô Úy Danh Xưng

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Phật Tối Thắng Vương

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Quán Tự Tại

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Địa Tạng Vương

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Hư Không Tạng

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Phổ Hiền

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Vô Tận Ý

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Đại Thế Chí

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Từ Thị

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Thiện Tuệ

Nam mô rat na, tra da da, ta đa da tha, cun tê, cun tê, cu xa lê, cu sa lê, ích chi li, mi li ti, sa va ha.

Đức Phật lại dạy Bồ-tát Thiện Trụ: "Thần chú này là mẹ của các Đức Phật ba đời, nếu ai trì niệm thì sinh vô lượng, vô biên phúc đức, cũng là cung kính, cúng dường tôn trọng ngợi ca chư Phật. Các Đức Phật đều thụ kí Vô thượng chính đẳng chính giác cho những người này. Những ai trì niệm câu thần chú này, sẽ thỏa mãn được tất cả mong cầu như thức uống ăn, y phục đồ nằm, tiền tài bảo vật, thông minh học rộng, không bệnh sống lâu, có nhiều phúc đức. Người trì chú này, dầu chưa chứng được Vô thượng bồ-đề, nhưng vẫn ở chung với các Bồ-tát Kim Thành Sơn, Từ Thị, Đại Hải, Quán Tự Tại, Diệu Cát Tường, Đại Băng-già-la, được các vị này giúp đỡ bảo vệ.

Những người trì niệm bài thần chú này, cần phải thực hành theo cách sau đây: Trước tiên nên tụng mười tám nghìn biến làm tiền phương tiện, kế đó lập và trang nghiêm đạo

tràng trong một phòng kín. Vào ngày mồng một, hành giả tắm rửa, thay y phục sạch, đốt hương rải hoa, thành kính dâng cúng thức ăn thức uống; kế đó vào trong đạo tràng xướng lễ các danh hiệu Phật và Bồ-tát nói trên; chí thành sám hối tội nghiệp đã tạo, rồi quì gối phải, tụng thần chú này nghìn tám trăm biến, tiếp đến kiết-già, tư duy bản nguyện của mình đã lập. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa vào lúc mặt trời chưa mọc, phải dùng thức ăn màu đen thanh tịnh, mười lăm ngày sau mới rời đạo tràng. Thực hành như vậy, thì oai lực phúc đức của người này chẳng thể nghĩ bàn, tất cả ước nguyện thành tựu trọn vẹn. Nếu chưa toại ý, nên vào đạo tràng tiếp tục tu tập, như đã toại ý cũng cần phải thường chuyên tâm trì niệm, không được lãng quên".

PHẨM 9
GIẢNG LẠI TÍNH KHÔNG

Thế Tôn tuyên thuyết và chỉ dạy cách hành trì thần chú Kim Thắng, lại vì giúp các Đại Bồ-tát và chúng trời người, ngộ Đệ nhất nghĩa[266] sâu xa chân thật, nên Ngài dùng kệ lặp lại ý nghĩa Tính không như sau:

Trong kinh sâu xa nhiệm mầu khác
Ta thuyết pháp không vi diệu rồi
Hôm nay, trong kinh này lần nữa
Lược nói pháp không chẳng nghĩ bàn.
Những pháp sâu xa và rộng lớn
Phàm phu vô trí chẳng hiểu ngay
Cho nên hôm nay Ta lại giảng
Giúp họ khai ngộ pháp mầu này.
Các đức Đại bi thương chúng sinh
Dùng phương tiện khéo làm nhân duyên
Hôm nay Ta ở trong đại chúng

Giảng giải nghĩa không, khiến đạt thông.
Nên biết thân này như xóm vắng
Sáu giặc[267] gá vào chẳng biết nhau
Sáu trần[268] mỗi mỗi nương sáu giặc
Mà chẳng nhận nhau cũng như trên.
Đôi mắt luôn nhìn vào cảnh sắc
Hai tai mãi dõi theo âm thanh
Mũi thì hằng ngửi mùi hương lạ
Lưỡi luôn ưa nếm vị ngọt ngon.
Thân ưa thích chạm vật mềm mịn
Ý phân biệt pháp mãi chẳng nhàm
Sáu căn như thế theo cảnh khởi
Nhận biết tùy theo cảnh của mình.
Thức như huyễn hóa không chân thật
Nương vào căn cảnh vọng tham cầu
Như người bôn ba trong xóm vắng
Sáu giặc nương căn cũng vậy thôi.
Tâm dong ruổi khắp, theo căn chuyển
Gá căn duyên cảnh, rõ mọi điều
Đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc

Tầm tư các pháp mãi không dừng.
Thức tùy duyên biến khắp sáu căn
Như chim trên trời không ngăn ngại
Thức nương nơi căn làm trụ xứ
Mới phân biệt được cảnh bên ngoài.
Thân này chẳng phải tri, tác giả[269]
Thể chẳng bền chắc, nhờ duyên thành
Đều từ hư vọng phân biệt sinh
Do gió nghiệp chuyển, như người máy.
Đất nước lửa gió tạo thành thân
Tùy theo nhân duyên cảm dị quả[270]
Đồng ở một nơi, lại chống nhau
Như bốn rắn độc nhốt chung hòm.
Rắn bốn đại này, tính khác nhau
Tuy ở chung cùng, mỗi thăng trầm
Hoặc lên hoặc xuống, cùng thân thể
Cuối cùng tất cả cũng hoại tan.
Trong bốn rắn độc bốn đại này
Hai rắn địa thủy tính nặng trầm
Còn tính phong hỏa nhẹ bay cao

Bởi do trái nhau nên sinh bệnh.
Tâm thức nương gá nơi thân này
Tạo ra rất nhiều các nghiệp ác
Đến cõi trời người, hoặc ba đường
Tùy nghiệp đã tạo mà thụ sinh.
Có thân có bệnh, có già chết
Khi bệnh, tiểu tiện chảy lan tràn
Chết rồi thối rửa, thật ghê gớm
Như khúc gỗ mục ném rừng sâu .
Các ông nên quán thân như thế
Vì sao chấp ngã và chúng sinh?
Tất cả các pháp thảy vô thường
Do sức vô minh mà sinh khởi.
Các đại chủng ấy đều hư vọng
Vốn chẳng thật có, thể vô sinh
Nên nói bốn đại, tính là không
Biết chỉ giả danh chẳng thật có.
Tự tính vô minh vốn cũng không
Nhờ duyên hòa hợp mà giả có
Bởi trong mọi lúc không tỉnh giác

Cho nên ta nói họ vô minh.
Hành duyên nơi thức sinh danh sắc
Sáu xứ, xúc, thụ theo đó sinh
Ái, thủ, hữu duyên sinh, lão tử
Ưu bi, khổ não hằng theo sau.
Khổ từ nghiệp ác buộc chúng sinh
Khiến phải luân hồi không ngừng dứt
Xưa nay phi hữu, thể hằng không
Do chẳng như lí, khởi phân biệt.
Ta đoạn tất cả các phiền não
Bởi do chính trí luôn hiện tiền
Rõ nhà năm uẩn thảy đều không
Cầu chứng bồ-đề, nơi chân thật.
Ta mở thành lớn Đại cam lồ
Chỉ cho vật chứa vi diệu ấy
Đã được cam lồ, vị chân thật
Lại dùng ban phát cho chúng sinh.
Ta gióng trống pháp lớn tối thắng
Ta thổi loa pháp lớn vô cùng
Ta đốt đèn pháp lớn sáng rực

Ta tuôn mưa pháp lớn ngập tràn.
Hàng phục não phiền và oán kết
Dựng lên cờ pháp lớn vô biên
Nơi biển sinh tử độ quần mê
Ta đã đóng rồi ba nẻo ác.
Lửa mạnh não phiền đốt chúng sinh
Nhưng không nơi nương, không người cứu
Cam lộ mát mẻ Ta ban cho
Thân tâm nóng đốt thảy dứt trừ.
Do Ta vô lượng kiếp đến nay
Cung kính cúng dường các Như Lai
Giữ vững giới cấm hướng bồ-đề
Cầu chứng Pháp thân, miền an lạc.
Bố thí mắt, tai và chi thể
Vợ con, nô bộc và của tiền
Cùng vật trang nghiêm không nuối tiếc
Ai đến cần cầu, Ta đều ban.
Ta cũng tu tròn năm độ khác
Viên mãn Thập địa chứng Bồ-đề
Nên người tôn xưng Nhất Thiết Trí

Thật không một ai có thể lường.
Ví gom tất cả loài thực vật
Lúa, mè, tre, lau và cây cỏ
Các loại cổ thụ trong núi rừng
Trên khắp mặt đất cõi tam thiên,
Chặt xay, nghiền nát thành hạt bụi
Đắp thành đống lớn khắp hư không
Thật khó lường biết bao nhiêu hạt.
Như cho nghiền nát thành hạt bụi
Cát sỏi khắp cõi nước mười phương
Trong chốn tam thiên đại thiên này
Cũng khó tính biết được số lượng.
Giả sử đem trí của chúng sinh
Trong cả thế gian cho một người
Người trí như thế nhiều vô lượng
Có thể biết được số bụi kia.
Nhưng với trí tuệ của Thích Tôn
Những người trí ấy cùng suy tính
Dù qua số kiếp như câu-chi
Cũng không tính biết được một phần.

Nghe Đức Phật giảng lại tính KHÔNG sâu xa và nhiệm mầu này, vô lượng chúng sinh thấu đạt thể tính bốn đại năm uẩn đều không, sáu căn sáu cảnh vọng sinh trói buộc; do đó phát nguyện chấm dứt luân hồi, tu pháp xuất li, lòng tràn niềm vui, như lời Phật dạy cung kính vâng làm.

PHẨM 10
NƯƠNG KHÔNG ĐẠT NGUYỆN

Bấy giờ thiên nữ Như Ý Bảo Quang Diệu ở trong đại chúng nghe đức Thế Tôn nói pháp sâu xa, lòng rất vui mừng, lập tức đứng dậy, đắp y đúng pháp, gối phải chấm đất, cung kính chắp tay, bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài dạy cho chúng con biết phương pháp tu hành sâu xa vi diệu!". Thiên nữ liền nói kệ:

Thưa đấng Chiếu thế giới
Lưỡng túc tôn từ bi
Xin Ngài cho con hỏi
Pháp Bồ-tát tu tập!
Phật bảo: "Thiện nữ thiên!
Có điều gì nghi ngờ
Tùy ý mà thưa hỏi
Ta sẽ giải thích cho!

Thiện nữ thiên bạch rằng:
Kính bạch đức Thế Tôn!
Bồ-tát làm thế nào
Tu chính hạnh bồ-đề,
Lìa sinh tử, niết-bàn
Để lợi mình, lợi người?"

Đức Phật liền dạy: Này thiện nữ thiên! Nương pháp giới mà tu pháp bồ-đề, tu hạnh bình đẳng. Thế nào gọi là nương nơi pháp giới tu pháp bồ-đề, hành hạnh bình đẳng? Đó là từ năm uẩn[271] hiện pháp giới, pháp giới tức năm uẩn, năm uẩn đã bất khả thuyết, phi năm uẩn cũng bất khả thuyết, vì sao như thế? Vì nếu pháp giới là năm uẩn thì rơi vào đoạn kiến, còn nếu pháp giới lìa năm uẩn thì rơi vào thường kiến; lìa cả hai kiến, không chấp hai bên, không thể nhận thấy, vượt qua sự thấy, vô danh vô tướng. Như thế mới là nói về pháp giới.

Năm uẩn hiển hiện pháp giới là gì? Tức năm uẩn không từ nhân duyên sinh. Nếu từ nhân duyên sinh, là đã sinh mà sinh hay là

chưa sinh mà sinh? Nếu nói đã sinh mà sinh thì đâu cần nhân duyên; nếu nói chưa sinh mà sinh, thì chẳng thể sinh, vì sao? Vì khi chưa sinh thì các pháp chưa hiện hữu, không tên không tướng, không thể suy lường thí dụ, không do nhân duyên sinh ra. Ví như tiếng trống, nhờ vào gỗ, da, dùi, tay mới phát. Tiếng trống như thế, quá khứ cũng không, vị lai và hiện tại cũng không. Vì tiếng trống không phải từ gỗ mà sinh, cũng không từ da, từ dùi, từ bàn tay mà sinh. Chẳng phải từ ba đời sinh, cho nên chẳng có sinh. Nếu chẳng sinh thì chẳng diệt, nếu chẳng diệt thì chẳng có chỗ sinh, chẳng có chỗ sinh thì cũng không có chỗ đến, nếu không có chỗ đến thì chẳng thường, chẳng đoạn. Nếu chẳng thường chẳng đoạn thì chẳng phải là một chẳng phải khác. Vì sao? Vì nếu là một thì đồng pháp giới, như vậy lẽ ra phàm phu thấy chân đế, đạt được Niết-bàn vô thượng an lạc, vì chẳng phải như thế, nên chẳng phải là một. Nếu là khác thì những việc làm của các đức Như Lai và Bồ-tát đều là chấp trước, chưa được giải thoát, còn bị phiền não

trói buộc; tức chưa chứng đắc Vô thượng chính đẳng chính giác. Vì sao? Vì chư Phật làm mà chẳng phải làm, đồng tính chân thật, vì thế chẳng khác.

Cho nên biết rằng năm uẩn chẳng có chẳng không, chẳng từ nhân duyên sinh, chẳng phải không có nhân duyên sinh. Đó là cảnh giới của các bậc Thánh, chẳng phải của hàng phàm phu-nhị thừa; không thể dùng lời nói để diễn đạt, không có tên gọi, không có hình tướng, thật không phải nhân, cũng không thuộc duyên, lại không thể dụ, hoàn toàn thanh tịnh, xưa nay tự không. Cho nên năm uẩn hiển hiện pháp giới. Nếu ai muốn cầu Vô thượng chính giác, thì phải thấu đạt bồ-đề chẳng chân-chẳng tục, chẳng thể nghĩ bàn, thể của phàm thánh chẳng một-chẳng khác, đã chẳng lìa tục, cũng chẳng bỏ chân, nương pháp giới mà tu tập bồ-đề.

Nghe đức Thế Tôn chỉ dạy như thế, lòng Thiện nữ thiên vô cùng vui mừng, vội vã đứng dậy, y lộ vai phải, gối phải chấm đất, cung kính

chắp tay, một lòng đảnh lễ Thế Tôn rồi bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Như lời Ngài nói, chúng con nên tu chính hạnh bồ-đề".

Bấy giờ trong hội, Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà hỏi thiên nữ rằng: "Hạnh bồ-đề này rất khó tu hành, vì sao hôm nay thiên nữ nói đã hoàn toàn tự tại với hạnh bồ-đề?".

Thiên nữ đáp rằng: "Thưa Đại Phạm thiên! Như lời Phật dạy, hạnh này sâu xa, phàm phu không thể hiểu được ý nghĩa. Đây là cảnh giới của các bậc thánh, nhiệm mầu khó hiểu. Ví như hôm nay tôi nhờ pháp này mà an lạc trụ, thì xin vô lượng, vô số vô biên chúng sinh trong cõi năm trược ác này đều có thân vàng, đủ ba hai tướng, chẳng phải là nam, cũng chẳng phải nữ, ngồi tòa sen báu, vô lượng an lạc, trời tuôn hoa đẹp, nhạc khí cõi trời không trổi tự vang, đầy đủ các món cúng dường.". Thiên nữ nói xong, tức thời thân tướng của các chúng sinh trong cõi năm trược đều màu vàng ròng, đủ tướng đại nhân, chẳng thuộc người nam, chẳng phải người nữ, ngồi tòa sen báu, vô

lượng an lạc, giống như cõi trời Tha Hóa Tự Tại[272], không có đường ác, cây báu mọc thành từng hàng, hoa sen bảy báu đầy khắp thế giới; chư thiên trỗi nhạc, mưa hoa bảy báu, thiên nữ Như Ý Bảo Quang Diệu bỗng chuyển thân nữ thành thân Phạm thiên.

Đại Phạm thiên vương hỏi thiên nữ rằng: "Thưa thiện nữ thiên! Tu hạnh Bồ-tát phải như thế nào?".

Thiên nữ đáp: "Thưa Đại Phạm vương! Như trăng trong nước mà tu bồ-đề, tôi cũng tu hạnh bồ-đề như vậy; như trong mộng mà tu hạnh bồ-đề, tôi cũng tu hạnh bồ-đề như vậy; như dương diệm mà tu hạnh bồ-đề, tôi cũng tu hạnh bồ-đề như vậy; lại như âm vang từ hang sâu mà tu hạnh bồ-đề, tôi cũng tu hạnh bồ-đề như vậy".

Phạm vương liền hỏi: "Căn cứ vào đâu, Ngài nói như thế?" Thiên nữ đáp rằng: "Thưa Đại Phạm vương! Tất cả các pháp đều không thật có, tất cả đều do nhân duyên tạo thành". Phạm vương lại hỏi: "Nếu nói như vậy, lẽ ra

phàm phu đều chứng Vô thượng chính đẳng chính giác!" Thiên nữ đáp rằng: " Vì sao nhân giả lại nói như vậy? Ngài cho rằng ngu khác với trí ư? Bồ-đề khác với phi bồ-đề ư? Giải thoát khác với phi giải thoát ư? Các pháp như thế thảy đều bình đẳng, thật không sai biệt; pháp giới chân như chẳng một-chẳng khác, chẳng phải cũng một chẳng phải cũng khác, chẳng phải chẳng một chẳng phải chẳng khác, không tăng không giảm, để ngài chấp trước. Giống như thầy trò của nhà ảo thuật, rất giỏi thuật này, nơi ngã tư đường, họ gom các vật đất cát cỏ cây làm trò ảo thuật, khiến người xem thấy nào là voi ngựa, xe cộ quân lính, bảy báu, kho tàng. Những người ngu si không chịu suy nghĩ, không nhận biết đó chỉ là ảo thuật, vừa thấy vừa nghe liền cho voi ngựa, xe cộ… là thật, còn những cảnh khác đều là hư giả. Sau đó cũng không chịu suy nghĩ lại. Người trí thì khác, biết là ảo thuật, khi vừa thấy nghe thì liền suy nghĩ những loài voi ngựa … ta đang thấy đây đều không thật có, chỉ là ảo thuật dối gạt mắt người. Tạm gọi là voi, ngựa… các kho

tàng, thật chỉ có tên mà không thật thể. Do đó những cảnh ta vừa thấy nghe, không nên vội cho là thật, phải suy nghĩ kĩ, sẽ biết tất cả đều là hư vọng. Cho nên người trí biết các pháp đều không có thật thể, chỉ thuận theo sự thấy nghe của người thế gian, mượn danh ngôn mà diễn đạt sự việc. Nhưng xét theo lí chân thật thì không như thế, chỉ nhờ ngôn thuyết giả để rõ nghĩa chân thật.

Thưa Đại Phạm vương! Phàm phu dị sinh[273] chưa được cặp mắt trí tuệ bậc thánh xuất thế, chưa hiểu chân như của tất cả pháp là bất khả thuyết, nên khi thấy nghe các pháp biến chuyển hoặc chẳng biến chuyển, liền cho như thế mà khởi tâm chấp cho là chân thật; nơi Đệ nhất nghĩa, họ không thấu đạt chân như các pháp là bất khả thuyết. Còn các bậc thánh, khi thấy tất cả các pháp biến chuyển hay không biến chuyển, đều tùy năng lực tư duy mà không chấp trước thật có, thấu suốt tất cả các pháp biến chuyển và không biến chuyển đều không chân thật, chỉ dùng vọng tưởng lượng định tướng trạng biến chuyển

và không biến chuyển; tất cả chỉ là giả danh, không có thật thể. Các vị thánh này thuận theo thế tục, giảng thuyết giáo pháp, hầu giúp cho họ hiểu được ý nghĩa chân thật như thế.

Thưa Đại Phạm vương! Các bậc thánh với tri kiến thánh nhân, thấu suốt chân như các pháp không thể giảng nói, các pháp biến chuyển hay pháp không biến chuyển cũng như vậy; nhưng vì muốn cho mọi người chứng biết, cho nên các thánh mới dùng ngôn thuyết thế gian mà thôi.

Phạm vương lại hỏi Bồ-tát Như Ý Bảo Quang Diệu rằng: "Bao nhiêu chúng sinh hiểu được chính pháp sâu xa vi diệu?". Bồ-tát đáp rằng: "Tâm vương-tâm sở của những người huyễn hiểu được pháp này". Phạm vương liền nói: "Người huyễn không thân, tâm vương tâm sở từ đâu sinh khởi?". Bồ-tát lại đáp: "Nếu chúng sinh nào thấu đạt pháp giới chẳng có chẳng không, sẽ hiểu rõ được nghĩa sâu xa này".

Phạm thiên vương lại bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát Như Ý Bảo Diệu Quang này thật là cao siêu không thể nghĩ bàn, đã thông đạt nghĩa sâu xa như vậy". Đức Phật dạy rằng: "Đúng thế, đúng thế! Như Ý Bảo Quang Diệu đã dạy các ông phát tâm tu học Vô sinh pháp nhẫn."

Đại Phạm thiên vương và các Phạm thiên trong chúng đứng dậy, áo lộ vai phải, cung kính chắp tay đảnh lễ Bồ-tát Như Ý Bảo Quang Diệu, rồi thưa rằng: "Hôm nay chúng tôi may mắn gặp được và nghe đại sĩ giảng nói chính pháp, thật là hiếm có! ".

Đức Phật dạy rằng: "Này Đại Phạm vương! Vào đời vị lai, Như Ý Bảo Quang Diệu sẽ thành Phật hiệu là Bảo Diệm Cát Tường Tạng Như Lai, Ứng Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn".

Khi Đức Phật thuyết phẩm kinh này xong, có ba nghìn ức Bồ-tát không lui sụt Vô thượng chính đẳng chính giác, tám nghìn ức thiên tử,

vô lượng vô số vua quan, nhân dân xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ trong hội có năm mươi ức bí-sô tu hạnh Bồ-tát sắp lui sụt tâm bồ-đề, khi nghe Bồ-tát Như Ý Bảo Quang Diệu nói pháp này, ý chí kiên định không thể nghĩ bàn, trọn vẹn bản nguyện, khởi tâm bồ-đề, đều cởi áo ngoài vô cùng quí giá cúng dường Bồ-tát, rồi lại phát tâm dõng mãnh tối thượng và lập nguyện rằng: "Chúng con nguyện không lui sụt bồ-đề, dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng chính đẳng chính giác". Các vị bí-sô nương công đức này, như giáo tu hành chín mươi đại kiếp sẽ được giác ngộ, ra khỏi sinh tử.

Thế là Thế Tôn liền thụ kí rằng: "Này các bí-sô! Trải qua ba a-tăng-kì kiếp, đến kiếp tên là Nan Thắng Quang Vương, tại nước Vô Cấu Quang, các ông đồng thời chứng đắc Vô thượng chính đẳng chính giác, đồng thành Phật đạo, cùng một hiệu là Nguyện Trang Nghiêm Gian Sức Phật, đầy đủ mười hiệu".

Này Đại Phạm vương! Nếu nghe chính xác và hành trì đúng kinh *Kim quang minh* thì sẽ có được uy lực rất lớn. Giả sử một người tu tập lục độ trải qua trăm nghìn đại kiếp[274] mà không có được phương tiện, thì công đức không bằng một phần trăm, một phần vô lượng công đức của người sao chép kinh này, rồi cứ nửa tháng chuyên tâm đọc tụng. Vì thế hôm nay Ta bảo các ông tu học ghi nhớ, thụ trì giảng thuyết cho mọi người nghe. Vì sao như thế? Ta nhớ vào thời quá khứ lâu xa, khi còn tu đạo Bồ-tát, lúc ấy Ta như dũng sĩ vào trận, thụ trì đọc tụng, giảng thuyết truyền bá kinh tối thượng này không tiếc thân mạng. Như Chuyển luân vương, khi còn cai trị thì bảy báu còn, nếu mạng đã chung thì bảy báu diệt; cũng giống như vậy, kinh *Kim quang minh* còn hiện ở đời, thì pháp bảo còn, nếu kinh này mất, pháp bảo vô thượng cũng theo đó ẩn. Cho nên các ông, một lòng lắng nghe, khởi tâm tinh tiến ba-la-mật, thụ trì đọc tụng, giảng cho người nghe, khuyên họ sao chép, không sợ nhọc mệt, cho đến cũng không tiếc

thân mạng mình. Làm như thế sẽ được công đức bậc nhất trong các công đức. Là đệ tử Ta thì nên siêng năng tu học như thế!

Đại Phạm thiên vương, cùng với vô lượng thiên chúng cõi Phạm, Đế Thích-Tứ vương và các dạ-xoa từ tòa đứng dậy, áo lộ vai phải, quì gối chắp tay, cung kính bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Chúng con xin nguyện bảo vệ giữ gìn và truyền bá kinh *Kim quang minh* này. Nếu vị pháp sư giảng kinh gặp nạn, chúng con sẽ trừ, giúp đủ phúc lành, sắc tướng uy nghiêm, sức lực sung mãn, luận biện vô ngại, thân tâm thư thái, thính chúng an lạc. Nếu quốc gia này gặp nạn đói kém, giặc giã chiến tranh, phi nhân làm hại, thì cả thiên chúng sẽ cùng bảo vệ, khiến cho nhân dân an ổn giàu có, không còn tai họa. Đó đều là do năng lực chúng con. Nếu những người nào cúng dường kinh này, chúng con cũng sẽ cung kính cúng dường người ấy như Phật.

Đức Phật khen rằng: "Quí thay, quí thay! Các ông nghe pháp sâu xa nhiệm mầu, phát

tâm bảo vệ, thụ trì kinh này, các ông nhất định sẽ được vô lượng vô biên phúc đức, chóng thành Vô thượng chính đẳng bồ-đề". Đại Phạm thiên vương và đại chúng nghe Phật dạy như thế, vô cùng vui mừng, chí tâm đảnh lễ cung kính lãnh thụ.

PHẨM 11
TỨ THIÊN VƯƠNG QUÁN SÁT TRỜI NGƯỜI

Bấy giờ bốn vị: Đa Văn thiên vương, Trì Quốc thiên vương, Tăng Trưởng thiên vương, Quảng Mục thiên vương, đồng từ chỗ ngồi trong chúng đứng dậy, áo lộ vai phải, quì gối chắp tay, cung kính đảnh lễ chân Phật rồi bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh *Kim quang minh tối thắng vương* này, được các đức Phật nghĩ nhớ tư duy, Bồ-tát cung kính, trời rồng cúng dường, thiên chúng ưa thích, các vị trời hộ thế luôn ca ngợi, Thanh văn và Độc giác cùng thụ trì. Kinh này chiếu sáng cung điện cõi trời, ban cho chúng sinh niềm vui tối thắng, chấm dứt khổ đau trong đường địa ngục, ngạ quỉ súc sinh; đoạn trừ tất cả những nỗi sợ hãi, đẩy lui tất cả những kẻ oán địch; những lúc đói kém thì khiến được mùa, gặp lúc ốm đau

thì giúp lành bệnh, tất cả tai biến, trăm nghìn khổ não đều được tiêu trừ.

Bạch đức Thế Tôn! Kinh *Kim quang minh* này có năng lực làm cho an ổn lợi lạc như thế, cúi xin Thế Tôn ngay trong chúng hội, giảng nói kinh này để chúng con cùng quyến thuộc nhận được pháp vị cam lộ vô thượng, khiến cho khí lực sung mãn, thêm lớn uy quang, tinh tiến dõng mãnh, thần thông tăng trưởng.

Bạch đức Thế Tôn! Thiên vương chúng con tu tập chính pháp, luôn thuyết chính pháp, luôn dùng chính pháp giáo hóa thế gian. Chúng con khiến cho thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, yết-lộ-trà, câu-bàn-trà, khẩn-na-la, mạc-hô-lạc-già và các quốc vương luôn dùng chính pháp giáo hóa nhân dân, ngăn chặn điều ác, đuổi dẹp tất cả những loài quỉ thần không có từ bi, hút tinh khí người.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nguyên nhân này mà chúng con được gọi là Hộ Thế. Lại nữa trong châu Diêm-phù-đề này, nếu quốc gia nào bị giặc xâm lấn, đói kém dịch bệnh hoành hành

khắp nơi, vô lượng trăm nghìn tai ách xảy ra, thì chúng con sẽ cung kính cúng dường kinh *Kim quang minh;* nếu có tì-kheo pháp sư thụ trì đọc tụng kinh này, thì bốn thiên vương cùng đến nơi đó để thức tỉnh và khuyến thỉnh vị ấy. Vị pháp sư ấy nhờ sức thần thông thức tỉnh mà đến nước kia giảng nói rộng rãi kinh *Kim quang minh*. Nhờ năng lực kinh mà trăm nghìn tai họa đều tiêu trừ.

Bạch đức Thế Tôn! Bí-sô pháp sư thụ trì kinh này đến một nước nào, thì kinh này cũng đã đến nước ấy. Bấy giờ quốc vương cần phải đến chỗ vị bí-sô kia lắng nghe thuyết giảng, nghe rồi vui mừng, cung kính cúng dường bí-sô pháp sư, tận tâm bảo vệ để không bị hại, hầu giúp vị ấy thuận tiện giảng nói, làm lợi tất cả.

Bạch đức Thế Tôn! Vì kinh vua này, cho nên chúng con một lòng bảo vệ vua và nhân dân của quốc gia ấy không còn tai họa, thường được an ổn. Nếu có bí-sô cùng bí-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca thụ trì kinh này, thì quốc

vương nên cúng dường tất cả những vật cần dùng, không để thiếu thốn; bấy giờ chúng con sẽ giúp quốc vương và đất nước ấy luôn luôn an ổn, không có tai họa. Nếu vua cúng dường, cung kính tôn trọng những người thụ trì đọc tụng kinh này, thì chúng con sẽ khiến cho các vị quốc vương nước khác ca ngợi cung kính, tôn trọng bậc nhất".

Nghe Phật thuyết xong, đại chúng vô cùng vui mừng, cung kính thụ trì.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 6

PHẨM 12
TỨ THIÊN VƯƠNG HỘ QUỐC

Nghe bốn thiên vương phát nguyện cúng dường kinh *Kim quang minh*, đồng thời giúp đỡ bảo vệ những người thụ trì, Đức Phật khen rằng: "Quí thay, quí thay! Thiên vương các ông cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi ca vô lượng trăm nghìn vạn ức Đức Phật ở thời quá khứ, đồng thời cũng đã trồng sâu cội lành, tu hành chính pháp, giảng thuyết chính pháp, dùng pháp giáo hóa tất cả thế gian, luôn muốn mãi mãi lợi ích chúng sinh, khởi tâm đại từ, nguyện ban cho họ mọi sự an lạc. Do đó hôm nay các ông được phúc báo tốt đẹp này.

Nếu quốc vương nào cung kính cúng dường kinh *Kim quang minh* thì các ông nên dốc lòng bảo vệ, khiến họ an ổn. Bốn vị thiên vương cùng với quyến thuộc, vô lượng vô số trăm nghìn dạ-xoa bảo vệ kinh này, tức đã bảo

vệ chính pháp của Phật ba đời, cũng do đó mà các ông chiến thắng các a-tu-la. Nếu được các ông hộ trì kinh này, do sức của kinh mà đất nước ấy trừ được giặc thù, đói kém dịch bệnh. Nếu thấy bốn chúng thụ trì kinh vua, thì hãy dốc lòng cùng nhau bảo vệ, trừ dẹp phiền não, đem lại lợi ích an lạc cho họ.

Bốn vị thiên vương lập tức đứng dậy, áo lộ vai phải, quì gối chắp tay, cung kính bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vào đời vị lai, bất cứ nơi nào trong một quốc gia có kinh vua này lưu truyền, hoặc là thôn xóm, núi rừng thành thị, mà vua nước ấy chí tâm nghe nhận, khen ngợi cúng dường, đồng thời cung cấp các món cần dùng cho bốn chúng thụ trì kinh này, dốc lòng ủng hộ, giúp họ tránh những suy hao, thì chúng con sẽ bảo vệ quốc vương và nhân dân nước ấy an ổn, không còn lo khổ, tăng thêm tuổi thọ, đầy đủ oai đức.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu quốc vương thấy bốn chúng thụ trì kinh vua này mà cung kính cúng dường, bảo vệ như đối với cha mẹ mình,

đồng thời cung cấp các vật cần dùng thì bốn thiên vương luôn theo bảo vệ, khiến cho tất cả hữu tình tôn kính. Vì thế kinh này lưu hành nơi nào, thì chúng con và vô lượng dạ-xoa cũng ngầm ủng hộ, khiến người thụ trì không bị chướng ngại, còn giúp người nghe, như các vua quan… dứt trừ tai nạn, đuổi giặc ngoại xâm. Khi vua này nghe kinh *Kim quang minh*, mà vua lân bang muốn đem bốn binh đánh phá bờ cõi, thì nhờ oai lực của kinh này mà nước ấy lại bị một giặc thù khác xua quân xâm lấn, tai biến xảy ra, dịch bệnh hoành hành. Quốc vương nghe kinh này thấy như vậy, liền dẫn bốn binh thảo phạt nước kia. Bấy giờ chúng con sẽ dẫn quyến thuộc, vô lượng vô biên dạ-xoa ẩn hình âm thầm hỗ trợ, làm cho quân giặc tự nhiên hàng phục, không dám đem binh đến vùng biên giới, nói gì đánh nhau.

Đức Phật dạy rằng: "Hay thay, hay thay! Thiên vương các ông mới có năng lực hộ trì kinh này như thế! Ta đã tu hành khổ hạnh trải qua trăm nghìn câu-chi na-do-tha kiếp, chứng đắc Vô thượng chính đẳng chính giác,

được Nhất thiết trí, nay thuyết pháp này, nếu có quốc vương chí tâm thụ trì, cung kính cúng dường kinh *Kim quang minh*, tai họa tiêu trừ, đất nước an ổn, thành ấp xóm thôn cũng được thanh bình, giặc thù lui tan, lại cũng khiến cho tất cả quốc vương cõi Diêm-phù này vĩnh viễn không còn lo việc chiến tranh.

Bốn vị thiên vương! Các ông nên biết, châu Diêm-phù này có tất cả tám vạn bốn nghìn thành ấp, tám vạn bốn nghìn quốc vương, mỗi mỗi đều ngự tại cõi nước mình, hưởng trọn niềm vui, của tiền sung túc, thụ dụng đầy đủ, không đoạt lẫn nhau; do nhân đời trước mà thụ phúc ấy; không khởi niệm ác, tham đoạt đất nước của người, lòng ham muốn ít, làm lợi ích cho tất cả nhân dân, không còn khổ đau vì sự tranh đấu. Nhân dân nước ấy khởi lòng yêu thương, trên dưới hòa thuận như nước với sữa, tôn trọng lẫn nhau, vui vẻ dạo chơi khắp chốn, từ bi khiêm nhường, căn lành ngày càng tăng trưởng. Do đó, cõi Diêm-phù-đề giàu có an ổn, nhân dân đông đúc, đất đai màu mỡ, lạnh nóng điều hòa, thời tiết

thuận lợi, mặt trời mặt trăng và các vì sao vận hành đúng theo quĩ đạo, mưa nắng đúng mùa, không còn thiên tai và các họa hoạn. Nhân dân giàu có, của cải đầy nhiều, tâm không thấp hèn, thường thích bố thí, tu mười nghiệp thiện. Nếu ai qua đời thì sinh cõi trời, tăng thêm thiên chúng.

Này các thiên vương! Vào đời vị lai, nếu ai lắng nghe, tin nhận cung kính, cúng dường kinh này thì bốn bộ chúng tôn trọng ngợi khen. Lại muốn giúp cho các ông cùng với vô lượng trăm nghìn quyến thuộc dạ-xoa được nhiều an vui, nên vị vua kia phải thường lắng nghe kinh nhiệm mầu này. Do nghe kinh này như uống cam lộ tuyệt hảo, nên oai lực của thân tâm tăng thêm, ngày càng tinh tiến, dõng mãnh oai hùng, đầy đủ phúc đức. Nếu các quốc vương chí tâm lắng nghe, tin nhận kinh này, tức là thiết lễ cúng dường rộng lớn hi hữu cúng dường Thích-ca Mâu-ni Ứng Chính Đẳng Giác. Nếu cúng dường Ta, tức đã cúng dường trăm nghìn vạn ức câu-chi do-tha Phật trong ba đời; nếu đã cúng dường chư Phật ba

đời thì được vô lượng công đức, chẳng thể nghĩ bàn.

Do đó các ông cần phải hộ trì quốc vương hoàng hậu, thứ phi nước kia tránh những suy tổn, cũng giúp các thần giữ gìn cung điện đất đai an lạc, được nhiều phúc báo không thể nghĩ bàn, nhân dân nước ấy thụ hưởng năm dục, tất cả việc ác thảy đều tiêu trừ".

Bốn vị thiên vương bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vào thời vị lai, nếu có vị vua thích nghe giảng thuyết kinh *Kim quang minh,* để bảo vệ tự thân cùng hoàng gia và các thể nữ, cũng để thành ấp, cung điện bền chắc, huy hoàng bậc nhất, không thể nghĩ bàn, vắng lặng an lạc, hiện đời vương vị tôn quí bền vững, thân tâm an vui, luôn luôn phát triển, lại muốn gom lấy vô lượng vô biên phúc báu không thể nghĩ bàn, và giúp đất nước không còn giặc thù, các nỗi lo về tai hoạ, thì quốc vương ấy không nên buông lung, khiến tâm tán loạn mà phải cung kính, chí thành lắng nghe kinh *Kim quang minh*. Nhưng trước

khi nghe, quốc vương cần phải trang hoàng cung điện, hoặc ở những nơi rộng lớn thanh tịnh mà mình ưa thích, nước thơm rưới đất, rải các hoa quí, đặt tòa sư tử có đính bảo vật, lại treo lọng báu, cờ xí khắp nơi, đốt hương vô giá, trỗi âm nhạc hay. Bấy giờ quốc vuơng tắm rửa sạch sẽ, thân thoa hương thơm, thay y phục mới, đeo xâu chuỗi báu, ngồi trên ghế thấp, tâm không cống cao, không nghĩ mình là quốc vương cao quí, lắng tâm chính niệm nghe kinh vua này. Lại nên nghĩ tưởng người đang thuyết giảng là bậc Đại sư, khởi lòng thương xót đối với tất cả hoàng hậu thứ phi, vương tử thể nữ và cả thân quyến, nét mặt hòa ái, lời nói nhẹ nhàng, tràn ngập niềm vui. Quốc vương nên nghĩ: 'Nay ta có được lợi ích rộng lớn, quí báu vô cùng, nên thiết lễ trọng cúng dường kinh này.' Sau khi sửa soạn, thấy pháp sư đến, quốc vương cần phải thiết tha chí thành, cung kính đón tiếp".

Đức Phật lại bảo bốn vị thiên vương: "Cần phải cung đón pháp sư như thế! Bấy giờ quốc vương mặc y phục sạch, đeo các chuỗi báu, tự

cầm lọng trắng cho đến hương hoa, sắp bày đầy đủ lễ nghi quân đội, trỗi các nhạc hay, đi bộ ra thành đón tiếp pháp sư, chí thành cung kính thực hiện việc này.

Này bốn thiên vương! Vì sao quốc vương cần phải đích thân cung kính cúng dường? Vì mỗi cử chỉ hành động của vua cung kính kinh này, tức là cung kính, cúng dường phụng sự trăm nghìn vạn ức na-do-tha Phật Thế Tôn. Như thế vị ấy sẽ thoát nỗi khổ phải chịu vô lượng kiếp số sinh tử, và cũng trải qua số kiếp như thế vào đời vị lai, quốc vương này sẽ làm Chuyển luân vương vô cùng cao quí. Cứ mỗi cử chỉ, hành động cung kính cúng dường kinh này, cũng khiến phúc đức ngày càng tăng trưởng, tự tại dạy dỗ tất cả nhân dân, được sự cảm ứng không thể tính lường, mọi người khâm phục. Trải qua vô lượng trăm nghìn ức kiếp sinh lên cõi trời hay sinh vào cõi người, đều được làm vua, hưởng thụ niềm vui, có cung bảy báu, tuổi thọ dài lâu, luận biện thông suốt, trời người đều tin, không còn sợ hãi, danh tiếng vang xa, người người mến mộ, đầy

đủ thế lực và oai đức lớn, thân tướng xinh đẹp và rất uy nghiêm, không ai sánh bằng. Vị quốc vương ấy gặp được Thiên Nhân Sư[275], gặp thiện tri thức, giúp cho thành tựu vô lượng phúc đức.

Các ông nên biết: Vị quốc vương kia, khi đã hiểu được vô lượng vô biên lợi ích như thế, thì nên chí thành cung nghinh pháp sư, cho dù cách xa một du-thiện-na hay gấp trăm nghìn; đối với pháp sư nên tưởng là Phật. Khi thỉnh về thành, quốc vương nên nghĩ: 'Hôm nay Thích-ca Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác vào cung điện ta, nhận sự cúng dường, thuyết pháp cho ta. Sau khi Ta nghe, sẽ không lui sụt Vô thượng bồ-đề, gặp được trăm nghìn vạn ức na-do-tha Phật Thế Tôn. Hôm nay ta nên trỗi nhạc tuyệt diệu cúng dường tất cả Đức Phật ba đời. Hôm nay ta sẽ vĩnh viễn diệt trừ những nỗi thống khổ trong đường địa ngục, ngạ quỉ súc sinh, mà gieo vô lượng trăm nghìn vạn ức hạt giống Chuyển luân thánh vương, Phạm vương-Đế Thích, giúp cho vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sinh không còn sinh

tử khổ đau, đạt đến niết-bàn, gom nhóm vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn công đức. Lại giúp tất cả hoàng thân quốc thích, nhân dân an ổn, đất nước thái bình, không còn tai họa, chẳng có sầu lo, những kẻ ác độc và giặc ngoại xâm không đến xâm lấn".

Bốn vị thiên vương bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vị quốc vương kia cần phải tôn trọng chính pháp như thế, đồng thời cũng nên cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen bốn chúng thụ trì bộ kinh vua này. Nếu vị quốc vương muốn chúng con vui, phải vẩy nước thơm, rải hoa tươi đẹp chung quanh pháp tòa, rồi đặt bốn toà cho bốn thiên vương, chúng con sẽ ngồi, cùng với quốc vương lắng nghe chính pháp. Quốc vương cũng nên chia cho chúng con những phúc phần và căn lành tự lợi.

Bạch đức Thế Tôn! Khi Quốc vương thỉnh pháp sư thăng tòa, thì cũng nên vì chúng con mà đốt các loại danh hương cúng dường kinh này. Khói hương tức thời vút lên hư không,

bay vào cung điện chư thiên chúng con, biến thành lọng hương, chúng con liền nghe hương vi diệu ấy. Bấy giờ trong làn khói hương có luồng ánh sáng màu vàng rực rỡ chiếu khắp cung điện chúng con, cho đến cung điện Phạm thiên Đế Thích, Đại Biện Tài thiên, Đại Cát Tường thiên, địa thần Kiên Lao, hai mươi tám bộ dạ-xoa, trời Đại Tự Tại, Kim Cang Mật chủ, Bảo Hiền đại tướng, Ha-lợi-để mẫu cùng năm trăm chúng, cung điện vua rồng hồ A-nậu và vua rồng biển lớn.

Các chúng sinh từ cung điện của mình, thấy khói hương kia chỉ trong chớp mắt biến thành lọng hương, mùi thơm ngào ngạt, ánh sáng màu vàng rực rỡ lan tỏa, chiếu soi khắp các cung điện thiên thần".

Đức Phật lại dạy: "Không chỉ khói hương tỏa đến cung điện, biến thành lọng báu, ánh sáng rực rỡ mà khi quốc vương kia nâng lư hương, đốt các danh hương cúng dường kinh này, thì trong chớp mắt, khói hương xông khắp đại thiên thế giới, trăm ức mặt trời mặt

trăng, tòa núi Diệu Cao, bốn châu thiên hạ và cung điện của trời rồng dạ-xoa, loài càn-thát-bà, các a-tu-la, thần yết-lộ-trà, thần khẩn-na-la, ma-hầu-la-già. Khói hương lan tỏa đầy khắp hư không, biến thành lọng mây, chiếu các tia sáng màu vàng ròng đến khắp các cung điện. Mây hương lọng hương hiện khắp tam thiên đại thiên thế giới như thế, đều là do sức uy thần của kinh *Kim quang minh* vậy.

Lại khi quốc vương, tay nâng lư hương cúng dường kinh này, khói hương không chỉ xông đến tam thiên đại thiên thế giới, mà trong chớp mắt đã lan tỏa khắp vô lượng vô biên Hằng sa trăm nghìn vạn ức cõi Phật. Khói hương này tụ lại trong hư không, trên các Đức Phật, biến thành lọng hương, cũng phóng những tia sáng màu vàng ròng chiếu khắp như thế. Khi các Đức Phật nghe hương thơm ấy, thấy lọng mây và ánh sáng ấy biến hiện như thế, các Ngài quán xét, đồng cất tiếng khen ngợi pháp sư rằng: 'Quí thay, quí thay! Này đại trượng phu! Ông giỏi truyền bá rộng rãi bộ kinh sâu xa nhiệm mầu, nhất định

sẽ được vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn công đức. Cho nên những ai nghe được kinh này, sẽ được công đức cũng rất lớn, huống gì sao chép, thụ trì đọc tụng, giảng nói cho người nghe rồi như lời kinh mà tu hành. Vì sao? Vì người nghe được kinh này sẽ không lui sụt Vô thượng chính đẳng chính giác' ".

Bấy giờ tất cả các đức Như Lai đang ngự trên pháp tòa ở trăm nghìn câu-chi na-do-tha vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật khắp mười phương, cùng lúc khen ngợi vị pháp sư rằng: "Quí thay, quí thay! Vào đời vị lai, ông nên siêng năng tu tập vô lượng trăm nghìn hạnh khổ, đầy đủ tư lương bồ-đề, vượt trên thánh chúng, ra khỏi ba cõi, thành bậc tối thắng, ngồi cội bồ-đề, trang nghiêm thù thắng, cứu giúp chúng sinh trong cõi tam thiên đại thiên thế giới, phá dẹp quân ma hình tướng đáng sợ, thấu suốt các pháp, đạt được Vô thượng chính đẳng bồ-đề, thanh tịnh sâu xa.

Này thiện nam tử! Ông sẽ ngồi nơi tòa kim cang ấy, chuyển pháp luân mười hai hành, sâu

xa vi diệu mà các Đức Phật đã từng khen ngợi, gióng trống pháp lớn vô thượng, thổi loa pháp vi diệu vô thượng, dựng cờ pháp thù thắng vô thượng, đốt đuốc pháp rực sáng vô thượng, rưới mưa pháp cam lộ vô thượng. Ông lại đoạn dứt vô lượng oán kết phiền não, khiến cho vô lượng trăm nghìn vạn ức na-do-tha hữu tình vượt qua biển lớn đáng sợ vô bờ, thoát chốn sinh tử luân hồi không giới hạn, gặp được vô lượng trăm nghìn na-do-tha Phật".

Bốn vị thiên vương bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh *Kim quang minh* này có năng lực giúp cho thành tựu vô lượng công đức ở hiện tại và vị lai như vậy, nếu vị quốc vương nào nghe được, nhất định vị ấy đã trồng vô lượng căn lành nơi trăm nghìn vạn ức vô lượng Phật, chúng con sẽ luôn nghĩ nhớ bảo vệ vị quốc vương ấy. Vì muốn có được vô lượng phúc đức, nên bốn thiên vương chúng con cùng vô lượng trăm nghìn vị thần quyến thuộc tại cung điện mình, khi thấy khói hương biến thành mây, thành lọng liền ẩn thân; vì nghe pháp nên chúng con đến nơi giảng pháp,

chính là cung điện thanh tịnh trang nghiêm của vị quốc vương kia. Cứ như thế, Phạm vương, Đế Thích, trời Đại Biện Tài, trời Đại Cát Tường, địa thần Kiên Lao, đại tướng Chính Liễu tri, hai mươi tám bộ dạ-xoa, trời Đại Tự Tại, Kim Cang Mật chủ, đại tướng Bảo Hiền, Ha-lợi-để mẫu cùng năm trăm quyến thuộc, vua rồng hồ Nhiệt Não, vua rồng biển lớn, vô lượng trăm nghìn vạn ức na-do-tha trời, dạ-xoa vì muốn nghe pháp mà ẩn thân đến nơi thuyết giảng có đặt tòa cao tại cung điện của vị quốc vương kia.

Bạch đức Thế Tôn! Bốn thiên vương chúng con và các thần Dạ-xoa quyến thuộc, một lòng tôn vị quốc vương ấy làm thiện tri thức. Do vị thí chủ đại pháp vô thượng này ban cho chúng con cam lộ, cho nên chúng con giúp đỡ bảo vệ, dứt trừ tai hoạ, khiến được an ổn, không còn những điềm xấu xuất hiện nơi cung điện, thành ấp và trong cõi nước.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong nước có kinh *Kim quang minh* mà quốc vương bỏ, không

chịu lưu truyền, không thích nghe nhận, tôn trọng khen ngợi, cung kính cúng dường; thấy người bốn chúng thụ trì kinh này cũng không tôn trọng, cung kính cúng dường, làm cho chúng con và vô lượng quyến thuộc không được nghe pháp sâu xa nhiệm mầu, mất pháp cam lộ, mất dòng chính pháp, không còn oai quang cho đến thế lực, tăng trưởng đường ác, tổn cõi trời người, rơi sông sinh tử, lạc đường niết-bàn, thì chúng con cùng tất cả quyến thuộc và các dạ-xoa lìa bỏ nước này, không thể bảo vệ. Không chỉ chúng con mà vô lượng vị thiện thần hộ quốc cũng đều rời xa.

Sau khi tất cả chúng con lìa bỏ thì cõi nước ấy xảy ra rất nhiều tai họa nguy biến, hoàng triều sụp đổ, nhân dân không còn tâm tính thuần thiện, chỉ luôn sân hận tranh đấu sát hại, dối gạt lẫn nhau, nhiều người vô tội bị xử oan ức, dịch bệnh hoành hành, sao chổi xuất hiện, hai vầng mặt trời đồng thời chiếu rọi, nhật thực nguyệt thực, hai cầu vồng trắng đen biểu thị điềm bất tường, sao băng động đất, trong giếng phát âm thanh lạ, cuồng

phong bạo vũ, thời tiết bất hòa, cây không ra quả, mất mùa đói kém, nước khác xâm lấn, nhân dân khổ não, khắp chốn khổ đau.

Bạch đức Thế Tôn! Khi bốn thiên vương chúng con cùng với vô lượng trăm nghìn thiên thần, và các thiện thần hộ quốc xưa kia rời bỏ, thì đất nước này xảy ra vô lượng trăm nghìn tai họa như thế. Nếu quốc vương muốn bảo vệ đất nước, cũng để bản thân luôn được sung sướng, nhân dân an ổn, phá giặc ngoại xâm, quốc gia vĩnh viễn hùng cường, muốn chính giáo lưu truyền khắp thế gian, những việc xấu ác khổ não không còn, thì vị quốc vương ấy phải lắng nghe và tin nhận kinh *Kim quang minh*, đồng thời cũng nên cung kính cúng dường những người thụ trì đọc tụng bộ kinh mầu này. Bấy giờ chúng con, vô lượng chúng trời nhờ oai lực của căn lành nghe pháp, được uống pháp vị cam lộ vô thượng, tăng thêm quyến thuộc, các thiên thần khác cũng được lợi ích. Vì quốc vương này một lòng lắng nghe, tin nhận kinh này.

Bạch đức Thế Tôn! Như Đại Phạm vương thường hay giảng thuyết luận thế-xuất thế cho chúng trời; trời Đế Thích và tiên nhân Ngũ thông cũng thuyết các luận. Dù những vị này thuyết trăm nghìn câu-chi na-do-tha vô lượng bộ luận, cũng không bằng một phần trăm nghìn câu-chi na-do-tha lợi ích, mà đức Thế Tôn vì lòng từ bi, thương xót trời người thuyết kinh *Kim quang minh* nhiệm mầu này. Vì nhờ kinh này, tất cả quốc vương trong cõi Diêm-phù luôn dùng chính pháp cai trị nhân dân và ban cho họ mọi sự an lạc; lại bảo vệ được tự thân-quyến thuộc, không để bị những khổ đau bức bách, không bị giặc ngoài xâm lấn, không còn điều ác, đất nước an bình, không có tai ách.

Các vị quốc vương, vì dùng chính pháp giáo hóa nhân dân, nên không xảy ra những việc tranh tụng. Mỗi vị ở tại quốc độ của mình, thắp lên ngọn đuốc chính pháp chiếu sáng khắp nơi, giúp tăng thiên chúng và cả quyến thuộc. Thiên vương chúng con, vô lượng thiên thần, các chúng dạ-xoa và những

thiện thần cõi Diêm-phù-đề nhờ nhân duyên này, được uống pháp vị cam lộ vô thượng, đầy đủ oai đức, tăng thêm oai lực; đồng thời tất cả chúng sinh đều được an ổn, cho đến vô lượng vô biên trăm nghìn chẳng thể nghĩ bàn na-do-tha kiếp mai sau cũng được an vui, lại gặp vô lượng Đức Phật, trồng các cội lành, sau đó chứng đắc Vô thượng chính đẳng chính giác.

Vô lượng vô biên lợi ích như thế, đều do Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác dùng lòng đại bi vượt trên Phạm chúng, dùng đại trí tuệ siêu việt Đế Thích, tu tập hạnh khổ hơn cả tiên nhân Ngũ thông trăm nghìn vạn ức na-do-tha lần, vì các chúng sinh giảng nói kinh *Kim quang minh* nhiệm mầu, khiến các quốc vương và các đại thần cõi Diêm-phù-đề biết rõ phép tắc thế gian, các việc trị quốc, khuyên dạy nhân dân. Do kinh này được lưu truyền cùng khắp, nên mọi chúng sinh đều được an lạc. Những phúc lợi ấy là do oai lực của đức Thích-ca dùng lòng từ bi lưu truyền rộng khắp kinh nhiệm mầu này. Vì thế các vị quốc vương cần phải thụ trì, cung kính cúng dường, tôn

trọng ngợi khen. Cũng vì những công đức lợi ích to lớn, kì diệu như thế, nên gọi là *Tối thắng kinh vương*".

Đức Phật bảo bốn vị thiên vương rằng: "Các ông cùng với tất cả thân thuộc, vô lượng trăm nghìn câu-chi na-do-tha chư thiên thấy vị quốc vương chí tâm nghe nhận, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen bộ kinh vua này, thì nên bảo vệ, giúp trừ tai họa, như thế các ông cũng được an ổn. Những ai trong bốn chúng đã lưu truyền bộ kinh vua này, thực hiện Phật sự trong cõi trời người, đem lại lợi ích cho mọi chúng sinh, bốn vị thiên vương cũng nên bảo vệ, làm cho thân tâm họ luôn an lạc và mãi vắng lặng, chớ nên để cho duyên xấu xâm hại. Các ông nên giúp lưu truyền cùng khắp bộ kinh vua này, chớ để đoạn dứt, hầu làm lợi lạc tất cả chúng sinh mãi đến vị lai".

Đa Văn thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Con có đà-la-ni Như ý bảo châu, nếu ai thụ trì, không

những đã được vô lượng phúc đức, mà con cũng sẽ luôn theo bảo vệ, giúp họ lìa khổ được vui, đầy đủ hai món tư lương phúc trí. Người muốn thụ trì, trước hết nên tụng thần chú hộ thân:

Nam mô vai sơ ra van na da ma ha ra ja da, tát da tha, ra ra ra ra, ku nu, ku nu, khu nu, khu nu, sa pa, sa pa, ma ha vi ca ra ma, ma ha vi ca ra ma, ma ha ra ja, rát sa, rát san tu, nam, sa ra va, sat tơ va nam, sa va ha.

Bạch đức Thế Tôn! Nên tụng bảy biến thần chú này vào một sợi chỉ trắng. Khi tụng một biến thì thắt một gút, sau đó buộc vào khủy tay thì thành tựu việc hộ thân. Kế đến trộn đều các phần bằng nhau của các loại hương: An-tức[276], Chiên-đàn[277], Long não[278], Tô hợp[279], hương Đa-yết-la[280], Huân lục[281]... Sau đó người ấy tắm rửa sạch sẽ, thay y phục mới, tay bưng lò hương, xông các hương ấy, rồi vào tĩnh thất tụng bảy biến thần chú sau để triệu thỉnh con: *Nam mô Vai sa ra van na da, nam mô Đa na đa da, Đa nết va ra da, a ka*

ra sa, a pa ri mi ta, đa nết va ra, pa ra ma, ka ru ni ka, sa ra va, sat ta va hi ta xi nơ ta, na ma đa na, vác đơ ha pác dê, sa va dam, a ka rơ sa, sa va ha.

Kế đến tụng thần chú Như ý. Nhưng trước hết phải xướng niệm danh hiệu, đảnh lễ Tam bảo và kính lễ con, vị trời có năng lực ban tài vật, giúp thỏa mãn tất cả những mong cầu, thành tựu mọi sự an lạc. Sau đó tụng chú Như ý bảo châu, chú có năng lực ban cho chúng sinh mọi sự an lạc như ý. Bấy giờ Đa Văn đối trước Đức Phật tuyên thuyết thần chú:

Nam mô rát na tra da da, nam mô Vai sa ra ma na da, ma ha ra ja da, tát da tha, si mi si mi, su mu su mu, can đa can đa, cha rê cha rê, sa ra sa ra, ka ra ka ra, ki ri ki ri, ku ru ku ru, mu ru mu ru, chu ru chu ru, sa đa da, át ma nam, nít dam, an ta ra, đa tu sa va ha. Nam mô Va sa ra ma na da, sa va ha, đa na đa da, sa va ha, na mô rát tha, pa ri pu ri ka da, sa va ha.

Tụng một nghìn biến rồi vào tĩnh thất, trải cù-ma[282] lên mặt đất làm một đàn nhỏ, đúng

thời bày biện thức ăn, cung kính cúng dường, luôn đốt các loại danh hương, không để đoạn dứt. Kế đến ngày đêm chuyên tâm tụng bài thần chú Như ý, chỉ tự mình nghe, không cho người biết.

Bấy giờ vương tử Thiền-nị-sư của con hiện hình đồng tử đến đàn tràng hỏi: "Vì việc gì ông cầu thỉnh cha ta?". Người ấy nên đáp: "Tôi cần tài vật cúng dường Tam bảo". Vương tử nghe thế, liền trở về thưa lại với con rằng: "Nay có một người thuần thiện phát tâm chí thành cúng dường Tam bảo, nhưng thiếu tài vật, nên thỉnh phụ vương!". Con liền bảo rằng: "Con hãy đến gấp, mỗi ngày cấp cho người ấy một trăm ca-lị-sa-ba-noa[283]".

Người trì thần chú đã thấy như vậy, biết việc đã thành, lập tức một mình vào trong tĩnh thất, đốt hương rồi nằm, bên giường đặt một hộp thơm. Vào mỗi buổi sáng nhìn vào chiếc hộp sẽ thấy tài vật mà mình mong cầu. Khi đã có được, thì ngay trong ngày sử dụng tài vật ấy mua hương hoa, thức ăn thức

uống dâng cúng Tam bảo, cũng sắm vật thực ban phát cho người nghèo khổ. Phải dùng cho hết, không được cất giữ. Người này cần phải khởi tâm từ bi đối với chúng sinh, tâm không sân hận, dối gạt dua nịnh. Nếu tâm sân hận, liền mất linh nghiệm. Người trì chú này, hằng ngày phải luôn nhớ nghĩ, ca ngợi con và quyến thuộc, thực hành mười điều thiện để trợ giúp, khiến cho phúc lực thiên chúng tăng trưởng, nghiệp thiện thêm lớn, cho đến chứng đạo Vô thượng bồ-đề. Thiên chúng cõi con đã thấy như thế, đều rất vui mừng, cùng đến bảo vệ người trì chú kia. Người trì chú ấy thọ mạng dài lâu, đến vô lượng tuổi, vĩnh thoát ba đường, không bị các nạn. Con cũng giúp có bảo châu Như ý và các kho tàng ẩn trong lòng đất; lại được thần thông, thành tựu ước nguyện, cầu quan tước được quan tước, đồng thời nghe hiểu tất cả tiếng của các loài chim muông.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu người trì chú muốn thấy con hiện, thì vào các ngày mồng tám hoặc rằm, thụ bát quan trai[284], rồi dùng

nhựa cây hòa với màu sắc vẽ hình Đức Phật giữa tấm lụa trắng, bên trái vẽ tượng Cát Tường thiên nữ, bên phải vẽ con, là Đa Văn thiên, cũng vẽ cả nam nữ quyến thuộc. Sau đó đặt tượng một nơi đúng pháp, bày hoa tươi đẹp, đốt các danh hương, thắp đèn liên tục, ngày đêm không tắt. Lai dâng cúng thức uống ăn thượng hạng, các món quí báu, phát tâm chí thành, đúng thời cúng dường. Lúc trì thần chú, không được khởi tâm xem thường. Lúc triệu thỉnh con, thì tụng thần chú: *Nam ma hơ sơ ri, kan na da, bút đa da, nam mô Vai sơ ra ma na da, dát sa ra ja da, ma ha ra ja, a đi ra ja da, nam ma hơ sơ ri dê, ma ha đép dê, tát da tha, ta ra ta ra, tu ru tu ru, ba la ba la, su sút đi, ha na ha na, ma ni ka na ka, va rap vai đua ri a, mút ti ka lam kờ ri ta, sa ri da ra, sa rờ va sát tờ va, hi ta ka ma, Vai sờ ra ma na sờ ri da, đê vi pờ ra đay da, ê hi ê hi, ma vi lam ba, ghu rờ na ghu rờ na, pờ ra si na, pờ ra si da, đa đa hi, ma ma, a ma ka na ma da, đát xa na, ka ma sa da, đát sa nan, ma ma ma na, pa ri ha ra day da, sa va ha.*

Bạch đức Thế Tôn! Nếu nghe thấy người tụng thần chú này và việc cúng dường trang trọng như thế, con khởi từ bi, vui mừng biến thân thành một đứa bé, hoặc một người già hay một tì-kheo, tay cầm bảo châu Như ý và bao bằng vàng, vào trong đạo tràng, thân tâm cung kính, niệm danh hiệu Phật, nói với người trì chú rằng: "*Ta giúp cho ông thỏa mãn tất cả những điều mong cầu, hoặc muốn ẩn nơi núi rừng, hoặc tạo ngọc quí, hoặc muốn mọi người yêu mến, hoặc muốn có vàng bạc, hoặc muốn trì thần chú nào cũng được linh nghiệm, muốn thần thông hay thọ mạng dài lâu, hoặc muốn có các niềm vui tuyệt diệu, hoặc tất cả các điều mong cầu khác thành tựu như ý. Kho báu này vô tận, công đức cũng vô cùng; mặt trời mặt trăng có thể rơi xuống, quả đất có thể di chuyển đến phương vị khác, nhưng những lời chân thật của tôi không bao giờ hư dối, luôn giúp tất cả chúng sinh an ổn, ước nguyện tùy tâm*".

Bạch đức Thế Tôn! Nếu người thụ trì tụng đọc kinh này, khi tụng thần chú Như

ý sẽ không nhọc sức mà vẫn mau chóng thành tựu.

Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay chúng con vì những chúng sinh nghèo cùng khốn khổ, thường gặp tai nạn mà thuyết bài thần chú này, giúp họ giàu có, tự tại an vui, không còn lo buồn. Cho đến suốt đời con luôn bên họ âm thầm bảo vệ, dứt trừ tai họa. Con cũng làm cho trong vòng trăm bước quanh người đọc tụng, lưu truyền kinh này, và người trì chú luôn có ánh sáng; đồng thời hàng nghìn dạ-xoa cũng thường theo bên hầu hạ, để cho người ấy tùy ý sai khiến, thỏa mãn mọi việc. Con nói những lời này đều chân thật, không hề luống dối, chỉ có Đức Phật chứng biết cho con".

Khi trời Đa Văn nói thần chú này, Đức Phật khen ngợi: "Hay thay! Hay thay! Vì xé toang lưới bần cùng khốn khổ cho các chúng sinh, khiến họ giàu có an vui, lại cũng giúp cho *kinh Kim quang minh* lưu truyền thế gian, mà ông tuyên thuyết bài thần chú này."

Bốn vị thiên vương đồng từ chỗ ngồi đứng dậy, y lộ vai phải, đảnh lễ chân Phật, chắp tay cung kính, thuyết kệ ca ngợi công đức của Phật:

Khuôn mặt Thế Tôn tựa trăng rằm
Như nghìn mặt trời phóng quang minh
Mắt trong, dài rộng như sen xanh
Răng trắng, khít, đều như viên ngọc.
Công đức Thế Tôn như biển lớn
Vô lượng vật báu chứa nơi đây
Nước đại trí tuệ luôn tràn đầy
Trăm nghìn thắng định cũng hàm dung.
Dưới bàn chân hiện tướng bức luân
Trục, vành đầy đủ với nghìn căm
Giữa kẻ tay chân có mạng mỏng
Giống như mạng chân của nga vương.
Ánh sáng thân Ngài như núi vàng
Trong sạch, diệu kì không gì sánh
Giống như Diệu Cao, tròn công đức
Nên con lễ Phật đấng Sơn vương.

Tướng, hảo chẳng lường như hư không
Hơn cả trời trăng phóng ánh sáng
Giống như huyễn hóa chẳng nghĩ bàn
Nên con đảnh lễ đấng Vô trước.
Đức Thế Tôn cũng dùng kệ dạy rằng:
Kinh Kim quang minh tối thắng này
Do đấng Thập lực rộng tuyên bày
Bốn vương các ông luôn ủng hộ
Tâm nên dõng mãnh, chớ thối lui.
Diệu kinh vô giá thật sâu xa
Ban cho hữu tình nhiều an lạc
Vì các hữu tình được an lạc
Nên kinh lưu truyền khắp thế gian.
Vô lượng vô biên chúng hữu tình
Trong khắp tam thiên thế giới này
Ngạ quỉ, bàng sinh và địa ngục
Bao nhiêu nỗi khổ đều tiêu trừ.
Do oai lực kinh, luôn hoan hỉ
Luôn được bảo vệ khiến an bình
Cũng giúp hữu tình trong các cõi

Bệnh khổ, trộm cướp thật không còn
Nhờ cõi nước này, kinh truyền khắp
Thái bình, sung túc hết não phiền.
Nếu ai lắng nghe kinh vua này
Muốn cầu cao quí và tài lợi
Đất nước phú cường không tranh đấu
Thuận theo ước nguyện, thảy viên thành.
Khiến kẻ xâm lăng lui binh tướng
Đất nước an ổn dứt chiến tranh
Do sức kinh vương tối thắng này
Giúp lìa khổ não, chẳng sợ lo.
Giống như cây báu trong vườn nhà
Sinh ra những vật giúp an vui
Kinh vua tối thắng cũng như vậy
Hằng ban quốc vương công đức quí.
Giống như dòng suối thật trong mát
Giúp trừ nóng bức và cơn khát
Kinh vua tối thắng cũng như vậy
Khiến người thích phúc luôn thỏa mãn.
Như người trong nhà có hộp báu

Cần sử dụng gì, tùy ý lấy
Kinh vua tối thắng cũng như vậy
Phúc đức tùy tâm, chẳng thiếu chi.
Thiên chủ các ông cùng thiên chúng
Phải nên cúng dường kinh vua này
Nếu nghe lời dạy, thụ trì kinh
Trí tuệ, oai thần đều đầy đủ.
Chư Phật mười phương ở hiện đời
Cùng nhau bảo vệ kinh vua này
Thấy người thụ trì và đọc tụng
Khen ngợi: Hay thay, thật hiếm khi!
Nếu người nghe nhận Kim quang minh
Thân tâm phấn chấn và an vui
Bất cứ lúc nào và nơi đâu
Trăm nghìn dạ-xoa luôn bảo vệ.
Tất cả thiên chúng thế giới này
Số nhiều vô lượng không tính được
Đều nghe, tin nhận kinh vua này
Vui mừng hộ trì, không lui sụt.
Nếu người nghe nhận kinh vua này

Có đủ oai đức và dõng mãnh
Cùng với tự tại, thêm thiên chúng
Lìa khổ, hết suy, ánh sáng tăng.

Bốn vị thiên vương nghe bài tụng này, lòng rất vui mừng, bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Từ xưa đến nay, chúng con chưa từng nghe được pháp sâu xa vi diệu này. Hôm nay được nghe, nên lòng chúng con vui buồn lẫn lộn, nước mắt tuôn trào, toàn thân rúng động, chứng tri được việc hiếm có, không thể nghĩ bàn".

Nói xong chư thiên tung những đóa hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la cõi trời cúng dường Đức Phật. Cúng dường vừa xong, bốn vị bạch Phật: "Chúng con mỗi mỗi đều có năm trăm dạ-xoa quyến thuộc, luôn theo bảo vệ kinh và pháp sư, lại dùng ánh sáng trí tuệ hỗ trợ. Nếu có quên sót văn nghĩa kinh này, chúng con sẽ giúp cho vị pháp sư nhớ lại không quên, đồng thời trao cho pháp môn Đà-la-ni thù thắng. Lại khiến cho nơi nào có

kinh này, sớm được truyền dạy đến mọi chúng sinh, không để ẩn mất".

Khi Đức Phật thuyết *kinh Kim quang minh*, vô lượng chúng sinh được đại biện tài, trí tuệ thông minh, gom nhóm vô lượng phúc đức, xa lìa nỗi khổ lo buồn, sinh tâm hỉ lạc, thông suốt các luận, đạt đạo Xuất li[285], không còn lui sụt, mau chứng bồ-đề.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 7

PHẨM 13
ĐÀ-LA-NI KHÔNG NHIỄM TRƯỚC

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo cụ thụ Xá-lợi-phất rằng: "Nay có pháp môn Vô nhiễm trước đà-la-ni, là pháp môn tu hành của Bồ-tát, mẹ của Bồ-tát, các Bồ-tát quá khứ đã thụ trì". Xá-lợi-phất bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Vậy câu và nghĩa của đà-la-ni này như thế nào? Không có nơi chốn hay chẳng phải không có nơi chốn?".

Đức Phật dạy rằng: "Hay thay, hay thay! Này Xá-lợi-phất! Ông đã phát tâm Đại thừa, tin hiểu Đại thừa, tôn trọng Đại thừa. Như lời ông nói, đà-la-ni này chẳng có nơi chốn, chẳng phải không có nơi chốn; chẳng phải là pháp, chẳng phải phi pháp; chẳng thuộc quá khứ, vị lai hiện tại; chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tácp; chẳng thuộc nơi duyên, chẳng phải không thuộc các duyên; chẳng phải biến

đổi, chẳng phải không biến đổi; chẳng từ pháp sinh không do pháp diệt. Nhưng vì lợi ích cho các Bồ-tát, nên ta y theo công dụng-chính đạo, lí thú-thế lực của đà-la-ni mà định đặt ra; đó là công đức, là những cấm giới, là pháp tu học, là ý bí mật, là nơi sinh của chư Phật, cho nên gọi là pháp môn Vô nhiễm trước đà-la-ni tối thượng tối diệu".

Xá-lợi-phất bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Thiện Thệ nói cho chúng con nghe pháp đà-la-ni này! Nếu các Bồ-tát có thể an trụ, không lui sụt đạo Vô thượng bồ-đề, thành tựu chính nguyện, được vô sở y, biện tài vô ngại, được việc hi hữu, trụ nơi thánh đạo đều là nhờ sức đà-la-ni này".

Đức Phật dạy rằng: "Hay thay, hay thay! Đúng thế, đúng thế! Như lời ông nói, nếu Bồ-tát đắc đà-la-ni này, thì không khác Phật. Người nào tôn trọng cúng dường, thân cận hầu hạ vị Bồ-tát này, là cúng dường Phật. Những người nào nghe đà-la-ni này, thụ trì đọc tụng, sinh tâm tin hiểu, cũng như cung kính cúng

dường chư Phật; cũng từ nhân duyên đó mà đạt được quả vị Vô thượng".

Sau khi nói xong, Thế Tôn tuyên thuyết: *Tát da tha, san đa ra ni, a pa đa ra ni, su sam pờ ra tít thi ta, su na ma, su pờ ra tít thi ta, vi ja da ba la, sát da, pờ ra ti sin ja, su rô ha, sin ja na ma ti, u pa đa ni, a ba na ma ni, a bi sích ni, a bi vi da ka ra, sú ba pa ti, su ni sí ta, ba hum, gun ja, a bi pa đa, sa va ha.*

Đức Phật lại bảo Xá-lợi-phất: "Nếu các Bồ-tát có thể an trụ, có thể chân chính thụ trì thần chú Vô nhiễm, thì Bồ-tát ấy trong một trăm kiếp, hoặc một nghìn kiếp, hoặc trăm nghìn kiếp phát khởi chính nguyện, không bao giờ tận; không bị đao gậy, thuốc độc nước lửa và thú dữ làm tổn thương thân mạng. Vì sao? Vì thần chú này là mẹ chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai và cả hiện tại. Nếu có người dùng bảy báu chất đầy mười a-tăng-kì tam thiên đại thiên thế giới các loại thức ăn thức uống tuyệt hảo, y phục thượng hạng cúng dường chư Phật, cũng không bằng một phần nhỏ

phúc đức của người chỉ thụ trì một câu thần chú này. Vì đây là pháp vô cùng sâu xa, là mẹ chư Phật".

Xá-lợi-phất và tất cả đại chúng nghe Đức Phật nói pháp Vô nhiễm này, đều rất vui mừng, kính nguyện thụ trì.

PHẨM 14
NHƯ Ý BẢO CHÂU

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Có đà-la-ni Như ý bảo châu có thể giúp cho chúng sinh tránh được tai họa, ngăn chặn sấm sét, mà các Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác quá khứ đã thuyết. Nay trong kinh này, ta cũng tuyên thuyết cho các ông nghe, hầu giúp trời người được lợi ích lớn và cũng để bảo vệ thế gian, khiến cho mọi loài mãi được an lạc". Tất cả đại chúng và A-nan-đà nghe Phật nói thế, chí tâm lắng nghe Ngài thuyết thần chú.

Đức Phật dạy rằng: "Các ông hãy nghe! Phương đông có vua sấm sét A-ga-ta, phương nam có vua sấm sét Sa-tát-ru, phương tây có vua sấm sét Ci-du-táp-ra-ba, phương bắc có vua sấm sét Su-ta-ma-ni. Nếu ai nghe được danh hiệu, biết được nơi chốn các vị vua này, sẽ tránh được tai họa và những nỗi sợ hãi. Nếu

nơi nào viết tên bốn vị này, nơi ấy sẽ không có các tai ách, chướng nạn, chết oan". Dạy đại chúng xong, Thế Tôn liền thuyết: "Ta đa tha, ni mi ni, ni mi ni, ni min đa ri, tri lô ca, lô ca ni, tri sút ra pa ni, rát sa rát sa, sa va ha. Cầu cho con tên… và nơi này không có những nỗi sợ hãi, những khổ não từ sấm sét, cho đến chết oan, sa va ha."

Bấy giờ Đại Bồ-tát Quán Thế Âm từ chỗ ngồi trong đại chúng đứng dậy, y bày vai phải, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con cũng cung kính đối trước Đức Phật, lược thuyết thần chú Như ý bảo châu, làm lợi ích lớn tất cả trời người, thương xót bảo vệ tất cả thế gian, khiến được an lạc, có đủ sức mạnh, thỏa mãn mong cầu". Bồ-tát thưa xong, liền thuyết thần chú: "*Tát da tha, ga tê, vi ga tê, ni ga tê, pờ rát ti a tha kê, pờ ra ti mi trê, sút đê, mút tê, vi ma lê, pờ ra ba sa va rê, an đa rê, pan đa rê, sơ vét tê, Pan đa ra va sít ni, Ha ri, Kan ta ri, Pin ga la ki, Đạt đi mu khi, rát sa rát sa, sa va ha. Nguyện cầu cho con và trụ xứ này xa lìa tất cả những nỗi*

sợ hãi, những việc khổ não, cho đến chết oan. Nguyện cho con không thấy những tội ác, luôn được Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại rũ lòng từ bi nghĩ nhớ bảo vệ. Sa va ha".

Bồ-tát Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ cũng vội đứng dậy, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con cũng thuyết đà-la-ni Vô thắng làm lợi ích cho trời người, thương xót bảo vệ tất cả thế gian, giúp cho chúng sinh có đủ sức mạnh, thỏa mãn mong cầu". Bạch Đức Phật xong, Bí Mật Chủ thuyết: "*Tát da tha, mu ni mu ni, mu ni nê, ha rê, ma ti ma ti, su ma ti, ma ha ma ti, ha ha ha ha, ma ba, i na si thi tê, pa pa, vai ra pa ni, a ham, ci ri ca sa va ha*. Bạch đức Thế Tôn! Bài thần chú này còn có tên là Vô thắng ủng hộ, nếu ai nhất tâm thụ trì biên chép, đọc tụng ghi nhớ không quên, con sẽ ngày đêm bảo vệ, để giúp người ấy không gặp sợ hãi, không bị chết oan".

Bấy giờ Phạm vương, chủ cõi Ta-bà đứng dậy chắp tay, bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức

Thế Tôn! Hôm nay con có pháp đà-la-ni nhiệm mầu, làm lợi ích lớn cho khắp trời người, thương xót bảo vệ tất cả thế gian, giúp cho chúng sinh có đủ sức mạnh, thỏa mãn mong cầu". Bạch Đức Phật xong, Phạm thiên vương thuyết thần chú: "*Tát da tha, hi li mi li, đi li, sa va ha. Bờ ra ma pu rê, Bờ ra ma ma ni, Bờ ra ma ga bê, put pa sam sa thi rê, sa va ha*. Bạch đức Thế Tôn! Bài thần chú này tên là Phạm trị, người nào thụ trì, con sẽ bảo vệ, giúp họ xa lìa những việc lo buồn và các tội nghiệp, cho đến không còn trường hợp chết oan".

Bấy giờ Đế Thích đứng dậy chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con cũng có đà-la-ni tên Va rát san. Đây là thần chú có ánh sáng lớn, diệt trừ tất cả những nỗi sợ hãi và các ách nạn, tránh được chết oan, cứu khổ ban vui, lợi ích trời người". Bạch Đức Phật xong, Đế Thích tuyên thuyết: "*Tát da tha, vi mi va ri ni, van đa ma đân đê, ma ni nê ti ni, Gô ri, Can đa li, Ma tan ghi, Pút ca si, sa ráp ra ba, hi na ma ti a, ta ma, út ta ra*

ni, ma ha ra ni, đa ra ni ku, cát ra va kê, sa va ri, sa va ri, sa va ha".

Bốn vị thiên vương: Đa Văn, Trì Quốc, Tăng Trưởng, Quảng Mục cũng liền đứng dậy, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay chúng con cũng có thần chú Thí nhất thiết chúng sinh vô úy, có năng lực lớn, bảo vệ chúng sinh xa lìa khổ não, giúp họ an lạc, tăng thêm tuổi thọ, không còn khổ não cho đến chết oan". Bạch Đức Phật xong, bốn vị thiên vương đồng thuyết thần chú: "*Ta da tha, pút pê, su pút pê, đu ma, pa ri ha rê, a ri da pa ri sa sít đê, san ti ni, mút kờ tê, mam ga li ê, sút tê, sít đa vi tê, sa va ha".*

Kế đến các vua rồng như: Mạt-na-tư, Điển Quang, Vô Nhiệt Trì, Điển Thiệt, Diệu Quang cũng đều đứng dậy, chắp tay cung kính, bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay chúng con cũng có đà-la-ni Như ý bảo châu, có năng lực lớn, ngăn chặn sấm sét, trừ nỗi lo sợ, làm lợi ích lớn cho khắp trời người, thương xót bảo vệ tất cả thế gian, giúp cho chúng sinh

có đủ sức mạnh, thỏa mãn mong cầu, không còn chết oan, các việc chẳng lành, cho đến tiêu trừ thuốc độc trùng độc, chú thuật hại người. Nay con xin dâng bài thần chú này lên đức Thế Tôn, xin Ngài từ bi xót thương nhận lãnh, để cho chúng con thoát khỏi thân rồng, vĩnh viễn không còn tâm niệm bỏn xẻn. Vì do bỏn xẻn, nên phải chịu khổ trong đường sinh tử. Ngày nay chúng con xin nguyện đoạn dứt nhân bỏn xẻn này".

Bạch Đức Phật xong, các vua rồng thuyết: "*Tát đa tha, a ca lê, a ma lê, am ra tê, át sa dê, a ba dê, pun da pát da pa tê, sát va pa pa pờ ra sa ma ni dê, sa va ha, a li dê, pan đu su pát ni dê, sa va ha*. Bạch đức Thế Tôn! Nếu ai trùng tuyên bài thần chú này, hoặc biên chép hay thụ trì đọc tụng, cung kính cúng dường, thì sẽ không bị các nạn sấm sét, các nỗi sợ hãi, khổ đau cho đến tránh được các loại chết oan; đồng thời thuốc độc, trùng độc quỉ mị, ếm đối cầu đảo, sư tử rắn độc, muỗi mòng cũng không thể nào làm hại".

Thế Tôn bảo rằng: "Hay thay, hay thay! Các thần chú này đều có uy lực, lại có năng lực tùy thuận thỏa mãn các tâm mong cầu của mọi chúng sinh, làm lợi ích lớn, trừ những người không có lòng chí thành, tất cả các ông chớ nên nghi ngờ".

Nghe Đức Phật dạy, tất cả đại chúng vô cùng vui mừng, cung kính tin nhận.

PHẨM 15
THIÊN NỮ ĐẠI BIỆN TÀI

Bấy giờ trong hội, Đại Biện Tài thiên đứng dậy đảnh lễ chân Phật rồi bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu vị pháp sư giảng thuyết kinh này, con sẽ làm cho tăng trưởng trí tuệ, đầy đủ biện tài, ngôn từ lưu loát. Nếu vị pháp sư quên sót văn nghĩa, con giúp vị ấy nhớ lại đầy đủ, khéo léo khai ngộ tất cả thính chúng và cũng trao môn tổng trì vô ngại. Kinh *Kim quang minh* được các hữu tình đã trồng căn lành từ nơi trăm nghìn Đức Phật thụ trì, lưu truyền khắp cõi Diêm-phù-đề này, không để chóng diệt. Con lại giúp cho vô lượng hữu tình nghe bộ kinh này đều được biện tài không thể nghĩ bàn, trí tuệ vô tận, thông hiểu các luận, nghề nghiệp thế gian, vượt thoát sinh tử, đạt đến Vô thượng chính đẳng bồ-đề. Lại giúp người

ấy hiện đời thọ mạng dài lâu, đầy đủ vật dụng sinh hoạt hằng ngày.

Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ vì vị pháp sư giảng thuyết kinh *Kim quang minh*, cùng với những người thích nghe kinh này, mà thuyết thần chú và cách tắm rửa bằng nước thuốc, giúp họ tiêu trừ tất cả chướng nạn, cùng những điềm xấu: sao xấu biến hiện xung khắc với sao bổn mạng lúc mới sinh, dịch bệnh chiến tranh, ác mộng quỉ thần, trùng độc bùa yểm, chú quỉ khởi thi[286]. Những người hiểu biết nên thực hành cách tắm rửa như sau:

Đầu tiên chuẩn bị đầy đủ ba mươi hai loại hương dược: xương bồ, ngưu hoàng, mục túc, xạ hương, hùng hoàng, hợp hôn, bạch cập, khung cùng, rễ câu kỉ, nhựa tùng, quế chi, hương phụ, trầm hương, chiên-đàn, linh lăng, đinh tử, uất kim, cao bà-luật, vi hương, trúc hoàng, đậu khấu nhỏ, cam tùng, hoắc hương, rễ tranh, sất-chi, ngãi nạp, an tức, hạt cải, mã cân, long hoa tu, bạch giao, thanh mộc; cân lượng bằng nhau; chọn đúng ngày sao Bố-

sái[287] trộn chung các loại hương dược, rồi đem giã nhỏ, rây lấy bột mịn; trì vào hương dược một trăm lẻ tám biến thần chú sau: *Ta da tha, su ka ri ti, ka ri ti, ka ri ti, ka ma ta lê, jan ca ri ti, u ka ri ti, in da ra ja li ni, sát ka ran tê, va cha ci lê, a ban ti, ca si kê na, ku đu, ku đu, kha ca vi lê, ka pi lê, ka pi lê, ka pi la ma ti, sí la ma ti, san đi đu ra ma ti, pa ba ka, bam chi lê, Si rê Si rê, sa ti da thi tê, sa va ha.*

Nếu muốn tắm rửa đúng phương pháp
Nên chọn nơi an và vắng lặng
Lập một đàn vuông tám khuỷu tay[288]
Tâm luôn nghĩ đến việc mong cầu.
Đàn này, phân bò trải trên đất
Rồi rải các hoa đủ sắc màu
Sau dùng chén bát vàng bạc sạch
Đựng các món ngon và sữa, mật
Bốn mặt đàn tràng mở bốn cửa,
Bốn người canh cửa cho đúng pháp,
Chọn bốn đồng tử thân trang nghiêm
Đứng tại bốn góc bưng bình nước,

Lại luôn đốt hương thơm An tức
Tiếng nhạc ngũ âm thường không dứt
Chung quanh treo lọng và tràng phan,
Cùng các dải lụa nhiều màu sắc.
Bên trong đàn tràng đặt gương sáng,
Đao bén và tên, mỗi loại bốn
Trung tâm chôn một cái bát lớn
Đậy bằng tấm ván có đục lỗ
Dùng bột hương dược hòa nước nóng
Cũng đặt vào trong đàn tràng này
Sau khi lập đàn hoàn bị rồi
Tụng chú kết giới như sau đây:
Ta da tha, an ra kê, na da nê, hi lê, mi lê, gi lê, ki ki lê, sa va ha.
Sau khi kết giới như thế rồi
Mới vào đàn tràng tụng thần chú
Đủ hai mốt biến vào bình nước
Rồi đem vẩy khắp cả đàn tràng.
Sau đó trì vào nước hương dược
Đủ trăm lẻ tám biến không sai

Lại dùng màn che bốn phía đàn
Sau dùng nước này gội thân thể.

Thần chú trì niệm vào nước trong bình và nước hương dược: *ta da tha, su ga ti, vi ga ti, vi ga ca, va đê, sa va ha.*

Sau khi tắm xong, mang nước hương dược đã qua sử dụng được hứng trong bồn, và thức ăn uống đã qua dâng cúng bỏ vào sông hồ, rồi thu dọn tất cả những vật khác, thay y phục sạch, ra khỏi đàn tràng. Lại vào căn phòng yên tĩnh, vị thầy chú nguyện dạy phát nguyện rộng: 'Vĩnh viễn đoạn ác, luôn làm việc lành, khởi tâm đại bi đối với chúng sinh. Do nhân duyên này, mà được vô lượng phúc báo tùy tâm'. Đại Biện Tài lại thuyết kệ rằng:

Những chúng sinh nào bị bệnh khổ
Dùng nhiều thuốc thang vẫn không lành
Nếu y pháp này tắm gội thân
Đồng thời tụng kinh Kim quang minh
Ngày đêm nhớ nghĩ không quên sót
Thiết tha chuyên chú, phát lòng tin

Tất cả khổ não đều tiêu trừ
Không còn nghèo khổ, được giàu sang.
Tinh tú bốn phương và nhật nguyệt
Thi triển oai thần giúp sống lâu
Cát tường an ổn, phúc đức tăng
Tai biến ách nạn thảy tiêu trừ.

Kế đến phải tụng hai mươi mốt biến thần chú hộ thân: *Ta da tha, sam mê, vi sam mê, sa va ha, su ga tê, vi ga tê, vi ga tê, sa va ha. Vi ga ta, pam ga chi, va ti sa va ha, Sa ga ra sam bút đa da, sa va ha, Sa ga ra sam bút đa da, sa va ha, sa kan đa, ma ta da, sa va ha, ni la kan ta da, sa va ha, a pa ra ji ta, via da da, sa va ha, hi ma van ta da, sa va ha, a ni mi la vát ta da, sa va ha, na mo ba ga va tê, Bờ ra ma ni, sa va ha, na mô Sa rát va ti ma ha, đép dê, sa va ha, sít dan tu, mam man tra pa đa, sa va ha đa ra ta, va chi tô, Bờ ra ma nu, ma nô ra sa va ha.*

Thiên nữ Đại Biện Tài nói pháp tắm rửa, cách lập đàn và các thần chú rồi, liền lễ chân Phật và bạch Ngài rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có bí-sô, bí-sô-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di

thụ trì, đọc tụng biên chép, lưu truyền kinh này, theo đó tu hành, thì những người ấy và các thính chúng dù ở nơi đâu, hoặc trong núi rừng, đồng vắng thành thị xóm thôn, hay trụ xứ của tăng ni, chúng con cũng dẫn quyến thuộc trỗi nhạc trời đến bảo vệ, trừ hết bệnh khổ làm lợi ích lớn, cho đến không lui sụt đạo bồ-đề, mau vượt sinh tử".

Nghe nói như thế, Đức Phật khen ngợi Đại Biện Tài rằng: "Hay thay, hay thay! Thiên nữ có thể làm cho vô lượng vô biên hữu tình an lạc và lợi ích lớn, từ bài thần chú và phương pháp tắm rửa hương dược này. Cô sẽ được phúc không thể nghĩ bàn. Nhưng cô cũng nên bảo vệ và giúp kinh tối thắng này lưu truyền mãi mãi và khắp mọi nơi".

Nghe Phật khen ngợi, thiên nữ vui mừng đảnh lễ chân Phật, rồi lui về ngồi nơi tòa của mình.

Cũng ngay lúc ấy, có Bà-la-môn họ Kiều-trần-như, tên là Pháp Sư Thụ kí nương oai

thần Phật, ngay trước đại chúng nói kệ khen ngợi và thỉnh thiên nữ Đại Biện Tài rằng:

Thiên nữ thông minh và dõng mãnh
Trời người cúng dường, nên thụ nhận
Danh tiếng vang khắp cả thế gian
Thỏa mãn chúng sinh bao ước nguyện.
Hoặc đỉnh non cao, làm trụ xứ
Hoặc ở am thất, vách mái tranh
Luôn kết cỏ mềm làm y phục
Nơi nơi luôn đứng nhón một chân.
Thế nhưng trời người luôn nhóm họp
Một lòng ca ngợi và thưa thỉnh
Cầu mong thiên nữ Đại Biện Tài
Nói lời vi diệu ban cho khắp

Thiên nữ nhận lời thỉnh cầu, liền nói thần chú: "*Ta da tha, mi ri, chi ô rê, a va tê, a va rê va ti, hin gu lê, min gu lê, pin ga lê va ti, an khu sa, ma ri ci ê, sam ma ti, vi sam ma ti, a gờ ra ti, ma khi ê, ta ra chi, ta ra chi va ti, chia si, chi ri, si ri mi ri, ma nan đi, đa ma khê, ma ri chi ê, pờ ra na pa ry ê, lô ka ja dếp tha, lô ka, sa nét thi,*

lô ka vi ri ê, sít đa, pa ra tê, bi ma mu khi, su chi cha ri, áp ra ti ha tê, áp ra ti ha ta bút đi, na mu chi, ma ha na mu chi, ma ha đép dê, pờ ra ti-gờ ra ha, na mát ka ra, ma ma but đi, đạc sa bi bút đi, áp ra ti ha ta, ba va tu, si ra ha mê, vi sút đa, ci tô, sát tra si lô ka, man tra-pi ta ka, ka pi da đi sô, tát da tha, ma ha pờ ra ba va, hi li mi li, vi cha ra tu, vi bút đi, ma ma bút đi, vi sút đi, ba ga va ty ê, đê vê dam, Sa rát va tim, ka ra ti, kê du ra ma ti, hi ri mi ri, hi ri mi ri, a ba da, mê ma ha đê vi, bút đa-sát dê na, đạt ma-sát dê na, san ga sat dê na, In đờ ra sát dê na, Va ru na sát dê na, dê lô ki ê sát da, sat dê na, tê sam, sat dê na, sát da va cha ni da, a ba da, mê ma ha đê vi, hi li mi li, hi li mi li, vi cha ra tu, ma ma bút đi, no na mô ba ga va ti, ma ha đê va, Sa rát va ti da, sít đi dan tu, man tra pa đa mê, sa va ha".

Thiên nữ Biện Tài thuyết thần chú rồi, lại nói với vị Bà-la-môn rằng: "Quí thay, quí thay! Đại sĩ có thể vì các chúng sinh mà cầu biện tài vô ngại, cùng những báu vật, trí tuệ thần thông để làm lợi ích tất cả chúng sinh, mau

chứng bồ-đề. Đại sĩ nên biết phương pháp như thế". Thiên nữ thuyết kệ:

Trước nên đọc tụng thần chú này
Thật cho làu thông, không lầm lẫn
Qui kính Tam bảo và chư thiên
Cầu xin gia hộ, thỏa nguyện cầu.
Kính lễ chư Phật cùng pháp bảo
Bồ-tát, Độc giác và Thanh văn
Cũng lễ Phạm thiên cùng Đế Thích
Các trời hộ thế bốn thiên vương.
Cả với những người tu Phạm hạnh
Đều phải chí thành cung kính lễ.
Có thể đến nơi thật vắng lặng
Tụng lớn chú này, ca ngợi pháp
Trước tượng Đức Phật và chư thiên
Bày biện phẩm vật mà cúng dường
Khởi tâm từ bi, thương xót khắp
Tất cả chúng sinh ở mọi nơi.
Thân Phật vàng ròng, tướng đoan nghiêm
Chính niệm quán tưởng, tâm không loạn

Thế Tôn xót thương thuyết giáo pháp
Tùy thuận căn cơ, dạy tập thiền.
Lại tư duy sâu từng câu nghĩa
Nương theo tính không mà tu tập
Rồi đến trước tượng đức Thế Tôn
Nhất tâm chính niệm, ngồi kết già
Sẽ được diệu trí tam-ma-địa[289]
Và được tối thắng đà-la-ni.
Kim khẩu Như Lai diễn nói pháp
Tiếng hay điều phục cả trời người
Lưỡi Ngài tùy duyên hiện điềm lạ
Dài rộng che phủ cả đại thiên.
Âm thanh chư Phật diệu như thế
Chí thành ghi nhớ, chẳng sợ lo
Do xưa Đức Phật phát nguyện rộng
Nay được tướng lưỡi chẳng nghĩ bàn
Giảng nói các pháp đều phi hữu
Thí như hư không, chẳng chấp trước.
Âm thanh và lưỡi của chư Phật
Chí tâm tư duy, nguyện sẽ thành.

Thấy người cúng dường Biện Tài thiên
Và thấy đệ tử thuận lời thầy
Nên trao pháp này khiến tu tập
Tôn trọng, tùy tâm, nguyện ắt thành.
Nếu ai muốn được trí tối thượng
Phải nên nhất tâm tu pháp này
Tăng trưởng phúc trí và công đức
Nhất định thành tựu, chớ nghi ngờ.
Nếu ai cầu tài, được nhiều tài
Cầu mong thanh danh, có thanh danh
Nếu cầu giải thoát được giải thoát
Nhất định thành tựu, chớ sinh nghi.
Vô lượng vô biên các công đức
Tùy thuận nơi tâm đã ước mong
Nếu thuận pháp này mà tu tập
Nhất định thành tựu, chớ nghi ngờ.
Ở nơi thanh tịnh, thay y mới
Lại lập đàn tràng tùy lớn nhỏ
Dùng bốn bình sạch chứa vị ngon
Ngày đêm cúng dường hương và hoa

Treo lụa nhiều màu và cờ, lọng
Hương xoa, hương bột rải khắp nơi
Cúng dường chư Phật và Biện Tài
Cầu thấy thiên thân, liền thấy được.
Trong hai mốt ngày tụng chú này
Có thể đối diện Đại Biện Tài
Nếu chưa gặp được thiên nữ này
Cần thêm chín ngày chuyên tâm tụng.
Sau đêm cuối cùng còn chưa thấy
Lại đến một nơi thật thanh tịnh
Như pháp vẽ tượng Đại Biện Tài
Cúng dường, trì tụng tâm chuyên nhất
Đêm ngày siêng năng không biếng trễ
Tự lợi, lợi tha thật vô cùng
Quả báo đạt được ban chúng sinh
Tất cả sở cầu đều thành tựu.
Nếu chẳng toại ý, thêm ba tháng
Sáu tháng, chín tháng hoặc một năm
Miệt mài cầu thỉnh, tâm không bỏ
Sẽ được thiên nhãn và tha tâm.

Bà-la-môn Kiều-trần-như nghe nói như thế, lòng rất vui mừng khen chưa từng có, nên bảo mọi người: "Tất cả trời người! Các vị phải nên nhất tâm lắng nghe, nay ta muốn y theo thế tục để ca ngợi thiên nữ". Bà-la-môn liền nói kệ rằng:

Kính lễ thiên nữ Na-la-diên[290]
Trong thế gian này được tự tại
Tôi nay ca ngợi tôn giả này
Như xưa tiên nhân đã từng nói.
Cát tường, thành tựu tâm an ổn
Thông minh, tàm quí có thanh danh
Là mẹ sinh dưỡng cả thế gian
Dõng mãnh, lại thêm luôn tinh tiến.
Ở trong quân trận thường chiến thắng
Nuôi lớn, điều phục, tâm từ nhẫn
Hiện làm chị lớn của Diêm-la
Áo tơ tằm hoang, thường đắp mặc.
Dung mạo đẹp xấu đều hiện đủ
Mắt nhìn hay khiến người sợ lo
Vô lượng hạnh tốt vượt thế gian

Bảo vệ, giúp đỡ người tin kính.
Hoặc nơi vách núi, chốn cheo leo
Hoặc bên bờ sông hay hang động
Hoặc tại cây lớn, hoặc rừng sâu
Đều là trụ xứ Đại Biện Tài.
Như có dã nhân chốn thâm sơn
Thì cũng cúng dường cho thiên nữ
Dùng lông khổng tước làm cờ xí
Luôn theo bảo vệ cõi thế trần.
Sư tử, cọp beo thường tùy tùng
Trâu bò gà dê cũng nương theo
Khua linh gõ khánh âm thanh lớn
Chúng núi Tần-đà thảy lắng nghe.
Nghe rồi mang chĩa, đầu búi tròn
Hai tay lại cầm cờ nhật nguyệt
Mỗi tháng, mồng chín và mười một
Thiết lễ cúng dường Đại Biện Tài.
Hoặc hiện làm em Bà-tô thiên
Thấy có chiến tranh, lòng thương xót
Nhớ nghĩ tất cả loài hữu tình

Thiên nữ bậc nhất, không ai bằng.
Lại hiện nữ mục ngưu hoan hỉ
Chiến đấu với trời thường thắng lợi
Thường trụ dài lâu ở thế gian
Lúc hiện nhu hòa, lúc bạo ác.
Thấu suốt bốn pháp Bà-la-môn
Cả pháp huyễn hóa và chú thuật
Trong chúng thiên tiên, luôn tự tại
Tạo ra hạt giống và đất đai.
Mỗi khi thiên nữ đồng nhóm họp
Thế như thác đổ, như triều dâng
Đối với long thần và dạ-xoa
Hiện làm thượng thủ mà điều phục.
Phạm hạnh bậc nhất trong người nữ
Lời nói thì như chủ thế gian
Nếu hiện làm vua, như hoa sen
Nếu bên sông suối, làm cầu thuyền.
Dung mạo như trăng rằm tròn sáng
Học rộng nghe nhiều, chúng tựa nương
Luận biện cao vút như Diệu Cao

Vì người nghĩ nhớ, làm cồn bãi.
Tất cả chư thiên, A-tu-la
Cùng nhau khen ngợi công đức ấy
Cho đến Đế Thích có nghìn mắt
Cũng có ánh nhìn thật kính trọng.
Nếu chúng sinh nào lòng mong cầu
Liền giúp cho họ chóng thành tựu
Giúp người biện tài, sức nghe nhớ
Bậc nhất trong cả đại địa này.
Như ngọn đèn sáng thường chiếu soi
Mười phương cõi nước đều sáng tỏ
Cho đến quỉ thần và cầm thú
Thiên nữ đều thỏa những mong cầu.
Như ngọn núi cao giữa nữ nhân
Như tiên nhân xưa, mãi trụ thế
Như thiếu nữ thiên hằng li dục
Như Đại thế chủ[291]*, nói lời chân.*
Xem khắp các loài ở thế gian
Cho đến cung trời thuộc cõi Dục
Chỉ có thiên nữ là tôn quí

Không có hữu tình nào vượt hơn.
Hoặc người bị vây trong chiến trận
Hoặc rơi hầm lửa, hoặc suối sông
Hoặc vào đường hiểm gặp giặc dữ
Thiên nữ giúp cho được an lành.
Người phạm phép vua bị gông cùm
Hoặc bị kẻ thù sắp gia hại
Nếu tâm chuyên chú, niệm không rời
Nhất định thoát khỏi những nạn khổ.
Từ bi thương xót khắp chúng sinh
Hiền ác đều giúp được an lành
Nên tôi chí thành xin đảnh lễ
Nương tựa thiên nữ Đại Biện Tài
Bà-la-môn lại dùng bài chú tán,
khen ngợi thiên nữ:
Kính lễ, kính lễ bậc tối tôn!
Người mẹ bậc nhất ở trên đời
Ba loại thế gian đều dâng cúng
Diện mạo dung nghi, người thích nhìn.
Thân thể trang nghiêm nhiều tướng quí

Mắt dài và rộng tựa cánh sen
Phúc trí rạng ngời, danh vang khắp
Thí như châu báu, chẳng tính lường.
Tôi nay ca ngợi bậc tối tôn
Giúp người thành tựu mọi ước mong
Tướng diệu cát tường, công đức thật
Như hoa sen ấy, thật sạch trong.
Thân tướng đoan nghiêm, người thích nhìn
Các tướng hiếm có, chẳng nghĩ bàn
Ý niệm tuyệt vời trong các niệm
Trí tuệ chiếu soi sáng sạch trong.
Giống như sư tử vua loài thú
Thường hiện tám tay ở nơi thân
Mỗi cầm cung tên, đao, mâu, búa
Chày dài, dây lụa với thiết luân.
Mặt đẹp, dễ nhìn tựa trăng rằm
Ngôn từ trôi chảy, phát hòa âm
Chư thiên, Đế Thích đều dâng cúng
Đồng thời ca ngợi, đáng về nương.
Các đức đều thật chẳng nghĩ bàn

Mọi lúc lòng tôi đều cung kính.

Sa va ha.

Ai muốn cầu xin Đại biện Tài

Y theo câu chữ chú tán này

Mỗi sáng trong lành, chí tâm tụng

Tất cả cầu mong sẽ trọn thành.

Bấy giờ Đức Phật bảo Bà-la-môn: "Hay thay, hay thay! Ông đã khéo léo làm lợi ích lớn, ban cho chúng sinh mọi sự an lạc, mà hết lòng ca ngợi thiên nữ và cầu xin bảo vệ, ông sẽ có được vô biên phúc đức".

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 8

PHẨM 15
THIÊN NỮ ĐẠI BIỆN TÀI (2)

Bà-la-môn Kiều-trần-như nói kệ tán thán và pháp chú tán khen ngợi thiên nữ Đại Biện Tài xong, liền thưa với đại chúng rằng: "Các vị hiền giả! Nếu muốn thỉnh cầu thiên nữ Biện Tài xót thương gia hộ, để đời hiện tại tùy ý thành tựu vô ngại biện tài, trí lớn thông minh, ngôn từ khéo léo, hiểu rộng tài cao, luận nghị trác tuyệt không bị ngăn ngại, thì nên thiết tha chí thành kính lễ: kính lễ Phật-đà[292], kính lễ Đạt-ma[293], kính lễ Tăng-già[294], kính lễ các vị Bồ-tát Độc giác, cùng hàng Thanh văn và các hiền thánh".

Các đức Như Lai quá khứ hiện tại trong khắp mười phương, đều đã làu thông các lời chân thật, lại có năng lực tùy thuận tuyên thuyết các lời chân thật khế hợp căn cơ, lời không hư vọng. Các Ngài đã nói những lời chân

thật từ vô lượng kiếp. Nếu có ai nói những lời chân thật, các ngài tùy hỉ. Vì không bao giờ nói lời hư dối, cho nên khi hiện tướng lưỡi rộng dài thì phủ cả mặt, phủ cõi Diêm-phù và bốn thiên hạ; lại che phủ khắp một nghìn hai nghìn, ba nghìn cho đến khắp các thế giới mười phương, không thể nghĩ bàn. Các Ngài lại có năng lực diệt trừ tất cả phiền não nóng bức. Kính lễ tướng lưỡi như thế của các Đức Phật Thế Tôn; xin cho chúng con thành tựu biện tài vô cùng mầu nhiệm. Con xin chí thành đảnh lễ:

Kính lễ năng lực diệu biện tài của các Đức Phật.

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Đại Bồ-tát

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Độc giác

Kính lễ năng lực diệu biện tài của bốn hướng[295], bốn quả

Kính lễ năng lực diệu biện tài của bậc thuyết bốn thánh đế

Kính lễ năng lực diệu biện tài của bậc chính hạnh chính kiến

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Phạm chúng và chư thiên

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Đại thiên Ô-ma

Kính lễ năng lực diệu biện tài của trời Tắc-kiến-đà

Kính lễ năng lực diệu biện tài của vua Ma-na-tư

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Thông Minh Dạ thiên

Kính lễ năng lực diệu biện tài của bốn vị Đại thiên vương

Kính lễ năng lực diệu biện tài của thiên tử Thiện Trụ

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Kim Cang Mật Chủ

Kính lễ năng lực diệu biện tài của trời Phệ-suất-nộ

Kính lễ năng lực diệu biện tài của thiên nữ Tì-ma

Kính lễ năng lực diệu biện tài của thiên thần Thị Số

Kính lễ năng lực diệu biện tài của thiên nữ Thất-lợi

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Thất-lợi-mạt-đa

Kính lễ năng lực diệu biện tài của ngôn từ hê-lị

Kính lễ năng lực diệu biện tài của mẹ lớn trong các mẹ

Kính lễ năng lực diệu biện tài của Ha-lị-để mẫu

Kính lễ năng lực diệu biện tài của các thần Dạ-xoa

Kính lễ năng lực diệu biện tài của các vua trong mười phương

Nguyện các nghiệp thiện giúp đỡ con

Khiến được vô ngại diệu biện tài

Con xin kính lễ bậc không hư dối

Con xin kính lễ bậc đã giải thoát

Con xin kính lễ bậc đã lìa dục

Con xin kính lễ bậc đã đoạn ngăn che, trói buộc

Con xin kính lễ bậc tâm thanh tịnh

Con xin kính lễ bậc có ánh sáng

Con xin kính lễ bậc nói lời chân thật

Con xin kính lễ bậc không còn tập khí phiền não

Con xin kính lễ bậc thâm nhập thắng nghĩa

Con xin kính lễ bậc Đại chúng sinh.

Kính lễ Biện Tài thiên

Giúp ngôn từ vô ngại

Cầu xin chóng thành tựu

Tất cả những ước nguyện.

Không bệnh, luôn an ổn

Thọ mạng được dài lâu

Hiểu rõ các thần chú

Siêng tu đạo bồ-đề

Lợi ích khắp chúng sinh
Cầu tâm nguyện sớm thành.
Tôi nói lời chân thật
Lời tôi không hư dối
Thiên nữ Đại Biện Tài
Giúp tôi được thành tựu.
Kính xin thiên nữ đến
Khiến tôi nói trôi chảy
Đưa vào thân miệng tôi
Thông minh, đủ biện tài.
Xin giúp lưỡi của tôi
Được biện tài như Phật
Do uy lực lời Ngài
Điều phục được chúng sinh.
Khi tôi nói lời gì
Tất cả việc đều thành
Người nghe đều kính tin
Việc làm không uổng phí.
Nếu tôi cầu biện tài
Mà không được thành tựu

Lời thật của thiên nữ
Đều trở thành hư vọng.
Kẻ tạo tội Vô gián
Phật dạy, liền điều phục
Cho đến lời báo ân
Của các A-la-hán
Đệ tử lớn của Phật
Xá-lợi-phất, Mục-liên
Lời chân thật như thế
Xin giúp tôi thành tựu.
Nay con xin kính thỉnh
Các vị đại thanh văn
Mau đến chỗ của con
Giúp thành tựu tâm nguyện
Nguyện cầu lời chân thật
Đều mong không hư dối.
Từ cõi Sắc Cứu cánh
Đến cõi Tịnh Cư thiên
Phạm Chí và Phạm Phụ
Tất cả các Phạm chúng

Cho đến cõi tam thiên
Chủ thế giới Ta-bà
Cùng tất cả quyến thuộc
Nay tôi đều kính thỉnh
Xin rủ lòng từ bi
Xót thương đồng nhiếp thụ.
Trời Tha Hóa Tự Tại
Cho đến Biến Hóa Lạc
Thiên chúng trời Đâu-suất
Từ Thị Phật vị lai
Các vị trời Dạ-ma
Và Tam Thập Tam thiên
Bốn vị Đại thiên vương
Cùng tất cả chúng thiên
Thần địa, thủy, hỏa, phong
Nương ở núi Diệu Cao
Thần bảy núi, bảy biển
Cùng với các quyến thuộc
Thần Mãn Tài, Ngũ Đảnh
Nhật nguyệt và tinh tú,

Các vị thần như thế
Giúp chúng sinh an ổn
Các vị thiên thần này
Không thích làm việc ác.
Kính lễ mẹ chúng quỉ[296]
Và quỉ nhỏ thương yêu
Trời rồng và dạ-xoa
Càn-thát-bà, tu-la
Cho đến khẩn-na-la
Và ma-hầu-la-già
Tôi nương oai lực Phật
Kính triệu thỉnh các ngài
Xin tỏ lòng từ bi
Giúp tôi vô ngại biện.
Tất cả chúng trời người
Đã chứng được tha tâm
Xin thị hiện thần lực
Ban cho diệu biện tài.
Cho đến loài hàm sinh
Đầy cả cõi hư không

Tận cùng khắp pháp giới
Xin ban cho biện tài.

Thiên nữ Biện Tài nghe lời cầu thỉnh, liền bảo Bà-la-môn rằng: "Hay thay Đại sĩ! Nếu có người nào y theo thần chú và bài tán chú, hành trì nghi thức như trước đã nói, qui y Tam bảo, chuyên tâm chính niệm, thì sẽ thành tựu tất cả mong cầu; nếu lại thụ trì đọc tụng kinh này, thì những sở nguyện chóng được thành tựu, trừ những người không có lòng chí thành".

Bà-la-môn nghe thiên nữ Biện Tài nói thế, vô cùng vui mừng, chắp tay cung kính một lòng lãnh thụ.

Bấy giờ Đức Phật bảo thiên nữ rằng: "Hay thay, hay thay! Thiên nữ có thể lưu truyền kinh này, bảo vệ những người thụ trì đọc tụng, làm cho chúng sinh lợi ích an vui. Thiên nữ thuyết như thế, ban cho chúng sinh biện tài vô ngại, cô sẽ được vô lượng phúc đức, đồng thời cũng giúp cho người phát tâm mau đạt đến bồ-đề".

PHẨM 16
THIÊN NỮ ĐẠI CÁT TƯỜNG

Bấy giờ thiên nữ Đại Cát Tường từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, cung kính chắp tay bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thấy tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thụ trì đọc tụng, giảng thuyết cho người kinh *Kim quang minh*, thì con dốc lòng cung kính cúng dường thức ăn thức uống, vật dụng ngồi nằm, y phục thuốc men và tất cả những món cần dùng khác, không để thiếu thốn, hầu giúp vị này ngày đêm an ổn nghiên cứu văn từ, tư duy nghĩa lí, khiến kinh lưu truyền khắp cõi Diêm-phù. Vì những chúng sinh đã trồng căn lành từ vô lượng trăm nghìn Đức Phật thường được nghe, nên kinh này không mau chóng ẩn mất. Lại trong vô lượng trăm nghìn ức kiếp, người này luôn được hưởng thụ niềm vui cõi trời cõi người, nhiều của

giàu sang, không bao giờ bị đói khát, lại còn giúp cho tất cả hữu tình luôn được an lạc, gặp được chư Phật, mai sau chứng quả Vô thượng bồ-đề, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ luân chuyển trong ba đường dữ.

Bạch đức Thế Tôn! Nay con nhớ lại, vào thời quá khứ con trồng cội lành nơi đức Lưu Li Kim Sơn Bảo Hoa Quang Chiếu Cát Tường Công Đức Hải Như Lai, Ứng Chính Đẳng Giác. Do sức từ bi xót thương nhớ nghĩ của đức Như Lai, nên hôm nay con nghĩ về nơi nào, con nhìn đến đâu, đến quốc độ nào, vô lượng trăm nghìn vạn ức hữu tình sống ở nơi ấy đều được an vui, cho đến đầy đủ những món cần dùng như thức ăn uống, y phục đồ nằm, vật dụng sinh hoạt, vàng bạc, lưu li, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu.

Nếu có người nào chí tâm đọc tụng kinh *Kim quang minh*, thì phải hằng ngày đốt các hương thơm, rải các hoa đẹp, vì con cúng dường đức Lưu Li Kim Sơn Bảo Hoa Quang Chiếu Cát Tường Công Đức Hải Như Lai, Ứng Chính Đẳng Giác; mỗi ngày ba thời niệm danh

hiệu con, lại dùng hoa thơm và thức ăn ngon cúng dường cho con. Những người nghe nhận kinh này cũng được phúc báo như thế. Cát Tường thiên nữ lại nói kệ rằng:

Do thường trì tụng kinh vua này
Tự thân, quyến thuộc lìa hoạn nạn
Y phục, uống ăn không thiếu thốn
Ánh sáng, thọ mạng cũng không cùng.
Đất đai ngày càng thêm màu mỡ
Trời luôn tuôn mưa thật đúng thời
Chư thiên cho đến thần vườn rừng
Và thần ngũ cốc đều hoan hỉ.
Rừng cây, hoa trái đều tươi tốt
Tất cả lúa mạ nảy mầm xanh
Muốn cầu tài bảo, đều mãn nguyện
Tất cả mong ước cũng tùy tâm"

Đức Phật lại bảo Đại Cát Tường rằng: "Hay thay, hay thay! Thiên nữ có thể nhớ lại ơn xưa mà cúng dường báo đáp, làm lợi ích an lạc vô lượng chúng sinh, lưu truyền kinh này, nhất định sẽ đạt được vô tận công đức".

PHẨM 17
THIÊN NỮ ĐẠI CÁT TƯỜNG TĂNG TRƯỞNG TÀI VẬT

Bấy giờ thiên nữ Đại Cát Tường thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con hiện ở tại cung điện bảy báu trong vườn Diệu Hoa Phúc Quang, cách thành Hữu Tài của vị thiên vương Bệ-thất-la-mạt-noa phương bắc không xa. Nếu người nào muốn ngũ cốc tăng trưởng, kho lẫm đầy nhiều, thì nên phát khởi thật tâm tin kính, dọn dẹp một căn phòng thật sạch sẽ, phân bò trét nền, vẽ hình tượng con, trang trí các xâu chuỗi báu khắp nơi. Kế đến, người ấy tắm rửa, thay y phục sạch, thoa hương thơm quí rồi vào tĩnh thất, phát tâm vì con mỗi ngày ba thời xưng niệm: Nhất tâm kính lễ Đức Phật Lưu Li Kim Sơn Bảo Hoa Quang Chiếu Cát Tường Công Đức Hải Như Lai và xưng niệm tên kinh *Kim quang minh*, đồng thời chí thành

cúng dường hoa thơm, thức ăn thức uống ngon lạ lên Phật, kinh và trước tượng con. Lại rải thức ăn thức uống khắp trong đàn tràng để ban cho các vị thần. Sau đó nói lời chân thật thỉnh con, nêu ra những việc mà mình mong cầu, đồng thời nguyện rằng: Nếu lời của thiên nữ là chân thật, thì không nên để cho lời thỉnh cầu của tôi luống uổng".

Thiên nữ biết được, khởi lòng xót thương, tức thời làm cho gia đình người ấy có nhiều tiền của và cả lúa thóc. Nhưng muốn được thế, người ấy trước hết chí tâm xưng niệm danh hiệu chư Phật và các Bồ-tát, sau đó mới tụng thần chú thỉnh con.

Nhất tâm kính lễ tất cả Đức Phật trong mười phương ba đời

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Bảo Kế

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Vô Cấu Quang Minh Bảo Tràng

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Kim Tràng Quang

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Bách Kim Quang Tạng

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Kim Cái Bảo Tích

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Kim Hoa Quang Tràng

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Đại Đăng Quang

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Đại Bảo Tràng

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Bất Động, giáo chủ cõi nước ở phương đông

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Bảo Tràng, giáo chủ cõi nước ở phương nam

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ, giáo chủ cõi nước ở phương tây

Nhất tâm kính lễ Đức Phật Thiên Cổ Âm Vương, giáo chủ cõi nước ở phương bắc

Nhất tâm kính lễ Bồ-tát Diệu Tràng

Nhất tâm kính lễ Bồ-tát Kim Quang

Nhất tâm kính lễ Bồ-tát Kim Tạng

Nhất tâm kính lễ Bồ-tát Thường Đề

Nhất tâm kính lễ Bồ-tát Pháp Thượng

Nhất tâm kính lễ Bồ-tát Thiện An

Sau khi kính lễ Phật và Bồ-tát, thì tụng thần chú để triệu thỉnh con, nhờ năng lực của bài thần chú này mà thành tựu tất cả những mong cầu.

Nam mô sơ ri, ma ha đê vi, tát ya tha, pa ri pua na, ca rê, Sa ma ta-đát sa ni, ma ha vi ha ra ga rê, sa man ta, pi ta ma ma ti, ma ha ka ri ya, pờ ra ti vít tha pa ni, sa van tha sa mam ta na, su pờ ra ti pu rê, a da na đạt ma ta, ma ha ba ghê na, ma ha mai tri, u pa sam hê tê, ma ha cờ lê sa su sam gờ hi tê, a nu pu la na, sa va ha.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu ai trì tụng bài thần chú này để triệu thỉnh con, con liền đến đó giúp họ thỏa mãn tất cả mong cầu. Đây là câu pháp quán đảnh, câu định thành tựu, câu chân thật, câu không hư dối, là hạnh bình đẳng, làm căn lành chân chính cho chúng sinh. Người nào trì tụng bài thần chú này, cần phải giữ gìn tám chi trai giới trong bảy ngày đêm, mỗi sáng thức dậy, đánh răng súc miệng; buổi chiều lại dâng hương hoa cúng dường tất cả Đức Phật, tỏ bày tất cả những tội

đã tạo, rồi vì bản thân và các chúng sinh, hồi hướng phát nguyện, khiến cho tất cả những điều mong cầu đều sớm thành tựu. Trước tiên người ấy phải chuẩn bị một căn phòng thanh tịnh, hoặc đến một nơi an ổn vắng lặng, lập một đàn tràng, dùng phân bò trét trên nền, đốt hương chiên-đàn cúng dường, đặt tòa cao đẹp, giăng treo cờ lọng, trang trí hoa đẹp. Sau đó nhất tâm tụng bài chú ấy để triệu thỉnh con. Bấy giờ con liền nhớ nghĩ, quan sát người ấy rồi vào đàn tràng, ngồi trên tòa cao, thụ nhận phẩm vật cúng dường. Từ đó về sau, trong mỗi giấc mộng, người ấy thấy con, trình bày như thật những điều mong cầu, thì ở nơi đâu, hoặc trong làng xóm, hoặc nơi đầm vắng, trụ xứ của tăng, con đều giúp cho đầy đủ tất cả, nào là vàng bạc, báu vật trâu dê, lúa thóc y phục, thức ăn thức uống... Đã được phúc báo tốt đẹp như thế, người ấy nên chọn phần quí và tốt đẹp nhất cúng dường Tam bảo và con. Sau đó lập pháp hội lớn, bày biện thức ăn thức uống hoa hương cúng dường; rồi bán những vật đã cúng dường ấy lấy tiền mua sắm

những phẩm vật khác, tiếp tục cúng dường. Nếu được như vậy, con sẽ ở cạnh trọn đời giúp đỡ bảo vệ người ấy, không để thiếu thốn, giúp cho thỏa mãn tất cả mong cầu. Nhưng người ấy cũng phải thường cứu giúp những kẻ khốn cùng, không nên bỏn xẻn, chỉ lo thân mình; lại phải luôn luôn thụ trì đọc tụng, cúng dường kinh này, và ban tất cả phúc báo có được cho khắp chúng sinh, mà hồi hướng về Vô thượng bồ-đề, phát nguyện ra khỏi luân hồi sinh tử, mau chóng giải thoát.

Thế Tôn khen rằng: "Hay thay, hay thay! Thiên nữ Cát Tường! Thiên nữ có thể giúp lưu truyền kinh này, đem lại lợi ích cho mình và người không thể nghĩ bàn như thế".

PHẨM 18
ĐỊA THẦN KIÊN LAO

Bấy giờ địa thần Kiên Lao từ trong chúng hội đứng dậy, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Dù ở hiện tại hay là vị lai, hễ nơi nào có kinh này lưu truyền dù là thành thị, hay ở xóm thôn, lầu đài cung điện, núi rừng đầm vắng...con cũng sẽ đến cúng dường bảo vệ. Nếu nơi nào có đặt tòa cao cho pháp sư giảng thuyết bộ kinh vua này, con dùng thần lực, ẩn thân đến tòa dùng đầu đỡ chân vị pháp sư ấy. Bấy giờ con được nghe pháp, được nếm pháp vị, tăng thêm oai quang, nên lòng vô cùng vui mừng. Tự thân đã được lợi ích như thế, lại còn làm cho cả đại địa này, từ mặt đất sâu đến mười sáu vạn tám nghìn du-thiện-na giáp mé kim cang, cũng được tăng trưởng những chất dinh dưỡng, cho đến tất cả đất trong bốn biển cũng đều màu mỡ

hơn xưa. Lại cũng khiến cho rừng rậm cây cối, cỏ thuốc hoa quả, cành lá gốc rễ, lúa mạ mầm chồi tốt tươi xinh đẹp, rất đáng ngắm nhìn, lại còn đầy đủ cả sắc hương vị, đều thụ dụng được. Nếu hữu tình nào thụ hưởng thức ăn thức uống ngon bổ như thế sẽ khỏe mạnh, tăng thêm tuổi thọ, giác quan an định, sắc diện tươi sáng, không còn thống khổ, ý chí mạnh mẽ, gánh vác mọi việc. Hơn nữa tất cả những món cần dùng khắp đại địa này, cho đến trăm nghìn sự việc đều giúp cho được hoàn bị.

Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, cõi Diêm-phù-đề sung túc an ổn, nhân dân đông đảo, không còn suy tổn, tất cả chúng sinh đều được an lạc. Nếu thân tâm đã hưởng được niềm vui như thế thì càng phải nên chí thành cung kính kinh này, mọi lúc mọi nơi đều nên thụ trì, cúng dường tôn trọng ngợi khen. Lại nên đến tòa của đại pháp sư thỉnh giảng kinh này cho khắp chúng sinh. Khi thuyết kinh này thì tự thân con, tất cả quyến thuộc đều được lợi ích, như tăng ánh sáng, khí lực mạnh mẽ, đầy đủ oai thế, dung mạo đoan chính hơn

lúc bình thường. Sau khi con hưởng pháp vị này rồi, liền khiến đất đai trong một phạm vi ngang dọc bảy nghìn du-thiện-na ở cõi Diêm-phù-đề đều được màu mỡ, tất cả chúng sinh đều được an lạc.

Bạch đức Thế Tôn! Vì muốn báo ân, những chúng sinh kia nên suy nghĩ rằng: 'Ta nhất định sẽ nghe nhận kinh này, cung kính tôn trọng, khen ngợi cúng dường'. Sau đó từ nơi trụ xứ của mình, hoặc là thành thị, xóm làng đồng vắng, những người ấy đến pháp hội đảnh lễ pháp sư lắng nghe, tin nhận kinh này. Nghe nhận xong liền trở về trụ xứ, lòng ngập niềm vui, tất cả đồng nói: 'Hôm nay chúng ta đã được nghe pháp vô cùng sâu xa, nhiệm mầu vô thượng, tức đã lãnh thụ công đức không thể nghĩ bàn. Do năng lực kinh, nên chúng ta được gặp và hầu hạ cúng dường vô lượng vô biên trăm nghìn câu-chi na-do-tha vị Phật, vĩnh viễn thoát khỏi ba đường khổ đau; trong trăm nghìn đời mai sau luôn được sinh vào cõi trời cõi người, thụ hưởng niềm vui'. Những chúng sinh ấy, ngay trụ xứ mình, vì các

hữu tình mà giảng kinh này, hoặc một thí dụ, hoặc là một phẩm, một nhân duyên xưa, hoặc danh hiệu của một đức Như Lai, hoặc danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một bài kệ đầy đủ bốn câu, hay chỉ một câu, hoặc nêu tên kinh, thì vùng đất nào chúng sinh ấy trú cũng sẽ phì nhiêu hơn những nơi khác. Đồng thời các loài thực vật vùng ấy cũng sẽ tăng trưởng tốt tươi cao lớn, khiến cho tất cả chúng sinh vui mừng, được nhiều tiền tài báu vật, thích hành bố thí, tin sâu Tam bảo".

Sau khi nghe thế, Đức Phật bèn bảo địa thần Kiên Lao: "Nếu chúng sinh nào nghe kinh *Kim quang minh*, dù chỉ một câu, sau khi mạng chung cũng được sinh lên cõi Ba Mươi Ba hoặc cõi trời khác. Nếu có chúng sinh cúng dường kinh này, trang hoàng nhà cửa, cho dù chỉ treo một chiếc lọng lụa, một lá phan thêu thì sẽ tùy niệm sinh lên tầng trời thứ sáu cõi Dục, tùy ý thụ dụng cung điện bảy báu, bảy nghìn thiên nữ tự nhiên hiện đến cùng nhau vui đùa, ngày đêm luôn luôn thụ hưởng niềm an lạc vô biên".

Địa thần Kiên Lao nghe nói như thế, liền bạch Đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Vì những lẽ đó, nếu có người nào trong bốn chúng đây lên tòa giảng thuyết kinh mầu nhiệm này, thì cả ngày đêm con theo bảo vệ, ẩn thân bên tòa, dùng đầu đỡ chân người giảng pháp ấy. Vì những chúng sinh đã trồng căn lành từ nơi vô lượng trăm nghìn Đức Phật, mà con giúp đỡ lưu truyền kinh này nơi cõi Diêm-phù, không để diệt mất. Những chúng sinh nào được nghe kinh này, thì trong vô lượng trăm nghìn câu-chi na-do-tha kiếp vị lai sẽ được sinh vào cõi trời cõi người, hưởng thụ niềm vui tuyệt diệu, gặp các Đức Phật, thành tựu Vô thượng chính đẳng chính giác, không phải trải qua ba đường sinh tử.

Bạch đức Thế Tôn! Con thuyết một bài tâm chú, có năng lực làm lợi ích an lạc cho cả trời người. Nếu mọi người và bốn chúng muốn thấy thân thật của con, thì nên chí tâm trì tụng chú này. Muốn cầu tài sản, trân bảo kho tàng, thần thông tự tại, niềm vui lâu dài, thuốc men chữa bệnh, phá dẹp oán địch, tạo

các dị luận… cũng được thỏa mãn. Trước tiên người ấy phải đến nơi tháp có xá-lợi Phật, hoặc lập pháp đàn trong nhà thanh tịnh, tắm gội thân thể, thay y phục sạch, ngồi trên tòa cỏ, đối trước tôn tượng Phật và xá-lợi, đốt hương rải hoa, bày biện thức ăn thức uống cúng dường, đúng ngày bố-sái, mồng tám mỗi tháng trì tụng thần chú sau đây để triệu thỉnh con: *Tát da tha, chi ri chi ri, chu ru chu ru, ku ru ku ru, ku tu ku tu, tô tu tô tu, ba ha ba ha, sa va ri, sa va ri, sa va ha*.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tụng chú này trăm lẻ tám biến để triệu thỉnh con, thì con sẽ vì người ấy mà đến. Nếu có chúng sinh muốn thấy thân con và cùng nói chuyện, thì cũng nên theo cách thức như trên mà tụng thần chú: *Tát da tha, a ca ni, gờ ri li ga, cờ sa na ti, si ra, si đa ri, ha ha hi hi, ku ru, ba rê, sa va ha*.

Bạch đức Thế Tôn! Nên tụng chú này trăm lẻ tám biến, và tụng thêm bài thần chú nói trên, con sẽ hiện thân, hoàn thành tất cả tâm nguyện của họ, hoàn toàn không dối. Nhưng

trước tiên nên tụng chú hộ thân: *Ta da tha, ni si ri, ma sa ka ni, na ti, ku ti, bút đi, bút đi rê, bi ti bi ti, ku ku ti, ba ci ri, sa va ha*.

Nên trì tụng vào sợi chỉ năm màu hai mươi mốt biến, gút hăm mốt gút, rồi buộc vào khuỷu tay trái, sẽ bảo vệ thân, không còn lo sợ. Nếu người chí tâm tụng thần chú này, thì sẽ thỏa mãn tất cả mong cầu. Con không nói dối, Phật pháp tăng bảo sẽ chứng tri lời chân thật của con".

Thế Tôn lại bảo địa thần Kiên Lao: "Hay thay, hay thay! Ông dùng thần chú bảo vệ kinh vua và người thuyết pháp, ông sẽ hưởng được vô lượng phúc báo".

PHẨM 19
ĐẠI TƯỚNG DẠ-XOA CHÍNH LIỄU TRI

Bấy giờ đại tướng Chính Liễu Tri cùng hai mươi tám bộ thần dạ-xoa, từ chỗ ngồi trong chúng hội đứng dậy, áo bày vai phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính, bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại vị lai, bất kì nơi nào có kinh vua này lưu hành truyền bá, dù là thành thị xóm làng, núi non đầm vắng, cung điện lầu gác, trụ xứ của tăng, thì con cùng với hai mươi tám bộ dạ-xoa đồng đến, mỗi mỗi chia nhau ẩn thân bảo vệ, giúp vị pháp sư tránh những nạn khổ, luôn được an vui. Đối với những người nghe nhận kinh này, dù chỉ thụ trì bài kệ bốn câu, hoặc là một câu, hoặc chỉ đề kinh, hoặc là danh hiệu một đức Như Lai, một vị Bồ-tát trong bộ kinh này, rồi phát tâm niệm, cung kính cúng dường thì

con sẽ đến cứu giúp bảo vệ, khiến cho người ấy không gặp tai họa, lìa khổ được vui.

Vì sao con tên là Chính Liễu Tri? Về nhân duyên này, xin Phật minh chứng; con biết các pháp, hiểu tất cả pháp, tùy thuận các pháp, như tất cả pháp; con cũng thấu suốt tất cả chủng loại, thể tính sai biệt của tất cả pháp. Con có ánh sáng trí tuệ không thể nghĩ bàn, có đuốc trí tuệ không thể nghĩ bàn, có hạnh trí tuệ không thể nghĩ bàn, có tụ trí tuệ không thể nghĩ bàn. Đối với cảnh giới trí tuệ không thể nghĩ bàn, con có khả năng thông đạt tất cả. Bạch đức Thế Tôn! Con biết chính xác, con hiểu chính xác, tỏ ngộ chính xác, quán xét chính xác tất cả các pháp. Vì thế con tên là Chính Liễu Tri; do đó con có năng lực giúp cho pháp sư đầy đủ tất cả ngôn từ, luận biện thông suốt, cũng đưa sinh khí vào lỗ chân lông, giúp thân khỏe mạnh, uy lực to lớn, thành tựu ánh sáng trí tuệ không thể nghĩ bàn, trí nhớ chính xác, không có quên sót, tăng trưởng thể lực, không hề suy giảm, các căn thư thái, thường sinh hỉ lạc. Do đó con vì những chúng hữu

tình đã trồng căn lành, tu tập phúc đức từ nơi trăm nghìn Đức Phật mà giúp lưu truyền kinh này trong cõi Diêm-phù, không để ẩn mất. Các hữu tình ấy nghe kinh này rồi, liền được ánh sáng trí tuệ vô cùng, cho đến vô lượng phúc đức trí tuệ, vào đời vị lai thụ hưởng vô lượng câu-chi na-do-tha chẳng thể nghĩ bàn niềm vui tuyệt diệu cõi trời cõi người, thường gặp Đức Phật, mau chóng đạt đến vô thượng bồ-đề, mà chẳng cần phải trải qua những nơi tăm tối khổ đau trong ba đường ác".

Đại tướng dạ-xoa Chính Liễu Tri lại bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Con có thần chú, nay vì thương xót muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên trước Thế Tôn, con xin tuyên thuyết: *Nam mô Bút đa ya, nam mô Đạt ma da, nam mô Sam ga da, nam mô Bờ ra ma da, nam mô In dờ ra da, na ma hơ cha tu nam, ma ha ra ja nam, tát da tha, hi ri, hi ri, mi li, mi li, Gô ri Ma ha gô ri, Gan đa ri, Ma ha gan đa ri, Dờ ra vi đi, Ma ha dờ ra vi đi, đa đa, khu kun tê, ha ha ha ha ha, hi hi hi hi hi, hô hô hô hô hô, ha ja, đạt ma, ku đa mê, cha cha cha cha chi chi*

chi chi, chu chu chu chu, can đết va ra, sít kha ra, sít kha ra, út tít ta hi, ba ga van, sam chin ja da, sa va ha.

Nếu ai thụ trì bài minh chú này, con sẽ cung cấp vật dụng sinh hoạt mà lòng ưa thích, thức ăn thức uống, y phục hoa quả, tiền của báu vật; nếu cầu con trai hoặc cầu con gái, xâu chuỗi vàng bạc, châu báu… con cũng cấp cho đầy đủ theo nguyện, không để thiếu thốn. Thần chú này có oai lực rất lớn, nên khi nghe được có người tụng trì, con liền đến đó, giúp cho mọi việc mau chóng thành tựu, không bị trở ngại. Nhưng muốn trì tụng, phải biết phương pháp, trước tiên nên họa hình tượng dạ-xoa Chính Liễu Tri cao khoảng bốn năm thước, tay cầm xà mâu, trước tượng lập một pháp đàn tứ phương, bốn phía đặt bình chứa đầy nước đường mật hoặc, hương xoa hương bột, hương đốt vòng hoa; trước đàn nên đặt một lò bằng đất, chứa than đang cháy, để đốt hạt cải và cỏ Tô-ma[297]. Sau đó trì tụng một trăm lẻ tám biến thần chú này, mỗi biến đốt một lần, cho đến khi con hiện thân đến hỏi người

tụng chú rằng: 'Ông cần những gì, muốn cầu điều gì, xin cứ nói thật!'. Con liền theo lời, thỏa mãn mong cầu của người trì tụng; dù là vàng bạc, kho tàng trong đất, hay muốn thần tiên từ không trung hiện, hay cầu được thiên nhãn thông, được tha tâm thông, cầu được tùy ý tự tại đối với tất cả chúng sinh giúp họ đoạn trừ phiền não, mau chóng giải thoát, thì con cũng giúp thành tựu tất cả".

Bấy giờ Thế Tôn bảo Chính Liễu Tri: "Hay thay, hay thay! Ông có thể làm lợi ích an lạc cho các chúng sinh, bảo vệ chính pháp mà thuyết chú này. Ông sẽ nhận được vô biên phúc lợi".

PHẨM 20
VƯƠNG PHÁP CHÍNH LUẬN

Bấy giờ có một nữ thần đại địa tên là Kiên Lao, từ trong chúng hội đứng dậy đảnh lễ, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Trong một đất nước, nếu người làm vua không biết chính pháp, sẽ không thể nào trị quốc an dân, tại vị lâu dài. Cúi xin Thế Tôn từ bi thương xót giảng thuyết rõ về Vương pháp chính luận, là pháp cốt yếu của việc trị quốc, để khi các vị quốc vương nghe được, theo đó thực hành, y theo chính pháp giáo hóa nhân dân, khiến cho vương vị trường tồn, đất nước thái bình, nhân dân lợi lạc".

Đức Thế Tôn bảo: "Nữ thần lắng nghe! Vào thời quá khứ có một vị vua tên Lực Tôn Tràng, con vua tên là Diệu Tràng đã thụ quán đảnh kế thừa ngôi vị. Sau đó không lâu, vua cha lại bảo thái tử Diệu Tràng: 'Có bộ vương pháp chính

luận tên là *Thiên chủ giáo pháp*. Khi ta vừa nhận ngôi vị quán đảnh để làm quốc vương, vua cha tên là Trí Lực Tôn Tràng cũng nói cho ta nghe chính luận này. Ta liền tuân theo luận này trị quốc, trong hai vạn năm, chưa từng khởi một niệm tâm thực hành những điều phi pháp. Hôm nay con cũng phải làm như thế, chớ dùng phi pháp trị quốc an dân. Vương pháp chính luận là gì? Con hãy lắng nghe, ta sẽ nói rõ'. Vua Lực Tôn Tràng dùng kệ trình bày chính luận như sau:

Ta nói luận Vương pháp
Lợi lạc các chúng sinh
Dứt thế gian nghi ngờ
Diệt trừ bao lầm lỗi.
Tất cả vua cõi trời
Cùng quốc vương cõi người
Nên sinh lòng mừng vui
Chắp tay nghe ta nói.
Ngày xưa các vị trời
Nhóm tại núi Kim Cang

Bốn thiên vương đứng dậy
Thưa hỏi Đại Phạm thiên:
Phạm chủ, bậc tôn quí
Tự tại nhất trong trời
Xin thương xót chúng tôi
Giải trừ những nghi hoặc.
Vì sao ở cõi người
Mà được gọi là trời?
Vì những lí do gì
Mà được gọi thiên tử?
Vì sao sinh nhân gian
Độc nhất làm nhân chủ?
Vì sao sinh cõi trời
Được gọi là thiên vương?
Bốn thiên vương Hộ Thế
Hỏi Phạm vương như thế.
Bấy giờ Phạm thiên vương
Liền vì họ giảng nói.
Hộ Thế! Các ông đây
Vì lợi ích hữu tình

Mà hỏi cách trị quốc
Lắng nghe, ta sẽ nói!
Do sức nghiệp ngày xưa
Sinh thiên được làm vương
Nếu sinh vào cõi người
Làm vua lãnh thiên hạ
Được chư thiên bảo vệ.
Sau đó vào thai mẹ
Tuy đã vào bào thai
Chư thiên vẫn hộ trì.
Dù sinh tại nhân gian
Cao quí, nên gọi trời,
Do chư thiên bảo vệ
Nên cũng gọi thiên tử.
Chủ cõi Ba Mươi Ba
Chia sức giúp nhân vương
Tất cả các thiên chúng
Cũng giúp sức tự tại.
Diệt trừ các phi pháp
Khiến nghiệp ác không sinh

Dạy mọi người tu thiện
Để được sinh cõi trời.
Nhân loại, a-tu-la
Các loài càn-thát-bà
La-sát, chiên-đà-la
Đều giúp nửa sức lực.
Cha mẹ thêm nửa sức
Khiến bỏ ác tu thiện
Chư thiên cùng hộ trì
Chỉ rõ quả báo thiện.
Nếu tạo các nghiệp ác
Ngay trong đời hiện tại
Chư thiên không bảo vệ
Chỉ cho quả báo ác.
Người trong nước tạo ác
Quốc vương không cấm ngăn
Thì chẳng đúng chính lí
Nên đúng pháp trị phạt.
Nếu thấy ác không ngăn
Phi pháp ngày càng tăng

Khiến trong toàn cõi nước
Gian trá ngày càng nhiều.
Vua thấy nhân dân mình
Tạo ác mà không cấm
Thiên chúng Ba Mươi Ba
Đều vô cùng giận dữ.
Do đây tổn quốc chính
Gian trá khắp thế gian
Khiến quân địch xâm lăng
Hủy hoại cả đất nước.
Nhà cửa và vật dụng
Tài sản đều không còn
Dối gạt, dua nịnh sinh
Lại thay nhau chiếm đoạt.
Do chính pháp làm vua
Mà không hành pháp ấy
Khiến đất nước tan hoang
Như ao sen voi xéo.
Cuồng phong nổi bất thường
Mưa lớn trái mùa đổ

Sao xấu hiện điềm quái
Nhật nguyệt thực tối tăm.
Ngũ cốc và hoa quả
Trái hạt đều không thành
Đất nước bị đói kém
Do vua bỏ chính pháp.
Nếu vua bỏ chính pháp
Dùng pháp ác trị dân
Chư thiên tại cung điện
Nhìn thấy lòng lo buồn.
Bấy giờ các thiên vương
Cùng nhau đồng nói rằng:
Vua này hành phi pháp
Luôn gần gũi kẻ ác
Vương vị không dài lâu
Chư thiên đều phẫn nộ
Do chư thiên phẫn nộ
Nước ấy sớm bại vong.
Dùng phi pháp dạy người
Lưu truyền khắp quốc gia

Tranh đấu, nhiều gian dối
Dịch bệnh, khổ não sinh.
Thiên chủ không bảo vệ
Chúng trời cũng bỏ rơi
Đất nước sẽ bại vong
Quốc vương bị khổ nạn.
Cha mẹ cùng vợ con
Anh em và chị em
Chịu cảnh ái biệt li
Cho đến phải mất mạng.
Biến quái và sao băng
Hai mặt trời đồng hiện
Oán địch từ ngoài đến
Đất nước gặp loạn li.
Đại thần quan dân trọng
Phải bị chết oan uổng
Voi, ngựa mọi người quí
Cũng mất hết không còn.
Chiến tranh khắp mọi nơi
Người chết thật oan uổng

Ma quỉ vào cõi nước
Dịch bệnh lan khắp cùng.
Vị đại thần tối cao
Cùng với các phụ tướng
Lòng tràn đầy dua nịnh
Cùng nhau hành phi pháp.
Vua thấy hành phi pháp
Lại sinh tâm yêu kính
Thấy người làm điều thiện
Thì hành hạ đớn đau.
Do yêu kính kẻ ác
Trị phạt người hành thiện
Tinh tú và mưa gió
Không xuất hiện đúng mùa.
Có ba tai họa sinh:
Chính pháp liền ẩn mất
Chúng sinh không tươi nhuận
Đất đai lại cằn cỗi.
Do trọng ác khinh thiện
Lại có ba họa sinh:

Sương, mưa đá trái mùa
Đói khát và dịch bệnh,
Các hạt lúa, đậu mè
Phẩm chất lại kém hẳn.
Nhân dân trong khắp nước
Phần nhiều bị dịch bệnh,
Các loại cây cho quả
Trước kia thật ngon ngọt
Do đây vị tổn giảm
Đắng chát, không mùi vị.
Vườn rừng trước xinh đẹp
Là nơi đáng du lãm
Bỗng nhiên lại khô cằn
Người nhìn sinh buồn chán.
Lúa mạch, các loại hạt
Vị ngon dần tiêu mất
Khi dùng, không vừa ý
Làm sao nuôi dưỡng thân.
Sắc diện chúng sinh giảm
Sức lực cũng suy kiệt

Dù ăn uống rất nhiều
Vẫn không thấy no đủ.
Tất cả loài chúng sinh
Trong khắp các cõi nước
Ốm yếu, không sức lực
Chẳng làm được việc gì.
Nhân dân bị bệnh tật
Khổ não bức bách thân
Nơi nơi quỉ mị hiện
Chốn chốn la-sát sinh.
Nếu vua hành phi pháp
Gần gũi những kẻ ác
Khiến ba loại thế gian
Sẽ phải chịu tổn giảm.
Vô biên họa như thế
Xảy ra khắp cõi nước
Đều do thấy kẻ ác
Mà không chịu trị phạt.
Do chư thiên gia hộ
Mà được làm quốc vương

Lại không dùng chính pháp
Bảo vệ đất nước mình.
Nếu người tu hạnh lành
Sẽ được sinh cõi trời
Còn kẻ tạo nghiệp ác
Chết ắt vào ba đường.
Nếu vua để tự do
Người trong nước tạo ác
Thì chúng trời Đao-lợi
Lòng vô cùng phiền não.
Bởi chẳng thuận trời dạy
Và lời của mẹ cha
Đây là người phi pháp
Chẳng phải vua, con hiếu.
Như thấy dân trong nước
Làm những điều phi pháp
Phải như pháp trị phạt
Không khởi ý cho qua
Từ đó các chúng trời
Hộ trì vị vua này.

Vì diệt trừ pháp ác
Tu tập các pháp lành
Hiện đời vị vua này
Ắt được quả báo tốt.
Do đối với thiện ác
Khuyên chúng sinh tu, lìa
Chỉ rõ quả thiện ác
Nên làm vua cõi người
Chư thiên cùng hộ trì
Tất cả đều tùy hỉ.
Do tự lợi, lợi tha
Dùng chính pháp trị quốc
Thấy những kẻ dua nịnh
Như pháp mà trị phạt.
Giả sử mất vương vị
Cho đến hại bản thân
Trọn không hành pháp ác
Thấy ác lại bỏ qua.
Họa mất đi vương vị
Lớn nhất trong các họa
Đều do kẻ dua nịnh

Vì thế nên trị phạt.
Nếu gần kẻ dối trá
Sẽ đánh mất vương vị
Do đây tổn pháp vua
Như voi vào vườn hoa.
Thiên chủ đều nổi giận
tu-la cũng thế
Vì người ấy làm vua
Không dùng pháp trị quốc.
Vì thế nên như pháp
Trị phạt những kẻ ác
Dùng thiện dạy nhân dân
Chẳng thuận theo phi pháp
Thà xả bỏ thân mạng
Quyết không theo bạn ác
Với kẻ thân, không thân
Đều đối xử bình đẳng.
Nếu làm vua chính pháp
Đối xử không thiên vị
Vua pháp có tiếng thơm
Vang khắp cả ba cõi.

Thiên chúng trời Đao-lợi
Vui mừng đồng nói rằng:
Vua pháp cõi Diêm-phù
Chính là con của ta
Dùng điều thiện dạy dân
Dùng chính pháp trị quốc
Khuyên người hành chính pháp
Sẽ sinh vào cung ta.
Chư thiên và thiên tử
Cho đến a-tu-la
Thấy vua hành chính pháp
Nên trong lòng mừng vui
Bởi chư thiên mừng vui
Nên hộ trì vua ấy.
Tinh tú chuyển đúng vị
Nhật nguyệt không trái đường
Gió thuận thật đúng mùa
Mưa hòa hợp thời tiết
Trái hạt đều kết thành
Nhân dân không đói khát
Tất cả các thiên chúng

Đầy khắp các thiên cung.
Vì thế làm nhân vương
Nên quên thân hoằng pháp
Nên tôn trọng pháp bảo
Do đây dân an vui.
Thường gần gũi chính pháp
Dùng công đức trang nghiêm
Quyến thuộc thường hoan hỉ
Điều ác nên xa lìa.
Dùng chính pháp giáo hóa
Luôn giúp họ an ổn
Khiến tất cả mọi người
Tu tập pháp thập thiện
Cả nước luôn sung túc
Quốc độ được thái bình.
Vua dùng pháp dạy dân
Giỏi điều phục kẻ ác
Thanh danh sẽ vang khắp
Làm an lạc quần sinh.

Tất cả quốc vương trên khắp thế giới và đại chúng nghe Đức Phật nói về pháp yếu trị quốc của vị vua xưa, đều cho là được điều chưa từng có, nên rất vui mừng, cung kính thực hành.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 9

PHẨM 21
THIỆN SINH VƯƠNG

Sau khi Phật nói Vương pháp chính luận, Ngài lại bảo rằng: "Các ông lắng nghe, bây giờ Ta sẽ nói về nhân duyên tin phụng giáo pháp của Ta khi xưa". Thế là Đức Phật dùng kệ chỉ dạy:

Khi xưa Ta làm Chuyển luân vương
Bỏ cõi nước này và biển lớn
Đem hết của báu đầy bốn châu
Cung kính cúng dường các Đức Phật.
Vô lượng vô biên kiếp ngày xưa
Vì cầu pháp thân chân thanh tịnh
Từ vật quí trọng, đến sắc thân
Ta đều xả bỏ không luyến tiếc.
Vào kiếp quá khứ chẳng tính lường
Có đức Bảo Kế Chính Biến Tri
Sau khi Như Lai nhập niết-bàn

Nhân chủ Thiện Sinh hiện thế gian.
Thiện Sinh, Luân vương của bốn châu
Tất cả biển lớn đều qui phục
Bấy giờ có thành Diệu Âm Thanh
Là nơi Luân vương kia an trú.
Mộng nghe nói Phật đấng phúc trí
Lại thấy Bảo Tích đại pháp sư
An tọa đoan nghiêm như mặt trời
Giảng nói Kim quang minh vi diệu.
Bấy giờ Luân vương chợt tỉnh giấc
Toàn thân tràn ngập niềm hỉ lạc
Khi trời vừa sáng xuất khỏi cung
Xa giá đến nơi tì-kheo trú.
Cung kính cúng dường thánh tăng rồi
Luân vương lại hỏi han đại chúng
Có vị pháp sư tên Bảo Tích
Thành tựu năng lực độ người chăng?
Bấy giờ đại pháp sư Bảo Tích
An trụ trong ngôi tĩnh thất kia
Chính niệm trì tụng kinh vua này
Thân tướng bất động, tâm an lạc.

Các vị tì-kheo dẫn Luân vương
Đến nơi pháp sư đang an trụ
Thấy ngài an tọa thật đoan nghiêm
Toàn thân rạng ngời bao tướng quí.
Đại vương! Đây là ngài Bảo Tích
Giữ gìn hành xứ Phật sâu xa
Chính là Kim quang minh vi diệu
Kinh vua, bậc nhất trong các kinh.
Tức thì Luân vương lễ Bảo Tích
Cung kính chắp tay mà thưa thỉnh
Xin bậc Nguyệt Mãn Diện đoan nghiêm
Thuyết Kim quang minh kinh mầu nhiệm.
Pháp sư chấp nhận lời cầu khẩn
Vì vị Luân vương thuyết kinh này
Bấy giờ khắp cả cõi tam thiên
Chư thiên, đại chúng thảy vui mừng.
Vua chọn nơi rộng và thanh tịnh
Dùng nhiều báu vật để trang nghiêm
Nước thơm thượng diệu rưới khắp nơi
Hoa đẹp nhiều màu rải trên đất.
Sau đó lập một tòa cao rộng

Treo cờ, che lọng thật trang nghiêm
Các loại hương xoa và hương bột
Mùi thơm ngào ngạt tỏa khắp nơi.
Trời, rồng, tu-la, khẩn-na-la
Ma-hầu-la-già và dạ-xoa
Đều đến cúng dường tòa cao ấy
Chư thiên tuôn xuống mạn-đà-la.
Lại có nghìn vạn các vị trời
Thích nghe chính pháp cũng đến nơi
Pháp sư vừa từ tòa đứng dậy
Hoa trời rải khắp để cúng dường.
Bấy giờ pháp sư liền tắm rửa
Thay y phục mới thật trang nghiêm
Đến nơi pháp tòa giữa đại chúng
Chí thành chắp tay cung kính lễ.
Thiên chủ, thiên chúng và thiên nữ
Rải hoa mạn-đà kính cúng dường
Trăm nghìn nhạc trời thật tuyệt diệu
Vang lên cùng khắp cõi hư không.
Bấy giờ Bảo Tích đại pháp sư
Bước lên tòa cao, kết già tọa

Nghĩ về vạn ức đấng Từ tôn
Trong khắp mười phương các cõi nước.
Nghĩ đến chúng sinh đang khổ đau
Khởi lòng từ bi bình đẳng khắp
Lại vì Luân vương Thiện Sinh thỉnh
Mà nói kinh mầu Kim quang minh.
Vua đã được nghe pháp nhiệm mầu
Chắp tay một lòng xin tùy thuận
Nghe pháp hiếm có, lệ tuôn tràn
Thân tâm ngập tràn niềm hỉ lạc.
Thế rồi quốc chủ Thiện Sinh vương
Vì muốn cúng dường kinh mầu này
Tay cung kính dâng châu Như ý
Phát nguyện đều vì các chúng sinh.
Rằng nay trên cõi Diêm-phù-đề
Ngập tràn bảy báu, xâu chuỗi quí
Những kẻ thiếu tiền và vật dụng
Tùy tâm đầy đủ, được an vui.
Nguyện xong, tức thời mưa bảy báu
Đầy đủ khắp cùng bốn đại châu
Xâu chuỗi và các vật cần dùng

Áo quần, uống ăn đều không thiếu.
Bấy giờ quốc chủ Thiện Sinh vương
Thấy khắp bốn châu đầy báu vật
Liền dâng Bảo Kế Phật Thế Tôn
Cùng các tì-kheo tuân di huấn.
Các ông nên biết Thiện Sinh vương
Chính Ta, Thích-ca Mâu-ni Phật
Vì thời quá khứ bỏ đại địa
Và cả bảy báu đầy bốn châu.
Còn vị pháp sư Bảo Tích kia
Vì Thiện Sinh vương thuyết diệu pháp
Khai giảng kinh vua nhiệm mầu này
Chính nay Bất Động Phật phương đông.
Vì Ta từng nghe kinh vua này
Nên liền chắp tay xin tùy hỉ
Và với công đức cúng bảy báu
Được thân kim cang tối thắng này.
Với trăm phúc tướng màu vàng ròng
Người nhìn thấy rồi tâm hoan hỉ
Tất cả chúng sinh đều ưa thích
Câu-chi thiên chúng cũng vui lòng.

Quá khứ Ta làm vua Chuyển luân
Chín mươi chín câu-chi ức kiếp
Lại trải vô lượng trăm nghìn đời
Thống lãnh nước nhỏ làm nhân vương.
Còn qua nhiều kiếp làm Đế Thích
Và cũng từng làm Đại Phạm thiên
Cúng dường Thập lực Đại Bi tôn
Số lượng thật không sao tính kể.
Xưa Ta nghe kinh xin tùy hỉ
Phúc đức gom nhóm thật khó ghi
Do đây chứng ngộ đạo Bồ-đề
Đạt được pháp thân chân diệu trí.

Đại chúng nghe Phật giảng nói như thế, tất cả ca ngợi là chưa từng có, đều nguyện cung kính thụ trì lưu truyền *kinh Kim quang minh* mãi mãi ở thế gian.

PHẨM 22
CHƯ THIÊN VÀ DẠ-XOA HỘ TRÌ

Bấy giờ Thế Tôn bảo Đại Cát Tường: "Nếu có người nam và những người nữ lòng tin thanh tịnh, muốn dâng cúng những phẩm vật quí giá chẳng thể nghĩ bàn lên Phật quá khứ, hiện tại-vị lai, lại muốn thấu hiểu hành xứ sâu xa của Phật ba đời, thì bất cứ nơi nào có kinh này, hoặc là thành thị, hoặc nơi xóm làng, núi non đầm vắng, đều nên chí tâm vì các chúng sinh lưu truyền rộng rãi. Còn người nghe kinh, nên dứt loạn tưởng, chí tâm lắng nghe". Dạy xong Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Muốn cúng dường chư Phật
Phẩm vật chẳng nghĩ bàn
Lại muốn hiểu hành xứ
Sâu mầu của Như Lai
Thì khi thấy giảng nói

Kinh Kim quang minh này
Phải đích thân đi đến
Trụ xứ của pháp sư.
Kinh này chẳng nghĩ bàn
Hay sinh các công đức
Đưa các loài chúng sinh
Vượt biển khổ vô biên.
Ta thấy kinh vua này
Đầu, giữa, cuối đều tuyệt
Sâu xa chẳng thể lường
Cũng không thể thí dụ.
Giả sử cát sông Hằng
Bụi đất cùng nước biển
Đá núi khắp không gian
Cũng không bằng một phần.
Muốn thâm nhập pháp giới
Trước nên nghe kinh này
Trong chùa tháp pháp tính
Sâu xa, khéo an trụ.
Trong chùa tháp như thế

Thấy Ta, đấng Mâu-ni
Dùng âm thanh vui hòa
Giảng nói kinh vua này.
Do đó câu-chi kiếp
Nhiều không thể nghĩ bàn
Sinh vào cõi trời, người
Hưởng niềm vui thắng diệu.
Nếu ai nghe kinh này
Tâm phải suy nghĩ rằng:
Ta được tụ công đức
Vô biên chẳng nghĩ bàn.
Giả sử đống lửa lớn
Trải trăm du-thiện-na
Vì muốn nghe kinh này
Lao qua không sợ hãi.
Đã đến nơi giảng thuyết
Được nghe kinh này rồi
Các tội nghiệp đã trừ
Các mộng ác cũng diệt.
Sao xấu, biến hiện xấu

Trùng độc và yêu tà
Khi đã nghe kinh này
Tất cả đều tránh xa.
Nên đặt tòa cao rộng
Sạch đẹp như hoa sen
Pháp sư ngồi trên đó
Như rồng lớn cuộn tròn.
Đã an tọa trên tòa
Liền thuyết kinh vi diệu
Biên chép và tụng trì
Đều vì giải thích nghĩa.
Xong, pháp sư rời tòa
Đi đến những nơi khác
Thì liền nơi tòa này
Nhiều tướng thần biến hiện.
Hoặc thấy tượng pháp sư
Còn ngồi trên tòa cao
Hoặc thấy đức Thế Tôn
Và các vị Bồ-tát.
Hoặc hiện hình Phổ Hiền

Hay Văn-thù-sư-lợi
Hoặc thấy đức Di-lặc
Thân ngự tại tòa cao.
Hoặc thấy những tướng lạ
Và hình tượng chư thiên
Nhưng vừa thấy hình dung
Bỗng nhiên lại biến mất.
Các điều tốt đều thành
Việc làm đều thuận ý
Công đức thảy viên mãn
Thế Tôn dạy như vậy.
Cao tột có thanh danh
Hay diệt các phiền não
Dẹp sạch giặc xâm lăng
Chiến đấu luôn đắc thắng.
Không còn thấy ác mộng
Độc hại cũng tiêu trừ
Tội do ba nghiệp tạo
Sức kinh cũng diệt luôn.
Danh tiếng vang cùng khắp

Nơi Nam Thiệm-bộ châu
Tất cả các oán kết
Đều tiêu hết, không còn.
Dẫu có oán thù đến
Nghe tiếng liền lui tan
Chẳng cần động binh đao
Hai bên đều hoan hỉ.
Phạm thiên cùng Đế Thích
Bốn vương hộ thế gian
Chấp Kim Cang, dạ-xoa
Chính Liễu Tri đại tướng.
Long vương hồ Vô Nhiệt
Cho đến Ta-kiệt-la
Nhạc thần khẩn-na-la
Tô-La kim sí điểu.
Thiên nữ Đại Biện Tài
Cùng với Cát Tường thiên
Là các vị thủ lãnh
Mỗi mỗi lãnh chúng trời
Luôn cúng dường chư Phật

Pháp bảo chẳng nghĩ bàn
Hằng sinh lòng hoan hỉ
Tôn kính kinh mầu này.
Các vị trời hôm nay
Đều khởi tâm suy nghĩ
Quán xét người tu phúc
Rồi cùng nhau nói rằng:
Nên xem hữu tình này
Là bậc đại phúc đức
Sức căn lành, tinh tiến
Mai sau sinh cõi trời.
Vì muốn nghe kinh vua
Cung kính đến nơi đây
Vì tôn trọng chính pháp
Nên cúng dường tháp pháp.
Lại thương xót chúng sinh
Mà làm lợi ích lớn
Đối với kinh sâu này
Làm vật chứa pháp bảo.
Người vào pháp môn này

Thì vào được pháp tính
Nên chí tâm nghe nhận
Kinh mầu Kim quang minh.
Người này từng cúng dường
Vô lượng trăm nghìn Phật
Do những căn lành ấy
Được nghe Kim quang minh.
Người này được thiên chủ
Thiên nữ Đại Biện Tài
Cùng với Cát Tường thiên
Cho đến bốn thiên vương
Vô số dạ-xoa chúng
Dõng mãnh, có thần thông
Mỗi mỗi ở bốn phương
Thường đến mà bảo vệ.
Nhật, Nguyệt thiên, Đế Thích
Các thần nước, gió, lửa
Phệ-suất-nộ vai rộng
Diêm-la, Đại Biện Tài,
Tất cả trời hộ thế

Mạnh mẽ đủ oai thần
Bảo vệ người trì kinh
Ngày đêm thường chẳng lìa.
Dạ-xoa vương sức lớn
Na-la-diên, Tự Tại
Chính Liễu Tri thủ lãnh
Hai tám bộ dạ-xoa,
Trăm nghìn dạ-xoa khác
Có năng lực thần thông
Đến những nơi nguy hiểm
Bảo vệ người trì kinh.
Kim Cang, dạ-xoa vương
Cùng năm trăm quyến thuộc
Và các Đại Bồ-tát
Cũng đến hộ người này.
Bảo vương, dạ-xoa vương
Cùng với Mãn Hiền vương
Khoáng dã, Kim-tì-la
Tân-độ-la, Hoàng sắc
Các vị dạ-xoa này

Đều có năm trăm quân
Thấy người nghe kinh này
Đều đến mà bảo vệ.
Càn-thát-bà, Thể Quân
Vi vương, Thường Chiến Thắng
Châu Cảnh và Thanh Cảnh
Cùng Bột-lí-sa vương
Đại Tối Thắng, Đại Hắc
Tô-bạt-nô-kê-xá
Dương Túc, Bán-chi-ca
Cho đến Đại Bà-già
Tiểu Cừ và Hộ Pháp
Cùng với di hầu vương
Châm Mao và Nhật Chi
Bảo Phát đều đến hộ.
Đại Cừ, Nặc-câu-la
Chiên-đàn, Dục Trung Thắng
Xá-la, Tuyết sơn thần
Và thần núi Ta-đa
Đều có đại thần thông

Dõng mãnh đầy oai lực
Thấy người trì kinh này
Cùng đến để bảo vệ.
na-bà-đáp-đa
Và rồng Ta-yết-la
Mục-chân, Y-la Diệp
Nan-đà, Tiểu nan-đà
Thần thông và oai đức
Bậc nhất trong loài rồng
Bảo vệ người trì kinh
Ngày đêm thường không rời.
Bà-trĩ, La-hầu-la
Tì-ma-chất-đa-la
Mẫu-chỉ-chiêm-bạt-la
Đại Kiên và Hoan Hỉ
Các Tu-la vương khác
Cùng vô số thiên chúng
Dõng mãnh và uy lực
Cũng đến mà hộ trì.
Thần Ha-lợi-để mẫu

Năm trăm chúng dạ-xoa
Lúc người ấy ngủ nghỉ
Cũng luôn đến bảo vệ.
Chiên-đà, Chiên-đà-lợi
Nữ dạ-xoa Chiên-trĩ
Côn-đế, Câu-trá-xỉ
Quỉ hút tinh chúng sinh,
Các quỉ thần như thế
Có sức đại thần thông
Luôn hộ người trì kinh
Ngày đêm thường không lìa.
Trời Biện Tài thủ lãnh
Cùng vô lượng thiên nữ
Trời Cát Tường đứng đầu
Với vô lượng quyến thuộc,
Thần nữ đại địa này
Thần vườn rừng, hoa quả
Thần cây, thần sông hồ
Cùng các thần giữ tháp
Các trời, thần như thế

Lòng vô cùng mừng vui
Đều đến mà bảo vệ
Người trì tụng kinh này.
Lại thấy người trì kinh
Giúp tăng thọ, sắc lực
Tăng oai quang, phúc đức
Có tướng quí nơi thân.
Tinh tú hiện tai biến
Đưa họa đến người này
Những điềm mộng bất tường
Đều giúp trừ diệt hết.
Nữ thần đại địa này
Bền vững có uy thế
Do sức của kinh này
Pháp vị thường đầy đủ
Nên đất thấm màu mỡ
Sâu hơn trăm thiện-na[298]
Địa thần lại đưa lên
Đượm nhuần khắp mặt đất.
Dù đại địa rất dày

Sáu tám ức thiện-na
Đến ranh giới kim cang[299]
Chất màu cũng lên được.
Do nghe kinh vua này
Đạt được tụ công đức
Giúp cho các thiên chúng
Đạt được lợi ích lớn.
Lại khiến các thiên chúng
Có uy lực, ánh sáng
Trong tâm thường an vui
Không còn các tướng suy.
Các thần rừng, quả, hạt
Trong cõi Diêm-phù này
Do sức của kinh vua
Lòng cũng thường hoan hỉ.
Khiến lúa ngô tươi tốt
Chốn chốn nở đầy hoa
Trái, hạt đều trĩu nặng
Đầy khắp cả cõi này.
Tất cả loại cây trái

Trong khắp cả vườn rừng
Đều ngập tràn hoa đẹp
Ngào ngạt những mùi hương.
Cỏ cây trên đại địa
Đều khoe sắc hoa đẹp
Đều kết trái thơm ngon
Khắp nơi đều sung mãn.
Vô lượng các long nữ
Trong cõi Diêm-phù này
Đều sinh lòng vui mừng
Nên cùng vào ao hồ
Trồng sen bát-đầu-ma
Cùng loại phân-đà-lợi
Sen xanh và sen trắng
Đầy khắp mặt hồ ao.
Do sức của kinh này
Bầu trời thật trong xanh
Không còn áng mây giăng
Nơi nơi đều soi tỏ.
Mặt trời phóng ánh sáng

Thật trong sạch, không dơ
Do sức của kinh này
Chiếu soi cùng khắp chốn.
Cũng do uy lực kinh
Trợ giúp các vị vua
Dùng vàng Diêm-phù-đàn
Xây dựng các cung điện.
Nhật thiên tử vừa hiện
Thấy thế gian hoan hỉ
Nên dùng ánh sáng lớn
Soi chiếu khắp muôn nơi.
Tất cả những hồ sen
Trong khắp đại địa này
Khi mặt trời chiếu soi
Đều xòe nở tất cả.
Ngũ cốc và cỏ thuốc
Trong cõi Diêm-phù này
Đều khiến cho thành thục
Đầy khắp cả đại địa.
Do oai lực kinh này

Nơi mặt trời chiếu đến
Tính tú đúng vị trí
Mưa gió đều đúng mùa.
Khắp cả thế giới này
Đều sung túc an vui
Nơi nào kinh lưu truyền
Tốt đẹp hơn nơi khác.
Nơi nào Kim quang minh
Kinh vua lưu truyền đến
Nếu có người đọc tụng
Sẽ được phúc như trên.

Đại Cát Tường và tất cả thiên chúng nghe Đức Phật dạy, vô cùng vui mừng, phát nguyện dốc lòng bảo vệ kinh và người trì kinh này, khiến họ an lạc, không còn sầu lo.

PHẨM 23
THỌ KÍ

Thế Tôn giảng nói rộng giáo pháp rồi, lại muốn thụ kí Vô thượng bồ-đề cho Diệu Tràng và hai người con là Ngân Tràng-Ngân Quang. Lúc ấy có mười nghìn vị thiên tử, Tối Thắng Quang Minh là vị thủ lãnh, từ cõi Đao-lợi đến trụ xứ Phật, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp.

Đức Phật liền bảo Bồ-tát Diệu Tràng: "Vào đời vị lai, trải qua vô lượng trăm nghìn vạn ức na-do-tha kiếp, ông sẽ thành Phật, tại một cõi nước tên Kim Quang Minh. Phật ấy hiệu là Kim Bảo Sơn Vương Như Lai, Ứng Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Sau khi Đức Phật này vào niết-bàn, giáo pháp cũng diệt, thì có trưởng tử của Ngài tên là Ngân Tràng

nối tiếp bổ xứ làm Phật. Bấy giờ cõi ấy đổi là Tịnh Tràng. Ngân Tràng thành Phật, hiệu là Kim Tràng Quang Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Phật này diệt độ, giáo pháp cũng tận, lại người con thứ tên là Ngân Quang kế tiếp thành Phật ngay tại cõi này, hiệu là Kim Quang Minh Như Lai, đầy đủ mười hiệu".

Mười nghìn thiên tử nghe ba đại sĩ đã được thụ kí, lại được nghe kinh vua tối thắng này, lòng rất vui mừng, lặng như hư không. Như Lai biết rõ mười nghìn thiên tử thành thục căn lành, liền thụ kí Đại bồ-đề cho họ: "Vào đời vị lai, trải qua vô lượng trăm nghìn vạn ức na-do-tha kiếp, tại thế giới Tối Thắng Nhân-đà-la Cao Tràng, các ông đều sẽ thành Phật, đồng họ đồng tên, lại đồng hiệu là Diện Mục Thanh Tịnh Ưu-bát-la Hương Sơn, đầy đủ mười hiệu. Mười nghìn vị Phật lần lượt xuất hiện ở thế gian này".

Thần cây bồ-đề bạch Đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Mười nghìn vị này ở cõi Đao-lợi, vì nghe diệu pháp mà đến nơi đây. Tại sao Như

Lai thụ kí cho họ ? Con chưa từng nghe các vị thiên tử như hàng Bồ-tát thực hành trọn vẹn sáu ba-la-mật, tu tập hạnh khổ vô cùng khó làm, bỏ cả đầu mắt, tay chân tủy não, vợ con quyến thuộc, voi ngựa xe cộ, nô tì bộc sử, cung điện vườn rừng, vàng bạc-lưu li, xa cừ-mã não, san hô-hổ phách, ngọc bích-kha bối, thức uống thức ăn, y phục-thuốc men, dụng cụ ngồi nằm. Lại như Bồ-tát dâng cúng phẩm vật lên trăm nghìn vạn ức na-do-tha Đức Phật quá khứ, cần phải trải qua vô lượng vô biên kiếp số như thế mới được thụ kí. Bạch đức Thế Tôn! Các vị trời này vì nhân duyên gì, tu thắng hạnh gì, trồng căn lành gì mà vừa từ cõi trời đến nghe pháp, chỉ trong chốc lát lại được thụ kí? Cúi xin Thế Tôn giảng nói để con dứt hết nghi ngờ!".

Đức Phật bảo rằng: "Như lời cô nói, là phải từ những nhân duyên căn lành đặc biệt tốt đẹp, tu tập khổ hạnh rồi mới được Phật thụ kí bồ-đề. Vậy các thiên tử này đã bỏ hết năm món dục lạc thượng diệu nơi cõi trời kia, đến đây lắng nghe *kinh Kim quang minh*. Sau khi

nghe lại sinh lòng tôn kính, tâm ý trong sạch giống như lưu li, không một tì vết, lại nghe ba vị Đại Bồ-tát được Như Lai thụ kí; hơn nữa lại do nhân duyên ở đời quá khứ lâu xa, họ đã tu tập chính hạnh bồ-đề và phát nguyện rộng, nên hôm nay Ta thụ kí vị lai họ sẽ thành tựu Vô thượng bồ-đề".

Thần cây bồ-đề nghe Đức Phật dạy, tâm hết nghi ngờ, vui mừng tin nhận.

PHẨM 24
TRỪ BỆNH

Đức Phật lại bảo: "Thần nữ lắng nghe và suy nghĩ kĩ! Hôm nay ta sẽ nói về nhân duyên bản nguyện của mười nghìn thiên tử này. Vào thời quá khứ vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn a-tăng-kì kiếp, có Phật Bảo Kế đầy đủ mười hiệu xuất hiện thế gian. Đức Phật niết-bàn, qua thời chính pháp, đến thời tượng pháp, cõi ấy có vua Thiên Tự Tại Quang luôn dùng chính pháp dạy dỗ nhân dân, giống như cha mẹ. Bấy giờ trong nước có vị trưởng giả tên là Trì Thủy, rất giỏi y thuật, thông hiểu tám thuật trị bệnh. Chúng sinh nào bị ốm đau khổ não, bốn đại bất hòa, ông đều chữa lành. Trưởng giả có một người con tên là Lưu Thủy, dung mạo đoan chính, mọi người thích nhìn, bẩm tính thông minh, giỏi các luận thuyết, thư họa toán số.

Bây giờ trong nước có nhiều chúng sinh đang bị dịch bệnh, khổ đau bức bách, không có niềm vui. Lưu Thủy thấy vậy, sinh lòng xót thương, mà suy nghĩ rằng: 'Vô lượng chúng sinh đang bị khổ đau bức ép cùng tột, cha ta tuy giỏi, thông tám phương thuật, có thể chữa trị các chứng bệnh do bốn đại tăng giảm, nhưng ông đã già, thân thể suy nhược, đi đứng cần phải đỡ dìu, không thể đến các thành thị xóm làng chữa trị cho người, mà ngày nay có rất nhiều người bệnh, rất cần cứu gấp. Vậy Ta hãy đến gặp cha để hỏi các phương thuốc và bí quyết chữa trị. Sau khi thông hiểu, ta sẽ vào mọi xóm làng thành thị cứu giúp chúng sinh, giúp họ an vui.' Thế là Lưu Thủy đến nơi của cha, cúi đầu đảnh lễ, tránh sang một bên, chắp tay cung kính dùng kệ thưa rằng:

Cúi xin cha thương xót
Con muốn cứu chúng sinh
Nên nay hỏi y phương
Xin cha dạy con biết!
Tại sao thân suy hoại

Các đại có tăng giảm?
Và vào những lúc nào
Sinh ra các chứng bệnh?
Ăn uống như thế nào
Để thân thể an ổn?
Làm sao để trong thân
Hỏa đại không suy tổn?
Chúng sinh có bốn bệnh
Phong, hoàng nhiệt, đàm âm
Và các bệnh tổng hợp
Làm sao để chữa trị?
Lúc nào bệnh phong hiện
Lúc nào bệnh nhiệt phát
Lúc nào khởi đàm âm
Lúc nào sinh tổng bệnh?

Trưởng giả Trì Thủy nghe con mình hỏi, cũng dùng kệ dạy:

Nay ta theo cách trị
Của các tiên ngày xưa
Thứ tự dạy cho con

Lắng nghe để cứu người!
Ba tháng đầu, mùa xuân
Ba tháng kế, mùa hạ
Ba tháng tiếp, mùa thu
Ba tháng cuối, mùa đông.
Đây là theo một năm
Chia ba tháng mà nói
Nếu hai tháng một tiết
Một năm thành sáu thời.
Hai tháng đầu, tiết hoa
Tháng ba tư, tiết nóng
Tháng năm sáu, tiết mưa
Tháng bảy tám, tiết Thu
Tháng chín mười, tiết lạnh
Mười một chạp, tiết tuyết
Đã biết rõ như thế
Bốc thuốc chẳng để sai.
Nên tùy theo thời tiết
Mà điều chỉnh thức ăn
Ăn vào tiêu hóa được

Thì bệnh sẽ không sinh.
Nếu thời tiết đổi thay
Thì bốn đại chuyển biến
Nếu bấy giờ không thuốc
Nhất định bệnh khổ sinh.
Thầy thuốc rõ bốn mùa
Lại phải biết sáu tiết
Thông tỏ bảy phần thân
Cho thuốc mới không sai.
Bảy là vị, huyết, nhục
Mỡ, xương, tủy và não
Bệnh vào bảy nơi này
Chẳng biết chữa được chăng!
Chúng sinh có bốn bệnh
Phong, hoàng nhiệt[300]*, đàm âm*[301]
Cùng với bệnh tổng hợp
Nên biết lúc phát động.
Mùa xuân đàm âm động
Mùa hạ nội phong sinh
Mùa thu hoàng nhiệt tăng

Tổng bệnh mùa đông phát.
Xuân ăn chát nóng cay
Hạ dùng mặn chua nóng
Thu ăn lạnh ngọt béo
Đông, béo ngọt chát chua.
Trong bốn mùa, uống ăn
Và dùng các loại thuốc
Có các vị như thế
Bệnh không thể nào sinh.
Ăn xong bệnh, do đàm
Tiêu hóa bệnh, do nhiệt
Tiêu rồi, bệnh do phong
Theo thời mà chẩn bệnh.
Đã biết căn nguyên bệnh
Theo bệnh mà bốc thuốc
Giả sử bệnh trạng khác
Cũng nên chữa gốc trước.
Bệnh phong dùng dầu cao
Nhiệt, thông đại tiểu tiện
Đàm thì nên cho nôn

Tổng bệnh, dùng ba thứ.
Bệnh đủ phong, đàm, nhiệt
Thì gọi là tổng bệnh
Tuy biết lúc bệnh sinh
Nhưng cũng xét tính bệnh.
Xét biết như thế rồi
Tùy thời mà cho thuốc
Cho ăn, uống, thuốc đúng
Chính là thầy thuốc giỏi.
Lại nên biết tám thuật
Bao gồm hết y phương
Thông suốt các điều này
Mới trị bệnh chúng sinh.
Tám thuật là châm cứu
Mổ xẻ, chữa bệnh thân
Trị bệnh tâm, trúng độc
Trị bệnh nhi, tăng thọ
Sau cùng tăng khí lực.
Trước nên xem thân sắc
Nói năng và tính hạnh

Sau đó hỏi về mộng
Sẽ biết phong, nhiệt, đàm.
Khô gầy, tóc lưa thưa
Tính tình không ổn định
Nói nhiều, mộng thấy bay
Bệnh người này thuộc phong.
Tuổi trẻ mà tóc bạc
Mồ hôi nhiều, hay giận
Thông minh, mộng thấy lửa
Bệnh người này tính nhiệt.
Tâm định, thân ngay thẳng
Hay nghĩ, đầu cáu nhờn
Mộng thấy nước, vật trắng
Bệnh người này thuộc đàm.
Tổng bệnh gồm các tính
Hoặc hai, hoặc đủ ba
Hễ tính nào tăng nhiều
Thì biết đó là chính.
Đã biết bản tính rồi
Theo bệnh mà bốc thuốc

Thấy không hiện tướng chết
Mới gọi là cứu được.
Như giác quan nhận lầm
Xem thường thầy thuốc giỏi
Thấy bạn bè thì giận
Mắt trái biến màu trắng
Lưỡi đen, sống mũi lệch
Vành tai lại biến dạng
Môi dưới bị trễ xuống
Đó là hiện tướng chết.
Một quả ha-lê-lặc[302]
Có đầy đủ sáu vị
Chữa trị được các bệnh
Không kị, vua trong thuốc.
Ba quả, ba loại cay[303]
Là thuốc dễ kiếm tìm
Đường cát, mật ong, sữa
Cũng có thể trị bệnh.
Còn các loại thuốc khác
Tùy bệnh mà thêm vào

Nhưng phải khởi lòng từ
Không mưu cầu tài lợi.
Ta đã nói phương pháp
Thiết yếu để trị bệnh
Con theo đây cứu người
Sẽ được vô lượng phúc.

Lưu Thủy đã hỏi và nghe cha mình dạy về tám thuật, những căn bệnh do bốn đại tăng giảm, thời tiết bất hòa, phương pháp dùng thuốc. Ông đã thông hiểu, tự xét có thể chữa trị các bệnh, liền đi khắp nơi, từ thành thị cho đến mọi xóm làng, hễ nơi nào có chúng sinh bị bệnh, ông đều đến dùng lời lẽ khéo léo, dịu ngọt an ủi. Ông thường nói rằng: 'Tôi là thầy thuốc, tôi là thầy thuốc! Tôi biết rõ thuốc và cách chữa bệnh. Hôm nay tôi sẽ chữa lành căn bệnh cho cả mọi người'.

Nhân dân nghe biết Lưu Thủy dùng lời khéo léo an ủi, hứa chữa lành bệnh, trong đó có rất nhiều người bệnh nặng nghe được lời này, lòng họ vui mừng, cho là gặp việc xưa nay chưa có. Do đó tất cả bệnh khổ đều trừ, khí

lực sung mãn, bình phục như xưa. Lúc ấy vô lượng chúng sinh bị bệnh nan y nghe được, cùng đến Lưu Thủy cầu xin chữa trị. Lưu Thủy liền cho họ uống thuốc hay, nên bệnh cũng lành. Như thế Lưu Thủy trị lành bệnh cho vô lượng chúng sinh trong đất nước mình".

PHẨM 25
TRƯỞNG GIẢ TỬ LƯU THỦY

Đức Phật lại bảo thần cây bồ-đề: "Ngày xưa Lưu Thủy đã trị bệnh khổ cho các chúng sinh trong nước của vua Thiên Tự Tại Quang, khiến họ bình phục. Do đã lành bệnh, nên họ tu tập phúc nghiệp, lấy việc bố thí rộng khắp tự vui. Họ cùng đến nhà trưởng giả tử này, tỏ lòng tôn kính và đồng thưa rằng: 'Hay thay, hay thay! Ngài làm những việc nuôi lớn phúc đức, giúp cho chúng tôi mãi được an ổn, tăng thêm thọ mạng. Ngài thật là bậc Đại lực y vương, Bồ-tát đại bi, rất giỏi y dược, chữa lành bệnh cho tất cả chúng sinh'. Lời ca ngợi này lan khắp thành thị xóm làng. Bấy giờ Lưu Thủy có người vợ tên là Thủy Kiên Tạng, hai con tên là Thủy Mãn-Thủy Tạng. Ngày kia Lưu Thủy dẫn cả hai con lần lượt đi khắp xóm làng thành thị. Một hôm qua vùng đầm lầy hoang

vắng, hiểm nguy đáng sợ, họ thấy các loài cầm thú ăn thịt: sói-cáo-điêu-thứu đều chạy hoặc bay cùng về một hướng. Lưu Thủy suy nghĩ: 'Vì sao tất cả đều chạy hoặc bay cùng về một hướng, ta nên theo sau để xem cho biết!'. Ông liền đi theo, chỉ một lát sau, gặp hồ nước lớn tên là Dã Sinh, nước hồ sắp cạn, bày nhiều tôm cá. Thấy vậy lòng ông thương xót vô cùng, lúc ấy một vị thần cây hiện nữa thân hình nói rằng: 'Hay thay, hay thay! Ông có thật tên là Lưu Thủy chăng? Nếu đúng thì nên thương xót giúp cho các loài cá này có nước để sống. Danh từ Lưu Thủy có hai ý nghĩa, một là làm cho dòng nước lưu thông, hai là cấp nước. Ông nên thuận theo tên mình mà làm!'.

Lưu Thủy bèn hỏi:

- Có bao nhiêu cá sống trong hồ này?

Thần cây liền đáp:

- Khoảng mười nghìn con.

Lưu Thủy nghe thế càng thêm bi cảm. Lúc ấy do ánh mặt trời nóng đốt, nên nước trong hồ không còn bao nhiêu, mười nghìn

cá này hầu như sắp chết, bơi lội xoay trở vô cùng khó khăn. Thấy trưởng giả tử, bầy cá lóe lên một tia hi vọng, nhìn theo không rời. Lưu Thủy thấy vậy, chạy quanh tìm nước, nhưng không thể nào. Nhìn thấy gần đó có một cây cao, ông liền trèo lên bẻ vài cành lá che nắng rồi tìm nguồn nước của hồ. Đi mãi ông mới gặp được dòng sông tên là Thủy Sinh. Những ngư dân sống ở hai bên bờ, vì muốn bắt cá, nên tại một đoạn hiểm yếu ở vùng thượng lưu sông này, họ khơi một nhánh, dẫn nước chảy về hướng khác mà không cho chảy xuống vùng hạ lưu. Chỗ khơi này rất khó ngăn đắp lại. Lưu Thủy suy nghĩ: 'Vực này rất sâu và thật hiểm yếu, dẫu trăm nghìn người thi công ba tháng chưa chắc đã xong, huống chi mình ta!'. Ông liền về thành, vào diện kiến vua. Vào đến hoàng cung, ông lễ lạy vua, rồi đứng một bên, chắp tay thưa rằng: 'Thần đã chữa lành các bệnh cho dân trong khắp đất nước, khiến cho mọi người đều được an ổn. Một hôm thần đi đến vùng đầm vắng tên là Dã Sinh, nước trong đầm này sắp bị khô cạn, bầy cá mười

nghìn con sống trong đó, hằng ngày mặt trời thiêu đốt sắp chết. Cúi xin đại vương từ bi thương xót, giúp cho hai mươi thớt voi to lớn, gấp đến chuyển nước vào đầm cứu sống bầy cá, như thần đã ban thọ mạng cho những người bệnh'.

Nhà vua lập tức ra lịnh cho một đại thần trong triều giao đủ đại tượng cho vị y vương. Đại thần nhận lệnh, thưa trưởng giả tử: 'Hay thay Đại sĩ! Ngài đến chuồng voi, tùy ý chọn lấy đủ hai mươi con để cứu chúng sinh!'. Thế là Lưu Thủy cùng hai con nhận hai mươi thớt voi, lại vào những nhà bán rượu mượn các túi da, cuối cùng đến chỗ khơi dòng lấy nước cho voi chuyên chở đổ vào đầm cạn. Không bao lâu sau, đầm lại đầy nước như xưa. Trưởng giả tử dạo quanh đầm nhìn ngắm, đàn cá cũng tụ ven bờ bơi theo. Trưởng giả tử nghĩ: 'Vì sao đàn cá lại bơi theo ta, chắc chúng bị đói, muốn xin thức ăn, ta nên cho chúng'. Lưu Thủy liền nói với các con rằng: 'Các con hãy chọn một voi mạnh nhất, đi gấp về nhà thưa với ông nội, tất cả những gì ăn được trong nhà, kể cả

phần ăn của cha và mẹ, vợ con nô tì đều cho phép gom hết mang đến đây'. Hai người vâng lời, chọn một con voi khỏe nhất, trở về thưa với ông nội như thế, rồi gom tất cả những gì ăn được, đặt lên lưng voi, nhanh chóng trở lại. Thấy hai con về, Lưu Thủy vô cùng mừng vui, vội lấy thức ăn tung rải vào đầm, khiến đàn cá kia thụ dụng no đủ. Ông lại suy nghĩ: 'Ngày nay ta thí thức ăn, cứu sống đàn cá, nguyện đời sau ta ban cho pháp thực cứu giúp vô biên. Ngày trước bên khu rừng vắng, ta thấy một vị tì-kheo đọc tụng kinh điển Đại thừa, và thuyết pháp yếu mười hai nhân duyên[304] vô cùng sâu xa. Trong kinh có dạy: *Nếu lúc lâm chung, người nào nghe được danh hiệu của đức Bảo Kế Như Lai, thì sẽ được sinh về các cõi trời*. Do đó hôm nay, ta nên giảng thuyết mười hai duyên khởi sâu xa vi diệu cho đàn cá này, đồng thời xưng niệm danh hiệu Bảo Kế Như Lai. Cõi Diêm-phù này có hai hạng người, một là tin kính Đại thừa, hai là không tin mà còn hủy báng, nhưng ta cũng nên giúp hạng người này phát khởi lòng tin. Ta nên vào đầm

giảng nói pháp yếu sâu xa nhiệm mầu cho đàn cá nghe'.

Thế là ông vào đầm nước xướng rằng: 'Nam-mô quá khứ Bảo Kế Như Lai, Ứng Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngày xưa khi còn tu hạnh Bồ-tát, Đức Phật này đã lập nguyện: Hễ những chúng sinh trong các quốc độ cùng khắp mười phương, nếu lúc lâm chung nghe danh hiệu Ta, sau khi mạng chung sẽ sinh về cõi trời Ba Mươi Ba'. Lưu Thủy lại vì đàn cá giảng nói diệu pháp sâu xa: Vì đây có nên kia có, vì đây sinh nên kia sinh. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thụ, thụ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử sầu bi khổ não. Đây diệt nên kia diệt, tức là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thụ diệt, thụ diệt thì ái diệt, ái diệt

thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt, lão tử diệt thì sầu bi khổ não diệt, như thế các uẩn thuần khổ đều diệt'. Nói xong Lưu Thủy lại thuyết thần chú tương ưng mười hai nhân duyên như sau: *Ta da tha, vi cha ni, vi cha ni, vi cha ni, sam sơ cha ni, sam sơ cha ni, sam sơ cha ni, bi si ni, bi si ni, bi si ni, sa va ha; ta da tha, na mi ni, na mi ni, na mi ni, sa va ha; sa ti ni, sa ti ni, sa ti ni, sa va ha; si pờ ri sa ni, si pờ ri sa ni, si pờ ri sa ni, sa va ha; ta da tha, vê đa ni, vê đa ni, vê đa ni, sa va ha; tri si ni, tri si ni, tri si ni, u pa đi ni, u pa đi ni, u pa đi ni, sa va ha; ta da tha, ba va ni, ba va ni, ba va ni, sa va ha; ta da tha, ja ti ni, ja ti ni, ja ti ni, sa va ha; jam ma ni ni, jam ma ni ni, jam ma ni ni, sa va ha".*

Nghe Thế Tôn nói nhân duyên ngày xưa của trưởng giả tử, tất cả trời người đều ca ngợi là việc chưa từng có. Lúc ấy tại tòa, bốn vị thiên vương đồng thuyết kệ rằng:

Quí thay Thích-ca tôn!
Thuyết thần chú diệu pháp
Sinh phúc trừ nghiệp ác
Tương ưng mười hai chi.
Nay chúng con cũng thuyết
Thần chú hộ pháp này
Nếu kẻ nào trái nghịch
Không khéo léo tùy thuận
Đầu sẽ vỡ bảy phần
Giống như ngọn Lan hương.
Chúng con đối trước Phật
Cùng thuyết thần chú rằng:

Ta da tha, hi ri ni, ga tê, gan đa ri, chan đa ri, đi ri jăm va rê, si ha rê, pua rê, pua rê, gu gu ma ti, khi ra ma ti, đa đi mu khi, lâu ru ba, ku cha mu ru kan tê, đu ru, đu ru, đu ru, vi ri a, ai đi si, đa đê vê, đa đa vê, u si tri, u si tra va ti, át sa pờ ra ha ti, pát ma va ti, ku su ma va tê, sa va ha.

Đức Phật lại bảo thần cây bồ-đề: "Trưởng giả Lưu Thủy cùng với hai con vào đầm thí

nước, thức ăn và thuyết diệu pháp cho đàn cá rồi, liền trở về nhà. Sau đó, nhân một lễ hội, ông xem múa hát, uống rượu say nằm. Lúc ấy trong đầm, đàn cá mười nghìn con cũng đều chết, đồng sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba thành các vị trời. Các vị trời này đồng một suy nghĩ: 'Vì nhân duyên gì mà chúng ta được sinh lên cõi trời?'. Họ cùng nói với nhau rằng: 'Trước kia chúng ta đọa vào bàng sinh, làm thân loài cá, sống cõi Diêm-phù. Nhờ có trưởng giả Lưu Thủy thí cho chúng ta nước và thức ăn, lại thuyết pháp yếu mười hai duyên khởi sâu xa vi diệu và đà-la-ni, lại vì chúng ta mà niệm danh hiệu đức Phật Bảo Kế, nên chúng ta mới được sinh cõi trời. Vậy chúng ta nên đến nhà trưởng giả, cúng dường báo ân'. Thế là mười nghìn vị trời xuống cõi Diêm-phù, đến nhà y vương. Bấy giờ Lưu Thủy đang ngủ trên lầu, mười nghìn vị trời bèn đặt bên đầu, dưới chân, hông phải, hông trái trưởng giả, mỗi nơi mười nghìn xâu chuỗi chân châu, rồi đồng tuôn mưa hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la ngập đến đầu gối, phóng ánh sáng rực, trỗi

lên các loại nhạc trời phát ra âm thanh hay tuyệt, làm cho những người đang ngủ say ở cõi Diêm-phù-đề và trưởng giả tử cũng đều tỉnh giấc. Sau khi cúng dường, các vị trời này vọt lên hư không bay đi đâu mất. Cõi nước của vua Thiên Tự Tại Quang, nơi nơi đều mưa hoa sen cõi trời. Mười nghìn vị trời bấy giờ bay đến khu đầm ngày xưa, tuôn các hoa trời, rồi về thiên cung thụ hưởng năm dục.

Đến sáng hôm sau, vua hỏi các quan: 'Vì sao đêm qua bỗng nhiên lại hiện điềm lành hiếm có là tỏa ánh sáng rực rỡ như thế?'.

Một đại thần đáp: 'Kính tâu đại vương! Đêm qua chư thiên đến nhà trưởng giả Lưu Thủy tuôn xuống bốn mươi bốn nghìn xâu chuỗi chân châu, đồng thời rải hoa trời mạn-đà-la ngập đến đầu gối'. Vua bảo đại thần gọi Lưu Thủy đến. Đại thần vâng mệnh, đến nhà truyền chỉ, gọi trưởng giả tử vào triều diện kiến, Lưu Thủy liền vào. Vua hỏi Lưu Thủy: 'Vì lí do gì đêm qua có điềm lành hi hữu hiện?'. Trưởng giả tử tâu: 'Theo thần suy nghĩ, nhất

định đàn cá trong đầm kia đã thoát thân bàng sinh, được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba, vì đến báo ân nên hiện điềm lành hi hữu như thế!'. Vua lại hỏi rằng: 'Lấy gì nghiệm biết?'. Lưu Thủy liền đáp: 'Đại vương có thể sai sứ đi cùng hai con của thần đến đó nghiệm xét, đàn cá đã chết hay chưa!'. Vua liền y lời.

Khi đến bên đầm, ba người nhìn thấy hoa mạn-đà-la chất thành đống lớn, đàn cá đã chết. Ba người trở về trình tâu đầy đủ. Vua rất vui mừng, ca ngợi là việc xưa nay chưa có".

Đức Phật lại bảo: "Thiên nữ nên biết, Lưu Thủy khi xưa, nay chính là ta, trưởng giả Trì Thủy chính là Diệu Tràng, người con lớn Thủy Mãn là Ngân Tràng, người con thứ Thủy Tạng là Ngân Quang, vua Thiên Tự Tại Quang chính là cô, thần cây bồ-đề, mười nghìn con cá tức là mười nghìn thiên tử được ta thụ kí hôm nay. Do ngày xưa Ta dẫn nước cứu cá, bố thí thức ăn giúp chúng no đủ, lại thuyết mười hai nhân duyên sâu xa và đà-la-ni, cùng xưng danh hiệu Bảo Kế Như Lai mà chúng cùng được sinh về

cõi trời. Ngày hôm nay họ lại đến chỗ Ta hoan hỉ nghe pháp, nên Ta thụ kí Vô thượng bồ-đề và nói danh hiệu. Thiên nữ! Ngày xưa Ta còn luân hồi sinh tử, đã làm lợi ích rộng lớn như thế. Hôm nay Như Lai cũng sẽ thụ kí vô lượng chúng sinh thứ tự thành Phật. Thiên nữ phải nên siêng cầu xuất li, tâm chớ buông lung".

Nghe Thế Tôn dạy, mọi người đều hiểu, do lòng đại bi cứu giúp chúng sinh, siêng năng tu tập hạnh khổ mới chứng Vô thượng bồ-đề. Do đó tất cả vui mừng tin nhận, phát tâm sâu nặng cầu đạo bồ-đề.

KINH KIM QUANG MINH

Quyển 10

PHẨM 26
XẢ THÂN

Thế Tôn đã nói cho đại chúng nghe nhân duyên xưa của mười nghìn thiên tử, bây giờ lại bảo: "Vào thời quá khứ tu đạo Bồ-tát, Ta không chỉ thí nước và thức ăn cứu sống đàn cá mà còn xả bỏ cả thân quí này. Những việc như thế, hãy cùng xem xét".

Như Lai Thế Tôn, Ứng Chính Đẳng Giác, tối tôn tối thắng trong cõi trời người, bậc có trăm nghìn tia sáng chiếu soi khắp cả mười phương, có nhất thiết trí, công đức viên mãn. Bấy giờ Ngài dẫn các tì-kheo và đại chúng đến thôn Bàn-già-la, rồi vào trong một khu rừng. Tuy là khu rừng, nhưng đất bằng phẳng, không có gai gốc, lại nhiều hoa thơm, cỏ xanh mềm mịn trải kín khắp nơi. Thế Tôn bảo cụ thụ A-nan rằng: "Ông có thể trải tòa cho Như Lai tại gốc cây này!". A-nan vâng lời, trải xong

bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Con đã trải xong và cũng đã đến thời gian thích hợp!".

Bấy giờ Thế Tôn kiết-già trên tòa, toàn thân ngay thẳng, tâm ý chuyên nhất; Ngài bảo các vị tì-kheo: "Các ông muốn thấy xá-lợi của vị Bồ-tát khổ hạnh ở quá khứ chăng?". Các vị tì-kheo đồng thưa: "Chúng con rất muốn". Thế Tôn liền đặt cánh tay hoàn hảo, đầy đủ trăm phúc tướng xuống mặt đất, tức thời mặt đất khởi sáu hình thái chấn động, sau đó nứt ra, một tháp bảy báu có màn lưới báu bao phủ phía trên bỗng nhiên vọt lên. Đại chúng thấy vậy, đều cho hiếm có. Thế Tôn từ tòa đứng dậy đảnh lễ, nhiễu quanh tháp rồi trở về chỗ ngồi. Ngài bảo A-nan: "Ông có thể mở cửa ngôi tháp này". Vâng lời Phật dạy, A-nan mở tháp, thấy hòm bảy báu được trang trí nhiều kì trân dị bảo. A-nan bạch Phật: "Con thấy có một cái hòm bảy báu, trang trí rất nhiều châu ngọc quí giá". Phật bảo A-nan: "Ông có thể mở chiếc hòm ấy ra!". A-nan vâng lời, mở hòm thấy có xá-lợi trắng tinh như ngọc, như hoa câu-vật-đầu, liền bạch Đức Phật: "Bạch đức

Thế Tôn! Trong hòm này có xá-lợi, màu sắc tuyệt diệu lạ thường". Phật lại bảo rằng: "Ông có thể mang xá-lợi đến đây!". A-nan liền dâng xá-lợi lên Phật. Thế Tôn nhận rồi bảo các tì-kheo: "Các ông nên xem xá-lợi của vị Bồ-tát khổ hạnh!". Sau đó Thế Tôn nói kệ dạy rằng:

"Thắng đức Bồ-tát hợp trí tuệ
Tinh tiến, dõng mãnh sáu độ viên
Tu hành không nghỉ, vì đạo giác
Tâm luôn bền vững, mệt chẳng nề.

Tì-kheo các ông cần phải đảnh lễ xá-lợi Bồ-tát. Xá-lợi này được huân kết từ hương giới, hương định và hương tuệ, là ruộng phúc tối thượng rất khó gặp". Các tì-kheo và tất cả đại chúng nghe lời Phật dạy một lòng chắp tay, cung kính đảnh lễ xá-lợi Bồ-tát, tất cả ca ngợi là chưa từng có. Bấy giờ A-nan đến lễ chân Phật, và bạch Ngài rằng: "Bạch đức Như Lai, Ngài là đại sư của cả muôn loài, siêu việt ba cõi, tất cả hữu tình hết lòng cung kính, vì sao đảnh lễ phần xá-lợi này?".

Đức Phật liền bảo: "Nhờ cốt thân này mà Ta mau chóng thành tựu Vô thượng chính đẳng bồ-đề. Vì báo ân xưa, nên Ta kính lễ. Bây giờ để trừ những mối nghi ngờ trong lòng ông và tất cả đại chúng, Ta sẽ nói về nhân duyên ngày xưa của xá-lợi này.

Các ông lắng nghe và suy nghĩ kĩ". A-nan bạch Phật: "Chúng con rất muốn được nghe, cúi xin Thế Tôn giảng nói!".

Thế Tôn dạy rằng: "Ngày xưa có vua Đại Quân giàu có, của tiền vô lượng, kho lẫm tràn đầy, quân đội hùng mạnh, các nước lân cận đều phải qui phục. Vua dùng chính pháp giáo hóa, nhân dân đông nhiều, không có oán địch. Vị đại phu nhân sinh ba vương tử, dung mạo đoan chính, ai cũng muốn nhìn. Vương tử thứ nhất tên là Ma-ha Ba-la, thứ hai tên là Ma-ha Đề-bà, thứ ba tên là Ma-ha Tát-đỏa. Một hôm vua muốn dạo chơi thưởng ngoạn nơi chốn núi rừng, ba vị hoàng tử cũng đồng xin theo. Vì tìm hoa quả, nên ba vương tử rời xa vua cha, dần dần đến một khu rừng trúc và nghỉ

ngơi tại đây. Bấy giờ vương tử thứ nhất bảo rằng: 'Ta rất lo sợ, trong khu rừng này, chúng ta có thể bị thú dữ hại'. Vương tử thứ hai nói rằng: 'Em không tiếc thân, chỉ sợ đối với những người yêu thương gặp phải nỗi khổ xa lìa'. Vương tử thứ ba dùng kệ nói với hai anh mình rằng:

Nơi đây là chốn thần tiên trú
Em không sợ hãi, sầu biệt li
Thân tâm tràn ngập niềm an lạc
Sẽ được công đức thật đặc thù.

Sau khi nói lên suy nghĩ của mình, các vị vương tử đi về phía trước. Cả ba bỗng gặp một con hổ mẹ sinh bảy hổ con mới được bảy ngày, bị các hổ con quấn quít vây quanh, không thể kiếm ăn, đói khát khốn khổ, thân hình ốm gầy, mạng sống không còn bao lâu. Thấy vậy vương tử thứ nhất nói rằng: 'Thương thay, thương thay! Hổ mẹ mới sinh chỉ được bảy ngày, đàn con vây quanh, không rảnh đi tìm thức ăn thức uống; đói khát bức ép, chắc nó sẽ ăn cả thịt con mình'. Tát-đỏa hỏi rằng: 'Hổ

này thường ăn những gì?'. Vương tử thứ nhất dùng kệ đáp rằng:

Hổ, báo, sư tử và sài lang
Bản tính thường thích thịt máu tanh
Không có những gì ngoài thứ ấy
Cứu được thân mạng quá ốm gầy.

Vương tử thứ hai nghe thế liền nói: 'Hổ mẹ ốm gầy, lại bị đói khát, chắc không bao lâu ắt nó sẽ chết, nhưng chúng ta biết tìm đâu cho ra loại thức ăn này, ai lại xả thân cứu nó'. Vương tử thứ nhất tiếp lời em rằng: 'Thân mạng là vật khó xả bỏ nhất'. Vương tử Tát-đỏa liền nói với hai anh: 'Chúng ta phàm phu, luyến tiếc thân mình, không có trí tuệ, không thể làm lợi ích cho kẻ khác, nhưng bậc Thượng sĩ[305], lòng bi sâu nặng, thường vì lợi người mà quên thân mình'. Vương tử lại nghĩ: 'Thân này của ta, trải trăm nghìn đời, để hoại vô ích, hôm nay sao ta không thể bỏ nó như bỏ đàm dãi, dùng cứu cơn đói cho bầy hổ này'. Các vị vương tử bàn luận như thế, đều sinh lòng từ xót xa thương cảm, chăm nhìn hổ đói, mắt chẳng tạm rời.

Chần chừ hồi lâu rồi lại bỏ đi. Bấy giờ vương tử Tát-đỏa nghĩ rằng: 'Nay chính là lúc ta xả thân mạng, vì sao như thế? Vì:

Nhiều kiếp lâu xa giữ thân này
Máu mủ hôi dơ tiếc gì đây
Cung cấp đồ nằm và y phục
Ngựa voi xe cộ với tiền tài
Những pháp biến thiên không bền chắc
Mãi cầu chẳng đủ, khó giữ thay
Tuy thường cung dưỡng nhưng lại oán
Cuối cùng cũng bỏ, chẳng biết ân.

Lại nữa thân này thật không bền chắc, không lợi ích đối với ta; nó rất đáng sợ như giặc, rất dơ bẩn như đống phân. Hôm nay ta nên giúp cho thân này có sự nghiệp lớn, là làm chiếc thuyền trên biển sinh tử, lìa xa luân hồi, đến bờ giải thoát. Hơn nữa nên biết, nếu bỏ thân này, tức bỏ vô lượng căn bệnh nguy hiểm, trăm nghìn nỗi sợ. Thân này chỉ toàn phân tiểu hôi dơ, dễ tan vỡ như bọt nước, là nơi vi trùng tụ tập, chỉ do huyết mạch, gân

xương liên kết giữ gìn mà thôi, thật đáng nhàm chán. Do đó hôm nay ta nên buông bỏ để cầu niết-bàn chân thật rốt ráo, vĩnh viễn xa lìa những nỗi lo sợ, vô thường khổ não, chấm dứt sinh tử, đoạn tuyệt trần lụy, dùng sức định tuệ huân tu viên mãn, đầy đủ trăm phúc trang nghiêm, thành nhất thiết trí, chứng ngộ pháp thân vi diệu mà các Đức Phật khen ngợi. Sau khi đã chứng, ban cho chúng sinh vô lượng pháp lạc'.

Vương tử thứ ba khởi tâm dõng mãnh, phát nguyện rộng sâu, dùng niệm đại bi nuôi lớn tâm này. Vì ngại hai anh sợ hãi ngăn cản, không thể thành tựu ý nguyện của mình, nên Tát-đỏa bảo: 'Hai anh về trước, em sẽ theo sau'. Hai anh đã đi, vương tử Tát-đỏa liền vào trong rừng, đến chỗ bầy hổ, dần cởi y phục treo lên cành trúc và phát nguyện rằng:

Ta vì pháp giới các chúng sinh
Chí cầu bồ-đề vô thượng giác
Khởi tâm đại bi không lay động
Thân phàm phu quí, ta chẳng màng

Bờ kia không lo, không nóng đốt
Chính nơi người trí muốn bước sang
Tất cả chúng sinh trong biển khổ
Hôm nay ta cứu được lạc an.

Sau khi phát nguyện, vương tử buông mình trước bầy hổ đói. Nhưng do oai lực từ bi của ngài nên hổ không thể làm gì được cả. Bồ-tát thấy vậy, liền trèo lên cây gieo mình xuống đất, nhưng thần cây lại đỡ lấy, không bị tổn thương. Bồ-tát suy nghĩ: 'Hổ quá ốm gầy, sức yếu không thể tự ăn thịt ta'. Thế là Bồ-tát lại tìm đao bén nhưng không có được, bèn dùng cành trúc tự đâm vào cổ, khiến máu tuôn ra chảy đến bên hổ. Bấy giờ mặt đất chấn động sáu cách, giống như gió mạnh làm nổi sóng biển, khắp nơi trồi sụt, xao động chẳng yên; mặt trời không chiếu ánh sáng như a-tu-la ngăn che, khắp nơi tối tăm; trời tuôn hoa đẹp và rải hương thơm khắp cả khu rừng. Chư thiên trên không thấy việc này đều khởi tâm tùy hỉ, cho là việc chưa từng có, nên đồng ca ngợi:

Đại sĩ cứu giúp vận tâm bi
Dõng mãnh, không tiếc, lòng hoan hỉ
Xem bao chúng sinh như con một
Xả thân cứu khổ, phúc chẳng bì
Cầu đạt chân thường, nơi thắng diệu
Sinh tử buộc ràng vĩnh xuất li
Không lâu sẽ vào Vô thượng giác
Vô sinh, an tĩnh, bất tư nghì

Hổ đói thấy máu từ cổ Bồ-tát tuôn ra liền đến uống và ăn thịt, chỉ còn lại xương. Bấy giờ vương tử thứ nhất bỗng thấy mặt đất chấn động, liền nói với em:

Mặt đất, núi sông đều chấn động
Hoa trời rơi loạn khắp hư không
Nơi nơi tăm tối không mặt nhật
Nhất định em ta xả thân rồi!

Vương tử thứ hai nghe anh nói thế, cũng dùng kệ tiếp:

Nghe Tát-đỏa nói lời từ bi
Thấy hổ mẹ kia thân gầy suy

Sợ rằng quá đói ăn con mất
Nghi nó xả thân chẳng tiếc gì.

Hai vị vương tử vô cùng sầu khổ, khóc lóc thở than, rồi liền chạy đến nơi bầy hổ nằm. Hai người bỗng thấy y phục Tát-đỏa treo trên cành tre, xương cốt và tóc vung vãi khắp nơi, máu chảy thấm ướt mặt đất, chẳng thể kềm lòng, ngã nhào trên những đoạn xương, mê man hồi lâu, rồi mới tỉnh lại. Cả hai huơ tay kêu gào thảm thiết, rồi đồng than rằng:

Dung mạo thật đoan nghiêm
Mẹ cha luôn ái niệm
Vì sao cùng dạo chơi
Riêng xả thân chẳng về.
Nếu mẹ cha hỏi đến
Chúng ta đáp thế nào
Thà cả ba cùng chết
Chứ mong sống được sao!

Hai vị vương tử khóc lóc buồn thương một lát rồi đi. Bấy giờ những người hầu của vương tử Tát-đỏa nói với nhau rằng: 'Vương

tử ở đâu, chúng ta tìm xem!' Cũng trong lúc này, đại phu nhân đang ngủ trên lầu cao, mộng thấy những điềm bất tường: bị cắt hai vú, hàm răng rụng hết, có ba chim câu non thì một con bị chim cắt bắt, còn hai con thì đang trong trạng thái hoảng sợ. Mặt đất chấn động, bà liền tỉnh giấc, nhớ lại giấc mộng, trong lòng vô cùng lo lắng sầu não. Bà nói kệ rằng:

Nay đất chấn động là vì sao?
Núi sông, rừng rậm cũng động dao
Mặt trời không sáng như che chắn
Khác thường mắt máy, ngực cũng đau
Như tim trúng tên, lòng như cắt
Toàn thân rung động, thật chẳng an
Như mộng bất tường ta đã thấy
Chắc là họa lớn. Có thể nào!

Bấy giờ hai vú của đại phu nhân tự nhiên tuôn sữa, bà nghĩ nhất định có tai họa lớn. Lúc ấy có một thị nữ nghe người bên ngoài nói tìm chưa được vương tử, vô cùng lo sợ, tức tốc vào cung thưa phu nhân rằng: 'Phu

nhân biết chăng! Con nghe những người bên ngoài nói tìm thái tử khắp nơi mà không gặp được'. Nghe thế, phu nhân lại càng lo buồn, nước mắt tuôn tràn. Bà đến thưa vua: 'Thiếp nghe những người bên ngoài nói thế. Lạc đứa con út vô cùng yêu quí của chúng ta rồi!'. Vừa nghe, nhà vua vô cùng kinh hoàng, nghẹn ngào nói rằng: 'Khổ thay! Hôm nay ta mất đứa con quí nhất'. Rồi vua gạt lệ, an ủi phu nhân: 'Hiền Thủ! Nàng chẳng nên quá lo buồn, bây giờ chúng ta sẽ cùng đi tìm vương tử Tất-đỏa'. Tức thời vua dẫn các đại thần và quân chúng xuất thành, chia ra nhiều nơi tìm kiếm vương tử. Không lâu, một vị đại thần đến tâu: 'Thần vừa nghe nói các vị vương tử vẫn được an ổn, xin chớ lo buồn, chỉ có vương tử Tát-đỏa vẫn chưa tìm thấy'. Nghe thế, vua than: 'Khổ thay! Khổ thay! Mất đứa con yêu quí của ta rồi!'. Vua nói kệ than:

Lúc mới sinh con, vui chẳng bao
Hôm nay con mất, thật khổ đau
Ví như con ta may sống lại

Dẫu thân này mất cũng chẳng sao.

Phu nhân nghe thế, lòng bà đau đớn như bị trúng tên, cũng nói kệ than:

Ba đứa con ta với tùy tùng
Cùng nhau du lãm chốn núi rừng
Chỉ vương tử nhỏ không trở lại
Chắc gặp việc gì thật hiểm hung.

Vị đại thần thứ hai cũng vừa đến, nhà vua vội hỏi: 'Vương tử yêu quí của chúng ta đâu?'. Vị đại thần đang buồn khổ khóc lóc, cổ họng môi lưỡi khô rát không nói nên lời. Phu nhân lại hỏi:

Mau báo vương tử ở nơi đâu!
Thân ta nóng cháy như lửa dầu
Tâm trí mịt mờ và hoảng loạn
Ngươi để ngực ta vỡ tung sao?

Vị đại thần kia liền thuật lại việc vương tử xả thân, vua và phu nhân nghe qua, lòng càng buồn thảm, nghẹn ngào đi nhanh đến khu vườn trúc. Đến nơi, nhìn thấy xương vung vãi khắp, cả hai ngã nhào trên đất chết giấc, tâm

thần mờ mịt, không hay biết gì, giống như gió mạnh quật đổ cây lớn. Đại thần vội vẩy nước lạnh lên người vua và phu nhân, hồi lâu cả hai mới tỉnh, họ lại huơ tay khóc than thảm thiết:

Họa lớn! Thân con đẹp biết bao
Mà vội chết sớm, bởi vì sao?
Ví như ta được ra đi trước
Khổ lớn như thế, thấy đâu nào!

Phu nhân hồi tỉnh, đầu tóc rối bù, lại đấm vào ngực, quằn quại trên đất, như cá trên cạn, như trâu mất con, khóc lóc than van:

Ai giết chết con ta
Xương rơi vãi trên đất
Mất đứa con yêu quí
Buồn khổ chịu nổi sao.
Khổ thay! Ai giết nó?
Đưa đến cảnh thảm sầu
Lòng ta nào sắt đá
Làm sao không nát tan?
Trong mộng ta đã thấy
Hai vú đều bị cắt

Hai hàm răng đều rụng
Đúng nay gặp khổ này.
Lại nữa thấy ba chim
Một con bị cắt bắt
Nay mất đứa con yêu
Mộng xấu thật ứng nghiệm.

Vua cùng phu nhân và hai vương tử buồn thương khóc lóc, vứt bỏ cả xâu chuỗi báu trên thân. Sau đó họ cùng tất cả mọi người thâu nhặt xương cốt vương tử Tát-đỏa xây tháp tôn trí, cung kính cúng dường. Này A-nan-đà! Ông nên biết rằng, đây là xá-lợi của Bồ-tát ấy. Ngày xưa tuy còn rất nhiều phiền não tham sân và si, mà Ta có thể ở trong các đường: địa ngục-ngạ quỉ, và cả bàng sinh, tùy duyên cứu giúp chúng sinh thoát khổ; huống gì hôm nay, Như Lai dứt sạch tất cả phiền não, không còn tập khí, là Thiên Nhân Sư, đủ Nhất thiết trí mà không thể vì mỗi mỗi chúng sinh, vào trong địa ngục và các nơi khác trải qua nhiều kiếp, thay họ chịu khổ, khiến họ thoát khỏi phiền

não luân hồi sinh tử hay sao? Như Lai dùng kệ lặp lại nghĩa trên:

Ta nhớ vào quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có lúc làm quốc vương
Hoặc lúc làm vương tử
Thường thực hành bố thí
Xả bỏ thân yêu quí
Cầu xa lìa tử sinh
Đến cõi Diệu bồ-đề.
Ngày xưa có nước lớn
Vua tên là Đại Xa
Vương tử là Dõng Mãnh
Vương tử có hai anh
Là Đại Cừ, Tiểu Cừ.
Một hôm ba anh em
Cùng vào rừng dạo chơi
Thấy hổ bị đói khát
Liền khởi tâm suy nghĩ:
Hổ này lửa đói thiêu

Lại không có gì ăn
Đại sĩ thấy như vậy
Sợ nó thịt cả con
Bèn xả thân không tiếc
Để cứu bầy hổ ấy.
Mặt đất và núi rừng
Đồng loạt đều chấn động
Sông biển cũng sụt trồi
Sóng lớn, nước ngược trôi
Đất trời mất ánh sáng
Tăm tối chẳng thấy gì
Khiến chim thú rừng sâu
Mờ mịt lạc lối về.
Hai anh lòng nghi lạ
Lo lắng thêm khổ sầu
Liền cùng với tùy tùng
Vào rừng tìm cùng khắp.
Anh em lại bàn luận
Đến chốn non sâu tìm
Cùng khắp đều không thấy

Thấy hổ nơi rừng vắng
Một mẹ và bảy con
Miệng dính đầy máu tươi
Những đoạn xương và tóc
Vung vãi khắp mọi nơi.
Hai vương tử thấy thế
Lòng vô cùng sợ hãi
Mê ngất ngã trên đất
Mờ mịt, chẳng biết gì
Bụi đất lấm khắp thân
Sáu căn chẳng nhận biết.
Tùy tùng của Tát-đỏa
Khóc lóc, lòng xót đau
Dùng nước rưới tỉnh lại
Huơ tay, miệng kêu gào.
Lúc Bồ-tát xả thân
Mẹ hiền đang trong cung
Cùng năm trăm thể nữ
Hưởng thụ những niềm vui.
Hai ngực của phu nhân

Bỗng nhiên lại tuôn sữa
Toàn thân như kim chích
Đau đớn thật bất an.
Nghĩ tưởng đến mất con
Đau như tim bị bắn
Liền đến báo với vua
Tỏ bày bao khổ não.
Khóc lóc không nín được
Đau xót nói với vua:
Đại vương nay nên biết
Thiếp vô cùng sầu khổ
Hai ngực sữa bỗng tuôn
Không thể tự ngăn được
Toàn thân như kim chích
Ngực nóng muốn vỡ tung
Đêm trước thấy ác mộng
Nhất định điềm mất con
Xin đại vương cứu thiếp
Tìm xem con còn mất!
Mộng thấy ba chim câu

Chim nhỏ là con quí
Bỗng bị chim cắt bắt
Sầu bi thật khó bày.
Lòng thiếp đầy nỗi sợ
Cuộc sống chẳng còn lâu
Sợ mạng con chẳng toàn
Xin đại vương mau kiếm.
Thiếp nghe người ngoài nói
Chẳng tìm thấy con nhỏ
Lòng thiếp thật bất an
Xin đại vương thương xót!
Phu nhân tỏ bày rồi
Đau buồn, tâm mê muội
Toàn thân ngã trên đất
Mờ mịt chẳng biết gì.
Thể nữ thấy phu nhân
Bất tỉnh nằm trên đất
Đều cất tiếng khóc lớn
Lo sợ mất chỗ nương.
Vua nghe những lời này

Đau buồn không chịu thấu
Liền triệu tập quần thần
Tìm kiếm con yêu quí.
Tất cả đều xuất thành
Chia phân khắp mọi ngả
Làm sao ta gặp con
Giải tỏa nỗi sầu buồn.
Mọi người đều truyền nhau
Rằng vương tử đã chết
Ai nghe cũng thương xót
Buồn than khổ dâng tràn.
Bấy giờ vua Đại Xa
Khóc lóc rời chỗ ngồi
Đến bên đại phu nhân
Dùng nước vẩy lên thân
Sau một thời gian lâu
Phu nhân mới hồi tỉnh.
Lại than khóc hỏi vua:
Con thiếp còn sống chăng?
Vua đáp lời phu nhân:

Ta đã sai mọi người
Đi khắp nơi tìm kiếm
Giờ vẫn chưa có tin.
Vua lại khuyên phu nhân
Nàng chớ quá đau buồn
Hãy giữ lòng bình tĩnh
Cùng xuất thành kiếm tìm.
Vua liền cùng phu nhân
Xa giá mà lên đường
Kêu gào thật thảm thê
Lòng nóng như lửa đốt.
Hàng trăm nghìn quan dân
Cũng theo vua xuất thành
Muốn kiếm tìm vương tử
Tiếng khóc than chẳng dứt.
Vì tìm con yêu quí
Vua nhìn khắp mọi nơi
Bỗng một người chạy đến
Thân thể nhuốm máu tươi
Bụi đất dính khắp người

Khóc than chạy về trước.
Vua thấy cảnh ghê ấy
Lòng lại càng sầu lo
Vua liền đưa hai tay
Kêu gào thật thê thảm.
Thấy đại thần thứ nhất
Vội vàng chạy gấp đến
Tâu trình đại vương rằng:
Xin chớ quá đau buồn
Vương tử quí của ngài
Tuy bây giờ chưa thấy
Nhưng lát nữa sẽ gặp
Nên bớt nỗi ưu sầu.
Vua lại đi về trước
Không lâu, vị thứ hai
Cũng đến chỗ của vua
Khóc lóc tâu trình rằng:
Hai vương tử vẫn còn
Nhưng vô cùng sầu khổ
Còn vương tử thứ ba

Đã bị vô thường cướp.
Thấy hổ mẹ mới sinh
Đói sắp ăn con mình
Vương tử khởi tâm bi
Nguyện cầu đạo Vô thượng
Sẽ độ khắp chúng sinh
Chuyên tâm diệu bồ-đề
Rộng lớn, sâu như biển.
Nên trèo lên nơi cao
Gieo mình trước hổ đói
Hổ yếu chẳng thể ăn
Lại dùng tre đâm cổ
Hổ bèn ăn vương tử
Chỉ còn lại cốt xương.
Nhà vua và phu nhân
Nghe nói, liền mê ngất
Lòng ngập tràn đau khổ
Lửa phiền não đốt thiêu.
Lại dùng nước chiên-đàn
Đại thần rưới cả hai

Vừa tỉnh, lại gào khóc
Hai tay đấm vào ngực.
Đại thần thứ ba đến
Tâu với nhà vua rằng:
Thần thấy hai vương tử
Mê ngất nằm trong rừng
Thần dùng nước lạnh rưới
Hồi lâu mới tỉnh thần.
Lại nhìn quanh khắp nơi
Như thấy lửa cháy tràn
Vừa đứng dậy, lại ngã
Gào khóc chẳng tự ngăn
Đưa tay lên than rằng:
"Em tôi thật hiếm có!"
Vua nghe những lời này
Lòng càng thêm nóng đốt
Phu nhân lại gào khóc
Cất lớn tiếng nói rằng:
Đứa con nhỏ nhất ta yêu quí
Đã bị vô thường cướp mất đi

Hai vương tử lớn nay còn đó
Nhưng lại buồn đau chẳng biết gì.
Nay ta phải gấp vào trong núi
Bảo giữ gìn thân, chớ nghĩ suy
Thế là bà tiến về phía trước
Đến nơi vương tử đã ra đi.
Gặp hai vương tử đang gào khóc
Đấm ngực, sầu thảm, mất dung nghi
Mẹ cha buồn khổ ôm chầm lấy
Rồi cùng đưa đến chỗ xả thi.
Đến nơi Bồ-tát bố thí mạng
Tụ lại kêu gào thật đớn đau
Cởi xâu chuỗi báu, lòng đau xót
Rồi cùng thâu lấy những cốt xương
Kính cẩn đặt vào trong hòm quí
Rồi cùng cung kính mà cúng dường
Lại xây tháp báu mà tôn trí
Ôm nỗi buồn đau trở về cung.
Phật bảo A-nan-đà:
Tát-đỏa thời quá khứ

Hôm nay chính là Ta
Chớ nghĩ là ai khác.
Đại Xa chính vua cha
Phu nhân là mẫu hậu
Con trưởng chính Từ Thị
Kế đến là Văn-thù.
Hổ mẹ, Đại thế chủ
Bảy hổ con chính là
Mục-kiền-liên, Xá-lợi
Và năm vị tì-kheo.
Hôm nay Ta giảng nói
Việc lợi tha ngày trước
Bồ-tát hành như thế,
Nhân thành Phật, nên học.
Lúc Bồ-tát xả thân
Ngài phát nguyện rộng lớn:
Nguyện ta xả thân này
Đời sau lợi chúng sinh.
Đây là tháp bảy báu
Nơi Ta đã xả thân

Trải qua thời gian lâu
Chìm sâu vào lòng đất.
Do sức thệ nguyện xưa
Tùy duyên hành cứu độ
Vì lợi lạc trời người
Tháp từ đất vọt lên.

Khi Thế Tôn nói nhân duyên quá khứ, vô lượng tăng-kì đại chúng trời người vui buồn lẫn lộn, cảm than đây là việc chưa từng có, nên đồng phát tâm Vô thượng bồ-đề. Đức Phật lại bảo thần cây bồ-đề: "Vì báo ân nên Ta lễ tháp này!".

Sau đó Đức Phật thâu nhiếp thần lực, ngôi tháp lại ẩn vào trong lòng đất.

PHẨM 27
BỒ-TÁT MƯỜI PHƯƠNG CA NGỢI

Khi đức Thích-ca thuyết kinh vua này, vô lượng trăm nghìn vạn ức Bồ-tát trong khắp mười phương từ cõi nước mình đến núi Linh Thứu, năm chi tiếp đất, đảnh lễ Đức Phật, một lòng cung kính, chắp tay dùng kệ ca ngợi Ngài rằng:

Thân Phật vi diệu sắc vàng ròng
Ánh sáng rực khắp như Kim sơn
Sạch trong, mềm mại như sen đẹp
Vô lượng màu sắc cùng điểm tô.
Đầy đủ đại nhân ba hai tướng
Hoàn hảo tám mươi vẻ tùy hình
Ánh sáng rực rỡ không gì sánh
Thanh tịnh giống như vầng trăng trong.
Âm giọng trong suốt thật tuyệt vời

Lại như sấm động, sư tử rống
Có tám đặc tính hợp căn cơ
Ca-lăng-tần-già hót chẳng bằng.
Thân hình đầy đủ trăm phúc tướng
Ánh sáng viên mãn thật sạch trong
Trí tuệ lắng trong như biển lớn
Công đức rộng lớn tựa hư không.
Viên quang chiếu khắp mười phương cõi
Tùy duyên cứu độ chúng hữu tình
Phiền não nhiễm ô đều dứt sạch
Đuốc pháp cháy mãi chẳng nghỉ dừng.
Thương xót lợi ích các chúng sinh
Đời này, đời sau giúp an lành
Lại luôn diễn bày Đệ nhất nghĩa
Khiến chứng tịch diệt Đại niết-bàn.
Thuyết diệu pháp cam lộ[306] *thù thắng*
Ban diệu nghĩa cam lộ sâu mầu
Dẫn vào thành cam lộ[307] *tịch diệt*
Khiến được vui cam lộ[308] *vô vi.*
Thường vào nơi biển lớn tử sinh

Cứu vớt bao chúng sinh đau khổ
Khiến họ đứng vững nơi an ổn
Ban vui vừa ý chẳng nghĩ bàn.
Biển đức Như Lai thật rộng sâu
Không thể thí dụ mà biết được
Luôn khởi đại bi với chúng sinh
Phương tiện giáo hóa không ngơi nghỉ.
Biển trí Như Lai cũng vô bờ
Giả sử tất cả chúng trời người
Nghìn vạn ức kiếp cùng suy tính
Cũng không thể biết một vài phần.
Nay con tán dương công đức Phật
Chỉ bằng một giọt trong biển ấy
Được bao công đức hướng chúng sinh
Nguyện mau chứng thành Vô thượng giác.'

Nghe bài kệ xong, Đức Phật khen ngợi: "Hay thay, hay thay! Các ông ca ngợi công đức của Phật như thế, có thể lợi ích tất cả chúng sinh, thực hiện Phật sự rộng khắp mọi nơi, diệt vô lượng tội, sinh vô lượng phúc".

PHẨM 28
BỒ-TÁT DIỆU TRÀNG CA NGỢI

Bấy giờ Bồ-tát Diệu Tràng đứng dậy, y bày vai phải, gối phải tiếp đất, chắp tay hướng về Đức Phật ca ngợi:

Mâu-ni viên mãn trăm phúc tướng
Công đức nơi thân cũng không lường
Thanh tịnh uy nghi, người chiêm ngưỡng
Như nghìn mặt trời chiếu mười phương.
Vô biên sắc màu, sáng rực rỡ
Như đống châu báu thật đoan nghiêm
Tựa mặt trời lên soi cùng khắp
Trắng, hồng xen lẫn với sắc vàng.
Như núi vàng ròng chiếu khắp nơi
Trăm nghìn cõi nước rực sáng soi
Diệt trừ cho đời vô lượng khổ
Khiến khắp chúng sinh trọn an bình.

Phật đủ các tướng thật nghiêm tịnh
Chúng sinh thích nhìn không nhám chán
Tóc thật mềm mịn màu tía xanh
Như ong đen đậu trên hoa đẹp.
Đại hỉ, đại xả trọn trang nghiêm
Đại từ, đại bi đều đầy đủ
Ba mươi hai tướng, tám mươi hảo
Do bồ-đề phần mà thành tựu.
Như Lai hay ban các phúc lợi
Nên luôn có được niềm an vui
Diệu đức, Như Lai cũng trọn vẹn
Nên ánh sáng chiếu khắp muôn nơi.
Hào quang Như Lai thật hoàn hảo
Giống như mặt trời giữa hư không
Lại như Tu-di trọn công đức
Thị hiện cùng khắp cả mười phương.
Kim khẩu Ngài đẹp và uy nghiêm
Răng trắng, khít, đều như tuyết, ngọc
Khuôn mặt Như Lai không gì sánh
Như trăng tròn sáng tại hư không

Lại thêm lông trắng giữa hai mày
Trong ngần, xoay phải tựa pha lê

Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Tràng: "Ông đã khéo léo ca ngợi công đức Như Lai như thế, thật chẳng nghĩ bàn, có thể lợi ích tất cả chúng sinh, khiến người chưa biết tùy thuận tu tập".

PHẨM 29
THẦN CÂY BỒ-ĐỀ CA NGỢI

Thần cây bồ-đề cũng dùng lời kệ ca ngợi Thế Tôn:

Kính lễ Như Lai!
Đấng tuệ giác hoàn toàn thanh tịnh
Đấng tuệ giác thường cầu chính pháp
Đấng tuệ giác xa lìa phi pháp
Đấng tuệ giác hằng vô phân biệt!
Hiếm có thay! Thế Tôn vô biên hạnh
Hiếm có thay! Khó gặp như Ưu-đàm
Hiếm có thay! Như Sơn vương trấn biển
Hiếm có thay! Thiện Thệ sáng vô cùng
Hiếm có thay! Điều Ngự nguyện đại từ
Hiếm có thay! Dòng Thích sáng hơn nhật.
Giảng thuyết kinh vua trong các kinh
Thương xót làm lợi ích quần sinh

Mâu-ni vắng lặng, căn an định
Niết-bàn vắng lặng, Ngài đã vào
Đẳng trì vắng lặng, Ngài an trụ
Cảnh giới sâu lắng, Ngài thấu cùng.
Đấng Lưỡng Túc trụ nơi rỗng lặng
Đệ tử Thanh văn, thân cũng không
Thể tính các pháp thảy đều không
Tất cả chúng sinh đều rỗng lặng.
Con thường nhớ nghĩ các Đức Phật
Con thường thích nhìn các Thế Tôn
Con luôn phát khởi lòng kính trọng
Con thường gặp mặt trời Như Lai
Con thường đảnh lễ đức Thế Tôn
Nguyện luôn khát ngưỡng, không lìa bỏ
Cảm xúc rơi lệ, lòng chẳng quên
Thường được phụng sự không nhàm chán.
Cúi xin Thế Tôn khởi từ bi
Cho con thường thấy được tôn dung
Phật và Thanh văn đều thanh tịnh
Cúi xin cứu độ khắp trời người.

Thân Phật trong sạch như hư không
Như huyễn, dương diễm[309], trăng trong nước
Xin thuyết pháp môn Cam lộ diệt
Hay sinh công đức chẳng tính lường
Thanh tịnh, từ bi và chính hạnh
Của Phật Thế Tôn chẳng thể suy
Thanh văn, Độc giác chẳng biết được
Đại tiên, Bồ-tát cũng chẳng hay.
Cúi xin Thế Tôn lòng thương xót
Cho con được thấy thân đại bi
Ba nghiệp siêng năng phụng Từ Tôn
Chóng vượt tử sinh về chân tế.

Nghe nói kệ xong, Thế Tôn liền dùng Phạm âm[310] bảo thần cây bồ-đề rằng: "Hay thay, hay thay! Này thiện nữ thiên! Cô có thể vì tự lợi-lợi tha, tuyên dương diệu tướng Pháp thân thanh tịnh, chân thật của Ta. Nhờ công đức này, cô mau chóng chứng Vô thượng bồ-đề, giúp cho tất cả chúng sinh tu tập; nếu ai nghe được, sẽ thể nhập pháp Cam lộ vô sinh[311]".

PHẨM 30
THIÊN NỮ ĐẠI BIỆN TÀI CA NGỢI

Đại Biện Tài từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chắp tay dùng trực ngôn ca ngợi Thế Tôn rằng: "Kính lễ Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chính Đẳng Giác, thân màu vàng ròng, cổ như loa bối, mặt như trăng rằm, mắt như sen xanh, môi thật đỏ đẹp như màu pha lê, mũi cao thon thẳng như đỉnh vàng ròng, răng trắng khít đều như câu-vật-đầu, ánh sáng của thân như nghìn mặt trời soi chiếu khắp nơi, màu sắc ánh sáng như vàng Diêm-phù, nói ra điều gì đều không sai lầm, chỉ dạy ba môn, mở đường bồ-đề, tâm luôn thanh tịnh, ý cũng như thế. Nơi Phật an trụ và cảnh sở hành cũng đều thanh tịnh, lìa phi oai nghi, cử chỉ không lỗi, khổ hạnh sáu năm, tam chuyển pháp luân, cứu chúng sinh khổ, đến bờ giác ngộ, thân tướng hoàn hảo, như câu-vật-đầu,

huân tu sáu độ, ba nghiệp chân thật, đủ Nhất thiết trí, tự lợi lợi tha, giảng nói điều gì đều vì chúng sinh, không nói luống suông, là sư tử lớn trong dòng họ Thích, dõng mãnh kiên cường, trọn tám giải thoát. Nay con tùy sức ca ngợi ít phần công đức Như Lai, giống như con muỗi hút nước biển lớn. Nguyện dùng phúc này giúp cho hữu tình mãi thoát sinh tử, thành tựu bồ-đề".

Thế Tôn nghe xong, nói với Thiên nữ: "Hay thay, hay thay! Cô đã tu tập đầy đủ biện tài, hôm nay lại thêm ca ngợi công đức của Ta, cô sẽ mau chứng pháp môn Vô thượng, đầy đủ tướng hảo, lợi ích hữu tình".

PHẨM 31
PHÓ CHÚC

Bấy giờ Phật bảo vô lượng Bồ-tát và trời người rằng: "Các ông nên biết! Vô lượng vô số đại kiếp Ta đã siêng năng tu tập hạnh khổ mới đạt được pháp sâu xa, đó là chính nhân bồ-đề; hôm nay Ta đã giảng nói rõ ràng cho các ông nghe. Vậy trong chúng đây, có ai dõng mãnh, tinh tiến cung kính hộ trì pháp này, để sau khi ta diệt độ lưu truyền rộng khắp, làm cho chính pháp trụ mãi thế gian". Trong chúng hội đây có sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát, sáu mươi câu-chi vị trời, tất cả đồng nói: "Bạch đức Thế Tôn! Chúng con vui thích, không tiếc thân mạng cung kính hộ trì pháp môn sâu xa, chính nhân bồ-đề mà đức Thế Tôn đã đạt được sau vô lượng đại kiếp tu hành khổ hạnh. Sau khi Như Lai niết-bàn, chúng con sẽ mãi lưu truyền rộng khắp, làm cho chính pháp trụ

mãi thế gian". Các Đại Bồ-tát liền đối trước Phật thuyết kệ nguyện rằng:

Phật nói lời chân thật
An trụ trong thật pháp
Do sự chân thật ấy
Hộ trì cho kinh này.
Đại bi là giáp trụ
An trú nơi đại từ
Do sức từ bi ấy
Hộ trì cho kinh này.
Tư lương phúc viên mãn
Sinh khởi tư lương trí
Do tư lương đầy đủ
Hộ trì cho kinh này.
Hàng phục tất cả ma
Phá dẹp các tà luận
Do đoạn trừ ác kiến
Hộ trì được kinh này.
Hộ Thế và Thích, Phạm
Cho đến a-tu-la

Long, thần và dạ-xoa
Đều hộ trì kinh này.
Thần trên đất, trong không
Trụ mãi ở nơi đây
Vì kính tuân lời Phật
Hộ trì cho kinh này.
Tương ưng bốn Phạm trụ[312]
Đủ đầy bốn Thánh đế[313]
Hàng phục cả bốn ma[314]
Hộ trì cho kinh này.
Hư không thành chất ngại
Chất ngại biến hư không
Được chư Phật hộ trì
Không gì lay động được.

Bốn vị thiên vương nghe Đức Phật nói về việc hộ trì kinh này, đều tùy hỉ và đồng nói kệ:

Chúng con cùng tất cả
Quyến thuộc nữ lẫn nam
Đều một lòng hộ trì
Khiến kinh này lưu thông

Như có người trì kinh
Tạo chính nhân bồ-đề
Chúng con ở bốn phương
Luôn phụng sự, hộ trì.

Trời Đế Thích cũng chắp tay cung kính nói kệ:

Chư Phật chứng pháp này
Vì muốn báo ân sâu
Lợi ích các Bồ-tát
Nên ra đời thuyết kinh
Nay con báo ân Phật
Nên thành tâm cúng dường
Lại hộ trì kinh này
Và những người trì kinh.

Thiên tử cõi trời Đâu-suất chắp tay cung kính thuyết kệ:

Phật thuyết kinh vua này
Nếu có người thụ trì
Sẽ trụ vị bồ-đề
Đời sau sinh Đâu-suất

Thế Tôn! Con vui mừng
Xả báo tốt cõi trời
Đến cõi Diêm-phù-đề
Tuyên dương kinh điển này.

Phạm vương, chủ cõi Ta-bà chắp tay cung kính nói kệ:

Vô lượng các tĩnh lự[315]
Các thừa[316] *và giải thoát*
Đều từ kinh này sinh
Cho nên Phật giảng nói
Nơi nào thuyết kinh này
Ta bỏ vui cõi Phạm
Đến nơi ấy nghe pháp
Và cũng để hộ trì.

Thương Chủ, con của ma vương cung kính chắp tay nói kệ:

Nếu có người thụ trì
Kinh hợp chính nghĩa này
Chẳng thuận việc của ma
Trừ sạch các ác nghiệp

Con sẽ siêng hộ trì
Phát tâm đại tinh tiến
Lưu truyền khắp mọi nơi.

Ma vương cung kính chắp tay nói kệ:

Ai thụ trì kinh này
Nhiếp phục được phiền não
Con một lòng bảo vệ
Khiến họ được an lạc
Người nào thuyết kinh này
Ma không có cơ hội
Do oai thần của Phật
Con sẽ đến hộ trì.

Diệu Cát Tường thiên đối trước Đức Phật chắp tay cung kính nói kệ:

Bồ-đề của chư Phật
Được thuyết từ kinh này
Ai chí tâm thụ trì
Là cúng dường Như Lai
Con cũng sẽ thụ trì
Thuyết cho câu-chi trời

Người cung kính lắng nghe

Con khuyên đến bồ-đề.

Bồ-tát Từ Thị chắp tay cung kính mà nói kệ rằng:

Thấy ai trụ bồ-đề

Sẽ làm bạn không mời

Cho dù bỏ thân mạng

Cũng hộ trì kinh vua

Con được nghe pháp này

Sẽ về cõi Đô-sử[317]

Được Thế Tôn gia hộ

Giảng thuyết cho chư thiên

Thượng tọa Đại Ca-diếp-ba chắp tay cung kính nói kệ:

Trong đại chúng Thanh văn

Phật khen con trí sáng

Nay con tùy sức mình

Hộ trì kinh vua này

Người nào siêng thụ trì

Con sẽ giúp đỡ họ

Trao cho sức biện tài
Và thường khen:"Hay thay!".

Cụ thụ A-nan chắp tay cung kính mà nói kệ rằng:

Chính con nghe từ Phật
Vô lượng các kinh điển
Mà chưa từng được nghe
Kinh vua sâu mầu này
Nay đã được nghe rồi
Đích thân, trước Phật nhận
Rồi sẽ giảng nói lại
Cho người thích bồ-đề.

Bấy giờ Thế Tôn thấy các Bồ-tát, tất cả trời người phát tâm hộ trì, lưu truyền kinh này, sách tiến Bồ-tát, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, Ngài liền khen rằng: "Hay thay, hay thay! Các ông có thể chí thành lưu truyền kinh vua nhiệm mầu cho đến sau khi ta vào niết-bàn, không để diệt mất. Đây là chính nhân bồ-đề vô thượng, cho nên công đức các ông đạt được, dù có trải qua Hằng sa kiếp số

cũng không nói hết. Nếu các tì-kheo, các tì-kheo-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca và thiện nam nữ cung kính cúng dường, sao chép lưu truyền, giảng nói cho người khác nghe thì sẽ đạt được công đức cũng lớn như thế. Cho nên các ông cần phải siêng năng, dốc lòng tu tập".

Vô lượng vô biên Hằng sa đại chúng nghe Đức Phật dạy, đều rất vui mừng, tin kính thụ trì.

Tâm kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa

Khi Bồ-tát Quán Tự Tại thể nhập trí tuệ giác ngộ sâu xa liền thấu suốt năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ nạn.

Này Xá-lợi-tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thụ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Xá-lợi-tử! Tướng không của các pháp, không sinh không diệt, không nhơ không sạch, không thêm không bớt. Vì thế trong chân không, không có sắc, thụ, tưởng, hành, thức; không có sáu giác quan là mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sáu đối tượng của giác quan là màu sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, cảnh xúc chạm và pháp; không có mười tám chủng loại của các pháp, từ những chủng loại thuộc về mắt, cho đến những chủng loại thuộc về ý thức; không có vô minh, cũng không có sự chấm dứt vô minh; cho đến

không có già chết, cũng không có sự chấm dứt già chết; không có bốn chân lí khổ tập diệt đạo; không có trí, cũng không có chứng đắc, vì không có chỗ chứng đắc vậy. Bồ-tát nương vào trí tuệ giác ngộ mà tâm không ngăn ngại. Vì tâm không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa lìa những vọng tưởng sai lầm, đạt đến Niết-bàn tuyệt đối. Các Đức Phật trong ba đời đều nương theo trí tuệ giác ngộ mà đạt đến Vô thượng chính đẳng chính giác.

Cho nên phải biết, trí tuệ giác ngộ là chú có thần lực lớn, là chú phóng ánh sáng lớn, là chú vô thượng, là chú siêu việt, thật có năng lực diệt trừ tất cả khổ nạn. Cho nên ta nói thần chú Trí tuệ giác ngộ rằng: *Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.*

Thần chú tiêu trừ tai nạn, gặp được điềm lành:

Nam mô tam mãn đa một đà nẫm, án bát ra để hạ xa giá, ta nẵng nẫm đát điệt tha, án khư khư, khư hê, khư hê, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sát sá, để sát sá, sát trí rị, sát trí rị, ta phấn tra, ta phấn tra, phiến để cá, thất rị duệ ta bà ha (3 lần)

Niệm danh hiệu Phật

Nguyện ngày an lành đêm an lành,

Đêm ngày sáu thời đều an lành

Tất cả các thời đều an lành

Xin nguyện từ bi luôn gia hộ

Nam-mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật

Nam-mô A-di-đà Phật (108 lần)

Nam-mô Quan Thế Âm Bồ-tát (7 lần)

Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát (7 lần)

Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát (7 lần)

Nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (7 lần)

SÁM KHỂ THỦ

Cúi đầu đảnh lễ Đại Đạo Sư,
Dẫn dắt chúng sinh về cõi Tịnh
Con nay phát nguyện, nguyện vãng sinh
Xin Đức Từ Bi thương tiếp nhận.

Đệ tử chúng con, vì cả bốn ân, khắp cùng ba cõi, hết thảy chúng sinh trong toàn pháp giới, cầu đạo Bồ-đề, Nhất thừa vô thượng, chuyên tâm trì niệm A-di-đà Phật, danh thâu muôn đức, mong sinh Tịnh độ.

Nhưng vì chúng con phúc mỏng nghiệp dày, chướng sâu tuệ cạn, tâm nhiễm dễ tăng, đức Tịnh khó thành. Nay đối trước Phật, năm vóc thiết tha, một lòng bày tỏ, chí thành sám hối. Con và chúng sinh, từ đời vô thỉ cho đến hôm nay, chẳng biết tâm này vốn thường thanh tịnh, vọng khởi tham dục, sân hận si

mê, nhiễm ô ba nghiệp, tạo vô lượng tội, kết vô biên oán. Những tội như thế, nguyện đều tiêu trừ. Từ nay về sau, chúng con lập nguyện, xa lìa pháp ác, lại không tạo thêm, siêng tu Thánh đạo, thệ không lui sụt, thệ thành Chính giác, thệ độ chúng sinh.

Đức A-di-đà dùng sức từ bi và sức đại nguyện, chứng biết lòng con, thương tưởng đến con, gia hộ cho con. Để lúc Thiền quán, hoặc trong giấc mộng, được đấng cha lành, rưới nhuận cam lồ trên đảnh của con, phóng ánh sáng lành chiếu đến thân con, duỗi cánh tay vàng xoa đầu chúng con, hoặc dùng y báu đắp thân thể con, khiến cho tội chướng từ đời vô thỉ chóng tự dứt trừ, căn lành tăng trưởng, phiền não chóng không, vô minh chóng phá, diệu tâm viên giác bỗng nhiên khai ngộ, cõi Thường Tịch Quang luôn được hiện tiền. Đến lúc lâm chung, tự biết giờ khắc, thân không bệnh khổ ách nạn, tâm không tham luyến mê lầm, toàn thân thư thái, chính niệm hiện tiền, ung dung bỏ thân, như vào Thiền định.

Ngay lúc bấy giờ Từ phụ Như Lai cùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, tất cả Thánh chúng phóng quang tiếp đón, đưa tay dắt dìu, lại thêm vào đó lầu gác tràng phan, nhạc trời hương lạ cùng hiện đón nghinh, cảnh đẹp Tây phương, hiện bày trước mắt, khiến cho chúng sinh, kẻ thấy người nghe, vui mừng cảm thán, phát tâm Bồ-đề. Bấy giờ thân con ngồi đài kim cang, bay theo sau Phật, trong khoảng nháy mắt, sinh vào hoa sen nơi ao bảy báu ở cõi Cực Lạc. Hoa nở thấy Phật và các Bồ-tát, được nghe pháp âm, chứng Vô sinh nhẫn, trong khoảng sát-na hầu cận chư Phật, được Phật thụ kí. Được thụ kí rồi, trong con thành tựu ba thân bốn trí, năm nhãn sáu thông, vô lượng trăm nghìn môn đà-la-ni. Sau đó không lìa cõi nước An Dưỡng, hiện trụ Ta-bà, phân thân vô số đến khắp mười phương, dùng sức thần thông, tự tại vô ngại không thể nghĩ bàn, lập các phương tiện độ thoát chúng sinh xa lìa phiền não, tâm được an tĩnh, đồng sinh Tây phương, trụ ngôi Bất thoái.

Thế gian vô tận, thế giới vô tận, nghiệp và phiền não tất cả vô tận, nguyện lớn của con cũng thật vô tận. Nguyện dùng tất cả công đức lễ Phật, phát nguyện tu trì, hồi hướng đến khắp các loài hữu tình, báo đáp thảy bốn ân, giúp nhuần cả ba cõi, pháp giới chúng sinh đồng thành Phật đạo.

HỒI HƯỚNG

Tụng kinh, lễ Phật, niệm hồng danh
Được bao công đức, hướng chúng sinh
Xin cho tất cả cùng chung hưởng
Mai sau An Dưỡng nguyện viên thành
Ba chướng dứt trừ phiền não hết
Tuệ tâm sáng tỏ được tịnh thanh
Nguyện ý sinh về miền Cực Lạc
Đài vàng chín phẩm mẹ cha lành

***

Hoa sen vừa nở thấy Như Lai
Chứng đắc Vô sinh thật chẳng sai
Bồ-tát bất thoái cùng tụ hội
Kết thành bạn tốt ngự liên đài.

TỰ QUI

Con về nương tựa Phật
Cầu nguyện cho chúng sinh
Thể nhận được đạo lớn
Sớm phát tâm vô thượng *(1 lạy)*

***

Con về nương tựa pháp
Cầu nguyện cho chúng sinh
Thấu hiểu được giáo pháp
Trí tuệ như biển lớn *(1 lạy)*

***

Con về nương tựa Tăng
Cầu nguyện cho chúng sinh
Thống nhiếp cả muôn loài
Tất cả không ngăn ngại *(1 lạy)*

***

Phụ lục

Giúp hai nước bang giao

Đời Hán, sa-môn Ma-đằng người Trung Thiên Trúc, thông hiểu kinh luận Đại-Tiểu thừa, lấy việc truyền bá chính pháp làm nhiệm vụ. Một ngày kia, sư đến một nước nhỏ thuộc Thiên Trúc giảng kinh Kim quang minh. Gặp lúc nước này bị lân bang xâm lấn, sư suy nghĩ: "Kinh nói: 'Giảng thuyết kinh này sẽ được địa thần bảo vệ, nơi ở được an ổn'. Ngày nay chiến tranh vừa phát khởi, có lẽ là lúc kinh làm lợi ích chăng?". Thế là sư nguyện quên thân, đến nơi ấy khuyên giải, giúp hai bên hòa hiếu. Như thế, há chẳng phải năng lực của kinh *Kim quang minh* sao?

Cá hóa chim hoàng tước

Đại sư Thiên Thai Trí Giả sống vào đời Tùy, Trung Quốc. Sư trú tại chùa Tu Thiền, Thai châu. Vào niên hiệu Khai Hoàng (580-600), đại sư khuyên đồ chúng bán tất cả vật dụng cá nhân, lấy tiền mua lại những bờ đăng bắt cá từ các thổ dân như Khổng Huyền Đạt… để làm ao phóng sinh. Từ việc này mà cảm hóa thổ dân xả bỏ năm mươi lăm chỗ như thế. Đại sư thường tụng kinh *Kim quang minh* trên các bờ đăng này. Một hôm, đại sư đang đứng trước pháp đường, bỗng nhiên một bầy chim hoàng tước rất đông, từ đâu bay đến đến đậu trước pháp đường, kêu rất bi ai, hồi lâu rồi bay đi mất. Đại sư thấy vậy, ngài nói: "Tất cả loài cá trên sông đều biến thành hoàng tước, đến đây tạ ơn ta".

Đèn không dầu vẫn sáng liên tiếp nhiều ngày

Sư Pháp Thuần họ Chúc, người Bình Thủy, Phù Phong, sống vào đời nhà Tùy. Sư trụ tại chùa Đại Hưng Thiện, chuyên giảng kinh *Kim quang minh*. Một hôm sư than: "Thân mạng vô thường, đâu đáng quí tiếc, không khéo tu sẽ chẳng tiêu được cơm gạo của tín thí. Ta phải tu pháp sám Kim quang minh mới được!". Thế là trong bốn mươi lăm năm, sư chuyên tâm hành trì sám pháp Kim quang minh. Trừ hai thời cơm cháo, các việc đại tiểu tiện ra, sư không bao giờ rời đạo tràng. Có lần đèn hết dầu mà vẫn sáng liên tiếp bảy ngày đêm, hoặc nghe trong đạo tràng có tiếng giảng kinh, đến nhìn thì không thấy gì. Một hôm sư đóng thất tĩnh tọa, đệ tử là Tuệ Tiến thấy một đồng tử mặc áo trắng, tay bưng một bộ kinh *Kim quang minh*, đang đứng bên phải sư, Tuệ Tiến hỏi: "Bạch thầy! Đây là ai vậy?". Sư đáp: "Thiên chủ cõi trời thứ sáu sai người đến thỉnh ta lên đó, nhưng ta cho nơi ấy dễ đắm dục lạc, trở ngại việc tu đạo, nên ta không nhận lời. Nếu không về chỗ có Phật pháp, ta nguyện sinh lại cõi này để cứu giúp quần sinh". Hồi lâu, bỗng có hai con chim bồ câu bay đến đậu trên móc treo áo, chăm chú nhìn sư, không tỏ vẻ sợ hãi.

Năm tám mươi lăm tuổi, sư vẫn khỏe mạnh như thường. Một hôm sư ngồi ngay thẳng, niệm Phật mà thị tịch, hỏa thiêu thu được vô số xá-lợi.

Suối tự nhiên phun nước

Thầy Thích Không Tạng trụ tại chùa Hội Xương, kinh đô, sống vào đời Đường, Trung Quốc. Sư từng tụng hơn ba trăm

biến kinh *Kim quang minh*. Suốt đời lấy việc thuyết kinh, giáo hóa làm sự nghiệp. Sư cũng từng lên vùng đầu nguồn Lương châu, độ những người có duyên. Sư lại vào núi Phụ Nhi ở Lam Điền tụng kinh, mang theo sáu đấu lương thực, dự định dùng trong một tháng. Nhưng Sư đã trụ lại nơi đây ba năm, mỗi ngày dùng hết hai thăng, mà số lương thực mang đi vẫn không hết. Lại cảm một chiếc đỉnh không biết từ đâu hiện đến. Về sau sư đến chùa Ngọc Tuyền, có ý nguyện trụ đến cuối đời. Chẳng may gặp lúc hạn hán, chư tăng bỏ chùa đi khắp nơi, một mình sư ở lại chí thành cầu khẩn, tức thời suối phun nước, đạo tục đều kinh ngạc, ca ngợi hết lời.

Hoàng tước tụ tập

Thầy Thích Văn Cử họ Trương, người ở Đông Dương, Vụ châu, sống vào đời Đường, Trung Quốc. Tính sư ôn nhu, thuần chính, tâm trong sáng như ngọc, cử chỉ hành động đều đúng thời, nghe nhìn đều ghi nhớ, ngôn hạnh rất cẩn mật; tất cả đều xuất phát từ tự nhiên, không cần gượng ép. Sư thường tụng kinh *Kim quang minh*, làu thông *Pháp hoa*, *Kim quang minh nghĩa sớ*. Sư giáo hóa rất thịnh ở Thiên Thai, học chúng ngày càng đông. Vua nghe danh, thỉnh sư trụ chùa Quốc Thanh. Đại sư Trí Khải lập đạo tràng Kim quang minh, vào tháng chín mỗi năm, nhóm họp bốn chúng tu pháp sám hối, sau bốn mươi chín ngày, đạo tràng hoàn mãn, tín thí đến rất đông và cúng dường trọng hậu. Sau khi đại sư thị tịch, thời thế cũng đổi thay, đạo tràng dần dần vắng lạnh. Đến lúc sắp dứt tuyệt, sư bèn bán hết y phục, vật dụng riêng, lấy tiền lập lại đạo tràng Kim quang minh, tín thí khắp nơi lại đến đông như trước, lại cảm chim Hoàng tước tụ tập, mọi người đều cho là điềm lạ. Sư nói: "Đây là năng lực kinh *Kim quang minh*!". Về sau vị tăng tri sự tên là

Thanh Uẩn bàn với sư, dành mười hai khoảnh ruộng lớn để chu cấp chi phí cho đạo tràng.

Thiên thần bảo vệ

Thầy Thích Huyền Sách, họ Lỗ, người Cối Kê, sống vào đời Đường, Trung Quốc. Lúc nhỏ sư theo cha buôn bán, đến Thiên Thai thấy người trong làng lập hội tụng kinh *Kim quang minh* rất thạnh. Đây là pháp hội do ngài Trí Giả, đời Tùy sáng lập. Mỗi năm, cứ vào tháng chín, pháp hội cử hành, thì tăng tục bốn phương tụ tập về cả nghìn vạn người. Thấy vậy Huyền Sách vô cùng sùng kính, bèn lễ sư Quảng Trí chùa Thiền Lâm cầu xuất gia. Sau đó, hằng ngày sư tụng một bộ kinh *Kim quang minh* và tu pháp lễ sám, suốt đời không biếng trễ, cảm được thiền thần đến nghe pháp và hiện thân bảo vệ. Thí chủ khắp nơi thấy vậy, càng tăng thêm lòng tin.

Mưa như trút nước

Thầy Thích Tùng Lễ người Tương Dương, sống vào đời Đường, Trung Quốc. Sư trụ tại tinh xá Bình Điền, Thai châu. Bản tính sư trầm mặc, cẩn trọng, mừng giận chẳng lộ ra ngoài, suốt đời nghiêm trì giới luật. Mùa hè năm Càn Hóa (911-912) đời Hậu Lương, trời hạn hán, vị tăng tri sự thấy cây trái, rau quả trong vườn chùa khô héo, thỉnh sư cầu mưa. Sư liền tụng kinh *Kim quang minh*, chưa hết bộ mà trời đổ mưa lớn trong ba ngày, khắp nơi thấm ướt. Võ Túc vương Tiền nghe biết, thỉnh sư vào phủ lập đạo tràng Kim quang minh sám pháp.

Sư sống rất đơn giản, hễ thí chủ cúng dường, sư liền phân phát. Đông hạ chỉ có một bộ y phục, ngày ăn một bữa, luôn ngồi

chẳng nằm. Năm bảy mươi chín tuổi, sư vẫn khỏe mạnh. Bỗng một ngày kia sư ngồi ngay ngắn, niệm Phật mà thị tịch, hỏa thiêu thu được vô sô xá-lợi.

Bơi thuyền phóng sinh

Thầy Thích Nghĩa Tịch họ Hồ, người Vĩnh Gia, Ôn châu, sống vào đời Tống, Trung Quốc. Trong khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-983), sư trụ tại chùa Linh Thạch thuộc Hải Môn huyện Quảng Nham, Thai châu, là đạo tràng đông an cư của đại sư Trí Giả. Một hôm, đại chúng thỉnh sư ngồi thuyền thả trôi trên biển, tụng phẩm *Lưu thủy trưởng giả* kinh *Kim quang minh*, đồng thời phóng sinh, và lấy pháp sự này làm thường khóa. Từ đó chùa rất hưng thạnh. Vua nghe được, sai Cao Phẩm Vệ, Thiệu Khâm… vào núi trùng kiến chùa Thọ Xương. Sư cũng đã nhiều lần truyền giới, dạy pháp cho quan liêu địa phương. Năm sáu mươi chín tuổi, một hôm sư dặn dò hậu sự xong, không bệnh, an nhiên thị tịch.

Ánh sáng trắng xuất hiện

Thầy Ngộ Ân họ Lộ, người Thường Thục, Cô Tô, sống vào đời Tống, Trung Quốc. Mẹ sư họ Trương, một hôm nằm mộng thấy vị tăng vào phòng mà có thai sinh ra sư. Lúc còn bé, khi thấy tăng, sư đã biết kính lễ. Năm mười ba tuổi, khi nghe tụng kinh *A-di-đà*, sư có cảm ngộ, nhân đó cầu xuất gia. Trong khoảng những năm Hậu Hán (947-950) lập quốc, sư nương pháp sư Chí Nhân ở viện Từ Quang, Tiền Đường học giáo nghĩa Tam quán, Lục tức, đồng thời nghiên cứu đến cùng tột yếu nghĩa kinh *Pháp hoa, Kim quang minh*. Hằng ngày sư tụng một bộ *Pháp*

hoa, một bộ *Kim quang minh*. Vào đêm mồng một tháng tám niên hiệu Ung Hi thứ ba (986), bỗng một luồng ánh sáng trắng xuất hiện, đến sáng thì tắt. Sư nói: "Báo thân của ta sắp hết!". Từ đó, sư chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, không gián đoạn. Một hôm sư mộng thấy tổ sư Quán Đảnh cầm lư hương bằng vàng, khói xông nghi ngút, đi quanh phòng sư ba vòng và nói: "Ta đến đón ông đây!". Sư giật mình tỉnh giấc, mùi hương vẫn còn xông ngào ngạt. Thế là sư ngồi quay mặt về tây, an nhiên thị tịch, sau khi hỏa thiêu, thu được vô số xá-lợi.

Thiên vương đến nghe pháp

Sầm Xà-lê họ Dương người Lâm Nguyên, sống vào đời Tống, Trung Quốc. Sư giữ giới hạnh tinh nghiêm, suốt đời mặc áo vải thô, khất thực nuôi sống. Một ngày kia, sư dựng một ngôi thất tụng kinh bên suối Tây Sơn, gần chùa Tán Cái. Tại đây sư đã tụng hơn ba nghìn bộ kinh *Kim quang minh*. Mỗi khi tụng đều có thiên thần đến nghe và bảo vệ. Sư còn cảm hóa các loài chim thú, mỗi lần sư thí thực, chim chuột tranh nhau đến ăn, không lộ vẻ sợ hãi.

Miệng và răng không cháy

Thầy Thích Duy Ác họ Kim, người Tiền Đường, sống vào đời Tống, Trung Quốc. Sư xuất gia vào thuở còn nhỏ, lập chí ẩn tu, đóng thất, bỏ hết mọi việc. Suốt đời sư chuyên tâm niệm Phật và tụng hơn năm nghìn biến kinh *Kim quang minh*, hồi hướng trang nghiêm cõi Tịnh. Sư không bệnh, ngồi kết già an nhiên thị tịch, hỏa thiêu, miệng và răng không cháy.

Trang nghiêm Tịnh độ

Thầy Thích Nhược Quan họ Tiền, người Ô trấn, huyện Ô Trình, Hồ châu, sống vào đời Tống Trung Quốc. Sư trụ tại viện Gia Hội, chí hạnh sư cao siêu, khắp nơi đều kính phục. Sư tập họp tăng tục lập đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp. Trong bảng khuyên tu, sư ghi: "Bần tăng kính nghĩ: 'Sinh tử không bờ, luân hồi chẳng dứt, chỉ có về cõi An Dưỡng, mới vĩnh viễn không lui sụt' ". Hằng ngày sư tụng một bộ kinh *Kim quang minh*, suốt đời chẳng biếng trễ, niệm danh hiệu Phật A-di-đà ngày đêm không ngơi nghỉ, nguyện cùng với chúng sinh trong pháp giới trang nghiêm cõi Tịnh. Sư không bệnh, ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch, hỏa thiêu thu vô số xá-lợi.

Long thần nhờ oai lực của kinh mà thăng chức

Tại Trung Quốc, vào khoảng đời Tấn, một hôm ông Trần Nghiêu Tư ghé thuyền vào bến Tam Sơn, bỗng nhiên có một cụ già đến báo rằng: "Giờ Ngọ ngày mai có gió lớn, nếu đi, thuyền sẽ lật chìm, nên tránh là hơn!". Ngày hôm sau trời vẫn trong sáng, bầu trời không một gợn mây. Người trên thuyền xin nhổ neo, ông bảo hãy đợi thêm. Các thuyền trong đoàn đồng loạt nhổ neo rời bờ. Đúng ngọ mà trời vẫn im lắng. Chợt từ phía chân trời, mây đen ùn ùn kéo đến, gió lớn nổi lên, khiến cho cây cối đổ gãy, cát đá bay mù, sóng dậy cao như núi. Những chiếc thuyền vừa rời bến đều chìm, Nghiêu Tư vô cùng sợ hãi. Ông lại thấy cụ già ấy đến và nói: "Ta không phải là người, chính là long thần tuần ven sông. Vì ngày sau ngài sẽ ở ngôi Tể tướng, cho nên hôm nay đến báo trước". Ông lại hỏi: "Lấy gì đáp ân?". Vị thần trả lời: "Tôi không mong báo đáp, có quí nhân đến, theo

phép tắc của long thần là phải bảo vệ. Nhưng tôi chỉ xin một bộ kinh *Kim quang minh*, nhờ oai lực của kinh mà mau thăng chức". Ông chấp nhận.

Sau khi về kinh, Nghiêu Tư thỉnh ba bộ kinh *Kim quang minh*, sai người mang đến bến Tam Sơn và đưa xuống sông. Sau đó ông nằm mộng thấy cụ già đến báo rằng: "Tôi chỉ xin một bộ, ngài cúng ba bộ, nên tôi được thăng mấy bậc". Nói xong, vị thần lễ bái rồi từ giã.

Sắp hành hình mà được tha

Kế Hủ làm quận thú Thai châu, đời Tùy. Vào khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-600), ông thỉnh đại sư Trí Giả đi thuyền trên sông tụng phẩm *Trưởng giả Lưu Thủy* kinh *Kim quang minh*. Ngư dân nghe pháp, tất cả đều quí sự sống, ghét sự giết hại, đồng thời không muốn làm nghề chài lưới nữa. Sau Kế Hủ về kinh đô, phạm tội, bị giam vào ngục. Gần đến ngày hành hình, từ xa ông cầu Đại sư cứu mạng. Đêm ấy, ông mộng thấy bấy cá phun nước bọt thấm ướt. Sáng sớm hôm sau, triều đình ban lệnh tha tội cho ông.

Nhờ kinh thoát tội

Trong khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163), đời Nam Tống, có một gia đình ở Hoài Âm mất một người con gái, đến tiết Hàn thực[1] gia đình muốn làm Phật sự truy tiến vong linh, mà không có tiền. Người mẹ bèn cắt tóc mình, bán được

1. **Hàn thực**: một tiết trong lịch xưa của Trung Quốc, tức khoảng hai, ba ngày trước tiết Thanh minh.

sáu trăm tiền, đến chùa thỉnh tăng. Đúng lúc ấy bỗng có năm vị tăng đi ngang qua nhà, bà thỉnh vào nhà đảnh lễ, trình bày ý nguyện. Các vị tăng đều chối từ. Bà nài thỉnh hồi lâu, mới được một vị tăng đồng ý ở lại nhà bà làm pháp sự. Nhưng vị tăng nói với bà rằng: "Chúng tôi không mang theo kinh, bà có thể đi mượn được không?". Người mẹ ấy đến các nhà trong làng, mượn được một bộ kinh *Kim quang minh,* mang về trao cho vị tăng ấy. Vị tăng vừa mở kinh tụng đọc, bà mẹ ấy bỗng khóc như mưa. Vị tăng cũng xót thương cảm động, và nói rằng: "Tôi ra phố tắm rửa, nhưng do cụ chí thành nài thỉnh, nên tôi tùy thuận tụng đọc".

Tụng kinh xong, vị tăng đọc sớ văn, như pháp hồi hướng, thụ nhận phẩm vật cúng dường rồi đi. Ra đến phố, gặp bốn huynh đệ cùng đi lúc nãy, sẵn có tiền cúng dường, vị này mời bốn huynh đệ cùng nhau uống rượu. Vừa ngồi vào bàn, chưa kịp nâng li, bỗng vị này nghe ngoài song cửa có tiếng người nữ nói: "Xin vị tăng vừa tụng kinh đừng uống rượu, con là vong nữ của gia đình mà ngài vừa tụng kinh. Con trầm luân trong cõi tối tăm đã lâu, nay nhờ thầy tụng *kinh Kim quang minh* mà thoát tội, siêu sinh. Nếu thầy uống rượu phá trai, con lại đắm chìm như trước!". Vừa nói xong, vong nữ biến mất. Vị tăng nghe nói, trong lòng hổ thẹn không dám uống rượu. Từ đó về sau năm vị tăng này giữ giới, trì trai rất nghiêm cẩn, đồng thời siêng năng tụng kinh, niệm Phật, lúc qua đời đều được vãng sinh Cực Lạc.

Bán trang viên chép kinh thoát tội

Đặng Thành người Dự Chương, sống vào đời Tống. Năm hai mốt tuổi, ông bỗng nhiên bị một cơn bạo bệnh mà chết. Ba ngày sau sống lại, ông kể rằng:

- Sứ giả dẫn tôi đến gặp một vị phán quan, vị phán quan này xưa là thứ sử Hoàng Lân, biểu trượng[1] của tôi. Vừa gặp tôi, biểu trượng buồn vui lẫn lộn, hỏi thăm việc nhà. Tôi trả lời là vẫn bình yên, không có gì đáng lo. Nhân đó tôi cầu xin được tha về nhân gian. Biểu trượng nói: "Ta cũng muốn con được trở về, nói lại với các em ta!". Nói xong, ông vào thưa với Diêm vương. Một lát sau, ông trở ra và nói: "Đã bàn bạc và quyết định cho con trở về nhân gian". Lúc ấy Diêm vương bước ra gọi tôi lại và hỏi: "Lúc còn trên nhân gian, ngươi tạo tội gì, đến nỗi có nhiều oán thù như thế. Nhưng số ngươi chưa tận, ta tha ngươi trở về. Từ nay không nên tạo nghiệp địa ngục nữa!". Diêm vương vừa nói xong, bỗng có mấy mươi con vật đến cắn tôi. Diêm vương bảo chúng: "Đặng Thành giết các ngươi, các ngươi lại giết Đặng Thành, thật là việc vô ích! Nay ta tha Thành trở về nhân gian, bảo hắn tạo phúc cho các ngươi, giúp các ngươi thoát chốn này sinh lại nhân gian, như vậy không tốt sao?". Tất cả con vật ấy đều nói: "Chúng tôi không cần phúc, chỉ muốn giết Đặng Thành mà thôi!". Diêm vương lại nói: "Như vậy, các ngươi có lợi gì? Giết Đặng Thành rồi, các ngươi vẫn mang thân súc sinh, đâu bằng được phúc, chuyển thành thân người?". Nghe vậy, các con vật liền bỏ đi, chỉ còn một con lừa đến đạp và một con chó đến cắn áo tôi, không chịu đi. Tôi liền nói: "Ta sẽ vì các ngươi tạo bộ kinh *Kim quang minh*!". Nghe vậy lừa và chó mới chịu tha cho tôi.

---

1 **Biểu trượng:** anh hoặc em họ của cha.

Diêm vương liền sai vị sứ giả đã bắt tôi khi trước đưa tôi ra ngoài. Vừa gặp biểu trượng, biểu trượng bảo tôi: "Niềm vui lớn nhất, không gì bằng được sống lại. Nay con được tha trở về nhân gian, thật đáng vui mừng. Nay tuy ta làm phán quan, nhưng hằng ngày vẫn phải chịu tội, con nán lại giây lát sẽ thấy". Bỗng chốc có ngục tốt đầu trâu cầm một que lửa đến đốt cháy biểu trượng từ đầu đến chân, trong chớp mắt toàn thân biến thành tro, ngục tốt phun nước lạnh vào thì sống lại. Biểu trượng buồn khóc và nói rằng: "Ta chịu tội như thế, khổ đau không thể chịu nổi. Con trở về nói lại với các em ta, hãy gắng sức vì ta sao chép một bộ kinh *Kim quang minh*, tạo các công đức, để ta thoát khổ. Nhưng phải nhớ là phải dùng tài vật của ta để tạo phúc, nếu không dù tạo công đức, ta cũng không hưởng được. Trước kia, lúc còn làm quan, ta có mua một trang viên, nay có thể bán đi, lấy tiền in ấn kinh Phật; được vậy, ta sẽ thoát khổ. Sợ các em ta nghi ngờ, con hãy mang cây ngọc trâm này về làm tin".

Nói xong biểu trượng, vạch tóc rút cây trâm gởi cho tôi. Trước mặt biểu trượng là một hầm lửa lớn, sứ giả bảo tôi nhắm mắt, rồi đẩy xuống hầm. Bỗng chốc tôi sống lại như thế này.

Cha của Đặng Thành giàu có, vui mừng vì con mình sống lại, nên chỉ trong vài ngày đã tạo xong bộ kinh *Kim quang minh.* Đặng Thành hết bệnh, ông đến nhà họ Hoàng, thuật lại những lời Hoàng Lân đã nhắn gởi, và việc tạo kinh, trao lại chiếc trâm ngọc. Nhận ra chiếc trâm, cả nhà họ Hoàng buồn khóc mấy ngày, sau đó bán khu trang viên, lấy tiền tạo kinh như lời dặn.

Dặn dò người kế nhiệm

Đời Tống, Phan Hoa làm huyện lệnh Chư Kí, Việt châu. Ông kính tin Tam bảo, siêng năng tụng kinh, một lòng y theo cách thức của đại sư Thiên Thai Trí Giả, nên thường thỉnh tăng lên thuyền, bơi khắp sông hồ tụng phẩm *Trưởng giả Lưu Thủy* kinh *Kim quang minh*, đồng thời cấm mọi người đánh bắt trên sông hồ. Một ngày kia, ông vâng chiếu về kinh, ban đêm mộng thấy các loài cá trên sông hồ hóa thành mấy vạn người kêu khóc lễ tạ, và chúc rằng: 'Tướng công đi, ắt chúng tôi không sống được!". Phan Hoa lấy làm lạ, bèn làm bài *Mộng ngư kí* để dặn dò huyện lệnh kế nhiệm.

Oan gia tự mở

Trương Cư Đạo người huyện Cảnh Thành, Thương châu, đời Tống. Trước ngày ông nhận chức Trị trung tại Ôn châu, nhân gả con gái lấy chồng, ông tùy tiện giết rất nhiều gia súc như: heo, dê, gà, vịt… Chưa quá mười ngày sau, ông bị cơn bệnh nặng mà qua đời. Bởi nơi tim còn ấm, người nhà chưa vội chôn, ba ngày sau ông sống lại. Ông kể rằng:

- Đầu tiên, tôi thấy bốn người đến nhà: một người cầm gậy, một người cầm dây, một người cầm bao và một người mặc áo xanh cưỡi ngựa, đội mũ. Họ vừa đến cửa thì xuống ngựa, lấy từ trong người ra một tờ giấy chỉ cho tôi. Đó là đơn của heo, dê, gà, vịt… kiện Cư Đạo. Người ấy nói: "Các loại này tuy tiền thân tạo tội, đều thụ thân súc sinh, sống tại thế gian, nhưng mạng chưa hết, bị ngươi lạm sát chết oan, lại phải làm thân súc sinh, lại bị khổ chém chặt". Nói xong, người cưỡi ngựa sai tùy tùng bắt trói Cư Đạo rồi mang đi về hướng bắc. Trên đường đi, sứ giả nói với Cư Đạo rằng: "Lúc sắp đến bắt ngươi, ta kiểm tra thấy thọ mạng

ngươi chưa hết, nhưng do ngươi giết quá nhiều sinh vật, chúng nó kiện cáo, hiện oan gia của ngươi đang đợi ngươi trước điện Diêm vương." Nghe nói, Cư Đạo càng sợ hãi, nói với sứ giả: "Phải làm thế nào để tránh oán đối này?". Sứ giả bảo: "Chỉ cần vì những loài bị giết đó, phát nguyện tạo một bộ kinh *Kim quang minh* sẽ thoát tội". Cư Đạo nghe dạy, liền phát nguyện rằng: "Tôi nguyện tạo một bộ kinh *Kim quang minh,* chí thành cúng dường lễ lạy, xin các oan gia khoan thứ, buông tha cho!". Một lát sau nhìn thấy cổng thành, sứ giả dẫn vào thành theo hướng đông, rồi chuyển sang hướng tây. Cư Đạo thấy trước điện Diêm vương có vô số tội nhân đang bị thẩm vấn, thành tâm chịu tội. Có kẻ mang gông, có người bị xiềng xích, hoặc bị đánh đập, tiếng kêu than, gào khóc thê thảm, không thể chịu nổi. Sứ giả đến trình cáo trạng lên Diêm vương, Diêm vương nói: "Kêu gấp những người cáo kiện lên đây!". Sứ giả đi khắp hỏi tìm, nhưng các Tào phủ đều trả lời là không có. Tức thời Diêm vương gởi giấy cho Ngũ đạo đại thần kiểm tra lại tất cả hình án. Trong thời gian ngắn, một vị chủ ti đến báo: "Trương Cư Đạo đã vì những loài bị mình giết hại, phát nguyện tạo một bộ kinh *Kim quang minh*. Theo đó tra xét, những loài bị Cư Đạo giết hại nhờ công đức này, tất cả đều được sinh về cõi lành". Diêm vương liền bảo Cư Đạo: "Cho ngươi trở về nhân gian, từ nay nên tu thiện, tạo nhiều công đức!". Nói xong sai ngục tốt dẫn ra khỏi thành, và sống lại. Thật như người vừa tỉnh mộng.

Sau đó, Cư Đạo tạo một bộ kinh *Kim quang minh*, cả nhà đều ăn chay, không sát sinh, suốt đời làm thiện, và trì tụng kinh này.

Oan gia hóa thành người

Vào đời Tống, vợ của huyện thừa huyện An Cố, Ôn châu bị bệnh lâu năm, chữa trị mãi mà không khỏi. Suốt ngày bà ấy cứ nói những lời điên cuồng, miệng kêu đau và cúi đầu lễ lạy, như có điều bày tỏ. Trị trung Trương Cư Đạo nghe vậy, liền nói: "Theo bệnh trạng, bà này ắt bị oan gia làm khổ, cũng do tội sát hại sinh mạng đưa đến. Hãy tạo gấp một bộ kinh *Kim quang minh*, rồi thỉnh chư Tăng tụng đọc, chí thành sám hối, mới có cơ may khỏi bệnh". Huyện thừa vâng theo, mời người chép kinh, chưa xong bộ kinh, người vợ đã tỉnh. Bà nói rằng: "Tôi luôn có trạng thái mơ màng như trong mộng, mỗi ngày ba lần các loài heo, dê, ngỗng, vịt đến cắn tôi, đau không thể chịu nổi. Sau đó chúng đều biến thành người và đến nói lời từ biệt: 'Tuy là oan gia bị ngươi giết hại, nhưng nay ngươi đã vì chúng ta mà tạo kinh *Kim quang minh*. Nhờ công đức đó, chúng tôi được thành người, bắt đầu từ hôm nay giải tán, không đến phá ngươi nữa!' ". Nói xong liền đi hết, bệnh tôi cũng lành. Từ đó toàn dân Ôn châu không sát sinh, siêng năng làm điều thiện. Do vậy đủ biết năng lực của kinh *Kim quang minh* thật lớn.

Nhờ kinh thụ sinh

Trương Long Đồ người đời Tống, là con của Trương Vô Tận. Một hôm nô bộc của Long Đồ đang đi thuyền, bỗng thấy một phụ nữ đang đi trên bờ, tay nâng một bình dầu. Người ấy nhìn kĩ, thì nhận ra là Chiêu Hỉ, một tì nữ ngày xưa của gia đình. Ông ta gọi, bà ta đã không trả lời, mà còn đi nhanh hơn. Ông cho thuyền ghé lại và lên bờ đuổi theo. Khi đuổi kịp, ông hỏi nguyên do, người nữ chỉ một gốc cổ thụ xa xa bên bờ sông và nói: "Tôi sống ở đây!". Lại hỏi dùng dầu để làm gì. Người nữ đáp: "Toàn

thân tôi bị lở loét, nhờ dầu thoa để bớt đau!". Nhân đây, bà ấy nói: "Một vị lão Tăng sống tại ngôi tinh xá ngoài thành, giới đức tinh nghiêm, hằng ngày trì tụng kinh *Kim quang minh*. Nếu ông có thể thỉnh vị tăng ấy vì tôi tụng mười bộ để cầu minh phúc, chắc tôi được vãng sinh!". Nô bộc trở về, cầu vị tăng tụng kinh, sau trở lại nơi ấy, gõ vào gốc cây kêu gọi, chỉ thấy một người nữ già mặc áo trắng từ bộng cây bước ra nói: "Chiêu Hỉ nhờ được tăng tụng kinh, đã thụ sinh rồi! Phiền ngài vì tôi cầu Tăng tụng cho tôi mười bộ". Nô bộc hỏi: "Bà là ai?". Bỗng nhiên bà ấy biến mất.

Thiên vương cứu hộ

Đời Tống, Thôi Thiệu theo cha là Trực đến Nam Hải nhậm chức. Gia đình Thiệu có kính thờ một vị Thiên vương. Bấy giờ nhà họ Lí bên cạnh có nuôi một con mèo cái, thường sang nhà Thiệu bắt chuột. Phong tục miền nam rất ghét việc mèo nhà người đến nhà mình sinh con, vì cho đó là điềm xấu. Một hôm, mèo nhà họ Lí sang nhà Thiệu sinh hai con. Thiệu rất ghét, sai gia đình bắt trói cả ba con mèo bỏ vào giỏ, dùng giây thắt chặt miệng, buộc thêm đá rồi ném xuống sông. Chưa quá một tháng, một hôm bỗng nhiên Thiệu bị bệnh sốt, qua một đêm bệnh trở nặng. Bấy giờ Thiệu thấy hai người cầm thiếp đến báo rằng: "Chúng tôi vâng lệnh đến bắt ông!". Thiệu nói: "Bình sinh tôi chỉ hành thiện, không biết tạo ác; vì việc gì hôm nay các ông đến bắt tôi?". Hai người đồng nói: "Ông giết ba người vô tội, oan gia tố cáo ông lên Diêm vương". Nói xong mở thiếp cho Thiệu xem, chữ nghĩa rõ ràng, Thiệu vô cùng sợ hãi.

Một lát sau, một vị thần đến, sứ giả cung kính lễ lạy. Vị thần nói với Thiệu: "Ngươi biết ta chăng?". Thiệu đáp: " Không biết!". Vị thần nói: "Ta là Thiên vương mà ngươi hằng thờ phụng, Ta

được ngươi cúng dường đã lâu, nay ngươi bị nạn, nên đặc biệt đến cứu". Thiệu lễ lạy, cầu xin cứu mạng. Thiên vương bảo: "Ngươi cứ đi theo ta, thì không có gì phải lo!". Nói xong Thiên vương vội đi, Thiệu liền theo sau, sứ giả đi sau áp giải Thiệu. Một lát sau đến một phủ quan, Thiên vương vào trước. Sứ giả dẫn Thiệu đến gặp phán quan, phán quan nhìn Thiệu rồi nói: "Số ngươi chưa hết." Phán quan dẫn Thiệu đến gặp Diêm vương. Bấy giờ Thiên vương và Diêm vương ngồi đối diện nhau. Diêm vương nói: "Có oan gia tố cáo ngươi, tuy không trực tiếp giết, nhưng ngươi sai người ném họ xuống sông". Diêm vương cho gọi oan gia của Thiệu đến. Lát sau, phán quan đưa một phụ nữ có dẫn hai đứa con đến, tất cả đều thân người đầu mèo, cả ba khóc lóc thảm thương, nói là Thiệu vô cớ sát hại. Thiên vương nói với Thiệu: "Mau nói tạo công đức cho chúng!". Thiệu bèn phát nguyện vì mỗi người chép một bộ kinh *Kim quang minh.* Phát nguyện vừa xong, không còn thấy người phụ nữ ấy nữa. Diêm vương nói: "Ngươi đã tạo công đức, tuổi thọ trên dương thế chưa hết, tạm tha ngươi trở về." Thiệu lễ tạ Diêm vương mà trở về. Trên đường đi, Thiệu gặp bốn người thân người đầu cá, đang đứng bên hầm sâu khóc lóc. Thấy Thiệu, họ lễ lạy và nói rằng: "Tính mạng chúng tôi rất nguy cấp, sắp rơi vào hầm này, chỉ có ngài mới cứu được chúng tôi". Thiệu nói: "Tôi có sức gì mà cứu đước các vị?". Bốn người đồng nói: "Ngài chấp nhận thì được". Thiệu chấp nhận, bốn người lễ tạ, rồi nói: "Tính mạng chúng tôi đã được ngài buông tha, lại muốn thưa, nhưng thật khó mở miệng, hoặc giả sự cầu xin quá bức ép, thì ngài có chấp nhận không?". Thiệu đáp: "Chỉ cần trong khả năng của tôi, thì tôi sẽ tận lực đáp ứng!". Bốn người đồng nói: "Khẩn thiết cầu xin ngài chép cho chúng tôi một bộ kinh *Kim quang minh*, được thế thì chúng tôi thoát tội". Thiệu đồng ý, vừa nói xong, bốn người biến mất. Riêng Thiệu thấy thân mình đang nằm ngữa trên giường, chăn phủ kín tay chân. Thiên vương bảo: "Đó là

thân của ngươi, cứ từ từ nhập thân, đừng sợ!". Theo lời Thiên vương, Thiệu từ từ nhập thân, liền sống lại. Thiệu hỏi người nhà, tất cả cho rằng Thiệu đã tắt thở ba ngày, chỉ nơi ngực, miệng và mũi còn hơi ấm.

Một ngày sau, Thiệu vẫn còn lờ mờ thấy Thiên vương trước mặt; lại thấy trong thau nước trước thềm có nuôi bốn con Lí ngư. Thiệu hỏi bốn con cá từ đâu có, gia nhân đáp: "Vốn mua về cho nhà bếp, nhưng bỗng nhiên ngài bệnh nặng, nên chưa kịp làm." Thiệu nói: "Đây há chẳng phải là bốn người đứng bên hầm sâu ư?" Nói xong liền bảo người đem thả vào hồ, đồng thời chép một bộ kinh *Kim quang minh* để đáp thệ nguyện giải oan. Từ đó cả nhà Thiệu không sát sinh, ăn chay giữ giới, trì tụng kinh *Kim quang minh*, suốt ngày khuyên mọi người niệm Phật, tu thiện.

Chú thích

(Endnotes)

1 **Linh Thứu**: còn gọi là Linh sơn, tức núi Kì-xà-quật. Núi nằm phía đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, Trung Ấn-độ. Vì núi có hình dạng giống đầu chim thứu (kên kên), hoặc có nhiều chim thứu sinh sống, nên gọi như thế. Nơi đây, Đức Phật đã thuyết các kinh Đại thừa như *Pháp hoa*... nên đã trở thành thắng địa của Phật giáo.

2 **Vương Xá:** thủ đô của nước Ma-kiệt-đà, Trung Ấn-độ thời xưa; nay là vùng Rajgir phía nam huyện Patna, bang Behar, Ấn-độ; là một trong những trung tâm truyền giáo nổi tiếng thời Đức Phật còn tại thế.

3 **Pháp giới: 1-** chỉ cho pháp tính, thật tướng. **2**- giới hạn, phạm vi, chủng loại, tự thể của các pháp. **3**- một trong mười tám giới, tức tất cả đối tượng nắm bắt của ý thức.

4 **Như Lai:** một trong các đức hiệu của Phật, trong đó Như nghĩa là chân như, Lai nghĩa là đến. Tức các Đức Phật nương nơi đạo Chân như mà đạt đến quả Phật nên gọi Như Lai; hoặc nói Như chư Phật mà Lai, gọi là Như Lai; Như thật đạo mà Lai, gọi là Như Lai...

5 **Bí-sô:** phiên âm khác của chữ tì-kheo, chỉ cho người xuất gia theo Phật đã thụ đầy đủ giới pháp. Trong đó, người nam thụ đủ 250 giới, trở thành bí-sô; người nữ thụ 349 giới trở thành bí-sô-ni. Bí-sô gồm ba nghĩa: khất sĩ, xin ăn để nuôi sống thân mạng; bố ma, đánh dẹp ma vương và ma dân; phá ác, tức diệt trừ phiền não kiến hoặc, tư hoặc.

6 **A-la-hán:** quả vị cao nhất trong bốn quả vị Thanh văn. A-la-hán gồm ba nghĩa: 1- Sát tặc, diệt trừ sạch giặc

phiền não; 2- Ứng cúng, xứng đáng được trời người cúng dường; 3- Vô sinh, vĩnh viễn không còn thụ sinh, thường trụ trong niết-bàn.

7 **Lậu:** sự rỉ chảy, chỉ cho phiền não. Vì phiền não ngày đêm rò rỉ, hiện hành khiến tâm chúng sinh loạn động, bất an.

8 **Kết sử:** kết và sử, cũng là tên gọi khác của phiền não. Kết nghĩa là trói buộc, tức phiền não trói buộc, khiến chúng sinh không thể nào ra khỏi ba cõi; Sử nghĩa là sai khiến, tức phiền não sai khiến, não loạn chúng sinh.

9 **Tám giải thoát:** tám bậc thiền định từ thấp đến cao, có năng lực đoạn trừ phiền não trong ba cõi, đưa đến giải thoát.

10 **Cụ thụ:** từ tôn xưng các đệ tử Phật, hoặc từ ngữ mà các bậc trưởng lão dùng để gọi đệ tử niên thiếu, cũng dùng gọi chung các tì-kheo.Còn gọi là tịnh mạng, tuệ mạng, trưởng lão, tôn giả, đại đức, hiền giả, thánh giả.

11 **A-nhã Kiều-trần-như:** vị đệ tử A-la-hán đầu tiên của Đức Phật, một trong năm vị được Đức Phật độ trong thời pháp đầu tiên ở vườn Nai. Bốn vị còn lại là: 1. A-thuyết-thị-đa, tức Mã Thắng, người đã thức tỉnh Xá-lợi-phất đến với Phật bằng oai nghi an tường và bài kệ của mình; 2. Bà-thấp-ba; 3. Ma-ha-na-ma; 4. Ba-lợi-đế-ca.

12 **Đại Ca-diếp-ba:** vị A-la-hán, một trong mười đệ tử xuất sắc của Đức Phật, được tôn xưng là Đệ nhất đầu-đà, cũng là Sơ tổ Thiền tông Ấn-Hoa.

13 **Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp:** ba anh em họ Ca-diếp, vốn là ngoại đạo thờ lửa, sau được Đức Phật hàng phục, qui hướng chính pháp.

14 **Xá-lợi-phất:** vị A-la-hán, một trong mười đệ tử xuất sắc của Đức Phật, được tôn xưng là Đệ nhất trí tuệ trong hàng Thanh văn.

15 **Mục-kiền-liên:** vị A-la-hán, một trong mười đệ tử xuất sắc của Đức Phật, được tôn xưng là Đệ nhất thần thông.

16 **A-nan:** vị A-la-hán, một trong mười đệ tử xuất sắc của Đức Phật, được tôn xưng là Đệ nhất đa văn, người trùng tuyên kinh luận trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất.

17 **Hữu học:** vẫn còn phải tu học; tức chỉ cho các bậc thánh Thanh văn từ quả vị Dự lưu đến Nhất lai.

18 **Thanh văn:** những đệ tử nghe âm thanh thuyết pháp của Đức Phật mà tu tập, thấu suốt được lí tứ đế, đoạn trừ kiến tư hoặc, chứng niết-bàn. Pháp môn đưa đến quả Thanh văn gọi là Thanh văn thừa.

19 **Bồ-tát:** gọi đủ là bồ-đề tát-đỏa; bồ-đề, Trung Quốc dịch là giác; tát-đoả, dịch là hữu tình. Tức những hành giả tu tập, trên thì dùng trí tuệ cầu Phật đạo, dưới thì dùng tâm bi cứu độ chúng sinh.

20 **Thí giới:** bố thí và trì giới.

21 **Thiền định:** tức là thiền và định; **thiền**, dịch âm của từ dhyāna; **định**, dịch ý của từ samādhi. Cả hai đều có nghĩa là chuyên chú vào một đối tượng nào đó để tâm đạt đến trạng thái an định, không tán loạn. Hoặc chỉ cho bốn thiền cõi Sắc và bốn định cõi Vô Sắc, trong các kinh luận gọi chung là bốn thiền tám định.

22 **Tổng trì:** dịch ý của từ đà-la-ni, hàm nghĩa: "Năng lực giữ gìn khiến không mất pháp thiện, không sinh pháp ác." Đà-la-ni có bốn loại là Pháp đà-la-ni, Nghĩa đà-la-ni, Chú

đà-la-ni và Nhẫn đà-la-ni. Nhưng ngày nay thường dùng từ này với nghĩa Chú đà-la-ni.

23 **Nhất thiết chủng trí:** trí tuệ nhận biết tất cả đạo pháp, tất cả chủng loại chúng sinh. Tức trí Phật.

24 **Ma quân:** quân chúng của Ma vương Ba-tuần, chủ cõi Tha Hóa Tự Tại, một loại ma chuyên phá hoại Phật pháp, quấy nhiễu người tu hành Phật đạo.

25 **Sáu đường:** sáu nơi mà chúng sinh theo nghiệp phải sinh đến: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, a-tu-la, người, trời.

26 **Đại trí:** trí tuệ rộng lớn, thông đạt tất cả sự lí.

27 **Đại nhẫn:** sức nhẫn vô cùng, chịu đựng tất cả khổ não từ thân tâm, hoàn cảnh bức bách mà không cảm thấy có sự chịu đựng.

28 **Niết-bàn:** bao gồm các nghĩa: diệt, tịch, tịch diệt, tịch tĩnh, diệt độ. Nguyên ngữ Phạn là nirvāna**,** nghĩa là sự thổi tắt ngọn lửa, hoặc trạng thái của sự tắt này. Về sau được dùng chỉ cho cảnh giới giải thoát, diệt sạch phiền não, hoặc chỉ cho vị tăng qua đời.

29 **Vô sinh nhẫn:** còn gọi Vô sinh pháp nhẫn, tức quán biết chắc thật lí không sinh không diệt mà tâm an trụ không lay động nơi lí này.

30 **Nhị thừa:** hai phương tiện đưa người đến giải thoát: Thanh văn và Duyên giác.

31 **Đồng tử:** Vốn chỉ cho thiếu niên nhỏ tuổi, nhưng trong kinh luận nhà Phật, từ này còn dùng để gọi các vị Bồ-tát.

32 **Lê-xa-tì**: một trong các chủng tộc sát-đế-lợi thuộc bộ tộc Bạt-kì ở thành Tì-xá-li, Trung Ấn-độ thời xưa.

33 **Vô thượng bồ-đề:** trí tuệ hay sự giác ngộ tối thượng của Phật.

34 **Đại thừa:** phương tiện rộng lớn, siêu việt đưa chúng sinh đến đại giác ngộ.

35 **Long vương:** vua loài rồng, một trong tám bộ chúng bảo vệ Phật pháp.

36 **Dược-xoa:** vị quỉ thần bảo vệ Phật pháp, gồm hai loại là đi trên đất và bay trên hư không vô cùng nhanh; một trong tám bộ chúng.

37 **Yết-lộ-trà**: còn gọi ca-lầu-la, Trung Quốc dịch là kim sí điểu; tức thần chim cánh vàng, chuyên ăn thịt loài rồng; một trong tám bộ chúng.

38 **Càn-thát-bà:** thần âm nhạc cõi trời, hầu cận Đế Thích, chỉ hưởng mùi hương, không dùng rượu thịt, là một trong tám bộ chúng.

39 **A-tu-la:** Trung Quốc dịch là vô tửu, vô nhan, phi thiên. Vị thần chuyên đánh nhau với trời Đế Thích, giống như trời nhưng phước báu không bằng trời; là một trong sáu đường, một trong tám bộ chúng.

40 **Khẩn-na-la:** cũng là thần âm nhạc. Vị thần này có âm giọng rất hay, giỏi múa hát, thân tướng giống như người, nhưng đầu có một sừng; một trong tám bộ chúng.

41 **Ma-hô-lạc-già:** Trung Quốc dịch là đại mãng xà, tức thần rắn, cũng là thần giữ miếu ở thế gian. Do lúc còn sống phá giới, tà kiến, siểm nịnh, bỏn xẻn, nhiều sân hận, ham thích rượu thịt, nên sau khi chết bị đọa làm loại quỉ thần này.

42 **Tám bộ:** tám nhóm chúng sinh bảo vệ Phật pháp: trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hô-lạc-già.

43 **Tứ Thiên vương:** bốn vị trời cai quản bốn ngọn núi ở bốn mặt lưng chừng núi Tu-di, chuyên bảo vệ thế gian. Đó là: thiên vương Trì Quốc ở phương đông, Tăng Trưởng ở phương nam, Quảng Mục ở phương tây, Đa Văn ở phương bắc.

44 **Ni-liên-thiền:** một nhánh của sông Hằng, chảy theo hướng nam-bắc, nằm ở phía đông thành Già-da, nước Ma-kiệt-đà, Trung Ấn-độ. Sau khi Đức Phật tắm nơi dòng sông này, Ngài đã nhận bát sữa của cô gái chăn bò dâng cúng, rồi đến cội Tất-bát-la thiền định bốn mươi chín ngày mà thành Chính giác.

45 **Thần Ha-lợi-để mẫu:** vị quỉ thần, mẹ của năm trăm quỉ con. Vì ác nguyện khi xưa, nên nay quỉ mẫu này chuyên ăn thịt trẻ con ở thành Vương Xá. Sau Đức Phật dùng phương tiện khéo léo hóa độ, vị thần phát tâm thụ năm giới.

46 **Địa thần Kiên Lao:** vị nữ thiên thần chủ quản đất đai, một trong mười hai vị trời cõi Sắc.

47 **Phạm vương:** tức Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Sơ thiền thuộc Sắc giới.

48 **Đế Thích:** tức Thích-đề-hoàn-nhân, vua trời Đao-lợi thuộc cõi Dục.

49 **Câu-chi:** danh từ số lượng của Ấn-độ thời xưa. Có ba thuyết: 1, tương đương mười vạn; 2, tương đương trăm vạn; 3, tương đương nghìn vạn.

50 **Do-tha:** gọi đủ na-do-tha, danh từ số lượng Ấn-độ thời xưa, tương đương nghìn ức.

51 **Đại kiếp:** một chu kì thành, trụ, hoại, không. Tức khoảng thời gian tám mươi trung kiếp, một trung kiếp gồm một lần tăng giảm.

52 **Mười thiện:** ba điều thiện thuộc về thân: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; bốn điều thiện thuộc về miệng: không nói dối, không nói lời ác, không nói thêu dệt, không nói lời li gián; ba điều thiện thuộc về tâm: không tham dục, không sân hận, không nhận thức sai lầm.

53 **Lưu li Đế thanh:** một loại ngọc quí màu xanh của trời Đế Thích.

54 **Tòa sư tử:** tòa ngồi của Đức Phật; vì Phật là sư tử trong loài người nên tòa của Ngài gọi tòa sư tử.

55 **Tam thiên đại thiên thế giới:** ba nghìn đại thiên thế giới. Một tiểu thế giới gồm một núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh có bốn châu lớn, bảy núi và tám biển vây quanh. Một nghìn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới; một nghìn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới; một nghìn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Vì đại thiên thế giới này gồm có ba thiên: tiểu thiên, trung thiên và đại thiên hợp thành, nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

56 **Diêm-phù:** gọi đủ là Diêm-phù-đề, một châu lớn ở phía nam núi Tu-di, là nơi mà loài người đang sinh sống, theo thế giới quan Phật giáo. Vì vùng đất này có nhiều cây diêm-phù *(Trung Quốc dịch là Uế thụ)* sinh trưởng nên có tên như thế.

57 **Hiền giả:** từ gọi những người tu thiện, chưa đoạn hoặc chứng chân lí. Hoặc từ gọi những vị đã chứng ngộ giai vị cao, như kinh *Tăng nhất a-hàm* 29 ghi: hiền giả Xá-lợi-phất, hiền giả Mục-kiền-liên…

58 **Ma vương:** ma Ba-tuần, vua cõi trời Tha Hóa Tự Tại, cõi Dục.

59 **Sa-môn:** từ gọi chung những người xuất gia, không kể Phật đạo hay ngoại đạo. Sa-môn gồm các nghĩa: siêng năng tu tập để đạt đến niết-bàn, đoạn dứt các điều ác…

60 **Phạm chí:** Trung Quốc dịch là Tịnh hạnh, là những Bà-la-môn chí cầu đạt được thanh tịnh, không nhơ để sinh Phạm thiên. Hoặc chỉ cho những ngoại đạo xuất gia.

61 **Phi nhân:** những chúng sinh không thuộc loài người, như tám bộ chúng trời, rồng, quỉ thần…

62 **Vô Thượng Chính Biến Tri:** từ tôn xưng Đức Phật, dịch nghĩa của chữ A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, cũng dịch là Vô thượng chính đẳng chính giác.

63 **Diệu Cao:** tức núi Tu-di, trung tâm của một tiểu thế giới, theo thế giới quan Phật giáo.

64 **Thế Tôn:** Từ tôn xưng Đức Phật, vì Ngài là bậc đầy đủ muôn đức, tôn quí nhất trên thế gian.

65 **Đại Giác:** Từ tôn xưng Đức Phật, vì sự giác ngộ của Ngài đã cùng tột, đầy đủ tự giác, giác tha.

66 **Thiện nam tử:** chỉ những người nam hiền thiện theo Phật nghe pháp, tin nhận hành trì.

67 **Kiến chấp về ngã:** chấp có thật ngã và ngã sở.

68 **Kiến chấp về nhân:** đối với thân năm uẩn, chấp thật có chủ thể sinh mạng sinh vào cõi người, chứ không phải cõi khác.

69 **Kiến chấp chúng sinh:** chấp thân do năm uẩn tạo thành này có thật thể.

70 **Kiến chấp thọ giả:** chấp trước thân năm uẩn này có một khoảng thời gian tồn tại, hoặc dài hoặc ngắn, không đồng.

71 **Tà kiến:** những nhận thức sai lầm.

72 **Ngã-ngã sở kiến:** chấp trước ngã và pháp thuộc ngã là thật và thường hằng.

73 **Đoạn kiến:** chấp ngã và thế gian chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định rồi sẽ vĩnh viễn diệt tận.

74 **Thường kiến:** chấp ngã và thế gian thường trụ.

75 **Chính kiến:** nhận thức đúng đắn, không sai lầm.

76 **Thiên Nhân Sư:** từ tôn xưng Đức Phật, bậc thầy của trời và người.

77 **Ứng Chính Đẳng Giác:** còn gọi Ứng Chính Biến Tri, từ tôn xưng Đức Phật. Tức gộp chung Ứng Cúng tức xứng đáng nhận cúng dường của trời người, Chính Biến Tri tức nhận biết chính xác tất cả các pháp.

78 **Bà-la-môn:** một chủng tộc hay giai cấp tăng lữ cao nhất ở Ấn-độ thời xưa. Tức chủng tộc tôn thờ Đại Phạm thiên và tu hạnh thanh tịnh.

79 **La-hầu-la:** vị A-la-hán, bậc nhất về mật hạnh, một trong mười đệ tử xuất sắc của Đức Phật.

80 **Lê-xa:** một dòng họ thuộc bộ tộc Bạt-kì, chủng tộc Sát-đế-lợi cư trú tại thành Tì-xá-li, Trung Ấn-độ thời xưa.

81 **Nhân giả**: từ ngữ dùng kính xưng một người.

82 **Xá-lợi:** Di cốt của một người. Về sau xá-lợi được dùng chỉ cho di thể của Đức Phật hoặc các thánh đệ tử còn lại sau khi hỏa táng.

83 **Đao-lợi:** tầng trời thứ hai cõi Dục, do Đế Thích làm chủ. Tầng trời này gồm ba mươi hai tòa thành bố trí tại tám phương, Đế Thích ngựhí tại trung ương, tổng cộng là ba mươi ba, nên gọi là trời Ba Mươi Ba.

84 **Độc giác**: còn gọi là Duyên giác, Bích-chi. Tức những bậc thánh tu tập lúc không có Phật ra đời, không được đích thân nghe lời Phật dạy, độc hành độc cư, không thích thuyết pháp giáo hóa, tự quán pháp mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Những pháp môn phương tiện đưa người đến quả vị Độc giác gọi là Độc giác thừa hay Duyên giác thừa.

85 **Cây chiêm-bặc**: một loại cây trổ hoa màu vàng và rất thơm, thường sinh trưởng ở các khu rừng nhiệt đới Ấn-độ và dãy Hi-mã-lạp.

86 **Cây đa-la:** một loại cây có thân rất cao, đến bảy tám mươi thước, quả chín chuyển sang màu đỏ như thạch lựu, ăn được; khi bị thân bị chặt đứt thì cây không thể nẩy chồi, đâm nhánh. Loại cây này phần nhiều sinh trưởng ở vùng Đông Ấn-độ.

87 **Cây khát-thụ-ra:** một loại cây giống như táo nhỏ, thường sinh trưởng ở Ba-tư, Đông Ấn-độ, Phi châu…. Quả của cây này bằng đầu ngón tay, có vị ngọt, thân chứa nhiều nước có thể gây men làm rượu.

88 **Cây am-la:** một loại cây giống như đào, gồm hai loại: một loại cho quả nhỏ, quả sống màu xanh, chín chuyển thành

vàng; loại khác cho quả lớn hơn, sống chín đều xanh. Trổ rất nhiều hoa, nhưng kết quả rất ít. Có người cho đây là cây xoài, có người cho là táo tàu, không biết ai đúng.

89 **Quả Tần-bà:** Trung Quốc dịch là quả Tương tư, quả bằng hạt đậu, màu đỏ.

90 **Hưu lưu:** chim cú mèo. Loại chim thường kiếm ăn ban đêm, vì ban ngày chúng không nhìn thấy.

91 **Hương sơn:** tức Hương Túy sơn, Côn-lôn sơn. Ngọn núi cao nhất, trung tâm của cõi Diêm-phù, nằm phía bắc hồ Vô Nhiệt.

92 **Pháp thân:** thân vô lậu vô vi, bất sinh bất diệt, là chân thân Phật, một trong ba thân.

93 **Như thị pháp:** pháp như vậy, đương nhiên xứng hợp với đạo lí như thật.

94 **Đại sĩ:** từ ngữ tôn xưng Bồ-tát.

95 **Phiền não chướng:** phiền não chướng ngại thánh đạo, ngăn cản con đường đến niết-bàn.

96 **Sở tri chướng:** chấp trước pháp sở chứng, chướng ngại trí tuệ. Tức tất cả những tri kiến thế gian chướng ngại trí tuệ giải thoát. Hoặc cho rằng tham sân si làm cho chúng sinh ngu muội, không nhận biết được sự tướng và thật tướng của các pháp.

97 **Hữu tình vô tính-Pháp vô tính:** tất cả loài có tình thức không có tự thể chân thật, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà hiện hữu; các pháp cũng như vậy, nên gọi là pháp vô tính.

98 **Thân y:** thân tức nơi nương tựa của thức thứ tám lưu chuyển hoàn diệt.

99 **Pháp y:** pháp tức chân như, nơi nương tựa của các pháp mê ngộ.

100 **Chân như pháp giới:** pháp giới của chân như, tức bản thể của chân như; hoặc nói chân như và pháp giới cùng một nghĩa, tức chỉ cho bản thể của vạn pháp, thường hằng bất động, vượt ngoài năng lực tư duy của ý thức.

101 **Thật tế bình đẳng:** lí thể chân như chân thật bình đẳng, bặt dứt nhị biên; tức đại niết-bàn rốt ráo.

102 **Chuyển y:** chuyển đổi chỗ nương tựa của các pháp nhiễm tịnh, sinh diệt thành nơi nương tựa của các pháp thanh tịnh thù thắng.

103 **Tùy phiền não:** những phiền não phụ thuộc, tùy thuận căn bản phiền não mà sinh khởi; gồm hai mươi món: mười tiểu tùy, hai trung tùy, tám đại tùy.

104 **Khách trần:** chỉ cho phiền não; vì phiền não vốn chẳng thuộc tâm, do mê lí mà khởi nên gọi là khách, làm ô nhiễm tâm như bụi nên gọi là trần.

105 **Pháp tính:** thể tính chân thật của các pháp**,** tức chân như thật tướng, pháp giới, niết-bàn.

106 **Hí luận:** những ngôn luận phi lí, không làm tăng trưởng các pháp thiện. Hoặc những lời cười đùa vô nghĩa làm vui lòng người, nhưng khiến tâm loạn động.

107 **Thị giáo lợi hỉ:** bốn giai đoạn mà Đức Phật dùng để giáo hoá chúng sinh. Trong đó, Thị là chỉ bày cho thấy, Giáo dạy bảo thực hành, Lợi là dẫn dắt khiến được lợi ích, Hỉ khen ngợi hạnh tu khiến chúng sinh vui.

108 **Mười hai thể loại:** số lượng bộ loại kinh điển mà Đức Phật đã nói trong một đời: khế kinh, trùng tụng, kệ cô

khởi, nhân duyên, bản sự, bản sinh, vị tằng hữu, thí dụ, luận nghị, vô vấn tự thuyết, phương quảng, thụ kí.

109 **Sát-đế-lợi:** giai cấp vua quan, giai cấp thứ hai trong bốn giai cấp trong xã hội Ấn-độ thời xưa.

110 **Phệ-xá:** giai cấp thương buôn, giai cấp thứ ba trong bốn giai cấp trong xã hội Ấn-độ thời xưa.

111 **Thủ-đà-la:** giai cấp nông dân và nô lệ, thấp nhất trong bốn giai cấp trong xã hội Ấn-độ thời xưa.

112 **Thiểu dục:** không tham cầu nhiều, tự biết đủ với hoàn cảnh hiện tại.

113 **Chính hạnh:** thực hiện pháp tu đúng đắn, không xen tạp, không sai biệt, không thiên lệch.

114 **Tà hạnh:** hạnh tu không đúng, trái chính pháp.

115 **Tám nạn:** tám trường hợp khó gặp được Phật, không đủ điều kiện, không có thời gian để tu tập Phật đạo: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, châu Bắc Câu-lô, cõi trời Trường Thọ, kẻ điếc đui câm ngọng, người thông minh luận giỏi ở thế gian, sinh ra không gặp Phật hoặc trước hoặc sau.

116 **Thiện tri thức:** người có thể mang lại lợi ích giác ngộ Phật đạo cho ta.

117 **Hóa thân, Ứng thân, Pháp thân:** Ba thân của Phật. Hóa thân là thân tuỳ căn cơ chúng sinh mà biến hóa, thị hiện nhiều hình để cứu độ; Ứng thân hay Báo thân là thân viên mãn công đức, báo đáp vô lượng hạnh nguyện khi tu nhân, thân này ứng hiện cho hàng Bồ-tát tam hiền-thập thánh thấy; Pháp thân là thân chân thật của Phật, không sinh diệt, vô lậu vô vi, hai thân trên đều từ thân này thị hiện.

118 **Chân đế:** nghĩa chắc thật của chân lí, tức thật nghĩa mà bậc thánh chứng ngộ.

119 **Trí như như như như:** tức pháp thân.

120 **Giả danh hữu:** các hiện hữu (pháp) do nhân duyên hòa hợp, không có thật thể, chỉ có tên suông.

121 **Chân thật hữu:** những hiện hữu chân thật, không do nhân duyên hoà hợp, không sinh diệt, không thuộc tạo tác, không biến chuyển.

122 **Pháp như như:** tất cả các pháp khế hợp với trí như như.

123 **Trí như như:** tức trí tuệ thể đạt nhị không, cũng tức là thật tướng bát-nhã.

124 **Định Vô tâm:** tức Diệt tận định, khi vào định này sẽ không còn tâm thức phân biệt loạn động.

125 **Niết-bàn hữu dư:** niết-bàn vẫn còn nương thân bốn đại; tức đã đoạn tận phiền não, chấm dứt nhân sinh tử vị lai, chứng niết-bàn, nhưng thân quả báo đời này chưa hết; đó là mới diệt trí chứ chưa diệt thân.

126 **Niết-bàn vô dư:** niết-bàn đã hoàn toàn không còn nơi nương tựa, tức đã đoạn trừ phiền não, chấm dứt thân năm uẩn; đã diệt thân diệt trí.

127 **Niết-bàn vô trụ:** niết-bàn mà không lìa sinh tử cũng không trụ niết-bàn.

128 **Tướng Biến kế sở chấp:** trạng thái chấp trước, suy lường, tính toán tất cả các pháp, là đặc tính của vọng tâm phàm phu.

129 **Tướng Y tha khởi:** tính nương vào nhân duyên mà sinh khởi, hoặc diệt tận.

130 **Tướng Thành tựu:** tính chân thật, thành tựu viên mãn tất cả công đức.

131 **Tâm khởi sự:** tâm tương ưng với phiền não kiến tư hoặc; khi các phiền não này phát khởi, khiến tạo tác các sự nghiệp, cảm quả dị thục. Hoặc cho rằng phiền não chướng và các sự nghiệp do nó phát khởi là tâm khởi sự. Tức sáu thức trước duyên với sáu trần, sinh khởi các pháp nhiễm tịnh.

132 **Tâm y căn bản:** tức thức tứ bảy, vì thức này nương căn bản mà sinh, cùng với thức thứ tám truyền dẫn khởi các pháp nhiễm tịnh.

133 **Tâm căn bản:** tức thức thứ tám, vì thức này hàm chứa các chủng tử thiện ác, khiến phát sinh các pháp nhiễm tịnh.

134 **Phục đạo:** đạo hữu lậu hay vô lậu chế phục phiền não tuỳ miên, không cho hiện hành.

135 **Đoạn pháp đạo:** gọi tắt là Đoạn đạo, đạo vô lậu chế phục, đoạn trừ phiền não và có năng lực đưa đến chứng ngộ.

136 **Tối thắng đạo:** tức vô thượng bồ-đề.

137 **Sự-Ý-Thể:** sự tức sự tướng, ý tức tâm , thể tức thật tính.

138 **Pháp bất cộng:** những pháp chỉ riêng Phật mới có, không chung với Thanh văn, Bồ-tát, như mười tám pháp bất cộng…

139 **Hữu vi:** những pháp do tạo tác mà thành, tức những pháp do nhân duyên sinh.

140 **Diệt thanh tịnh:** cảnh sở chứng thanh tịnh, tức niết-bàn rốt ráo thanh tịnh. Trí năng chứng thanh tịnh gọi là tuệ thanh tịnh.

141 **Thập địa:** tức Thập thánh, mười giai vị trong quá trình tu tập của Bồ-tát để tiến lên quả vị Phật: Hoan Hỷ địa, Li Cấu địa, Minh địa, Diệm địa, Nan Thắng địa, Hiện Tiền địa, Viễn Hành địa, Bất Động địa, Thiện Tuệ địa và Pháp Vân địa.

142 **Vô sở hữu:**: còn gọi là vô sở đắc, tên khác của không.

143 **Tướng và tướng xứ**: *tướng* tức là trí, *xứ* tức là cảnh; *tướng xứ* tức là cảnh sở quán của trí. Hoặc cho rằng tướng là nhân ngã, tướng xứ là pháp ngã.

144 **Đạo đế:** con đường chắc thật dẫn đến sự diệt khổ, tức phương pháp mà hành giả cần phải tu tập để đạt đến niết-bàn.

145 **Diệt đế:** cảnh giới của sự diệt khổ, tức niết-bàn**.** Cũng là kết quả đạt được sau khi tu tập thành tựu đạo đế.

146 **Bất thoái địa:** giai vị không còn lui sụt, ở đây chỉ cho giai vị Bồ-tát Sơ địa.

147 **Nhất sinh bổ xứ:** chỉ cho Bồ-tát Đẳng giác, vì Bồ-tát này cần phải một lần sinh đến nhân gian mới thành Phật.

148 **Kim cang tâm:** tâm cuối cùng của Bồ-tát**,** giai vị Bồ-tát Đẳng giác.

149 **Tam-muội:** còn gọi định, chính định. Trạng thái tâm an trụ vào một chỗ, một cảnh.

150 **Bốn thiền-bốn định:** bốn thiền cõi Sắc: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền; bốn định Vô Sắc: Không vô biên, thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tưởng phi phi tưởng.

151 **Thủ-lăng-nghiêm định:** môn thiền định gom giữ bền chắc tất cả pháp, là môn thiền định mà Phật và Bồ-tát Thập địa đạt được.

152 **Niệm xứ:** *niệm* là trí tuệ, *xứ* là đối cảnh, tức trí tuệ quán xét đối cảnh. Như bốn niệm xứ: quán thân, quán thụ, quán tâm, quán pháp; hoặc sáu niệm…

153 **Đại niệm pháp:** tức niệm pháp trong sáu niệm: Phật, pháp, tăng, thí, giới, thiên.

154 **Đà-la-ni:** Trung Quốc dịch là Tổng trì, tức năng lực của trí tuệ tóm thâu, giữ gìn vô lượng Phật pháp không để quên sót.

155 **Mười lực:** mười năng lực siêu việt của đức Phật: 1. Xứ phi xứ trí lực; 2. Nghiệp dị thục trí lực; 3. Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực; 4. Căn thượng hạ tri lực; 5. Chủng chủng thắng giải tri lực; 6. Chủng chủng giới trí lực; 7. Biến thố hành trí lực; 8. Túc trụ tùy niệm trí lực; 9. Sinh tử trí lực; 10. Lậu tận trí lực.

156 **Bốn vô sở úy:** bốn tâm tự tin, không sợ hãi mà lại an định, dõng mãnh thuyết pháp trước đại chúng của chư Phật và Đại Bồ-tát. Đó là: Chư pháp hiện đẳng giác vô úy, Nhất thiết lậu tận trí vô úy, Chướng pháp bất hư quyết định thụ kí vô úy, Vị chứng nhất thiết cụ túc xuất đạo như tính vô úy.

157 **Bốn vô ngại biện:** bốn năng lực diễn đạt ngôn từ và giảng giải nghĩa lí thông suốt, không ngăn ngại của Phật và Bồ-tát: 1.Từ vô ngại; 2. Ngữ vô ngại; 3. Nghĩa vô ngại; 4. Nhạo thuyết vô ngại.

158 **Mười tám bất cộng:** mươi tám năng lực chỉ Phật mới đạt được: 1. Thân vô thất; 2. Khẩu vô thất; 3. Niệm vô thất; 4. Vô dị tưởng; 5. Vô bất định tâm; 6. Vô bất tri dĩ xả tâm; 7. Dục vô giảm; 8. Tinh tiến vô giảm; 9. Niệm vô giảm; 10. Tuệ vô giảm; 11. Giải thoát vô giảm; 12. Giải thoát tri kiến vô giảm; 13. Tất cả thân nghiệp tùy trí

tuệ mà thực hành; 14. Tất cả khẩu nghiệp tuỳ trí tuệ mà nói năng; 15. Tất cả ý nghiệp tuỳ trí tuệ mà tư duy; 16. Trí tuệ thấy biết quá khứ vô ngại vô chướng; 17. Trí tuệ thấy biết vị lai vô ngại vô chướng; 18. Trí tuệ thấy biết hiện tại vô ngại vô chướng.

159 **Trung đạo:** con đường trung chính, xa lìa cực đoan, không thiên về bất cứ bên nào, quan điểm nào, phương thức nào.

160 **Sở thủ-năng thủ:** chủ thể nhận thức (năng thủ) và đối tượng nhận thức (sở thủ). Tâm ý thức có khả năng nhận thức gọi là năng thủ; ngoại cảnh như sắc… là đối tượng bị nhận thức, nên gọi là sở thủ.

161 **Học xứ**: những điều mà các tì-kheo, tì-kheo-ni cần phải học, phần nhiều chỉ cho giới luật.

162 **Trạo hối:** tức là trạo và hối. Trạo là trạng thái tâm lăng xăng, loạn động không yên; hối là tâm lo buồn, hối tiếc với việc mình đã làm. Hai thứ phiền não này làm cho tâm không yên tĩnh, chướng ngại thánh đạo.

163 **Sơ địa:** tức Hoan hỉ địa, giai vị đầu tiên của mười địa, cũng là giai vị thứ bốn mươi mốt trong năm mươi hai giai vị nói trong kinh *Hoa nghiêm*.

164 **Thiện phương tiện:** phương pháp khéo léo, thích hợp với mọi loài, mọi nơi chốn và thời gian.

165 **Chân tục:** chân đế và tục đế. Chân đế chỉ cho lí chân thật bình đẳng; Tục đế là đạo lí thế gian, tức đạo lí mà tất cả người đời đều biết.

166 **Hành tướng:** trạng thái ảnh tượng hiển hiện nơi tâm, hoặc tác dụng nhận thức của tâm và tâm sở khi đối cảnh.

167 **Tướng diệt:** tướng hoại diệt của các pháp hữu vi, trong khoảng sát-na liền trở về quá khứ.

168 **Tướng sinh:** khiến cho pháp hữu vi từ vị trí chưa hiện hữu chuyển thành hiện hữu.

169 **Lục thông:** sáu năng lực thù thắng của bậc thánh tam thừa: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mệnh thông và lậu tận thông.

170 **Khổ tập:** khổ đế và tập đế. Khổ đế là đạo lí chắc thật về sự khổ thế gian; Tập đế là đạo lí chắc thật về nguyên nhân của khổ.

171 **Tập khí:** những thói quen hình thành nơi tâm do tư tưởng và hành vi tương tục huân tập vào; nói cách khác, đó là những kinh nghiệm, thói quen mà con người tích luỹ được.

172 **Hoặc chướng**: những phiền não mê lầm chướng ngại Thánh đạo.

173 **Nghiệp chướng:** những tư tưởng, hành vi bất thiện của thân miệng và ý chướng ngại thánh đạo

174 **Trí chướng:** những sở tri chướng ngại cho trí tuệ giác ngộ.

175 **Bất dị như như:** ba pháp hoặc, nghiệp, trí thanh tịnh bình đẳng, không sai biệt.

176 **Nhất vị như như:** chỉ thuần một vị vô lậu.

177 **Ba cõi:** cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

178 **A-tăng-kì:** một đơn vị số lượng của Ấn-độ, là số cực lớn không thể tính đếm được.

179 **Thụ kí:** lời báo trước cho một người sẽ chứng quả, cùng danh hiệu, cõi nước của vị đó ở đời vị lai.

180 **Cõi tam thiên:** tức tam thiên đại thiên thế giới; một thế giới được thành lập bởi một nghìn tiểu thế giới, một nghìn trung thế giới và một nghìn đại thế giới.

181 **Nhất thiết trí**: trí tuệ thông đạt tất cả pháp, tức trí Phật, một trong ba trí.

182 **Trí túc mạng:** trí nhớ biết những việc đời trước của mình.

183 **Ngục Vô gián:** địa ngục nằm dưới cùng trong số tám địa ngục chồng lên nhau rất sâu bên dưới cõi Diêm-phù-đề. Người phạm một trong các tội ngũ nghịch, sau khi chết sẽ bị đọa ngay vào địa ngục A-tì mà không qua thân trung ấm, chịu khổ ngày đêm, không phút giây gián đoạn trong một kiếp.

184 **Lưỡng Túc Tôn:** danh hiệu của Phật, gồm hai nghĩa: một, đấng tôn quí nhất trong loài chúng sinh hai chân; hai, đấng đầy đủ phước và trí.

185 **Căn, lực, đạo, giác chi:** năm căn: tín, tiến, niệm, định, tuệ; năm lực: tín, tiến, niệm, định, tuệ; tám giác đạo: chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm, chính định; bảy giác phần: niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỉ, khinh an, định và xả.

186 **Mười nghiệp thiện:** mười hành vi lành giúp con người sau khi chết sinh về cõi trời: không sát sinh; không trộm cướp; không tà dâm; không vọng ngữ; không ỷ ngữ; không lưỡng thiệt; không ác khẩu; không tham; không sân; không si.

187 **Đấng Thập Lực:** Đức hiệu của chư Phật, vì Phật đầy đủ mười năng lực.

188 **Tám chỗ không an:** tám nơi mà hữu tình sinh vào, sẽ khó gặp Phật, nghe pháp: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, Bắc Câu-lô châu, trời Trường Thọ, điếc đui câm ngọng, trí tuệ thế gian luận biện thông suốt, sinh trước hoặc sau Phật.

189 **Thiện Thệ:** từ tôn xưng Đức Phật; cũng là một trong mười hiệu của Phật, nghĩa là Như Lai đã thật đến bờ kia, nhưng khéo trở lại biển sinh tử độ chúng sinh.

190 **Cát Tường:** tướng chữ Vạn trên thân Đức Phật, một kí hiệu của điềm lành.

191 **Cõi ba nghìn:** tức tam thiên đại thiên thế giới.

192 **Diệu Cao:** núi Tu-di, vốn là ngọn núi trong thần thoại Ấn-độ, được Phật giáo sử dụng. Núi này là trung tâm của tiểu thế giới, có tám lớp núi và chín lớp biển vây quanh.

193 **Sáu pháp ba-la-mật:** Sáu pháp đưa hành giả đến bờ giải thoát bên kia: bố thí, giữ giới, tinh tiến, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ.

194 **Ba thừa:** ba cổ xe, tức là ba phương tiện đưa người đến chốn giải thoát: Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát.

195 **Cây Bảo vương:** một loại cây báu ở tịnh độ Phật.

196 **Biển hữu:** biển ba cõi.

197 **Vui theo:** tùy hỉ, tức vui theo việc làm hoặc thành quả của người khác.

198 **Năm trược:** năm loại xấu ác và suy hoại xảy ra vào kiếp giảm, hoặc thời mạt pháp: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược và mạng trược.

199 **Chuyển bánh xe diệu pháp:** Đức Phật thuyết Tứ đế Hữu giáo.

200 **Trì bánh xe diệu pháp**: Đức Phật thuyết diệu lí ba tính và chân như bất không, phá thời thứ hai, giúp hàng tam thừa tu trì, nên gọi là trì pháp luân.

201 **Chiếu bánh xe diệu pháp:** Đức Phật thuyết Bát-nhã Không giáo, tức dùng Không chiếu phá hữu, nên gọi là Chiếu Pháp luân.

202 **Sáu đường:** sáu nơi mà các hữu tình tùy theo nghiệp thiện ác đã tạo sinh về: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, a-tu-la, trời, người.

203 **Pháp thí:** giảng nói giáo pháp cho người nghe.

204 **Sát-na:** thời gian cực ngắn, như chớp mắt…

205 **Chuyển luân thánh vương:** vị vua làm cho chính pháp ngự trị ở thế gian, trị bốn châu chung quanh núi Tu-di. Cõi nước vị vua này trị vì rất giàu đẹp, nhân dân an lạc. Vua có đầy đủ bảy báu: xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, đại thần coi về kho tàng, đại thần nắm binh quyền. Vua có bốn đức: sống lâu, không bệnh tật, dung mạo đẹp đẽ, nhiều kho báu.

206 **Cõi Tứ Thiên Vương:** trời thứ nhất trong sáu tầng trời cõi Dục, tầng trời đầu tiên trong các thiên xứ. Tầng này có bốn vị trời cai quản: Trì Quốc Thiên ở phía Đông, Tăng Trưởng thiên ở phía Nam, Quảng Mục ở phía tây và Đa Văn ở phương bắc.

207 **Dạ-ma:** tầng trời thứ ba trong sáu tầng trời cõi Dục.

208 **Đâu-suất:** trời Đao-lợi, tầng trời thứ tư trong cõi Dục. Tầng trời này chia làm hai là Nội viện và Ngoại viện. Bồ-tát Di-lặc đang thuyết pháp giáo hóa chư thiên tại Nội viện.

209 **Lạc Biến Hóa thiên:** cõi trời thứ năm trong sáu tầng trời cõi Dục. Chư thiên cõi này dùng sức thần thông của mình tự tại biến hóa ra các niềm vui để hưởng thụ.

210 **Tha Hóa Tự Tại:** cõi trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục. Chư thiên cõi này mượn niềm vui do cõi trời khác biến hóa ra để tự vui.

211 **Phạm Chúng:** tầng trời thứ nhất trong các tầng trời Sơ thiền thuộc cõi sắc, vì cõi trời này là nơi thiên chúng cư trú, nên gọi là Phạm chúng thiên. Thiên chúng cõi này cao nửa do-tuần, sống lâu một nửa kiếp.

212 **Phạm Phụ:** tầng trời thứ hai trong các tầng trời sơ thiền thuộc cõi Sắc, phụ tướng của Đại Phạm Thiên. Bởi vì thiên chúng của cõi trời này thường nghĩ việc lợi ích cho Phạm thiên.

213 **Đại Phạm:** tầng thứ ba thuộc Sơ thiền cõi Sắc. Theo quan niệm của Ấn-độ thời cổ, Đại Phạm thiên là cha của chúng sinh, biết hết tất cả nghĩa lý trong sách vở, thống lĩnh Đại thiên thế giới, làm cho con người tồn tại và độc lập, không do người tạo ra.

214 **Thiểu Quang:** tức Thiểu Quang thiên, tầng trời thứ nhất trong ba tầng trời thuộc Nhị thiền cõi Sắc. Ánh sáng của tầng trời này so với ba tầng trời trong Nhị thiền thì ít hơn, nên gọi là Thiểu Quang.

215 **Vô Lượng Quang:** Vô Lượng Quang thiên, tầng trời thứ hai của Nhị thiền cõi Sắc. Khi các vị trời ở cõi này nói chuyện, trong miệng họ chiếu ra vô lượng ánh sáng, nên gọi là Vô Lượng Quang.

216 **Cực Quang:** Cực Quang Tịnh thiên, trời Quang Âm, cõi trời thứ ba của Nhị thiền. Chúng trời này không dùng

ngôn ngữ, chỉ dùng định tâm phát ra ánh sáng để hiểu ý nhau.

217 **Thiểu Tịnh:** Thiểu Tịnh thiên, tầng trời thứ nhất trong Tam thiền, cõi Sắc. Thiên chúng cõi này thụ nhận niềm vui tịnh diệu, nhưng ít hơn các trời khác ở Tam thiền, nên gọi là Thiểu Tịnh.

218 **Vô Lượng Tịnh:** Vô Lượng Tịnh thiên, tầng trời thứ hai của Tam thiền, một trong mười tám tầng trời cõi Sắc. Thiên chúng ở cõi này hưởng niềm vui thù thắng hơn tầng trời thứ nhất, tương ưng với tầng thứ ba, nên gọi là Vô Lượng Tịnh.

219 **Biến Tịnh:** Biến Tịnh thiên, cõi trời cao nhất trong Tam thiền, một trong mười tám tầng trời cõi Sắc. Người sinh trên tầng trời này được thụ lạc đầy đủ, nên gọi là Biến Tịnh.

220 **Vô Vân:** Vô Vân thiên, tầng trời thứ nhất trong Tứ thiền. Cõi trời này không có khổ, vui, lo, mừng, chỉ có xả thụ, nên gọi là Vô Vân.

221 **Phước Sinh:** Phước Sinh thiên, tầng trời thứ bảy trong Tứ thiền ở cõi Sắc, người nào sinh vào cõi này thụ dụng phước lợi tương ưng với trí, niệm, xả…, nên gọi là Phước Sinh.

222 **Quảng Quả:** Quảng Quả thiên, cõi tối thắng nhất trong Tứ thiền để hàng phàm phu sinh về. Phía trên cõi này là trời Ngũ Tịnh Cư, chỉ có bậc thánh sinh về mà thôi.

223 **Vô Phiền:** Vô Phiền thiên, tầng trời thứ năm trong Đệ Tứ thiền, một trong mười tám tầng trời cõi Sắc, một trong năm tầng trời Tịnh Cư. Thân Thiên chúng cõi này cao một nghìn do-tuần, thọ mạng bốn nghìn đại kiếp.

224 **Vô Nhiệt:** Vô Nhiệt thiên, tầng trời thứ tư thuộc đệ tứ thiền, một trong mười tám tầng trời cõi Sắc, một trong năm tầng trời Tịnh Cư. Thiên chúng cõi này đã hàng phục và diệt trừ được các chướng bậc thượng và bậc trung của Tạp tu tĩnh lự, ý vui điều hòa, lìa các sự nóng bức, nên gọi là Vô Nhiệt.

225 **Thiện Kiến:** Thiện Kiến thiên, một trong mười tám tầng trời cõi Sắc, tầng trời thứ tư trong năm cõi trời Tịnh Cư. Chư thiên ở tầng trời này nhờ có định lực thù thắng mà thấy được thông suốt, nên gọi là Thiện Kiến.

226 **Thiện Hiện:** Thiện Hiện thiên, tầng trời thứ ba trong năm tầng trời Tịnh Cư, tức tầng trời thứ ba trong Tứ thiền cõi Sắc. Thiên chúng cõi này đã được Tạp tu tĩnh lự thượng phẩm, quả đắc dễ hiện bày, nên gọi là Thiện Hiện.

227 **Sắc Cứu Cánh:** Sắc Cứu Cánh thiên, cõi trời cao nhất trong Tứ thiền thiên thuộc cõi Sắc, một trong năm cõi trời Tịnh Cư. Người tu Tứ thiền được thượng phẩm thì sinh về cõi này. Quả báo của cõi trời này thù thắng nhất trong cõi Sắc. Tuổi thọ của chư thiên cõi này 16.000 đại kiếp, thân cao 1.600.000 do-tuần.

228 **Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn và A-la-hán:** Bốn quả Thanh văn. 1. Dự lưu: thánh quả đầu tiên trong bốn thánh quả của Thanh văn thừa. Quả vị có được do đoạn hết kiến hoặc. Vì mới vào dòng thánh nên gọi là Nhập lưu; vì đoạn kiến hoặc trong ba cõi, đi ngược dòng sinh tử, nên goi là Nghịch lưu; vì mới chứng thánh quả, dự vào dòng thánh nên gọi là Dự lưu, còn bảy lần sinh tử mới chứng Niết-bàn.

2. Nhất lai: chỉ những bậc thánh đã chứng quả Dự lưu, tiếp tục đoạn trừ sáu phẩm tu hoặc của cõi Dục, còn phải

chịu một lần thụ sinh từ cõi trời xuống nhân gian mới nhập Niết-bàn, nên gọi là Nhất lai.

3. Bất hoàn: quả thứ ba trong bốn quả Thanh văn. Quả vị này đã đoạn hết chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục và không còn thụ sinh trở lại cõi Dục.

4. A-la-hán: Bậc Thánh đã đoạn hết kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi, chứng được tận trí, xứng đáng nhận tất cả sự cúng dường của thế gian; một trong bốn quả Thanh văn. Thánh giả chứng nhập quả vị này, bốn trí viên dung vô ngại, không còn pháp nào đáng học nên gọi là Vô học.

229 **Trí Nhất thiết trí:** trí tuệ Nhất thiết trí, chỉ cho trí tuệ của đức Phật; còn trí của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chỉ gọi là Nhất thiết trí.

230 **Giới Bồ-tát:** giới mà Bồ-tát Đại thừa phải thụ trì. Nội dung nói về tam tụ tịnh giới, gồm có: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới. Tức gom tất cả ba môn lớn của pháp Phật: giữ luật nghi, tu thiện pháp, độ chúng sinh lập thành giới luật để thụ trì.

231 **Nhất sinh bổ xứ:** người còn sinh tử một lần cuối, nghĩa là sau đời sống hiện tại này sẽ được thành Phật tại nhân gian. "Bổ xứ" chỉ cho địa vị Bồ-tát tối cao, là Bồ-tát Đẳng giác, như ngài Di-lặc.

232 **Cõi Dục:** chỗ ở của loài hữu tình nặng về thực dục, dâm dục, thùy miên dục. Cõi Dục bao gồm: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, a-tu-la, người và sáu tầng trời cõi Dục.

233 **Núi Tu-di:** tức núi Diệu Cao.

234 **Du-thiện-na:** tức do-tuần, một đơn vị đo chiều dài thời xưa của Ấn-độ, tương đương với bốn mươi, hoặc ba mươi, hoặc mười sáu dặm, tùy theo mỗi thuyết.

235 **Sáu ba-la-mật:** tức sáu độ.

236 **Hoa man-đà-la:** một loài hoa thường nở vào mùa hè, màu hồng rất đẹp. Cây hoa này thường sinh trưởng ở Ấn-độ, cành lá rậm rạp, xanh tốt, sau khi nở hoa, khoảng tháng sáu, tháng bảy thì kết trái.

237 **Ô-ba-sách-ca:** cư sĩ nam, tức người nam thụ trì năm giới của Phật.

238 **Ô-ba-tư-ca:** cư sĩ nữ, tức người nữ thụ trì năm giới của Phật.

239 **Sự nghiệp:** tức các hành nghiệp tạo tác.

240 **Cần sách ba-la-mật:** tức tinh tiến ba-la-mật.

241 **Tĩnh lự ba-la-mật:** tức thiền định ba-la-mật.

242 **Nhị biên:** hai bên có-không, đoạn-thường, nhất-dị, sinh-diệt.

243 **Phiền não kiến hoặc:** những phiền não do mê chấp lí tứ đế, được đoạn diệt khi đạt đến giai vị Kiến đạo.

244 **Phiền não tu hoặc:** những phiền não do mê chấp các hiện tượng-sự vật, được đoạn diệt khi đạt đến giai vị Tu đạo.

245 **Năm minh:** năm môn học ở Ấn-độ thời cổ. Đó là:

Thanh minh: môn học về ngôn ngữ văn chương.

Công xảo minh: môn học về lịch toán, kĩ thuật, công nghệ.

Y phương minh: môn học về y dược chú pháp.

Nhân minh: môn học về luận lí.

5. Nội minh: môn học về tông chỉ của tôn phái mình.

246 **Tâm hành:** những hoạt động hay trạng thái biến hóa của tâm, như vui, buồn, yêu, ghét…

247 **Xa-ma-tha:** Trung Quốc dịch là CHỈ, một trong bảy pháp thiền định, tức nhiếp tâm trụ nơi duyên, đình chỉ những hoạt động của tâm.

248 **Tì-bát-xa-na:** Trung Quốc dịch là QUÁN, tức tư duy, quán xét một yếu lí hoặc một sự vật đặc định nào đó để phát sinh chính trí.

249 **Vị Quán đảnh:** quán đảnh vốn là nghi thức thời xưa của Ấn-độ, đó là dùng nước bốn biển rưới lên đầu vị hoàng tử lúc vừa lên ngôi báu, biểu thị ý chúc phúc của thiên hạ; sau nghi thức này, vị ấy mới chính thức trở thành hoàng đế. Ở đây nói giai vị Bồ-tát Đẳng giác được các Đức Phật mười phương quán đảnh mà thành Phật. Mật giáo luôn áp dụng nghi thức này cho người sắp thụ học Mật pháp, hoặc tiến thăng giai vị.

250 **Chúng sinh giới:** thế giới mà chúng sinh đang cư trú; hoặc chỉ chung cho chín cõi trong mười cõi, trừ cõi Phật.

251 **Mười hai hành pháp luân tứ đế:** ba lần chuyển pháp luân tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo). Tức là thị chuyển bốn đế, khuyến chuyển bốn đế, chứng chuyển bốn đế.

252 **Nước đủ tám đặc tính:** trong sạch, mát mẻ, ngon ngọt, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn.

253 **Hoa ưu-bát-la:** hoa sen xanh.

254 **Hoa câu-vật-đầu:** hoa sen trắng, cọng nhỏ tròn, ăn được.

255 **Hoa phân-đà-lợi:** cũng một loại hoa sen trắng.

256 **Hành pháp:** phương pháp tu hành. Ở đây nói quán tưởng đạo lí mười hai nhân duyên liên tục, không gián đoạn.

257 **Nghĩa-danh-cú-văn:**

- Nghĩa: Ý nghĩa, đạo lí. Trong các kinh điển Phật giáo, tùy theo ý nghĩa được hiển bày hoặc tùy theo văn cảnh mà chữ nghĩa được dùng khác nhau, như Liễu nghĩa, Bất liễu nghĩa, Đệ nhất nghĩa, Thắng nghĩa…

- Danh: thông thường chỉ cho tên gọi, nhưng theo Phật học thì tùy theo âm thanh gọi vật thể mà người nghe danh tưởng đến tướng của vật thể. Thế nên, danh là một trong hai mươi bốn món tâm Bất tương ưng hành pháp; một trong bảy mươi lăm pháp của tông Câu-xá; một trong một trăm pháp của tông Duy thức.

- Cú: chương cú để dùng giải thích nghĩa lí của sự vật, một trong bảy mươi lăm pháp của tông Câu-xá; một trong một trăm pháp của tông Duy thức.

- Văn: nghe. Nghe và tin hiểu giáo pháp gọi là Văn pháp. Đệ tử Phật thường nghe thanh giáo gọi là Thanh văn.

258 Từ đây đến hết kinh, người dịch căn cứ theo chính văn tiếng Phạn của các bài thần chú mà trực tiếp phiên âm thành tiếng Việt, chứ không qua âm Hán. Nguyên âm Phạn của bài thần chú này: *Tadyathā pūrṇi mantrate tuhu tuhu tuhu yava-sūrya avabhāsati yava-candra cukuti tavata raksa maṃ caṇḍa pariharaṃ kuru svāhā*.

259 **Năm chướng:** năm chướng ngại trong việc tu tập. Đó là:

Phiền não chướng: chướng ngại do các phiền não căn bản.

Nghiệp chướng: chướng ngại do nghiệp ác ở quá khứ, hiện tại.

Sinh chướng: chướng ngại do nghiệp kiếp trước mà sinh vào hoàn cảnh xấu.

Pháp chướng: do đời trước không gặp thiện tri thức, nên chướng ngại không được nghe chính pháp.

5. Sở tri chướng: dù nghe chính pháp nhưng bị các thứ nhân duyên ràng buộc, nên không thể tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

260 **Pháp nhãn tịnh:** mắt pháp, tức mắt có năng lực quán sát chân lí các pháp mà không bị chướng ngại và nghi hoặc.

261 **Tần-bà:** quả của cây bimba, Trung Quốc dịch là Tương tư. Quả có màu đỏ tươi.

262 **Sa-la:** một loại cây cao thuộc họ long não, sinh trưởng ở vùng nhiệt đới như Ấn-độ... Cây cao khoảng ba mươi hai mét, lá hình bầu dục, nhưng đầu nhọn, dài khoảng mười sáu đến hai lăm phân, rộng khoảng từ mười đến mười sáu phân; hoa nhỏ, màu vàng nhạt. Thân cây cho gỗ cứng chắc, có thể dùng trong xây dựng; nhựa cây này có thể dùng thay thế nhựa tùng, có thể ép quả lấy dầu.

263 **Hữu Đảnh:** tầng trời thứ chín thuộc Tứ thiền của cõi Sắc, là đỉnh cao nhất của thế giới hữu hình. Ngoài ra, Hữu Đảnh cũng chỉ cho tầng trời thứ tư của cõi Vô Sắc, tức là cõi Phi Phi Tưởng Xứ, vì tầng trời này là đảnh, cao nhất của ba cõi.

264 **Hữu lậu:** lậu nghĩa là rỉ chảy, tên khác của phiền não, vì phiền não từ sáu căn của chúng sinh rỉ chảy không dừng, khiến trôi lăn trong thế giới mê vọng, không có ngày chấm dứt.

265 **Vô lậu:** không còn phiền não rỉ chảy, thanh tịnh vô vi.

266 **Đệ nhất nghĩa:** chân lí sâu xa, nhiệm mầu, vượt trên tất cả pháp.

267 **Sáu giặc:** sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì sáu trần lấy sáu căn làm môi giới cướp đoạt tất cả pháp thiện, nên dụ như giặc.

268 **Sáu căn:** sáu giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

269 **Tri, Tác giả:** *Tri* tức Tri giả, chủ thể nhận biết; *Tác giả* tức chủ thể tạo tác.

270 **Dị quả:** quả dị thục, tức quả báo thành hình ở một thời gian khác.

271 **Năm uẩn:** năm yếu tố tạo thành tất cả pháp hữu vi: sắc uẩn, thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

272 **Tha Hóa Tự Tại:** tầng trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục. Cõi trời này lấy cảnh dục do các cõi trời thấp hơn biến hóa ra để làm niềm vui của mình, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại.

273 **Phàm phu dị sinh:** hàng phàm phu luân hồi trong ba cõi, nhận lãnh nhiều loại quả báo khác nhau. Hoặc nói dị sinh tức tên gọi khác của phàm phu.

274 **Đại kiếp:** một chu kì thành trụ hoại không, tức thời gian tám mươi lần tăng giảm; Cựu dịch tương đương bốn trung kiếp. Tân dịch tương đương tám mươi trung kiếp.

275 **Thiên Nhân Sư:** thầy của cả trời và người, tức Đức Phật.

276 **An-tức:** Loại hương liệu được chiết xuất từ cây An-tức.

277 **Chiên-đàn:** một loại cây có mùi thơm, cao khoảng 8m, lá nhọn, dài khoảng 5cm mọc cân đối, hoa có ô, trái tròn to khoảng bằng cái kén tằm, khi chín màu đen, có nhiều

nước, hạt cứng, gỗ thơm, rễ được nghiền ra làm bột đàn hương hoặc chế dầu thơm. Sách *Bản thảo cương mục* gọi cây này là Bạch đàn, Đàn hương.

278 **Long não:** một loại hương được tinh chế từ cây long não. Đây là một loại cây thân cao, khoảng từ bốn mươi đến sáu mươi mét, là mọc đối xứng, hình bầu dục, đuôi nhọn; hoa màu trắng, rất thơm.

279 **Tô hợp:** một loại hương liệu tổng hợp các loại hương khác; hoặc cho rằng đây là hương được chiết xuất từ nhựa cây Kim-lũ-mai.

280 **Đa-yết-la:** hương đa-yết-la, tức hương linh lăng.

281 **Huân lục:** hương được lấy từ cây Huân lục. Mùi hương này giống như nhựa tùng, khói màu vàng nhạt.

282 **Cù-ma:** phân bò hoặc phân trâu.

283 **Ca-lị-sa-ba-na:** một đơn vị tiền tệ Ấn-độ thời xưa, tương đương hai mươi ma-sái; một ma-sái tương đương tám mươi tiền đồng Trung Hoa.

284 **Bát quan trai:** tám điều Đức Phật qui định cho Phật tử tại gia đến chỗ chư tăng một ngày một đêm, thực tập đời sống xuất gia, phòng hộ ba nghiệp thân, khẩu, ý, đóng các nẻo ác. Đó là: không sát sinh; không trộm cắp; không tà dâm; không nói dối; không uống rượu; không nằm hoặc ngồi giường rộng ghế cao trang trí đẹp đẽ; không thoa hương phấn, đeo vòng hoa và xem nghe ca múa; không ăn phi thời. Trong tám giới, bảy chi trước là giới, chi ăn phi thời là trai, gọi chung là Bát quan trai giới.

285 **Xuất li:** lìa cõi mê, ra khỏi khổ sinh tử luân hồi, thành tựu Phật đạo, để đạt đến cảnh giới giải thoát; cũng tức xuất li lao ngục ba cõi, thoát khỏi sự trói buộc của hoặc nghiệp.

286 **Chú quỉ khởi thi:** trì chú vào thi thể người chết khiến đứng dậy đi giết người.

287 **Bố-sái:** tức ngày mồng tám mỗi tháng.

288 **Khủy tay**: một đơn vị do chiều dài của Ấn-độ thời xưa, tương tương với hai mươi bốn lóng tay**.**

289 **Tam-ma-địa**: tam-muội, trạng thái tâm chuyên chú vào một cảnh, không hôn trầm, điệu cử.

290 **Na-la-diên:** một vị thần có sức mạnh vô địch trong truyền thuyết Ấn-độ cổ đại, còn gọi là Kim Cang lực sĩ, Nhân Trung lực sĩ**.**

291 **Đại thế chủ:** tức Kiều-đàm-di, dì ruột của thái tử Tất-đạt-đa.

292 **Phật-đà:** phiên âm đủ của từ Buddha, gọi tắt là Phật, Trung Quốc dịch là Giác giả, Trí giả.

293 **Đạt-ma:** phiên âm của từ Dharma, Trung Quốc dịch là Pháp, chỉ cho giáo pháp của Đức Phật, một trong ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng.

294 **Tăng-già:** phiên âm của từ Saṃgha, Trung Quốc dịch là Chúng, tức tập thể tì-kheo hay tì-kheo-ni từ bốn người trở lên sống trong tinh thần hòa hợp.

295 **Bốn hướng:** Tu-đà-hoàn hướng, Tư-đà-hàm hướng, A-na-hàm hướng, A-la-hán hướng. Hướng tức là hướng đến, sắp đến chứ chưa đến.

296 **Mẹ chúng quỉ:** tức quỉ mẹ của năm trăm quỉ con, âm Hán là quỉ tử mẫu.

297 **Cỏ Tô-ma:** một loại cỏ mọc lan khắp mặt đất, nước được ép từ cỏ này có thể làm men rượu.

298 **Thiện-na:** gọi tắt của từ du-thiện-na.

299 **Ranh giới Kim cang:** giới hạn cuối cùng của Kim cang luân, một trong ba lớp hình thành khí thế gian.

300 **Hoàng nhiệt:** bệnh sốt rét.

301 **Đàm âm:** một loại bệnh thuộc về thủy khí trong lồng ngực, tức chất dịch bị khí làm cho ngưng kết lại, kéo dài như sợi gân, nếu đưa lên phế quản sẽ làm khó thở, hoặc thở khò khè, cũng như bệnh kéo đàm mà ta thường gọi.

302 **Ha-lê-lặc:** một loại quả hơi tròn như trứng gà, màu vàng chanh, dùng để chữa bệnh mắt và làm thông đại tiểu tiện. Đây là một trong năm thứ thuốc được nói trong luật điển thời xưa.

303 **Ba quả, ba loại cay:** ba quả: ha-lê-lặc-ca, a-ha-lạc-ca, tỉ-tỉ-đắc-ca; ba loại cay: gừng, hồ tiêu, tất-bát-la.

304 **Mười hai nhân duyên:** mười hai chi làm nhân quả cho nhau khiến chúng sinh luân hồi trong ba cõi không bao giờ thoát. Mười hai chi này giống như vòng xích không có đầu cuối, đó là: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử ưu bi khổ não.

305 **Thượng sĩ:** bậc đã thành tựu trọn vẹn tự lợi và lợi tha, tức Bồ-tát; hoặc chỉ cho những người có căn tính bậc thượng.

306 **Diệu pháp cam lộ:** pháp vị của Phật pháp thật nhiệm mầu, giống như cam lộ, vị thuốc trường sinh bất tử trưởng dưỡng thân tâm chúng sinh.

307 **Thành cam lộ:** tức thành Niết-bàn.

308 **Vui cam lộ:** niềm vui nơi Niết-bàn

309 **Dương diễm:** thường gọi là sóng nắng.

310 **Phạm âm:** âm thanh vi diệu, thanh tịnh của Phật, Bồ-tát, một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật. Phạm âm này có năm năng lực:

- Rền vang như sấm.

- Trong lắng vang xa, người nghe sinh tâm vui mừng.

- Khiến người sinh tâm kính ái.

- Dễ nhận biết.

- Người nghe không chán

311 **Cam lộ vô sinh:** Niết-bàn vô sinh.

312 **Bốn Phạm trụ:** tức bốn tâm vô lượng mà Phạm thiên an trụ: từ, bi, hỉ, xả.

313 **Bốn thánh đế:** bốn đế, tức bốn chân lí chắc thật: khổ, tập, diệt, đạo.

314 **Bốn ma:** bốn thứ ma cướp mất sinh mạng và tuệ mạng của con người. Đó là:

- Ngũ ấm ma: sắc, thụ, tưởng, hành, thức chứa nhóm, tạo thành quả khổ sinh tử. Pháp sinh tử này có công năng cướp đi tuệ mạng.

- Phiền não ma: một trăm lẻ tám phiền não làm não loạn tâm thần chúng sinh, cướp đi tuệ mạng, khiến không thể thành tựu bồ-đề.

- Tử ma: sự chết làm phân tán thân tứ đại của chúng sinh, làm cho người tu hành không thể kéo dài tuệ mạng.

- Thiên tử ma: ma vương ở tầng trời thứ sáu, cõi Dục, thường hại việc thiện của người, ganh ghét pháp hiền thánh, nhiễu loạn, làm cho người tu hành không thành tựu được thiện căn xuất thế.

315 **Các tĩnh lự:** các thiền định như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền.

316 **Các thừa:** các phương tiện đưa người từ nơi này đến nơi kia**:** Phật thừa, Bồ-tát thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Thiên thừa, Nhân thừa.

317 **Đô-sử:** cõi trời Đâu-suất.

TRỌN BỘ MƯỜI QUYỂN

NGHI THỨC TỤNG NIỆM-PHỤ LỤC-CHÚ THÍCH

Biên dịch và chú thích xong tại tĩnh liêu chùa Phú Quang ngày 12 tháng Giêng năm Kỉ Sửu, nhằm ngày 6 tháng 2 năm 2009.

Tì-kheo Thích Nguyên Chơn

Phương danh Phật tử ấn tống

- Phùng Thái Sơn pháp danh Đạo Thái

- Phạm Thị Cẩm Ly pháp danh Diệu Ngọc

- Phùng Bảo Diệp pháp danh Diệu Kim